BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2022/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục I kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 689 hoạt chất với 1760 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 651 hoạt chất với 1492 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 256 hoạt chất với 765 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ chuột: 8 hoạt chất với 37 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 58 hoạt chất với 172 tên thương phẩm.
- Chất dẫn dụ côn trùng: 8 hoạt chất với 8 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ ốc: 31 hoạt chất với 152 tên thương phẩm.
- Chất hỗ trợ (chất trải): 5 hoạt chất với 6 tên thương phẩm.

b) Thuốc trừ mối: 14 hoạt chất với 21 tên thương phẩm.

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 7 hoạt chất với 8 tên thương phẩm.

d) Thuốc khử trùng kho: 3 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.

đ) Thuốc sử dụng cho sân golf:

- Thuốc trừ bệnh: 2 hoạt chất với 2 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.

- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.

e) Thuốc xử lý hạt giống:

- Thuốc trừ sâu: 10 hoạt chất với 16 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ bệnh: 13 hoạt chất với 14 tên thương phẩm.

g) Thuốc bảo quản nông sản sau thu hoạch

- 01 hoạt chất với 01 tên thương phẩm.

2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 23 hoạt chất.

b) Thuốc trừ bệnh: 6 hoạt chất.

c) Thuốc trừ chuột: 1 hoạt chất.

d) Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất.

3. Bảng mã số HS thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam thực hiện theo Mục 22 và Mục 23 của Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 11/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Bảo vệ thực vật) để xem xét và kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Công báo Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Ủy ban nhân dân, Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Hải Quan;
- Bộ NN&PTNT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, BVTV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Abamectin	Ababetter 5EC	nhện đỏ/ quýt; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Abacare 5EW	nhện đỏ/ chè, cam	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
		Abafax 1.8EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Abagold 65EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/chè	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Abagro 4.0EC	sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam; sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ trĩ/ chè; sâu tơ/ cải bắp	Asiagro Pacific Ltd
		Abakill 3.6 EC, 10WP	**3.6EC:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa/ cam **10WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH TM DV Nông Hưng
		Abamec-MQ 50EC	sâu khoang/lạc, nhện đỏ/chè	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Abamine 3.6EC, 5WG	**3.6EC:** sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ cam, sâu xanh/ đậu tương, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu đục ngọn/ điều; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ xít muỗi/điều **5WG:** sâu tơ/ bắp cải; nhện gié/ lúa	Công ty CP Thanh Điền

		Aba-navi 4.0EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Abapro 5.8EC	rầy xanh/ chè, sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam	Sundat (S) Pte Ltd
		Abasuper 1.8EC	sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Aba thai 5.4EC	sâu vẽ bùa/ cam, nhện/ xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Abatimec 3.6EC	bọ trĩ/ dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Đồng Xanh
		Abatin 5.4 EC	sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh ăn lá/ dưa chuột; dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Map Pacific PTE Ltd
		Abatox 3.6EC	bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội
		Abavua 36EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Abavec super 5.5EC	rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Abekal 3.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Abinsec 1.8EC	sâu cuốn lá/ lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Abvertin 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Aceny 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Acimetin 5EC, 100WG	**5EC:** rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ chè **100WG**: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Agbamex 5EC	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Global Farm
		Agromectin 1.8 EC, 5.0WG	**1.8EC:** nhện gié/ lúa, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, sâu tơ/ súp lơ, bọ nhảy/ cải thảo, sâu xanh/ cải	Công ty TNHH Nam Bắc

	xanh, bọ trĩ/ nho, nhện đỏ/ cam, sâu xanh da láng/ hành **5.0WG:** sâu cuốn lá/ lúa	
Agrovertin 50EC	Sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/cà chua	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
Akka 3.6EC, 22.2WP	**3.6EC:** sâu xanh/ cà chua; nhện gié, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu tơ/ cải bắp; bọ trĩ/ dưa hấu **22.2WP**: sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu	Eastchem Co., Ltd.
Alfatin 18 EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Alibaba 6.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Nông
Amazin's 3.6EC	sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
Amectinaic 36EC	rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải, nhện lông nhung/ nhãn	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
AMETINannong 5.55EC, 10WP	rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
Anb40 Super 1.8EC, 22.2WP	**1.8EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu **22.2WP:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Andomec 5EC, 5WP	**5EC:** sâu đục bẹ/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, rầy bông/ xoài; nhện lông nhung/ nhãn **5WP:** sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/ rau cải, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
Ankamec 3.6EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Aremec 45EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; dòi đục lá/ đậu tương; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ,	Công ty CP QT Hòa Bình

		rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	
	Azimex 40EC	sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bắp cải; ruồi/ lá cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ, bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ điều, chè; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê; sâu khoang, sâu xanh/ lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
	B40 Super 3.6 EC	sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh/ đậu xanh; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
	Bamectin 5.55EC, 22.2WG	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu vẽ bùa/cam; sâu ăn lá/ chôm chôm, sầu riêng	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
	Binhtox 3.8EC	nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy/ bông xoài; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
	Brightin 4.0EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
	BN-Tegosuper 5SC	Tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty CP Bảo Nông Việt
	Bnongduyen 4.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP SAM
	Boama 2.0EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
	BP Dy Gan 5.4EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Côngty TNHH TM Bình Phương
	Carbamec 75EC, 100WP	Bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
	Car pro 3.6EC	Sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cải xanh; dòi đuc lá/cà chua	Công ty CP Bốn Đúng

		Catcher 2 EC	nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; dòi đục lá/ rau bó xôi	Sinon Corporation, Taiwan
		Catex 3.6EC, 100WG	**3.6EC:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu vẽ bùa, bọ trĩ, nhện đỏ/ cam, quýt; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục quả/ xoài **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Chitin 3.6EC	nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Đầu trâu Merci 1.8EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Daphamec 5.0EC	rầy bông/xoài; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Dibamec 3.6EC, 5WG	sâu đục cành/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang, sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; rầy bông / xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám/ bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cải xanh; dòi đục lá, sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ xít, bọ trĩ, nhện gié, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp, rệp muội, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		DT Aba 60.5EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Fanty 3.6 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Haihamec 3.6 EC	bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu, điều; nhện đỏ/ cam; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH SX TM Hải Hằng
		Hifi 3.6EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Honest 54EC	sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/ nhãn	Công ty CP Hóc Môn
		Invert 1.8EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam

		Javitin 36EC, 100WP	**36EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè **100WP:** sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ vải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jianontin 3.6EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Longphaba 3.6 EC, 88SC	**3.6EC:** sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa **88SC**: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Limectin 4.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		Mahal 3.6EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Megamectin 20EC, 126WG	**20EC:** Sâu đục quả/ vải, tuyến trùng/ hồ tiêu **126WG:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Melia 3.6EC, 5WP	sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Miktin 3.6 EC	bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; bọ xít, sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu xanh/ cà chua; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; sâu tơ, rệp, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rầy bông/ xoài	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Nafat 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ sắn	Công ty TNHH Kiên Nam
		Nas 60EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
		Newsodant 5.5EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; nhện đỏ, bọ trĩ/ cam	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		Nimbus 6.0EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ vải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
		Nockout 3.6GR, 3.6EC	**3.6GR:** Tuyến trùng/ cà phê **3.6EC**: Sâu khoang/ cải bắp	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

Novimec 3.6EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nông Việt
Nouvo 3.6EC	bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/điều; nhện đỏ/ quýt	Công ty CP Nông dược HAI
NP Pheta 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; nhện đỏ, vẽ bùa/ cam	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Obamausa 55EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
Oxatin 6.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Sơn Thành
Parma 3.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Phesoltin 5.5EC	sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
Phi ưng 4.0 EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
Phumai 3.6EC	sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ vải	Công ty CP ĐTKTNN và PTNT Trung ương
Plutel 5EC	rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu tơ, sâu khoang, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; bọ xít/ vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy/ xoài; rệp muội/ nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; sâu xanh/ cà chua	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
Queson 5.0EC	sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
Reasgant 3.6EC, 5WG	**3.6EC:** sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đo, rệp muội/ vải, nhãn, na, hồng; rệp muội, nhện, sâu ăn lá/ điều; nhện đỏ,	Công ty TNHH Việt Thắng

		sâu xanh/ hoa hồng; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho; rầy/ xoài; sâu khoang lạc; nhện đỏ/ sắn dây; sâu ăn lá, rầy, rệp muội/ hồ tiêu; sâu róm/ thông; sâu tơ/ súp lơ, nhện/ cà pháo; bọ nhảy/ cải thảo, rau cải; nhện/ cà tím; sâu khoang/ mồng tơi; sâu tơ/ su hào; sâu xanh da láng/ hành; bọ nhảy/su hào; sâu tơ/ cải thảo, rau cải **5WG:** sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ cánh tơ/ chè; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/thông; bọ trĩ/ dưa chuột	
		Redsuper 4.5ME, 20WG, 39EC	**4.5ME:** Bọ trĩ/lúa **20WG:** Sâu cuốn lá/lúa **39EC:** Sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Vagritex
		Sauaba 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ nhảy/bắp cải, bọ xít muỗi/chè, sâu vẽ bùa/ cam, nhện/ quýt	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Sau tiu 3.6EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ / lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; dưa hấu/ bọ trĩ	Công ty CP TST Cần Thơ
		Shertin 5.0EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám bọ nhảy, sâu khoang / bắp cải; bọ trĩ/ nho, dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rệp muội/ cam, vải; nhện lông nhung/ vải	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Sieusher 3.6 EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Silsau 6.5EC, 10WP	**6.5EC:** nhện gié, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/lạc **10WP:** nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc,đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/ dưa hấu,dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/ cà chua,ớt, cam	Công ty TNHH ADC
		Sittomectin 5.0EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Tập Kỳ 1.8EC	sâu tơ/ bắp cải	Viện Di truyền Nông nghiệp
		Tigibamec 6.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Lan Anh

		Tiger five 5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH P-H
		Tikabamec 3.6EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xòai	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Tictak 50EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Quốc tế Balakie
		Tineromec 3.6EC, 70WG	**3.6EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ điều **70WG:** sâu tơ/ cải bắp	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Tungatin 3.6 EC	sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh, dòi đục lá cà chua; nhện đỏ/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng đậu xanh; sâu đục quả đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông xoài; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tervigo® 020SC	tuyến trùng/khoai tây, hồ tiêu, thanh long, cà phê, cam; tuyến trùng rễ/ sầu riêng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Vibamec 5.55EC	bọ trĩ/ dưa hấu, nho; nhện đỏ, bọ trĩ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié, sâu năn/ lúa; nhện đỏ/cam; sâu xanh/ cải xanh	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Voi thai 3.6EC, 25WP	**3.6EC**: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa **25WP:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Voiduc 42EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Waba 3.6EC, 18WP	**3.6EC:** sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu **18WP:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH US.Chemical

2	Abamectin 10g/l + Acetamiprid 30g/l	Acelant 40EC	rệp, bọ trĩ/ bông vải; rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
3	Abamectin 20g/l + Acetamiprid 230g/l	Newtoc 250EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Safari 250EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
4	Abamectin 36g/l + Alpha-cypermethrin 54g/l	Shepatin 90EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa**,** sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
5	Abamectin 18 g/l + Alpha-cypermethrin 32g/l	Siutox 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
6	Abamectin 36g/l + Alpha-cypermethrin 100g/l	B thai 136EC	nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ hà/ khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
7	Abamectin 0.5% + Azadirachtin 0.3%	Azaba 0.8EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu trạch, vải; nhện đỏ, sâu ăn lá, sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
8	Abamectin 54g/l + Azadirachtin 1g/l	Agassi 55EC	bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh da láng/ lạc; sâu tơ/ bắp cải; nhện lông nhung, sâu đục gân lá/ vải; sâu đục quả/ xoài; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
9	Abamectin 10g/l + Azadirachtin 26g/l	Fimex 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/xoài; sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao thuốc BVTV USA
		Azetin 36EC	nhện đỏ/cam; sâu vẽ bùa/bưởi	Công ty TNHH ADC
10	Abamectin 35.8g/l (59.9g/l), (69g/kg) + Azadirachtin 0.2g/l (0.1g/l), (1g/kg)	Goldmectin 36EC, 60SC, 70SG	**36EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; rệp/ ngô; sâu khoang/ thuốc lá; sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ hồ tiêu **60SC, 70SG:** sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
11	Abamectin 36g/l + Azadirachtin 1g/l	Mectinsuper 37EC	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
12	Abamectin 37 g/l + Azadirachtin 3 g/l	Vinup 40 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng /súp lơ; sâu xanh/cà chua; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu đục cuống/ vải; bọ trĩ, rệp đào/ chanh	Công ty TNHH US.Chemical

			leo; nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu khoang/ bắp cải đậu tương; sâu đục quả/ cà phê	
13	Abamectin 6 g/l + Azadirachtin 1g/l + Emamectin benzoate 5g/l	Elincol 12ME	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP ENASA Việt Nam
14	Abamectin 0.1% (3.5%) + *Bacillus thuringiensis* var.kurstaki 1.9% (0.1%)	Kuraba WP, 3.6EC	**WP:** sâu tơ, sâu xanh, sâu đo, dòi đục lá/ bắp cải; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu đo, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục thân/ ngô; sâu đục gân lá, sâu đục quả/ vải; nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, sâu ăn lá/ cam; sâu xanh/ bông vải; sâu róm thông **3.6EC:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; nhện lông nhung/ vải; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu khoang, sâu xanh, sâu đục quả/ đậu tương, lạc; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
15	Abamectin 9g/kg + *Bacillus thuringiensis* var.kurstaki 11g/kg	ABT 2 WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu đục cuống, sâu đục quả, sâu đục gân lá/ vải; nhện đỏ/ chè; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
16	Abamectin 1g/kg + *Bacillus thuringiensis* var.kurstaki 19g/kg	Akido 20WP	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ bưởi, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
17	Abamectin 2g/kg (53g/l) + *Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 18 g/kg (1g/l)	Atimecusa 20WP, 54EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
18	Abamectin 1.8g/kg + *Bacillus thuringiensis* 20g/kg (10^{10}bào tử/g)	Tridan 21.8WP	sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; ruồi đục quả/ xoài; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
19	Abamectin 30g/l + Beta-cypermethrin 15g/l	Smash 45EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
20	Abamectin 17.5g/l + Chlorfluazuron 0.5g/l	Confitin 18 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức

21	Abamectin 18 g/l + Chlorantraniliprole 45g/l	Voliam targo® 063SC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa, sâu keo mùa thu/ ngô, ruồi đục lá/khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
22	Abamectin 10g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Glan 130EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
23	Abamectin 18 g/l + Cypermethrin 132 g/l	Nongtac 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
24	Abamectin 0.7% + Cyromazine 30.3%	Cyrotat 31SC	Sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH A2T Việt Nam
25	Abamectin 1% + Cyromazine 34%	Cymazin 35SC	Sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH B.Helmer
26	Abamectin 60g/l + (dầu khoáng và dầu hoa tiêu) 3g/l	Song Mã 63EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
27	Abamectin 100g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Dinosingold 300WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
28	Abamectin 22g/l + Dinotefuran 100g/l + Emamectin benzoate 55g/l	Dofamec 177EC	Sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
29	Abamectin 8.45% + Emamectin benzoate 1.54%	Abavec gold 9.99EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
30	Abamectin 64g/l (7.2%), (25g/kg) + Emamectin benzoate 1g/l (4.0%), (50g/kg)	Acprodi 65EC, 11.2WP; 75WG	**65EC**: nhện đỏ/ vải **11.2WP**: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa **75WG**: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
31	Abamectin 36g/l (36g/kg), (18g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (20g/kg), (50g/kg)	B52duc 56EC, 56SG, 68WG	**56EC:** nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa **56SG:** Sâu cuốn lá, rây nâu/lúa **68WG:** Sâu cuốn lá/lúa; nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
32	Abamectin 18g/l (49g/kg), (1g/kg) + Emamectin benzoate 3g/l (1g/kg), (125g/kg)	Divasusa 21EC, 50WP, 126WG	**21EC:** bọ trĩ/ lúa **21EC, 50WP:** bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông **126WG:** sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
33	Abamectin 22g/l (50g/kg) + Emamectin benzoate 55g/l (100g/kg)	Dofama 77EC, 150WG	**77EC:** sâu cuốn lá/lúa **150WG:** nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

34	Abamectin 30 g/l (38g/kg) + Emamectin benzoate 25g/l (70g/kg)	Footsure 55EC, 108WG	**55EC:** sâu khoang/lạc **108WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
35	Abamectin 35g/kg (35g/l) + Emamectin benzoate 35g/kg (40g/l)	Emalusa 70SG, 75EC	**70SG:** sâu tơ/ bắp cải **75EC**: bọ cánh tơ/chè	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
36	Abamectin 3% + Emamectin benzoate 2%	Daiwantin 5EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Futai
		Jia-mixper 5EC	sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Uni-dualpack 5EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH World Vision (VN)
37	Abamectin 18g/l (78g/kg) Emamectin benzoate 2g/l (38g/kg)	Unimectin 20EC, 116WG	**20EC:** bọ trĩ/ lúa, tuyến trùng/ hồ tiêu **116WG:** sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
38	Abamectin 47g/l + Emamectin benzoate 20g/l	Voi tuyệt vời 67EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
39	Abamectin 35g/l + Emamectin benzoate 1g/l	Sieufatoc 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
40	Abamectin 42g/l + Emamectin benzoate 0.2g/l	Sitto Password 42.2EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ dưa hấu; rầy xanh/ chè; sâu khoang/ đậu tương; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
41	Abamectin 10g/kg + Emamectin benzoate 70g/kg	Newmexone 80WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vagritex
42	Abamectin 2% + Emamectin benzoate 1%	Hải cẩu 3.0EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
43	Abamectin 43g/l + Emamectin benzoate 5g/l	S-H Thôn Trang 4.8EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
44	Abamectin 18g/l + Emamectin benzoate 2g/l	TC-Năm Sao 20EC	bọ cánh tơ/ chè, bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít/ vải, rệp muội/ nhãn, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
45	Abamectin 20g/l + Emamectin benzoate 5g/l + Imidacloprid 120g/l	Vdcpenalduc 145EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức

46	Abamectin 3% (30g/l) + Etoxazole 12% (120g/l)	AF-Exatin 15SC	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
		Ω-Etosuper 150EC	Nhện đỏ/ chè, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
47	Abamectin 4% + Etoxazole 16%	Bonich 20SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Etoggo 20SC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
48	Abamectin 5% + Etoxazole 35%	Tpower 40SC	Nhện đỏ/ phật thủ	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
49	Abamectin 50 g/l + Etoxazole 110 g/l	Laura 160SC	Nhện đỏ/ đậu tương	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
50	Abamectin 50 g/l + Etoxazole 200 g/l	Atoxa 250SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
51	Abamectin 0.5% (0.48%) + Fosthiazate 10% (9.25%)	Abathi 10.5GR, 10ME	**10.5GR:** Tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu **10ME**: Tuyến trùng/hồ tiêu	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
52	Abamectin 5 g/kg + Fosthiazate 100 g/kg	Foszatin 10.5GR	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
53	Abamectin 0.45% + Fosthiazate 4.55%	ADU-Nonema 50GR	tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH ADU Việt Nam
54	Abamectin 1% + Fosthiazate 10%	Coxbus 11GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
55	Abamectin 0.45% + Imidacloprid 1.0%	Abamix 1.45WP	Bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Nicotex
56	Abamectin 10g/l (1.8%) + Imidacloprid 98g/l (25%)	Talor 10.8EC, 26.8WP	**10.8EC:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa **26.8WP:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
57	Abamectin 10g/l + Imidacloprid 90g/l	Aba-plus 100EC	bọ trĩ, bọ xít hôi, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ đậu tương	Công ty CP SX TM Bio Vina
58	Abamectin 15g/l + Imidacloprid 90g/l	Emicide 105EC	sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
59	Abamectin 30g/l + Imidacloprid 90g/l	Nosauray 120EC	sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
60	Abamectin 37g/l (108g/kg) + Imidacloprid 3g/l (27g/kg)	Vetsemex 40EC, 135WG	**40EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Nông dược Việt Nam

			135WG: sâu khoang/lạc	
61	Abamectin 35g/l + Imidacloprid 5g/l + Pyridaben 150g/l	Nospider 190EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
62	Abamectin 18.5g/l + Imidacloprid 3.5g/l + Pyridaben 5.5g/l	Dugamite 27.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
63	Abamectin 15g/l + Indoxacarb 50g/l	Sixsess 65EC	Sâu cuốn lá, sâu năn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
64	Abamectin 36g/l + Indoxacarb 14g/l	Abacarb-HB 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
65	Abamectin 30g/l + Indoxacarb 60g/l	Superworm 90SC	Sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH TAT Hà Nội
66	Abamectin 9g/l (18g/kg) + Lambda-cyhalothrin 45g/l (72g/kg)	Karatimec 54EC, 90WG	**54EC**: Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa **90WG:** Sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
67	Abamectin 36g/l + Lambda-cyhalothrin 39g/l	Actamec 75EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
68	Abamectin 30g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l + Phoxim 19.9g/l	Bavella 99.9EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
69	Abamectin 30g/l (20g/l), (20g/kg), (10g/l), (1g/l) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/l), (1g/kg), (30g/l), (110g/l) + Thiamethoxam 5g/l (50g/l), (400g/kg), (1g/l), (155g/l)	Kakasuper 85EC, 120EW, 421WP, 41ME, 266SC	**41ME, 85EC, 120EW**: sâu cuốn lá/lúa **266SC, 421WP:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
70	Abamectin 1g/l + Matrine 5g/l	Ametrintox 6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, lạc, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu ăn hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông
71	Abamectin 20g/l + Matrine 5g/l	Aga 25EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp muội, bọ nhảy/ cải xanh, bắp cải; sâu cuốn lá, dòi đục lá/ đậu xanh, đậu tương; dòi đục lá, sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ cam; nhện đỏ, bọ xít muỗi, sâu đục quả/ vải, nhãn; rầy bông, sâu ăn bông/	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc

			xoài; rệp sáp, nhện đỏ, rầy xanh/ chè, cà phê; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; nhện đỏ, sâu xanh/ bông vải; bọ trĩ/ điều	
		Luckyler 25EC	sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
72	Abamectin 1.8% + Matrine 0.2%	Miktox 2.0 EC	bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ trĩ, rầy xanh, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rệp, sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
73	Abamectin 20g/l (2.0%) + Matrine 2g/l (0.2%)	Sudoku 22EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ nho; rầy chổng cánh/ cam; bọ trĩ/ điều; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu đục cuống quả, sâu đục gân lá/ vải, tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Tramictin 2.2EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
74	Abamectin 35g/l + Matrine 1g/l	Newlitoc 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
75	Abamectin 54g/l + Matrine 0.2g/l	Tinero 54.2EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

76	Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l	Amara 55 EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ cải xanh; sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ, rệp/ chè; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài; mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
77	Abamectin 50g/l + Matrine 25g/l	Abecyny 75EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
78	Abamectin 20g/l (2%) + Methoxyfenozide 80g/l (8%)	Fenaba 100SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Kentak 10SC	Sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH Được Mùa
79	Abamectin 4g/l (2g/kg) + Methylamine avermectin 35g/l (114g/kg)	Pompom 3.9EC, 11.6WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
80	Abamectin 35 g/l + Permethrin 100g/l	Fisau 135EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
81	Abamectin 2% + Permethrin 7%	Dotimec 9EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
82	Abamectin 40 g/l + Permethrin 150 g/l	SBC-Thon Trang 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
83	Abamectin 20g/l + Petroleum oil 250g/l	Đầu trâu Bihopper 270EC	nhện đỏ/ chè, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
84	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.3%	Koimire 24.5EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ xoài; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Petis 24.5 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM Tùng Dương
85	Abamectin 0.5% (5g/l) + Petroleum oil 24.5% (245g/l)	Soka 25 EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ/ nhãn; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột, dưa hấu; sâu cuốn lá, bọ xít dài, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ bông vải; rầy chổng cánh, ruồi đục quả/ cam; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh

		Tikrice 25EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy canh/ chè	Công ty CP XNK Thọ Khang
86	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.8%	Feat 25EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột, bí xanh, dưa hấu; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ/ cam; nhện lông nhung, nhện đỏ/ nhãn	Công ty TNHH Nam Bắc
87	Abamectin 1% + Petroleum oil 24%	Batas 25EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy bông/ xoài; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
88	Abamectin 0.3% + Petroleum oil 88%	Visober 88.3EC	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rệp sáp/ cà phê; nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
89	Abamectin 55g/l + Petroleum oil 5g/l	Sword 60EC	nhện đỏ/ vải, nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
90	Abamectin 5g/l + Petroleum oil 395g/l	Aramectin 400EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
91	Abamectin 18g/l + Petroleum oil 342g/l	Blutoc 360EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
92	Abamectin 9g/l + Petroleum oil 241g/l	Sieulitoc 250EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
93	Abamectin 116g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Abachezt 666WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
94	Abamectin 10g/l + Profenofos 50g/l + Pyridaben 150g/l	Fidasuper 210EC	nhện đỏ/đậu tương, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Newprojet 210EC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

95	Abamectin 6 g/l + Propargite 400 g/l	Mitetv 406ME	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
96	Abamectin 18 g/l + Pyridaben 150 g/l	Aben 168EC	nhện gié, rầy nâu/ lúa; rệp/ hồ tiêu; sâu hồng/ bông vải; rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
97	Abamectin 20g/l + Pyridaben 160g/l	Nomite-Sạch nhện 180EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
98	Abamectin 12g/l + Quinalphos 138g/l	Sieu fitoc 150EC	sâu cuốn lá; nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
99	Abamectin 12 g/l + Quinalphos 238 g/l	Acpratin 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
100	Abamectin 20g/l + Spinosad 25 g/l	Aterkil 45SC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ /cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
101	Abamectin 22g/l + Spinosad 25g/l	Rice NP 47SC	Sâu đục quả/vải	Công ty TNHH TM Nông Phát
102	Abamectin 1% + Spirodiclofen 19%	Nhện chúa 200SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Multiagro
103	Abamectin 2% + Spirodiclofen 18%	Ω-Spira 20SC	Nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
104	Abamectin 5% + Spirodiclofen 20%	Sunmite 25SC	Nhện đỏ/ phật thủ	Công ty TNHH Nam Bắc
105	Abamectin 20g/l + Spirotetramat 100g/l	Ω-Aromat 120SC	Nhện đỏ/ chè, cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
106	Abamectin 31g/l + Spirotetramat 124 g/l	Pilaravia 155SC	Rệp sáp/ hồ tiêu	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd
107	Abamectin 36g/l + Thiamethoxam 72g/l	Solvigo® 108SC	Tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
108	Abamectin 10 g/kg + Thiosultap-sodium (Monosultap) 950g/kg	Aba-top 960WP	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít hôi/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
109	Abamectin 3g/l + Triflumuron (min 97%) 47g/l	MDAbamuron 50SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
110	Abamectin B2	Tuyen trung B2 50EC	tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty CP NN HP
111	Acetamiprid (min 97%)	Advice 3EC	rệp sáp bột hồng/ sắn, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế Sara
		Actatoc	**200EC:** rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao

		200WP, 200EC	**200WP:** rầy nâu/ lúa; rệp bông xơ/ mía; rệp sáp/ cà phê	Thuốc BVTV USA
		Afeno 30WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Amender 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Amsipilan 20SP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Ascend 200 SP	rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Cayman 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Daiwance 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Futai
		Domosphi 10SP, 20EC	**10SP:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/ đậu tương; rầy xanh/bông vải **20EC:** rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Thanh Điền
		Google 30WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Hotray 200SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Melycit 20SP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ ca cao	Công ty CP Long Hiệp
		Mopride 20 WP	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Mosflannong 30EC, 200WP, 300SC, 600WG	**30EC, 300SC, 600WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa **200WP**: bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Mospilan 3EC, 20SP	**3EC:** rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/bông vải, rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ vừng **20SP:** Rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Motilan 20SP	bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
		Motsuper 36WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Nired 3EC	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
		Otoxes 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Raysuper 30EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Quỳnh Giao
		Sadamir 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Sếu đỏ 3EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Tace 20SP	rệp muội/ đậu tương	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Tosi 30WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Uni-aceta 20SP	rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH World Vision (VN)
112	Acetamiprid 30g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l	Mospha 80 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
113	Acetamiprid 10% (100g/kg) + Buprofezin 15% (150g/kg)	Sieuray 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hoá nông Mỹ Việt Đức
		Uni-acetafezin 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
114	Acetamiprid 20% + Buprofezin 20%	Penalty 40WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
115	Acetamiprid 20% + Buprofezin 25%	Binova 45WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
116	Acetamiprid 24% + Buprofezin 30%	Khongray 54WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
117	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 350g/kg	Ba Đăng 500WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
118	Acetamiprid 250 g/kg + Buprofezin 250g/kg	Acetapro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kital
		Everest 500WP	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nam Bộ
119	Acetamiprid 170g/kg + Buprofezin 380g/kg	Asimo super 550WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
120	Acetamiprid 400g/kg + Buprofezin 250g/kg	Atylo 650WP	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
121	Acetamiprid 10g/l (300g/kg) + Buprofezin 20g/l (200g/kg) + Fenobucarb 200g/l (100g/kg)	Chavez 230EC, 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
122	Acetamiprid 100 g/kg + Buprofezin 300g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Rakotajapane 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

123	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 255g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Calira 555WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
124	Acetamiprid 100 g/kg (50g/l) + Buprofezin 150g/kg (20g/l) + Isoprocarb 50g/kg (300g/l)	Chesone 300WP, 370EC	**300WP:** rầy nâu/ lúa **370EC**: rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
125	Acetamiprid 450g/kg + Buprofezin 300g/kg + Thiamethoxam 50.8g/kg	Osioi 800.8WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
126	Acetamiprid 3% + Cartap hydrochloride 92%	Hugo 95SP	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Hóc Môn
127	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Acnal 400WP	Rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/cà phê; rệp muội/ bông vải	Công ty TNHH TM Thái Nông
128	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Mitoc-HB 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
129	Acetamiprid 300g/kg + Emamectin benzoate 50g/kg	Jojotino 350WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP NN HP
130	Acetamiprid 50 g/l + Fenobucarb 350 g/l	Supertac gold 400EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
131	Acetamiprid 3% (30g/l), (30g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 2% (20g/l), (20g/kg), (20g/kg)	Sutin 5EC, 50SC, 50WP, 50WG	**5EC:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa **50SC, 50WP, 50WG:** Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
132	Acetamiprid 100 g/l + Imidacloprid 55 g/l	Nongiahy 155SL	Rệp sáp/ cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
133	Acetamiprid 70g/kg + Imidacloprid 130g/kg	Sachray 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
134	Acetamiprid 125g/kg + Imidacloprid 125g/kg	Mã lục 250WP	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
135	Acetamiprid 100 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Vip super 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
136	Acetamiprid 25% + Imidacloprid 8%	Caymangold 33WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
137	Acetamiprid 25% + Imidacloprid 10%	Rid up 35WG	Rệp sáp/cà phê	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd

138	Acetamiprid 150 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Setusa 350WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
139	Acetamiprid 200g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Azorin 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
140	Acetamiprid 77g/kg + Metolcarb (min 98%) 200g/kg	Diệt rầy 277WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
141	Acetamiprid 80 g/l + Novaluron 100 g/l	Cormoran 180EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
142	Acetamiprid 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Apazin-HB 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
143	Acetamiprid 250g/kg (400g/kg) + Pymetrozine 250g/kg (300g/kg)	Secso 500WP, 700WG	**500WP:** Sâu khoang/ lạc, bọ xít muỗi/ điều, rầy nâu/ lúa **700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
144	Acetamiprid 25% + Pymetrozine 50%	Centrum 75WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
145	Acetamiprid 580g/kg + Pymetrozine 20g/kg	Pycasu 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
146	Acetamiprid 10% + Pyridaben 10%	Beetliss 20ME	Nhện đỏ/lạc	Brightmart CropScience Co., Ltd
147	Acetamiprid 30g/l + Pyridaben 170g/l	Sedox 200EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
148	Acetamiprid 186g/l + Pyriproxyfen 124g/l	Trivor 310DC	rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
149	Acetamiprid 10 g/kg + Thiamethoxam 240g/kg	Goldra 250WG	rầy nâu/ lúa, rệp bông xơ/ mía	Công ty CP Nông dược Việt Nam
150	Acetamiprid 100 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	B-41 350WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
151	Acetamiprid 50g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 550g/kg	Alfatac 600WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
152	Acetamiprid 50 g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 700g/kg	Goldan 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
153	Afidopyropen (min 92.5%)	Mallot 50DC	rệp sáp/ cà phê, bọ phấn trắng/ sắn, bọ trĩ/dưa chuột	BASF Vietnam Co., Ltd.

154	Alpha-cypermethrin (min 90%)	Ace 5EC	sâu phao/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Alfacua 10EC	sâu đục bẹ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Đồng Xanh
		Alfathrin 50EC	sâu cuốn lá nhỏ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Alpha 10EC, 10SC	**10EC**: sâu khoang/ lạc **10SC:** kiến/ cà phê, sâu khoang/ lạc, bọ trĩ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Map Pacific PTE Ltd
		Alphacide 100EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH TM Đức Nông
		Altach 5EC	sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít/ lạc; rệp muội/đậu xanh, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Anphatox 5EC, 25EW, 100SC	**5EC**: sâu khoang/ lạc, bọ xít/ lúa **25EW:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp muội/ đậu tương; sâu đục quả/ cà phê **100SC:** bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Antaphos 50EC	sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Bestox®5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp/ đậu tương	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Bpalatox 100EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Caterice 5EC	bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Cyper-Alpha 5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Dantox 5 EC	bọ trĩ/ lúa, sâu xanh/ bông vải, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fastac 5 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy, sâu cuốn lá/ lúa; rệp/ cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Fascist 5EC	sâu cuốn lá, bọ xít/lúa; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Long Hiệp
		Fastocid 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/khoai lang; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Fastphos 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fentac 2.0 EC	sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
		FM-Tox 25EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fortac 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Forward International Ltd

		Fortox 50 EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
		Motox 5EC	bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít, bọ trĩ, sâu keo lúa; sâu đục quả/ đậu xanh	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Newalpha 10EC	rệp sáp/sắn	Công ty TNHH A2T Việt Nam
		Pertox 5EC, 100EW, 250WP	**5EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa **100EW, 250WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Pytax-s 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Sapen-Alpha 5 EC	sâu hồng/ bông vải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, bọ xít/ lúa cạn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Supertox 100EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Thanatox 5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ND Việt Nam
		Tiper-Alpha 5 EC	bọ xít, sâu năn/ lúa; rệp muội/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Unitox 5 EC	bọ xít/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vifast 5EC, 10 SC	**5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/điều **10SC:** bọ xít/ lúa; mối/ cao su, cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
155	Alpha-cypermethrin 120g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 30g/l	Cupvang 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
156	Alpha-cypermethrin 100g/l + Chlorfenapyr 90g/l + Indoxacarb 110g/l	Extrausa 300SE	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
157	Alpha-cypermethrin 25 g/l + Dimethoate 400 g/l	Ablane 425EC	Rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
158	Alpha-cypermethrin 20g/l + Dimethoate 280g/l	Cyfitox 300EC	rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; rệp/ mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
159	Alpha-cypermethrin 150g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Dinosinjapane 350WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
160	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 36g/l	Emarin 86EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
161	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Redtoc 100EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam

162	Alpha-cypermethrin 5g/kg (10g/kg), (30g/l), (60g/l) + Fenobucarb 50g/kg (10g/kg), (450g/l), (10g/l) + Isoprocarb 30g/kg, (350g/kg), (50g/l), (10g/l)	Sieugon 85GR, 370WP, 530EC, 80EW	**85GR:** rầy lưng trắng/lúa **80EW, 370WP:** rầy lưng trắng, sâu cuốn lá/lúa **530EC:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
163	Alpha-cypermethrin 30g/l + Imidacloprid 20g/l	Alphador 50EC	bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/điều; rệp vảy/ cà phê; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty CP Thanh Điền
164	Alpha-cypermethrin 50g/l + Imidacloprid 100g/l + Thiamethoxam 200g/l	Zap 350SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
165	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/l) + Permethrin 5g/l (50g/l) + Profenofos 30g/l (20g/l)	Ktedo 85EC, 120EW	**85EC:** bọ trĩ/ lúa **120EW:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
166	Alpha-cypermethrin 50g/l (100 g/l) + Phoxim 45g/l (30 g/l)	Kasakiusa 95EC, 130EW	**95EC:** Bọ trĩ/lúa **130EW:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
167	Alpha-cypermethrin 10g/l + Profenofos 200g/l	Profast 210EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa, sâu xanh/ đậu tương, rệp sáp, rệp vảy, sâu đục quả/ cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
168	Alpha-cypermethrin 30g/l + Profenofos 270g/l	Actatac 300EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
169	Alpha-cypermethrin 150g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Pymestar 550WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Chất và Thương Mại Trần Vũ
170	Alpha-cypermethrin 30g/l + Quinalphos 270g/l	Moclodan 300EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
171	Alpha-cypermethrin 35g/l + Quinalphos 215g/l	Focotoc 250EC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
172	Amino acid	Amino 15SL	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đông Nam Đức Thành
173	Amitraz (min 97%)	Binhtac 20EC	Nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bunchuk 200EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP MT QT Rainbow
		Mitac 20EC	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
174	Amitraz 350g/kg + Hexythiazox 100g/kg	Map nano 450WP	nhện gié/lúa	Map Pacific PTe Ltd

175	Annonin (min 95%)	TT-Anonin 1EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua, sâu tơ/ bắp cải; rầy bông/ xoài; sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH TM Tân Thành
176	Azadirachtin	Agiaza 4.5EC	sâu xanh/ cải xanh; sâu đục quả, nhện đỏ/ ớt; sâu tơ/ bắp cải; rệp sáp/ thuốc lá; nhện đỏ/ hoa hồng; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp/ cà pháo; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rệp sáp/ na; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Altivi 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh/ rau cải xanh; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Aza 0.15EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Phan Lê
		A-Z annong 0.15EC	rầy nâu, cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cải bông; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp muội/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Bio Azadi 0.3SL	bọ trĩ/ nho	Công ty TNHH CNSH Điền Trang Xanh
		Boaza 0.3EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Nông Duyên
		Cittioke 0.6EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Eastchem Co., Ltd.
		Goldgun 0.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Hoaneem 0.3EC	sâu cuốn lá/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ bưởi	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Jasper 0.3 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ cải xanh, nhện đỏ/ cây có múi, rầy bông/ nho, rệp/ thuốc lá, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kozomi 0.15EC	bọ nhảy/ bắp cải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Minup 0.3EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp đào/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua; sâu đục quả/ xoài, cà chua, đậu tương; rệp đào, bọ trĩ/chanh leo; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/chè; bọ nhảy/ bắp cải; sâu đục cuống quả/ vải	Công ty TNHH US.Chemical

		Misec 1.0EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ, bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
		Mothian 0.35EC	sâu tơ/ bắp cải, rau cải, súp lơ, su hào; sâu khoang/ rau dền, mồng tơi, rau muống; sâu đục quả/ cà tím, ớt, đậu côve; bọ nhảy/ cải thảo; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
		Neem Nim Xoan Xanh green 0.3 EC	ruồi đục lá/ cải bó xôi, rệp sáp/ cà phê, bọ cánh tơ/ chè, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ cải bông, tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
		Sarkozy 0.3EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Sokotin 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Super Fitoc 10EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Trutat 0.32EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vineem 1500EC	rệp/ cải thảo; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
177	Azadirachtin 1.5g/kg + Chlorfluazuron 200g/kg + Emamectin benzoate 5.5g/kg	Mig 18 207WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
178	Azadirachtin 9g/l + Emamectin benzoate 9g/l	Ramec 18EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
179	Azadirachtin 0.2g/l, (0.1g/l), (0.1g/kg) + Emamectin	Emacinmec 40.2EC, 75SC, 103SG	**40.2EC:** sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ/ bắp cải; rầy xanh/ chè; rệp bông/ xoài; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

	benzoate 40g/l (74.9g/l), (102.9g/kg)		**75SC:** sâu tơ/bắp cải **103SG:** rầy nâu/lúa	
180	Azadirachtin 3 g/l (3g/kg) + Emamectin benzoate 22 g/l (52g/kg)	Promathion 25EC, 55WG	**25EC:** nhện đỏ/cam **25EC, 55WG:** sâu xanh/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
181	Azadirachtin 1g/kg + Emamectin benzoate 115g/kg	Dragonfly 116WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
182	Azadirachtin 0.124% + Extract of Neem oil 66%	Agrimorstop 66.124EC	sâu khoang/ lạc	Kital Ltd.
183	Azadirachtin 3 g/l + Matrine 2 g/l	Lambada 5EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
184	Azadirachtin 5g/l + Matrine 4g/l	Golmec 9EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
185	Azadirachtin 0.6% + Matrine 0.4%	Biomax 1 EC	sâu xanh bướm trắng, rệp muội, sâu tơ/ bắp cải, cải xanh; sâu xanh da láng/ đậu tương, cà chua; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, rệp muội/ chè; bọ nhảy/ cải làn; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rệp muội/ cam; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/ quýt	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
186	Azadirachtin 3g/l + Spinosad 17g/l	Dompass 20SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
187	Azocyclotin (min 98%)	Clotin@top 250WP	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Qualityjapane 300EC	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
188	Azocyclotin 150g/l (450g/kg) + Buprofezin 60g/l (250g/kg) + Diflubenzuron 150g/l (50g/kg)	Usagtox 360SC, 750WP	**360SC:** Nhện gié/lúa **750WP:** Nhện đỏ/ cà phê; sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ phấn trắng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
189	Azocyclotin 400 g/kg + Cyflumetofen 300g/kg	Bung 700WP	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH An Nông

190	Azocyclotin 100g/l (600g/kg) + Flonicamid 260g/l (100g/kg)	Autopro 360SC, 700WP	**360SC**: rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa **700WP:** nhện gié, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
191	Azocyclotin 150g/l (300g/kg) + Spiromesifen (200g/l) 400g/kg	Trextot 350SC, 700WP	**350SC:** nhện gié/lúa **700WP:** nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
192	*Bacillus thuringiensis*	Multigreen SC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Multiagro
193	*Bacillus thuringiensis*. var. 7216	Amatic (10^{10} bào tử/ml) SC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Pethian (4000 IU) SC	sâu tơ/ su hào; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
194	*Bacillus thuringiensis* var. T36	TP-Thần tốc 16.000 IU	sâu đục thân/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
195	*Bacillus thuringiensis* var. aizawai	Aizabin WP	sâu tơ, sâu xanh, sâu đo/ bắp cải; sâu khoang, sâu cuốn lá/ lạc; sâu khoang, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, sâu khoang, sâu đo/ cà chua; sâu cuốn lá/ cam; sâu xanh, sâu khoang/ thuốc lá; sâu xanh, sâu đo/ bông vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Aztron WG 35000 DMB U	sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu tơ, sâu khoang/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu đục quả/ hồng xiêm, xoài	Công ty TNHH Ngân Anh
		Enasin 32WP	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu tơ/rau cải, cải thảo; sâu khoang/rau dền, mồng tơi	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Map-Biti WP 50000 IU/mg	sâu xanh, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ rau cải, dưa hấu; sâu xanh/ cà chua, đậu tương, thuốc lá	Map Pacific PTE Ltd
		Xentari 35WG	sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ nho	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
196	*Bacillus thuringiensis* var.kurstaki	An huy (8000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Biocin 16WP, 8000SC	**16WP:** sâu tơ/ rau cải, sâu xanh da láng/ lạc **8000SC:** sâu tơ rau cải, bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Baolus 50000 IU/mg WP	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Bicilus 18WP	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Comazol (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty CP Nicotex
		Crymax® 35 WP	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Cali Agritech USA.
		Delfin WG (32 BIU)	sâu tơ/ rau cải; sâu đo/ đậu đũa; sâu xanh/ cà chua, hoa hồng, hành; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu khoang, sâu xanh/ bắp cải; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
		Dipel 6.4WG	sâu tơ/ bắp cải, bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Forwabit 32WP	sâu xanh/ bắp cải, sâu ăn lá/ bông vải	Forward International Ltd
		Halt 5% WP (32000 IU/mg)	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Công nghệ tiêu chuẩn sinh học Vĩnh Thịnh
		Jiabat 15WG, (50000 IU/mg) WP	**15WG:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải bắp **(50000 IU/mg)WP**: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kuang Hwa Bao WP 16000 IU/ mg	sâu tơ, sâu bướm trắng/ bắp cải	Bion Tech Inc.
		MVP 10FS	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Newdelpel (16000 IU/mg) WP, (64000 IU/mg) WG	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH An Nông
		Shian 32 WP (3200 IU/mg)	sâu tơ/ rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
		Thuricide HP, OF 36 BIU	**HP:** sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải, cà chua; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông **OF 36BIU:** sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vbtusa (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam; sâu róm/ thông; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vi - BT 32000WP	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		V.K 16 WP	sâu xanh/ bông vải, sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/ chè	Công ty CP BVTV I TW

197	*Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 16.000 IU + Granulosis virus 10^8 PIB	Bitadin WP	sâu ăn lá, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng, sâu khoang, sâu đục thân, sâu đục quả/ bông vải, thuốc lá; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/ thông; rệp bông xơ/ mía; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Nông Sinh
198	*Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 1.6% (12.800 IU/mg) + Spinosad 0.4%	Xi-men 2SC	bọ phấn, dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ, rệp muội, sâu xanh/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu tương; sâu xanh da láng/ hành; dòi đục lá, nhện đỏ/ dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucly
199	*Beauveria bassiana* Vuill	Ace bee 210 OD	rầy xanh/ chè, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Biovip 1.5 x 10^9 bào tử/g	rầy, bọ xít/ lúa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
		Muskardin 10WP	sâu đục thân/ lúa, ngô; sâu xanh da láng/ cà chua, rầy nâu/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
200	*Beauveria bassiana* 1x10^9 bào tử/g + *Metarhizium anizopliae* 0.5 x 10^9 bào tử/g	Trắng xanh WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đông Nam Đức Thành
		TKS-Nakisi WP	rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Thủy Kim Sinh
201	Bensultap (min 98%)	Pretiny 99.9WP	bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
202	Beta-cypermethrin (min 98%)	Chix 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Daphatox 35 EC	sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Nicyper 4.5 EC	sâu xanh/ đậu xanh, rệp vẩy/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
203	Beta-cypermethrin 50g/l, (60g/kg), (200g/l) + Buprofezin 50g/l, (60g/kg), (10g/l)	Okamex 100EC, 120WP, 210SC	**100EC:** sâu đục thân/ lúa **120WP:** sâu cuốn lá/ lúa **210SC:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
204	Beta-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l + Lufenuron 60g/l	Caranygold 120EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
205	Beta-cypermethrin 10g/l, (15g/l), (20g/kg) (20g/l) +	Akulagold	**260EW, 420WP:** rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

	Profenofos 200 g/l (100g/l), (300g/kg) (500g/l) + Thiamethoxam 50 g/l (160g/l), (100g/kg) (50g/l)	260EW, 275SC, 420WP, 570EC	**275SC:** rầy lưng trắng/lúa **570EC:** rầy nâu/lúa	
206	Benfuracarb (min 92%)	Fucarb 20EC	Tuyến trùng/ cà phê, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Oncol 5GR, 20EC, 25WP	**5GR**: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, tuyến trùng/ cà phê **20EC**: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp vảy, tuyến trùng/cà phê **25WP**: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
207	Bifenazate (min 95%)	Ace bifez 43SC	Nhện đỏ/ cam	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Banter 500WG	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Bifemite 43SC	Nhện đỏ/ cam, rệp sáp bột hồng/ sắn	Công ty TNHH Agrohao VN
		Buti 43SC	Nhện đỏ/hoa hồng, hoa cúc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Floramite 240SC	Nhện đỏ/ hoa hồng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Lion Messifen 240SC	Nhện đỏ/ cam, hoa hồng	Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Klever
		Topmite 43SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP KH Nông nghiệp Vinacoop
		Zircon 43SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Ω-Bifena 24SC	Nhện đỏ/chè, chanh	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
208	Bifenazate 200g/l + Clofentezine 100 g/l	Bifenzin 300SC	Nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
209	Bifenazate 22.5% + Etoxazole 2.5%	Enter 250SC	Nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Nhật Bản
210	Bifenazate 200g/l + Etoxazole 100g/l	Redmite 300SC	Nhện đỏ/ cam, chè, dưa hấu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
211	Bifenazate 300g/l + Etoxazole 200g/l	Willmer 500SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
212	Bifenazate 18% + Flufenoxuron 5%	Winning Shot 23WG	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ

213	Bifenazate 16% + Spirodiclofen 8% +	Spider 240SC	Nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
214	Bifenazate 20% + Spirodiclofen 20%	Anmite 40SC	Nhện đỏ/cam, cà chua, dâu tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
215	Bifenazate 24% (240g/l) + Spirodiclofen 12% (120 g/l)	Akita-panzer 36SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
		Bispiro 360SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
216	Bifenazate 300g/l + Spirodiclofen 150g/l	Rosser 450SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
217	Bifenthrin 4% + Spirotetramat 20%	Natramat 24SC	Rệp sáp/cà phê	Nanjing Agrochemical Co. Ltd.
218	Bifenthrin (min 97%)	BM-Star 25EC	Bọ xít muỗi/điều	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		BifenusaVB 10EW	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		Habirin 25EC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP TM Hải Ánh
		Talstar 25EC	Sâu xanh da láng/ đậu tương, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH FMC Việt Nam
219	Bifenthrin 3% + Chlorfenapyr 7%	Omega-Secbi 10SC	Rệp sáp/ cà phê, nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
220	Bifenthrin 100 g/kg + Diflubenzuron 450 g/kg	Hotnhat 550WP	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
221	Bifenthrin 17.1% + Imidacloprid 17.1%	Vote 34.2SC	Sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
222	Bifenthrin 50g/l + Imidacloprid 250g/l	Afenthin 300SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Galil 300SC	Nhện gié, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
223	Bifenthrin 50g/l + Novaluron 50g/l	Rimon Fast 100SC	Sâu xanh da láng/ lạc, mọt đục cành/cà phê, sâu đục thân/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
224	Buprofezin (min 98%)	Annongaplau 100WP, 250SC, 400WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Anproud 70WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Aperlaur 500EC, 250WP, 700WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Apolo 25WP, 25SC	**25SC**: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê **25WP**: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rầy/ xoài	Công ty TNHH – TM Thái Nông

		Applaud 25SC, 25WP	**25SC**: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cam **25WP:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
		Asmai 100WP, 500WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bolo 25SC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Bombi 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Bush 700WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Butal 25WP	rầy chổng cánh/ cam; rầy nâu/ lúa; rầy xanh/ chè; rệp sáp/ xoài, cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Butyl 10WP, 40WG, 400SC	**10WP**: rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè **40WG**: rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài, rầy nâu nhỏ, rầy lưng trắng/lúa **400SC**: rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Difluent 25WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ na	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Encofezin 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Hello 250WP, 700WG	**250WP:** rầy nâu/ lúa; rệp, rầy bông/ xoài; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rệp sáp/ cà phê; rầy chổng cánh/ cam **700WG:** Rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài, rệp sáp/cà phê, rệp sáp/cam, rệp muội/dưa hấu, bọ xít muỗi/điều, rầy xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Lobby 25WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Map-Judo 25 WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cam	Map Pacific PTE Ltd
		Oneplaw 10WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Pajero 30WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Partin 25WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Profezin 250WP, 400SC	**250WP:** Rầy nâu/lúa **400SC:** Bọ xít muỗi/chè, rầy bông/xoài, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Ranadi 10 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Sấm sét 25WP, 400SC	**25WP:** rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài **400SC:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

		Shadevil 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV SNY
		Thần công 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Tiffy Super 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tiksun 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Uni-prozin 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Viappla 25WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
225	Buprofezin 200g/kg + Clothianidin 200g/kg	Nikita 400WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
226	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Mastercide 45SC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Sundat (S) Pte Ltd
		Season 450SC	sâu phao, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp, mọt đục cành, sâu đục quả/cà phê; bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
227	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Sieubup 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
228	Buprofezin 200g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Osinaic 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
229	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Bupte-HB 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
230	Buprofezin 25% + Dinotefuran 5%	Apta 300WP	Rầy nâu/ lúa, bọ cánh tơ/chè, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH ADC
231	Buprofezin 180g/kg + Dinotefuran 120g/kg	Dino-top 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
232	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Lotoshine 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Party 400WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Raynanusa 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
233	Buprofezin 100 g/l + Dinotefuran 150 g/l + Emamectin benzoate 35 g/l	Dorino 285EC	Rầy bông/xoài	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

234	Buprofezin 155g/kg (180g/kg) + Dinotefuran 150g/kg (193g/kg) + Imidacloprid 145g/kg (195g/kg)	Bluecat 450WP, 568WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM Đầu tư Bắc Mỹ
235	Buprofezin 20g/l (54.5g/l), (90g/kg) + Dinotefuran 0.5g/l (0.5 g/l), (10g/kg) + Isoprocarb 60.5g/l (400g/l), (400g/kg)	Sinevagold 81EW, 455EC, 500WP	**81EW:** bọ trĩ/lúa **455EC:** rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê **500WP:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
236	Buprofezin 7% + Fenobucarb 20%	Applaud-Bas 27 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
237	Buprofezin 100g/l + Fenobucarb 500g/l	Hoptara2 600EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
238	Buprofezin 5g/kg, (100g/l), (300g/kg) + Fenobucarb 80g/kg, (500g/l), (350g/kg)	Roverusa 85GR, 600EC, 650WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
239	Buprofezin 250g/l + Fenobucarb 425g/l	Gold-cow 675EC	rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu; rệp sáp/cà phê; rệp/đậu xanh; sâu xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
240	Buprofezin 120g/kg, (10g/l), (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (10g/l), (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (350g/l), (1g/l), (30g/l)	Helloone 140WP, 370SC, 550EC	**550EC:** rầy lưng trắng/lúa **140WP, 370SC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
241	Buprofezin 100g/kg (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg ((500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (30g/l)	Buccas 120WP, 550EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
242	Buprofezin 6.7% + Imidacloprid 3.3%	Imiprid 10WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
243	Buprofezin 150g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Byeray 250WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Cytoc 250WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Shepatoc 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình

244	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anchies 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
245	Buprofezin 195g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Ascophy 220WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
246	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Efferayplus 275WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
247	Buprofezin 10% + Imidacloprid 20%	Daiphat 30WP	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Futai
		Uni-prozindor 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
248	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Hasuper 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Imburad 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Tvdan 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
249	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Babsax 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
250	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Map spin 350WP	Rầy nâu/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
251	Buprofezin 22% + Imidacloprid 17%	Thần Công Gold 39WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
252	Buprofezin 25% + Imidacloprid 15%	IMI.R4 40WP	Rầy nâu/ lúa; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, bọ trĩ/ điều; rầy xanh/ bông vải	Công ty CP Thanh Điền
253	Buprofezin 300 g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Wegajapane 450WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
254	Buprofezin 40% + Imidacloprid 10%	Gold Tress 50WP	Rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
255	Buprofezin 450g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Diflower 600WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
256	Buprofezin 20g/kg, (50g/l), (200g/l), (250g/kg) + Imidacloprid 100g/kg, (200g/l), (200g/l), (500g/kg)	VK.Superlau 120WP, 250EC, 400SC, 750WG	**120WP:** Rầy nâu/ lúa **250EC, 400SC, 750WG:** Bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
257	Buprofezin 20g/kg + Imidacloprid 20g/kg + Isoprocarb 410g/kg	Topogold 450WP	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

258	Buprofezin 300g/l (550g/kg) + Imidacloprid 30g/l (150g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/kg)	Iltersuper 380SC, 750WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
259	Buprofezin 190g/kg (150g/kg) + Imidacloprid 18g/kg (150g/kg) + Thiosultap-sodium 38g/kg (50g/kg)	Actaone 246WP, 350WG	**246WP:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **350WG:** rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
260	Buprofezin 5% (50g/kg) + Isoprocarb 20% (200 g/kg)	Applaud-Mipc 25SP	rầy/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Apromip 250WP	rầy nâu/ lúa**,** rầy xanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Jabara 25WP	rầy nâu/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
261	Buprofezin 6% + Isoprocarb 19%	Sanvant 25EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Superista 25EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
262	Buprofezin 200g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Goldcheck 750WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
263	Buprofezin 60% + Nitenpyram 10%	Rết độc 700WG	Rệp muội/đậu tương	Công ty CP BVTV ATC
264	Buprofezin 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Pytrozin 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
265	Buprofezin 150 g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 150 g/kg (500g/kg)	Tvpymemos 300WP, 650WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ
266	Buprofezin 150g/kg, (50g/kg) + Pymetrozine 20g/kg, (500g/kg)	Chesgold 170WP, 550WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
267	Buprofezin 200g/kg (50g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg)	Topchest 400WP, 550WG	**400WP:** Rầy nâu/ lúa **550WG:** Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
268	Buprofezin 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Biggun 700WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng

269	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Andoches-super 500WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
270	Buprofezin 330g/kg + Pymetrozine 170g/kg	Rocking 500WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
271	Buprofezin 255g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Zheds® 555WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
272	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chatot 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
273	Buprofezin 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Vintarai 600WG	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
274	Buprofezin 450g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Mazzin 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
275	Buprofezin 20g/kg + Pymetrozine 40g/kg	Azatika 60WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
276	Buprofezin 220 g/l (22%) + Spirotetramat 110 g/l (11%)	Bufe-Pro 330SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Sunprozin 33SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Agrofarm
277	Buprofezin 26% + Spirotetramat 13%	Spiro-TAT 39SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH A2T Việt Nam
278	Buprofezin 10% + Tebufenozide 5%	Jia-ray 15WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Quada 15WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
279	Buprofezin 450g/kg + Tebufenpyrad (min 98%) 250g/kg	Newtime 700WP	Nhện gié, rầy nâu/ lúa, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
280	Buprofezin 250 g/kg + Thiamethoxam 50 g/kg	Acme 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
281	Buprofezin 449g/l (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 1g/l (450g/kg)	Aplougent 450SC, 500WP	**450SC:** rầy nâu/lúa **500WP:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
282	Carbaryl (min 99%)	Baryl annong 85WP	sâu đục thân/ lúa; tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Carbavin 85WP	rầy/ hoa hồng	Bion Tech Inc.
		Comet 85WP	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

		Forvin 85WP	sâu đục thân/ lúa	Forward International Ltd
		Saivina 430SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sebaryl 85SP	rầy nâu/ lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
283	Carbosulfan (min 93%)	Afudan 3GR, 20SC	**3GR:** sâu đục thân/ ngô; tuyến trùng/ cà phê, mía; rầy nâu/ lúa **20SC:** sâu đục thân/ lúa, bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Amitage 200EC	rầy nâu/lúa, mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Carbosan 25EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Coral 5GR, 200SC	**5GR:** sâu đục thân/ lúa **200SC:** rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH - TM ACP
		Dibafon 5GR, 200SC	**5GR:** tuyến trùng/ mía **200SC:** rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rệp sáp bột hồng/ sắn; tuyến trùng/ hồ tiêu; sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
		Dofacar 5GR	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Marshal 5GR, 200SC	**5GR:** sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; tuyến trùng/ cà phê **200SC**: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, ve sầu/ cà phê	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Vifu-super 5GR	tuyến trùng/ hồ tiêu, cà phê; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, tuyến trùng/lúa; sâu đục thân/ ngô, mía; sùng đất/ mía	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
284	Carbosulfan 200 g/l + Chlorfluazuron 50g/l	Sulfaron 250EC	Sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu keo, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành /cà phê; sâu xanh láng/ lạc, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
285	Cartap (min 97%)	Berbiao 50SP	Sâu đục thân/ mía	Sinon Corporation
		Badannong 10GR, 95SP	**10GR:** sâu đục thân/ lúa, mía **95SP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu ăn lá/ lạc	Công ty TNHH An Nông
		Bazan 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Caral 95SP	sâu đục thân/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Dantac 50GR, 500SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Gà nòi 4GR, 95SP	**4GR**: sâu đục thân/ lúa **95SP**: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Jiatap 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Ledan 4GR, 95SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Longkick 50SP	sâu đục thân/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Nicata 95 SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Padan 4GR, 95SP	**4GR:** sâu đục thân/ mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa **95SP:** sâu đục thân/ mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Patox 4GR, 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ mía	Công ty CP BVTV I TW
		Supertar 950 SP	bọ xít/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; sâu đục hoa/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp/thuốc lá; sâu xanh/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Wofadan 4GR, 95SP	**4GR:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **95SP:** sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Vicarp 4GR, 95WP	**4GR:** sâu đục thân/ lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
286	Cartap hydrochloride 470g/kg + Imidacloprid 30g/kg	Abagent 500WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
287	Cartap 75% + Imidacloprid 10%	Nosau 85WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
288	Celastrus angulatus	Agilatus 1EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; bọ trĩ/ chè; rệp sáp/ cam; sâu đục quả/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhảy/ rau cải; nhện đỏ/ ớt; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Emnus 1EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; rầy xanh, bọ trĩ/ chè; dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
289	Chlorantraniliprole (min 93%)	Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG	**0.4GR:** sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ mía; sâu đục củ/ khoai lang	Công ty TNHH FMC Việt Nam

			5SC: dòi đục lá/ cà chua, dưa hấu; sâu xanh sọc trắng/ dưa hấu; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng/hành; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/cà chua, bọ nhảy/rau cải thìa, sâu khoang/lạc, sâu đục thân mình hồng/ mía, sâu keo mùa thu/ngô **35WG:** sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/ dưa hấu,	
290	Chlorantraniliprole 200g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Virtako® 40WG	rầy lưng trắng, rệp/ngô, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
291	Chlorbenzuron (min 95%) 20% + Pyridaben 10%	HTPMite 300WP	Nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
292	Chlorfenapyr (min 94%)	Alex 20SC, 50WG	**20SC:** nhện gié/ lúa **50WG:** sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Chim sâu 250SC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Chlorferan 240SC	Sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu năn, sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ/hoa mai; sâu xanh/hoa hồng; dòi đục lá, sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ/ hoa hồng; mối/ cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Danthick 100EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
		Fan-Extra 350SC	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu cắn gié/lúa; sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Fenapyr 150WP	Sâu cuốn lá /lúa, sâu cuốn lá đầu đen/ lạc	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Fenrole 240SC	Sâu xanh da láng/ lạc; bọ xít muỗi/ca cao, điều	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Force excel 240SC	Nhện đỏ/ hoa hồng; sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
		Igro 240SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Kepler 240SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Masterpyr 240SC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agro Việt
		Ohayo 100SC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Secure 10EC, 10SC	**10EC:** sâu xanh da láng/ đậu xanh, sâu cuốn lá/ lúa **10SC:** sâu xanh da láng/ lạc	BASF Vietnam Co., Ltd.

		Sender 100EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Solo 350SC	Sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc, đậu xanh	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Superjet 25EC, 110SC	**25EC:** Rầy lưng trắng/ lúa **110SC:** Sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Tofedo 240SC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Yamato 25EC, 110SC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
293	Chlorfenapyr 100g/l + Cypermethrin 20g/l	Anstingold 120SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Bugatteegold 120SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
294	Chlorfenapyr 10g/l + Chlorfluazuron 100g/l	Berry 110EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
295	Chlorfenapyr 100g/l + Chlorfluazuron 150g/l	Timdiet 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
296	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 20g/l	Chipu 120SC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Etameggo 120SC	Sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH NN Công nghệ Xanh Bắc Giang
		Tria 12SC	Sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
297	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Bạch Hổ 150SC	Sâu xanh da láng/ lạc; nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/bông vải; bọ trĩ/điều; dòi đục lá/hoa cúc	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
298	Chlorfenapyr 150 g/l + Emamectin benzoate 20 g/l	Super Ken 170SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
299	Chlorfenapyr 25g/l + Fenpropathrin 110g/l	Ikander 135EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
300	Chlorfenapyr 100g/l + Flufiprole 100g/l	Apro 200SC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
301	Chlorfenapyr 50g/l + Hexythiazox 50g/l	Secsorun 100SC	Nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Nông Việt
302	Chlorfenapyr 10g/l + Indoxacarb 160g/l	Pylagold 170SC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		Pysedo 170SC	Sâu keo mùa thu/ ngô; dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
303	Chlorfenapyr 100g/l + Indoxacarb 100g/l	New Fuze 200SC	Rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Phú Nông
304	Chlorfenapyr 8% + Indoxacarb 16%	Chinock 24SC	Sâu keo mùa thu/ ngô; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
305	Chlorfenapyr 7.5% + Indoxacarb 2.5%	Chlorin 10SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
306	Chlorfenapyr 100g/l + Indoxacarb 40 g/l	Dofenapyr 140SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH B.Helmer
307	Chlorfenapyr 25g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Toposa 55EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
308	Chlorfenapyr 30g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l + Profenofos 400g/l	Picana 450EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
309	Chlorfenapyr 25g/l + Lufenuron 25g/l	Dadygold 50EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
310	Chlorfenapyr 200g/l + Lufenuron 50 g/l	Alupyr 250SC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Fan-Pro 250SC	Sâu cuốn lá/đậu tương; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
311	Chlorfenapyr 15% + Lufenuron 10%	Lufen plus 25ME	Sâu khoang/lạc	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
312	Chlorfenapyr 100 g/l + Metaflumizone 200g/l +	Asapyr 300SC	Nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Vario 300SC	Nhện đỏ/đậu tương; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
313	Chlorfenapyr 100g/l + Phoxim 50g/l	Pylat 150EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
314	Chlorfenapyr 150g/l + Profenofos 50g/l	Palcon 200EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
315	Chlorfenapyr 250 g/l + Spirodiclofen 100 g/l	Fanmax 350SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
316	Chlorfenapyr 11.5% + Spinosad 2.5%	Ω-Pino 14SC	Sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp muội/ lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
317	Chlorfenapyr 100 g/l + Thiamethoxam 200 g/l	Tifena 300SC	Bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH MTV Lucky

318	Chlorfluazuron (min 94%)	Alulinette 50EC	Sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atabron 5EC	Sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương, hành, lạc; sâu khoang/ khoai lang	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Atannong 50EC, 50SC	**50EC:** sâu phao/ lúa **50SC:** sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
		Cartaprone 5 EC	Sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Hama 250SC	Sâu khoang/ lạc	Công ty CP BVTV ATC
319	Chlorfluazuron 100g/l + Clothianidin 170g/l	TT Glim 270SC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
320	Chlorfluazuron 110g/l + Dinotefuran 160g/l	TT Checker 270SC	Rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng, sâu phao/lúa; bọ nhảy/bắp cải, bọ trĩ/chè, bọ phấn/cà chua, rầy/xoài; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH TM Tân Thành
321	Chlorfluazuron 2g/l + Emamectin benzoate 40g/l	Futoc 42EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
322	Chlorfluazuron 50g/l (100g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (40g/kg)	Director 70EC, 140WP	**70EC:** sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ ớt, sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ hoa lay ơn **140WP**: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
323	Chlorfluazuron 55g/l + Emamectin benzoate 20g/l	AK Dan 75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
324	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Ammeri 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Cabala 150EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Shipper 150EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
325	Chlorfluazuron 100g/l (100g/kg), (100g/kg) + Emamectin benzoate 40g/l (40g/kg), (40g/kg)	Alantic 140SC, 140WG, 140WP	**140WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **140WP:** nhện gié, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **140SC:** sâu cuốn lá /lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
326	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (120g/l) + Indoxacarb 100g/l (80g/l)	Thadant 200SC, 300EC	**200SC:** Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa **300EC:** Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiên Giang
327	Chlorfluazuron 70 g/l + Indoxacarb 150 g/l	NPellaugold 220SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega

328	Chlorfluazuron 100 g/l + Indoxacarb 150 g/l	Amazon 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
329	Chlorfluazuron 15% + Indoxacarb 15%	TT Bite 30SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
330	Chlorfluazuron 100 g/l + Lambda-cyhalothrin 50 g/l	Apigun 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
331	Chlorfluazuron 49.9g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg	Aniper 99.9WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
332	Chlorfluazuron 45g/l + Lambda-cyhalothrin 45g/l	Fuldie 90EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
333	Chlorfluazuron 200g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Onecheck 750WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
334	Chlorfluazuron 50g/l + Pemethrin 100g/l + Profenofos 300g/l	Messigold 450EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
335	Chlorfluazuron 5g/l (10g/l), (220g/kg), (1g/l) + Profenofos 71g/l (1g/l), (10g/kg), (510g/l) + Thiamethoxam 10g/l (264g/l), (200g/kg), (1g/l)	Bakari 86EW, 275SC, 430WP, 512EC	**86EW:** bọ trĩ/lúa **275SC:** rầy nâu/lúa **430WP:** sâu cuốn lá/lúa **512EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
336	Chlorpyrifos Methyl (min 96%)	Monttar 3GR, 40EC	**3GR:** sâu đục thân/ ngô **40EC:** sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sago-Super 3GR, 20EC	**3GR**: sâu đục thân/ lúa, ve sầu/ cà phê**,** sâu đục bắp/ ngô; bọ hà/khoai lang, sâu đục thân/ mía **20EC**: rệp sáp/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieusao 40EC	sâu vẽ bùa/ cam; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, rầy nâu, muỗi hành, rầy xanh/ lúa; sâu đục quả, rệp/ đậu tương; rệp muội, rệp sáp, sâu đục quả/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Taron 50EC	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cam; sâu đục ngọn/ xoài; sâu đục gân lá/ nhãn; sâu xanh da láng/ hành; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ xít muỗi/ chè	Map Pacific PTE Ltd
337	Chlorpyrifos Methyl 250g/l + Indoxacarb 15g/l	Map dona 265EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/lạc	Map Pacific Pte Ltd

338	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map fang 420WP	rầy nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
339	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Novi-ray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Việt
340	Clofentezine (min 96%)	Flora 200SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		MAP Oasis 10WP	Nhện đỏ/ cam	Map Pacific Pte Ltd
		Stopmite 500SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
341	Clofentezine 100g/l + Fenpyroximate 50g/l	Startus 150SC	Nhện đỏ/ đào cảnh	Công ty TNHH Trường Thịnh
342	Clofentezine 5% (50g/kg) + Pyridaben 10% (100g/kg)	Coman 150WP	Bọ phấn/sắn	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Sunvuanhen 15WP	Nhện đỏ/sắn	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
343	Clofentezine 14% + Spirodiclofen 10%	Ω-Spilo 24SC	Nhện đỏ/chè, cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
344	Chromafenozide (min 91%)	Hakigold 50SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Phares 50SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Sojitz Corporation
		Red ruby 50SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
345	Chromafenozide 100g/kg + Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Mycheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
346	Clinoptilolite	Map Logic 90WP, 90WG, 90GR	**90WP:** tuyến trùng/ lúa, cam, hành tím, hồ tiêu, thanh long, cà phê, dưa hấu, cà chua, su su, chanh leo **90WG:** tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê **90GR**: tuyến trùng/ cà phê	Map Pacific Pte Ltd
347	Clothianidin (min 95%)	Dantotsu 16SG, 50WG	**16SG:** rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu, dòi đục lá/ cà chua, rầy xanh/ chè, sâu vẽ bùa/ cam **50WG:** Bọ xít, kiến/thanh long; rầy bông, bọ trĩ/xoài; rầy chổng cánh/cam; rầy nâu/ lúa; rệp muội/dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Keyrole Xtra 50WG	Bọ phấn trắng/ sắn	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd

		Thunderan 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Tiptof 16SG	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
348	Clothianidin 160g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Clodin 360WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Kiên Giang
349	Clothianidin 10% + Nitenpyram 30% + Pymetrozine 30%	Orgyram 70WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
350	Clothianidin 5% + Pymetrozine 25%	Despak 30SC	Bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Nam Bắc
351	Cnidiadin	ACE Cnidn 1EW	Sâu tơ/ bắp cải, phấn trắng/hoa hồng, sương mai/ nho	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
		Hetsau 0.4EC	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; nhện lông nhung/ vải; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
352	Cyantraniliprole (min 93%)	Benevia® 100OD, 200SC	**100OD**: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/ dưa hấu; bọ phấn, sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ớt, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá, sâu xanh sọc trắng/ dưa chuột **200SC**: dòi đục lá, bọ phấn trắng/cà chua; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa hấu; sâu xanh sọc trắng, bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa chuột; bọ trĩ/ớt	Công ty TNHH FMC Việt Nam
353	Cyantraniliprole 100g/kg + Pymetrozine 500 g/kg	Minecto® Star 60WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/ ớt, dưa hấu, bưởi; bọ phấn/dưa chuột; rầy bông/xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
354	Cyclaniliprole (min 95%)	Teppan 50SL	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
355	Cyetpyrafen (Yizuomanjing) (min 98%)	Antimite 30SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Erafen 300SC	Nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Global Farm
356	Cyflumetofen (min 97.5%)	Danisaraba 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
357	Cyhalodiamide (min 95%)	Acemide 20SC	Sâu cuốn lá/lúa, chè; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Diamide 200SC	Sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/dưa chuột, sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
358	Cyhalodiamide 100 g/l + Chlorfenapyr 165 g/l	Lorcy 265SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/ điều, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh

359	Cyhalodiamide 90 g/l + Chlorfenapyr 150g/l	Futsals 240SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
360	Cyhalodiamide 50 g/l + Flufiprole 150 g/l	Kunda 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
361	Cyhalodiamide 150g/l + Lufenuron 50g/l	Votes 200SC	Sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/thanh long	Công ty TNHH Phú Nông
362	Cyhalodiamide 180g/l + Lufenuron 60 g/l	Lucy 240SC	Sâu đục thân/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
363	Cyhalodiamide 100g/l + Metaflumizone 100g/l	Umeku 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
364	Cypermethrin (min 90%)	Andoril 250EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Appencyper 35EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Arrivo 25EC	rầy xanh/ lúa, sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Biperin 100EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Classtox 250WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Cymerin 25EC	bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Cymkill 25EC	sâu khoang/ bông vải	Forward International Ltd
		Cyper 25 EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Cyperan 10 EC	sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyperkill 25EC	rầy xanh, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân/ khoai tây	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Cypermap 25 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Cypetox 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Cyrux 25 EC	sâu xanh/ bông vải, rệp sáp/cà phê; bọ xít hôi/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dibamerin 25 EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosher 25EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Indicy 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Loxa 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Nitrin 10EC	sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex

		NP-Cyrin super 250EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Pankill 25EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Power 5EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
		Pycythrin 5EC	sâu phao/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		SecSaigon 25EC	sâu hồng/ bông vải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sherbush 25EC	sâu keo/ lúa, bọ xít/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Sherpa 25EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ lạc, đậu tương	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Shertox 5EC, 10EW	**5EC**: sâu keo, bọ xít/ lúa; rệp vảy/ cà phê **10EW:** rệp sáp/ cà phê, sâu phao/ lúa, sâu ăn lá/ đậu tương, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH An Nông
		Somethrin 10EC	Bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH P-H
		Southsher 10EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Superrin 100EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Tiper 25 EC	sâu đục thân/ lúa, bọ xít/ điều, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH – TM Thái Phong
		Tornado 25EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Tungrin 25EC	sâu phao, sâu keo/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ thuốc lá; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Visher 25EC, 25EW	**25EW**: sâu xanh/ thuốc lá; sâu phao/ lúa **25EC**: Sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Waja 10EC	Bọ trĩ/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Wamtox 100EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
365	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 400 g/l	Nugor super 450EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu xanh/đậu tương; bọ xít muỗi, sâu đục cành/điều; rệp sáp giả, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
366	Cypermethrin 2% + Dimethoate 8%	Cypdime (558) 10 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang

367	Cypermethrin 3% + Dimethoate 27%	Nitox 30 EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp/ cà phê; sâu ăn lá/ đậu tương, điều	Công ty CP Nicotex
368	Cypermethrin 30g/l + Dimethoate 370g/l	Diditox 40 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
369	Cypermethrin 3% + Dimethoate 42%	Fastny 45EC	sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
370	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 300g/l	Dizorin 35 EC	bọ xít, sâu keo, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; rệp, bọ trĩ/ đậu tương	Công ty TNHH – TM Tân Thành
371	Cypermethrin 20g/l + Dimethoate 200g/l + Fenvalerate 30g/l	Antricis 250EC	sâu đục quả/ cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
372	Cypermethrin 2.6% + Fenitrothion 10.5% + Fenvalerate 1.9%	TP-Pentin 15 EC	rệp/ cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
373	Cypermethrin 260g/l + Indoxacarb 140g/l	Millerusa 400SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
374	Cypermethrin 2% + Isoprocarb 6%	Metox 809 8 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex
375	Cypermethrin 30 g/l + Phosalone 175 g/l	Sherzol 205 EC	sâu cuốn lá, sâu keo, sâu gai, bọ xít/ lúa; rệp, sâu ăn lá, bọ xít/ hoa cúc; sâu đục quả, sâu xanh/ lạc; rầy, sâu xanh/ bông vải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
376	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
377	Cypermethrin 2% + Phoxim 22%	Posy 24EC	Sâu khoang/khoai lang	Công ty TNHH TCT Hà Nội
378	Cypermethrin 40g/l + Profenofos 400g/l	Acotrin 440EC	Nhện đỏ, bọ trĩ, rệp muội/bông vải; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Pro Ggo 440EC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
379	Cypermethrin 30g/l + Quinalphos 200g/l	Kinagold 23 EC	sâu xanh/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu xanh; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
380	Cypermethrin 5% + Quinalphos 20%	Tungrell 25 EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ thuốc lá; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
381	Cyromazine (min 95%)	Ajuni 50WP	dòi đục lá/ đậu tương, sâu vẽ bùa/ hoa cúc, dòi đục lá/tỏi; dòi đục lá/ khoai tây	Công ty CP Nicotex

		Chip 100 SL	sâu vẽ bùa/ cây có múi	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Matscot 50SP	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Mdanzine 800WP	Dòi đục lá/ đậu tương; sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Newsgard 75 WP	sâu vẽ bùa/ cam, dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Nôngiahưng 75WP	Sâu vẽ bùa/ cam, dòi đục lá/cà chua	Công ty TNHH – TM Thái Phong
		Roninda 100SL	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Trigard® 100 SL	dòi đục lá/ dưa chuột, khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Tumazine 500WP	Dòi đục lá/dưa chuột	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Zingard 80WG	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP Bigfive Việt Nam
382	Cyromazine 25% + Monosultap 50%	Hotosin 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
383	Cyromazine 50% + Thiamethoxam 10%	Ω-Tiro 60WG	Sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp sáp/ cà phê, bọ phấn/sắn	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
384	D-limonene (Orange oil) (min 94.5%)	Prev-AM™ 5.4ME	Rệp sáp/bưởi; bọ trĩ, nhện đỏ/cà chua	Oro Agri International Ltd.
385	Dầu botanic + muối kali	Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1SL	sâu tơ/ bắp cải, rau cải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
386	Dầu hạt bông 40% + dầu đinh hương 20% + dầu tỏi 10%	GC-Mite 70SL	rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ hoa hồng, bưởi; rệp/ khoai tây; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Ngân Anh
387	Deltamethrin (min 98.5%)	Appendelta 2.8 EC	sâu phao/ lúa, rệp sáp giả/cà phê, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Daphacis 25 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ đậu xanh	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát
		Decis 2.5EC, 250WG	**2.5EC:** sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh, rệp/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ngô, rệp muội/lạc, sâu xanh/đậu tương, bọ xít dài/lúa, sâu ăn lá/điều, mọt đục quả/cà phê; rệp muội/ ngô **250WG:** sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Dersi-s 2.5EC	bọ trĩ, bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)

		Delta 2.5 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Deltaguard 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục quả/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Discid 25EC	sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Meta 2.5 EC	sâu keo, sâu phao, nhện gié/ lúa; sâu đục quả, rệp/ đậu xanh; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Shieldmate 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Supercis 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toxcis 2.5EC, 2.5SC	**2.5EC:** sâu đục bông/ đậu xanh, bọ xít/ lúa **2.5SC:**sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Videci 2.5 EC	Sâu phao, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Wofacis 25 EC	Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
388	Deltamethrin 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Ebato 160SC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sân năn/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP ENASA Việt Nam
389	Deltamethrin 50 g/l + Piperonyl Butoxide (min 90%) 250 g/l	Chín sâu 300EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
390	Deltamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	Rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
391	Diafenthiuron (min 97%)	Apensus 500SC	Nhện lông nhung/ vải	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Asiangold 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
		BrahMos 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH B.Helmer
		Diasuper 300SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Define 500SC	Sâu tơ/ bắp cải, nhện lông nhung/nhãn	Sundat (S) PTe Ltd
		Detect 50WP, 500SC	**50WP:** nhện đỏ/ cam, chè **500SC:** nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Nicotex
		Fenuron gold 500SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP S New Rice
		Fier 500WP, 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Kyodo 25SC, 50WP	**25SC:** Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa **50WP:** Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

		Morris 500SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Pegasus® 500SC	Sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/ súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/ cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/ bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/ cây cảnh; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Pesieu 500WP, 500SC	**500WP**: sâu tơ/bắp cải **500SC:** sâu xanh da láng/ lạc; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ, bọ nhảy/ rau cải; bọ nhảy/ cải thảo; bọ trĩ/ cà tím, cà pháo, bí xanh; nhện đỏ, rầy xanh/ cà pháo; rầy xanh, nhện đỏ/ cà tím; sâu baba, sâu khoang/ rau muống; sâu đục quả/ đậu đũa, cà tím, đậu côve, ớt; sâu khoang/ rau dền; sâu tơ/ súp lơ, su hào; sâu xanh da láng/ hành; sâu tơ/ cải thảo; sâu đục quả/cà pháo; sâu khoang/mồng tơi; bọ nhảy/su hào	Công ty TNHH Việt Thắng
		Redmine 500SC	Nhện lông nhung/ vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Sam spider 500WP	Nhện đỏ/ nho	Công ty CP SAM
		Tuxedo 500SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
392	Diafenthiuron 42.3% (432g/l) + Emamectin benzoate 1.4% (14g/l)	Dimafen 43.7SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Manly 437SC	Nhện đỏ/ chè	Công ty CP NN HP
		Spiderworm 43.7SC	Sâu xanh da láng/khoai lang	Công ty TNHH TAT Hà Nội
393	Diafenthiuron 250 g/l + Emamectin benzoate 30 g/l	Difeben 280SC	Sâu keo mùa thu/ ngô, nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH MTV Lucky
394	Diafenthiuron 35% + Indoxacarb 7%	Difeggo 42SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
395	Diafenthiuron 500 g/kg + Indoxacarb 50 g/kg	Vangiakhen 550SC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
396	Diafenthiuron 300 g/l + Metaflumizone 200 g/l	Trust TD 01 500SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
397	Diafenthiuron 200g/kg + Propargite 350g/kg	Supermite 550WP	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

398	Diflubenzuron (min 97%)	Akizuron 250WP	Sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
399	Diflubenzuron 430g/kg + Nitenpyram 350g/kg	Goodcheck 780WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
400	Diflubenzuron 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Sieucheck 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
401	Diflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg	Superram 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
402	Diflubenzuron 125 g/kg + Pymetrozine 500 g/kg	TT-gep 625WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
403	Dimethoate (min 95%)	Arriphos 40 EC	bọ xít/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ ngô; bọ trĩ/ bông vải	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Bai 58 40 EC	bọ xít hôi/ lúa, sâu đục quả/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Binh-58 40 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/ lúa; rệp/ đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xơ/ mía	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bini 58 40EC	rệp/ mía, cà phê	Công ty CP Nicotex
		Bitox 40EC	bọ xít/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
		By 90 40EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Cova 40EC	rệp sáp/ cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
		Dibathoate 40EC	rầy/ lúa, nhện/ cà phê, dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dimecide 40EC	bọ xít/ lúa	Agrimatco Vietnam Co., Ltd.
		Dimenat 20EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fezmet 40EC	sâu ăn lá/ hoa hồng	Zagro Group, Zagro Singapore Pvt Ltd.
		Forgon 40EC	sâu cuốn lá/ lúa	Forward International Ltd
		Nugor 10GR, 40 EC	**10GR:** Rệp sáp giả/rễ cà phê, rễ hồ tiêu; sâu đục thân/ ngô, lúa; bọ hung/mía; bọ hà/khoai lang **40EC:** sâu ăn lá/ lạc; sâu đục thân/ điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Pyxoate 44 EC	rầy/ ngô	Longfat Global Co., Ltd.

		Thần châu 58 40EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Tigithion 40EC	rệp sáp/ cà phê, bọ xít/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Watox 400 EC	bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
404	Dimethoate 15% + Etofenprox 5%	Difentox 20 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
405	Dimethoate 3% + Fenobucarb 2%	BB-Tigi 5GR	rầy nâu/ lúa, dế dũi/ ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Caradan 5 GR	bọ trĩ/ lúa, sâu đục thân/ mía, ấu trùng ve sầu/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Palm 5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vibam 5 GR	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
406	Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	Mofitox 40EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
407	Dimethoate 400 g/l + Fenobucarb 100 g/l	Bisector 500EC	Rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít hôi/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
408	Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	Bifentox 30 EC	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
409	Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	Fenbis 25 EC	rệp/ đậu tương, bọ xít/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fentox 25 EC	bọ xít dài, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP TST Cần Thơ
410	Dimethoate 2% + Isoprocarb 3%	BM-Tigi 5 GR	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
411	Dimethoate 286 g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rệp muội/ mía	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
412	Dimethoate 20% + Phenthoate 20%	Vidifen 40EC	rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/ lạc, bọ xít dài/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
413	Dinotefuran (min 89%)	Asinjapane 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Carasso 400WP	rầy nâu, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hoá Nông

		Chat 20WP	rầy nâu/ lúa, bọ nhảy/ bắp cải, rầy bông/ xoài, rầy chổng cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, dòi đục lá/ dưa chuột	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Cheer 20WP	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyo super 200WP	Rầy nâu/ lúa, rệp muội/ dưa chuột, rầy xanh/ chè	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Diny 20WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Dovasin 20WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Hakiray 20WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hitoshi 125ME, 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ikuzu 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Janeiro 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Newoshineu 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oshin 1GR, 20WP, 20SG, 100SL	**1GR** rầy xanh/ đậu bắp, bọ phấn/cà chua **20WP:** rầy nâu/ lúa, rầy/ xoài, dòi đục lá/ dưa chuột, rầy chổng cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, bọ nhảy/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê **20SG:** Bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/cải xanh, rầy xanh/đậu bắp **100SL:** rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; bọ trĩ/ hoa cúc; bọ phấn/ hoa hồng; rầy nâu/lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
		Overcin 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Phesoldest 50SG	Rầy lưng trắng/ ngô	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Raves 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Regunta 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Sara.dx 40WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Safrice 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Santaone 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		Sida 20WP	Rầy nâu/lúa, rầy chổng cánh/cam, rệp vảy/cà phê, nhện gié, bọ xít dài, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toof 25WP, 150SL	**25WP:** Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa **150SL:** Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Tosifen 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Yoshito 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
414	Dinotefuran 150g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Dorema 200EC	Dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
415	Dinotefuran 200g/kg + Etofenprox 150g/kg	Tenchu pro 350WP	Rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè, bọ nhảy sọc cong/ rau cải xanh, bọ phấn trắng/ sắn	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
416	Dinotefuran 0.1g/kg (10g/kg), (10g/l) + Imidacloprid 110.9g/kg (150g/kg), (250g/l)	Dichest 111WP, 160WG, 260SC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Vagritex
417	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Brimgold 200WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Explorer 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
418	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anocis 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
419	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
420	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
421	Dinotefuran 180 g/kg + Imidacloprid 120 g/kg	Toshinusa 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
422	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
423	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		TD-Chexx 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI

424	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
425	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
426	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
427	Dinotefuran 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Nozzaplus 450WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
428	Dinotefuran 90g/kg + Pymetrozine 610g/kg	Chetsduc 700WG	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
429	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
430	Dinotefuran 20% (200g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Chessin 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Medino 60WG	Rầy chổng cánh/ phật thủ, rệp muội/ đậu tương, bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP Global Farm
431	Dinotefuran 10% + Pymetrozine 40%	Oppo 50WG	Rệp muội/hoa hồng	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		Opal 50WG	Rệp muội/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
432	Dinotefuran 100g/l (10%) + Spirotetramat 100g/l (10%)	Lisara 200SC	Rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty CP NN HP
		Shipment 20SC	Nhện đỏ/ lạc	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
433	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
434	Dinotefuran 200 g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centerosin 242WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
435	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90% + Avermectin B1b 10%)	AC-max 100EC, 300WG	**100EC:** Sâu xanh da láng/cải bắp **300WG:** Nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/cải bắp	Công ty TNHH Á Châu Hoá sinh
		Acplant 1.9EC, 4TB, 20WG	**1.9EC:** rầy nâu, sâu phao đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu, sâu vẽ bùa/ cam **4TB:** sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

	20WG: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	
Actimax 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu đục quả/ nhãn; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa hấu; bọ trĩ, sâu xanh/ thuốc lá, nho; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Agtemex 3.8EC, 4.5WG, 5WP	sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu đục quả/ đậu tương, cà chua; sâu vẽ bùa, rệp sáp/ cam; rệp sáp/ cà phê, điều, vải; sâu xanh/ bắp cải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
Angun 5WG, 5ME	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu khoang, bọ nhảy/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu tương; sâu ăn bông, bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ chè; bọ xít muỗi, sâu đục cành, bọ trĩ/ điều, sâu keo mùa thu/ngô **5ME:** sâu vẽ bùa/ cây có múi, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Ansuco 120EC, 260WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
Apache 4EC, 10WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
Bafurit 5WG	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh da láng/ nho, bông vải; bọ xít/ vải; rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Nông Sinh
Bemab 3.8EC, 52WG	**3.8EC:** Bọ trĩ/dưa chuột, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **52WG:** sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
Binged 50WG	Sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
Billaden 50EC, 50WG	Nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân
Boema 50EC, 50WG	**50EC:** Sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP SAM
Browco 50WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành

		Calisuper 5.5WP, 41ME, 52WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Chim ưng 3.8EC, 20WG	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Sơn Thành
		Comda gold 5WG	Dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ rĩ/dưa hấu, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Compatt 55.5 WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Lan Anh
		Creek 2.1EC, 51WG	**2.1EC**: Sâu cuốn lá/lúa **51WG**: Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hoá chất Đại Nam Á
		Danobull 50WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, rầy bông/xoài, sâu đục ngon/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
		Đầu trâu Bi-sad 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Doabin 3.8EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Dofaben 22EC, 150WG	**22EC:** sâu cuốn lá/ lúa **150WG**: Nhện đỏ/cam, bọ trĩ/nho, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Dollar 50WG, 90EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam
		DT Ema 40EC	Nhện gié/lúa, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu ăn bông/ xoài, nhện đỏ/ chè, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/ nho	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Dylan 2EC, 10WG	**2EC:** sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam, quýt; nhện lông nhung, sâu đục quả/ nhãn, vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa **10WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Eagle 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

		Ebama 5.5WG, 50 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Ebenzoate 5WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Ema king 40EC, 100WG	**40EC:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/ cam **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Emaaici 120WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Emaben 2.0EC, 3.6WG, 60SG	**2.0EC, 3.6WG:** sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ đậu tương **60SG:** dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/ vải; bọ trĩ, rầy xanh/chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Emacao-TP 75WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông HBR
		Emagold 6.5EC, 6.5WG	**6.5EC:** Sâu khoang/lạc **6.5WG:** Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Emaplant 3.8EC, 5WG	**3.8EC:** nhện gié/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương, rệp sáp/ cà phê **5WG:** sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Thanh Điền
		Ematin 60EC	Sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Emathai 4EC, 10WG	**4EC:** Nhện đỏ/ cam, bọ trĩ/ xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu **10WG:** Bọ trĩ/ dưa hấu, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Emathion 55EC, 100WG	**55EC**: Bọ trĩ/dưa hấu, sâu cuốn lá/ lúa **100WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Emasuper 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè **1.9EC, 5WG:** bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông

		Ematigi 3.8EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Emtin 38EC, 100WG	**38EC:** Sâu cuốn lá/lúa **100WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Emavua 36EC, 75WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Emaxtin 3.8EC, 55.5WG	**3.8EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam **55.5WG:** Nhện đỏ/ cam; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rầy xanh/ chè	Công ty TNHH US.Chemical
		EMETINannong 1.9EC, 108WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt; sâu xanh/ cà chua **108WG**: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
		Etimex 2.6 EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bẵp cải; ruồi/ lá/ cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ, nhện đỏ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ chè, điều; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Fastish 116WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
		Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	**20SL:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải **35.5EC:** Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa **125WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
		Focal 5.5EC, 80WG	**5.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **80WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn, bọ trĩ/ lúa; nhện đỏ/ chè, rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu tương, bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Foton 5.0 ME	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
		G8-Thôn Trang 4EC, 96WG	**4EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè **96WG:** Nhện đỏ/ chè, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Go.good One 5WG	Sâu phao đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
		Goldemec 5.7EC, 5.55WG	**5.7EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam, quýt **5.55WG:** Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp muội/ hồ tiêu, sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Golnitor 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Haeuro 125WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Hagucide 40EC, 70WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hoatox 2ME	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Homectin 40EC, 50WG	**40EC:** Sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Hóc Môn
		Jiametin 1.9EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		July 5EC, 5WG	sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ cải xanh, bắp cải; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, rệp/ đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/ bông vải, thuốc lá	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Kajio 1GR, 5EC, 5WG	**1GR:** Bọ hà/khoai lang, tuyến trùng/hồ tiêu; bọ hung/mía, sâu đục thân/lúa **5EC:** Sâu xanh/bắp cải, sâu phao đục bẹ/lúa **5WG**: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Khủng 100WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Kinomec 3.8EC	bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Vicowin

		Lion kinh 50WG, 50EC	**50WG**: Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **50EC**: Sâu khoang/lạc	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
		Mãng xà 1.9 EC	Sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ dưa hấu	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Makegreen 55WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Map Winner 5WG	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ xít muỗi/ chè; sâu khoang/ cải xanh; sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/chanh leo; bọ trĩ, rệp /ớt; rầy xanh, sâu xanh, bọ trĩ/bí ngô	Map Pacific Pte Ltd
		Matrix 1.9EC, 5WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Mekomectin 3.8EC, 135WG	**3.8EC**: sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam **135WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
		Mikmire 2.0 EC, 14.5WG	**2.0EC:** bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua **14.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Moousa 50EC, 60WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
		Nazomi 2.0EC, 5WG	**2.0EC**: sâu vẽ bùa/ cam, sâu cuốn lá/ lúa, rệp muội/ đậu xanh **5WG**: sâu vẽ bùa/ cam, sâu cuốn lá/ lúa, rệp cờ/ ngô	Công ty TNHH Kiên Nam
		Newgreen 2.0 EC	sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, sâu xanh/ cải thảo	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Newmectin 2.0EC, 5WP, 41ME, 126WG	**2.0EC:** rầy nâu/ lúa **5WP:** bọ cánh tơ/ chè **41ME, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		New Tapky 10EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn/ lúa /lúa	Công ty CP SX TM DV Tam Lập Thành

		Oman 2EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; bọ trĩ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu côve; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Proclaim® 1.9 EC, 5WG	**1.9EC:** sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa; nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/ xoài; sâu đục quả/ bông vải; sâu khoang, sâu xanh, sâu gai sừng ăn lá/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/ súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/ nhãn. **5WG:** sâu keo mùa thu/ ngô, sâu xanh bướm trắng/cải bắp, sâu đục cuống quả/vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Phesolbenzoate 3.8EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/ cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Prodife's 5.8EC, 8WG	**5.8EC:** rầy bông/ xoài, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn **8WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Promectin 5.0EC, 100WG	**5.0EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ nho; rệp bông/ xoài **100WG:** sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ xoài, sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông Việt
		Quiluxny 72EC, 6.0WG, 99.9SC	**72EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa **6.0WG:** Sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam **99.9SC:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; dòi đục lá/cà chua, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Ratoin 5WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Remy 65EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Rholam 20EC, 50WP, 68WG	**20EC:** sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

			50WP: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ súp lơ; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê **68WG:** Sâu xanh da láng/bắp cải	
		Roofer 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Royal city 75WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ACB Nhật Bản
		Sausto 1EC, 50WG	**1EC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu côve; sâu xanh/ cà chua **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nam Bắc
		Sherdoba 20EC, 55WG	**20EC:** Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa **55WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
		Silsau super 3.5EC, 5WP	**5WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải **3.5EC**: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam, sâu hồng đục quả/ bưởi	Công ty TNHH ADC
		Sittobios 40EC, 50SG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
		Starrimec 5WG, 75EC, 80SC, 105SG	**5WG:** sâu cuôn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang, rệp/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè, sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam **75EC**: sâu cuốn lá/lúa **80SC, 105SG:** nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Susupes 1.9EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Tamala 1.9EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; rầy bông, rệp sáp/ xoài; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba

		Tanwin 2.0EC, 5.5WG	**2.0EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam **5.5WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tasieu 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** sâu ăn lá/ hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/ bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu xanh, sâu đo, nhện đỏ/ hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/ thuốc lào, thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/ nhãn; sâu xanh/ cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/ vải; sâu róm/ thông; rầy, sâu xanh/ hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; rầy/ xoài **5WG:** sâu róm/ thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ xít/ vải, nhãn; sâu baba/ rau muống; bọ nhảy/ cải thảo, rau cải, su hào; sâu đục quả/ đậu đũa, đậu cô ve, ớt, cà pháo, cà tím; rầy xanh/ bí xanh; rệp muội/ đậu côve, rau cải, su hào, đậu đũa; sâu khoang/ mồng tơi, rau dền, rau muống; sâu tơ/ su hào, súp lơ, cải thảo, rau cải; sâu xanh da láng/ hành; bọ trĩ/ cà pháo, cà tím; dòi đục lá/hành, đậu cô ve, cải bó xôi	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tikemectin 4EC, 60WG	**4EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài **60WG:** sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Topcide tsc 5.5EC, 100WG	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
		Topsix 82WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam

		Totnhatsuper 100WG, 70EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Multiagro
		Tungmectin 5EC, 5WG	**5EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sau xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; rệp sáp /cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều **5WG:** Sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ/cải bắp bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/cà chua; rệp sáp/hồ tiêu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/nhãn; rệp sáp/na; bọ trĩ/thuốc lá; nhện lông nhung/vải; bọ xít muỗi/ điều; sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vimatox 1.9EC, 5SG	**1.9EC:** Bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu, xoài; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ bưởi **5SG:** Bọ cánh cứng/ rau cải, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Yasmine 19EC	Sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Zamectin 65EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
436	Emamectin benzoate 10% (100g/kg) + Flufiprole 10% (100g/kg)	Lopita 200WP	Mọt đục quả/ cà phê	Công ty CP NN HP
		Tatachi 200WP	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
437	Emamectin benzoate 20 g/l + Indoxacarb 80 g/l	Xotare 10SC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
438	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 20%	Lk-saula 30WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

439	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Emacarb 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
440	Emamectin benzoate 35g/kg + Indoxacarb 60g/kg	Obaone 95WG	Ssâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
441	Emamectin benzoate 3% + Indoxacarb 6%	Topzaza 9SE	Sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Nam Bắc
442	Emamectin benzoate 50g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Chetsau 100WG	Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/ lạc, sâu xanh/ thuốc lá	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
443	Emamectin benzoate 30 g/l + Indoxacarb 110 g/l	Doctor super 140SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
444	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Hd-Fortuner 150EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		IE-max 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
445	Emamectin benzoate 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Emingold 160SC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
446	Emamectin benzoate 4% + Indoxacarb 12%	Auditor 16SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
447	Emamectin benzoate 30g/l (85g/kg) + Indoxacarb 150g/l (120g/kg)	Dhajapane 180SC, 205WP	**180SC:** Sâu cuốn lá/ lúa **205WP:** Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
448	Emamectin benzoate 4% (50g/l) + Indoxacarb 6% (150g/l)	Shieldkill 10WG, 200SC	**10WG:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương **200SC**: Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu đục nụ/hoa hồng; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
449	Emamectin benzoate 25g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Carbatoc 50EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
450	Emamectin benzoate 45g/l + Lambda-cyhalothrin 45g/l	Fittoc super 90EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
451	Emamectin benzoate 50 g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Etoxgold 100EC	Sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
452	Emamectin benzoate 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 60g/kg	Nanophasyco 160WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
453	Emamectin benzoate 20g/l + Liuyangmycin 100g/l	Map Genie 12EC	Nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài	Map Pacific Pte Ltd

454	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 40g/l	Tik-tot 60EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; rầy xanh/ chè; dòi đục lá/ cà chua	Công ty CP XNK Thọ Khang
455	Emamectin benzoate 20 g/l + Lufenuron 80 g/l	Lemura 100SC	Sâu xanh đục bắp/ngô	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
456	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + Lufenuron 50g/l (100g/kg)	Lufen extra 100EC, 150WG	**100EC:** Châu chấu tre/ ngô, sâu xanh/ hoa cúc; sâu khoang/ khoai tây, sâu keo mùa thu/ ngô, bọ phấn trắng/ sắn **150WG:** sâu xanh/ hoa cúc; sâu keo mùa thu/ ngô, bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
457	Emamectin benzoate 50g/l + Lufenuron 50g/l	Lufemin 100EC	Sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Fujimoto Nhật Bản
458	Emamectin benzoate 5% + Lufenuron 40%	Sun Eluron 45WG	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
459	Emamectin benzoate 10% + Lufenuron 40%	Armcide 50WG	Sâu đục bắp/ngô, sâu keo mùa thu/ ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
460	Emamectin benzoate 49g/l (148g/l) + Matrine 1g/l (2g/l)	Nasdaq 50EC, 150WG	**50EC:** Sâu cuốn lá/ lúa **150WG**: Sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
461	Emamectin benzoate 10g/l + Matrine 10g/l	Kimcis 20EC	nhện lông nhung/ nhãn, rệp sáp/ cam, bọ hà/ khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
462	Emamectin benzoate 7.5g/l + Matrine 7.5g/l	Gasrice 15EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
463	Emamectin benzoate 19g/l, (49g/kg), (89g/l) + Matrine 1g/l (1g/kg), (1g/l)	Mectinstar 20EC, 50SG, 90SC	**20EC, 50SG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu khoang/ lạc; rệp/ thuốc lá; rầy xanh/ chè; rầy bông/ xoài; nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông **90SC**: rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
464	Emamectin benzoate 41g/l + Matrine 2g/l	9X-Actione 4.3EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
465	Emamectin benzoate 20g/kg (29g/l), (60.9g/kg) + Matrine 1g/kg (1g/l), (0.1g/kg)	Redconfi 21WP, 30EC, 61WG	**21WP, 30EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ xít muỗi, rầy canh/ chè **61WG**: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

466	Emamectin benzoate 25g/l, (48g/kg), (98g/kg) + Matrine 2g/l, (2g/kg), (2g/kg)	Rholam Super 27EC, 50SG, 100WG	**27EC:** nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải **50SG:** sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ cải xanh; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ nho; sâu khoang/ lạc; rầy bông/ xoài; sâu đục gân lá/ vải **100WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP nông dược Nhật Việt
467	Emamectin benzoate 60g/l+ Matrine 4g/l	Bạch tượng 64EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; nhện lông nhung/nhãn; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH - TM Nông Phát
468	Emamectin benzoate 24g/l, (55g/kg + Matrine 1g/l, (0.5g/kg)	Dolagan 25EC, 55.5WG	**25EC**: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ cam, bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè **55.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
469	Emamectin benzoate 95g/kg + Matrine 5g/kg	K54 100WG	Sâu cuốn lá/ lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Pro-sure 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
470	Emamectin benzoate 29.5g/l (49g/kg) + Martrine 0.5g/l, (1g/kg)	Techtimex 30EC, 50WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
471	Emamectin benzoate 2% + Methoxyfenozide 18%	Tenano 20SC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrofarm
472	Emamectin benzoate 0.4% (4g/l) + Monosultap 19.6% (392g/l)	Map Go 20ME, 39.6SL	**20ME:** sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa, nhện/sắn **39.6SL:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
473	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Eska 250EC	sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh da láng/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu tương; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa chuột, bí xanh; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu tơ, sâu xanh, rệp/ bắp cải; nhện đỏ/ nhãn	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Comda 250EC	Bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít muỗi/ chè, rầy bông/ xoài, rệp muội/ hoa cúc, ớt; rệp sáp/ cà phê, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ hành, rầy bông/xoài, rầy xanh/chè	Công ty CP BVTV Sài Gòn
474	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 395g/l	Emamec 400EC	sâu đục thân, cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

475	Emamectin benzoate 19g/l + Permethrin 80.99 g/l	Tiachop 99.99EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
476	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
477	Emamectin benzoate 10g/l + Quinalphos 240g/l	Daisuke 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
478	Emamectin benzoate 30g/kg + Spinosad 25g/kg	Amagong 55WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
479	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + 200g/l (200g/kg) Spinosad	Boxin-TSC 25EC, 250WP	Sâu xanh/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
480	Emamectin benzoate 18g/kg + Spirodiclofen 75g/kg	Kingspider 93SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP BVTV Sài Gòn
481	Esfenvalerate (min 83%)	Sumi-Alpha 5 EC	sâu đục quả/ đậu tương; bọ xít, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumisana 5EC	sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
482	Esfenvalerate 1.25 % + Fenitrothion 25%	Sumicombi-Alpha 26.25 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/ lúa; sâu khoang/ lạc; rầy xanh/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
483	Ethiprole (min 94%)	Curbix 100 SC	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Tobirole 200SC	Rầy chổng cánh/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
484	Ethiprole 100 g/l + Imidacloprid 100g/l	Peridor 200SC	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
485	Etofenprox (min 96%)	Noray 30EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Slavic 10SC	rầy nâu/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Trebon 10EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu khoang/ bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/ vải; bọ xít muỗi/điều	Mitsui Chemicals Agro, Inc. .
486	Etofenprox 2% + Phenthoate 48 %	ViCIDI-M 50EC	bọ xít/ lúa, sâu xanh/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
487	Etoxazole (min 95%)	Ac-Toxazol 200SC	Nhện đỏ/ chè, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Borneo 11SC	Nhện đỏ/ cam, hoa hồng	Công ty TNHH Hoá chất Sumitomo Việt Nam

		Etoman 20SC	Nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển KT và chuyển giao công nghệ.
		Eto Speed 200SC	Nhện đỏ/ cam, hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		RedArmy 110SC	Nhện đỏ/ cam	Công ty CP Cửu Long
		Sachnhen-Eto 110SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ánh
		Ω-Etoxa 110SC	Nhện đỏ/ cam, chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
488	Etoxazole 10% + Fenpropathrin 10%	DN Zin 20SE	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
489	Etoxazole 100 g/l + Spirodiclofen 300 g/l	Nitmax 400SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
490	Etoxazole 150 g/l + Spirotetramat 300g/l	Etomat 450SC	Rệp sáp/cam	Công ty TNHH Sunwa
491	Etoxazole 5% + Pyridaben 20%	Spinner 25SC	Nhện đỏ/ hồ tiêu, sắn	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
492	Eucalyptol (min 70%)	Pesta 2SL	nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ/ nhãn; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Nam Bắc
493	Fenbutatin oxide (min 95%)	Aki-Verati 500WP	Nhện đỏ/ hoa cúc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Nilmite 550SC	nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ hoa hồng, cam	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
494	Fenbutatin oxide 8% + Propargite 30%	Pro-F 38EC	Nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
495	Fenitrothion (min 95%)	Factor 50EC	Sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forwathion 50EC	Sâu đục thân/ lúa, rệp/ cà phê	Forward International Ltd
		Metyl annong 50EC	Sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Nysuthion 50EC	Bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Sumithion 50 EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Visumit 5DP, 50EC	**5DP:** cào cào, sâu trong đất/ lúa **50EC:** sâu đục thân, châu chấu/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

496	Fenitrothion 45% + Fenobucarb 30%	Difetigi 75 EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Subatox 75 EC	Sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
497	Fenitrothion 250g/l (25%) + Fenvalerate 50g/l (5%)	Hosithion 30EC	Bọ xít hôi/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Sumicombi 30EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu đục quả, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumitigi 30EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
498	Fenitrothion 450g/l + Fenpropathrin 50g/l	Danitol-S 50EC	nhện, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu đục cành, đục quả, rệp sáp/ cà phê; rệp, sâu xanh, rầy xanh, bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
499	Fenobucarb (BPMC) (min 96%)	Abasba 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Anba 50EC	rầy nâu/ lúa, bọ xít/ hồ tiêu, rệp/ đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Basasuper 700EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Bascide 50EC	rầy nâu/ lúa, rệp/ thuốc lá	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bassa 50EC	rầy/ lúa, rệp sáp/ bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Bassatigi 50EC	rầy nâu, sâu keo/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Dibacide 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosadx 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Excel Basa 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Forcin 50EC	rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ bông vải	Forward International Ltd
		Hoppecin 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Jetan 50EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Metasa 500EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Nibas 50EC	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa, rệp vảy/ cà phê	Công ty CP Nicotex
		Pasha 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Super Kill 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Tapsa 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Triray 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Vibasa 50EC	rầy, rầy nâu/ lúa; rệp/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitagro 50EC	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
500	Fenobucarb 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Azora 350EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
501	Fenobucarb 415g/l + Imidacloprid 35g/l	Javipas 450EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
502	Fenobucarb 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Lanro 500EC	Bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
503	Fenobucarb (5g/kg) 150g/l + Isoprocarb (195g/kg) 150g/l	Anbas 200WP, 300EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
504	Fenobucarb 350g/l + Isoprocarb 150g/l	Kimbas 500EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
505	Fenobucarb 20% + Phenthoate 30%	Viphensa 50 EC	sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
506	Fenobucarb 30% (300g/l) + Phenthoate 45% (450g/l)	Diony 75 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Hopsan 75 EC	Bọ xít hôi, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
507	Fenobucarb 45% + Phenthoate 30%	Knockdown 75 EC	rầy nâu/ lúa, sâu xanh/ lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
508	Fenobucarb 305 g/l + Phenthoate 450 g/l	Abasa 755EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
509	Fenpropathrin (min 90%)	Alfapathrin 100 EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Danitol 10 EC	rệp/ bông vải, nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sauso 10EC	Nhện đỏ/hoa hồng, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vimite 10 EC	nhện đỏ/ hoa hồng; bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

510	Fenpropathrin 160g/l + Hexythiazox 60g/l	Mogaz 220EC	Nhện đỏ/ hoa hồng; nhện gié/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		Spider man 220EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
511	Fenpropathrin 5g/l + Pyridaben 200g/l	Ratop 205EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
512	Fenpropathrin 100g/l + Pyridaben 200g/l	Sieunhen 300EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
513	Fenpropathrin 100g/l (5g/l) + Profenofos 40g/l (300g/l) + Pyridaben 10g/l (5g/l)	Calicydan 150EW, 310EC	**150EW**: nhện gié/lúa **310EC:** rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
514	Fenpropathrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Naldaphos 350EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
515	Fenpyroximate (min 96%)	Ortus 5SC	Nhện đỏ/ hoa hồng, bông vải	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
		May 050SC	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
516	Fenpyroximate 3% + Propargite 10%	Ω-Baxi 13EW	Nhện đỏ/ lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
517	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	nhện gié/lúa,bọ xít muỗi/điều, ca cao; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Tân Thành
518	Fenvalerate (min 93%)	Dibatox 20EC	sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fantasy 20EC	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Fenkill 20EC	sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		First 20EC	bọ xít/ lúa	Zagro Singapore Pte Ltd
		Kuang Hwa Din 20EC	rầy xanh/ lúa	Bion Tech Inc.
		Pathion 20EC	sâu xanh/ thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pyvalerate 20 EC	rầy, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/ điều	Forward International Ltd
		Sanvalerate 200 EC	bọ xít/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Sutomo 25EC	Sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Timycin 20 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong

		Vifenva 20 EC	sâu xanh/ thuốc lá, bọ xít/ đậu lấy hạt, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
519	Flometoquin (min 94%)	Gladius 10SC	Bọ trĩ/ hoa cúc, bọ phấn trắng/sắn, sâu xanh da láng/đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Quinac 10SC	Rầy nâu/ lúa, sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
520	Flonicamid (min 96%)	Acpymezin 10WG	Rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Ace focamid 50WG	Bọ trĩ/ hoa cúc, bọ phấn/ thuốc lá	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Exami 20WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Fairway 500WG	Rệp muội/ ngô	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Teppeki 50WG	Rầy nâu/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
521	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
522	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
523	Fluazinam (min 95%)	Flame 500SC	Nhện đỏ/ cam, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
524	Fluacrypyrim (min 95%)	Ang.clean 250SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
525	Flubendiamide (min 95%)	Flagrole 20WG	Sâu đục quả/cà chua	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Saikumi 39.35SC	Sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/khoai lang, sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Takumi 20WG, 20SC	**20WG:** sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ cà chua **20SC:** sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/bưởi	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
526	Flubendiamide 100g/l + Metaflumizole 150g/l	Beluka 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Nghiệp HP
527	Fluensulfone (min 95%)	Nimitz 480EC	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
528	Flufenoxuron (min 98%)	Cascade 5 EC	sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.

529	Flufiprole (min 97%)	Tachi 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á châu
530	Flufiprole 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Good 150SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
531	Flupyradifurone (min 96%)	Sivanto Prime 200SL	Rệp sáp/ cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
532	Fosthiazate (min 93%)	BN-Fosthi 10GR	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Foster 15GR	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Makeno 10GR	Tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Nemafos 10GR, 30CS	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Nemathorin 10GR	Tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nemazate 15GR	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Quota 10GR	Tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu	Công ty TNHH ADC
		Sagofort 10GR	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sakuto 10GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH US Agro
		Sun Choong En 5GR	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
533	Fufenozide (min 98%)	Fufe-super 100EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
534	Gamma-cyhalothrin (min 98%)	Vantex 15CS	sâu đục thân/ lúa, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
535	Garlic juice	Bralic-Tỏi Tỏi 1.25SL	bọ phấn/ cà chua	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Biorepel 10SL	rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; ruồi/ lá cải bó xôi; rệp muội/ hoa cúc, cải thảo; bọ phấn/ cà chua; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
536	Hexaflumuron (min 95%)	Fluron 100SC	Sâu tơ/ cải bắp	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Humeron 50EC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH US Agro
		Staras 50EC	Sâu xanh/ lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

537	Hexythiazox (min 94%)	Akiazox 50EW	Nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hoshi 55.5EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Lama 50EC	Nhện gié/ lúa, nhện đỏ/cam	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Nissorun 5 EC	nhện đỏ/ chè, hoa hồng, cam, đu đủ, xoài, hoa huệ; nhện gié/ lúa, nhện lông nhung/ nhãn, vải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nhendo 5EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Thizomite 200EC	Bọ phấn trắng/ sắn, nhện đỏ/cam	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Tomuki 50EC	Nhện gié/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
538	Hexythiazox 2% + Propargite 20%	Omega-Hexy 22EC	Nhện đỏ/hoa hồng, rệp muội/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
539	Hexythiazox 3% + Propargite 30%	Aki-siêu nhện 33EW	Nhện đỏ/ lạc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
540	Hexythiazox 40g/l + Pyridaben 160g/l	Super bomb 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
541	Imidacloprid (min 96%)	Acmayharay 100WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Actador 100WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Admitox 050EC, 100SL, 100WP, 600SC, 750WG	**050EC, 100SL:** rầy nâu/ lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê; rầy nâu, bọ trĩ/lúa **750WG:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa **600SC:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Aicmidae 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amico 10EC, 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Anvado 100SL, 100WP, 200SC, 700WG	**100SL, 100WP, 200SC, 700WG:** rầy nâu/lúa **100WP**: Châu chấu tre lưng vàng/ tre, ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Armada 50EC, 100SL, 700WG	**50EC:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu cuốn lá/ lạc **100SL**: rệp sáp/ cà phê **700WG:** bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Asimo 10WP	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Biffiny 10 WP, 400SC, 600FS	**10WP:** bọ trĩ/ lúa, rầy nâu/ lúa **400SC:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa **600FS:** Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Canon 100SL	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
		Confidor 200SL, 200 OD, 700WG	**200SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp vảy, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/ điều, rệp sáp/ hồ tiêu **200OD:** rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ lúa, điều; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê; rầy xanh, rệp muội/ bông vải **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Conphai 10ME, 10WP, 100SL, 700WG	**10ME, 10WP, 700WG:** rầy nâu/ lúa **100SL**: rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Hamida 10WP	Rệp muội/đậu xanh	Công ty CP TM Hải Ánh
		Helmer Admida 350SC	Bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH B.Helmer
		Imida 10WP, 20SL	**10WP:** bọ trĩ/ lúa **20SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Long Hiệp
		Imidova 150WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Imitox 10WP, 20SL, 700WG	**10WP:** Bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/cà phê **20SL:** rầy nâu/ lúa **700WG**: bọ trĩ/ lúa, rệp sáp/ cà phê, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa; bọ phấn trắng/ sắn	Công ty CP Đồng Xanh
		Inmanda 100WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Iproimida 20SL	rầy nâu/lúa	Công ty CP Futai
		Javidan 100WP, 150SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jiami 10SL	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Jugal 17.8 SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Just 050 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Kerala 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC

Keyword 10SL	Bọ trĩ/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
Kimidac 050EC	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Kola 600FS, 700WG	**600FS**: xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/ lúa **700WG**: bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/ lúa	Công ty TNHH ADC
Kongpi-da 151WP, 700WG	**151WP:** rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ điều **700WG:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Map-Jono 5EC, 700WP	**5EC:** bọ trĩ/ lúa **700WP:** rầy nâu/ lúa; sâu xám/ ngô; rầy xanh/ bông vải	Map Pacific PTE Ltd
Mega-mi 178 SL	bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rầy thánh giá/ hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Mikhada 10WP, 45ME, 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
Miretox 10EC, 250WP, 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Midan 10 WP	rầy xanh/ bông vải; rầy nâu, bọ trĩ, rầy lưng trắng/ lúa; rệp vẩy/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Nicotex
Nomida 10WP, 50EC, 700WG	**10WP, 50EC:** rầy nâu/ lúa **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Điền Thạnh
OFI 200SL	Rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
Phenodan 10 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
Pysone 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Punto xtra 70WG	rầy nâu/lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co.Ltd
Saimida 100SL	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sahara 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
Sectox 100WP, 200EC, 700WG	**100WP:** rầy nâu/ lúa **200EC, 700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Stun 20SL	Rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều, bọ xít lưới/ hồ tiêu	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
Sun top 700WP	rầy nâu/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
T-email 10WP, 70WG	**10WP**: bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			70WG: sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê; dòi đục lá/ đậu xanh; bọ xít muỗi, bọ trĩ/ điều; rệp sáp, bọ xít lưới/ hồ tiêu	
		Thần Địch Trùng 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Thanasat 10WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Tinomo 100SL, 100WP	**100SL**: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa **100WP:** rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vicondor 50 EC, 700WP	**50EC**: Rầy nâu/ lúa **700WP:** Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vipespro 150SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Yamida 10WP, 100EC, 100SL, 700WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê **100EC, 700WG:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa **100SL:** Bọ trĩ/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
542	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 50g/l	Aickacarb 250SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
543	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 70g/l	Yasaki 270SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
544	Imidacloprid 150g/l + Indoxacarb 150g/l	Xacarb 300SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Xarid 300SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
545	Imidacloprid 3% + Isoprocarb 32%	Qshisuco 35WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
546	Imidacloprid 100g/kg + Isoprocarb 250g/kg	Tiuray TSC 350WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
547	Imidacloprid 250g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/ kg	Centertrixx 750 WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá nông Mê Kông
548	Imidacloprid 205g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Startcheck 755WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
549	Imidacloprid 5% + Nitenpyram 45% + Pymetrozine 25%	Ramsuper 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

550	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Transfluthrin (min 95%) 50g/kg	Strongfast 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
551	Imidacloprid 100g/kg (50g/l) + Pirimicarb 20g/kg (150g/l)	Actagold 120WP, 200EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
552	Imidacloprid 50g/l + Profenofos 200g/l	Romano 250EC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Vitasupe 250EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
553	Imidacloprid 2% + Pyridaben 18%	Hapmisu 20EC	bọ phấn/ lạc, rệp sáp/ cà phê, bọ trĩ/ hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
554	Imidacloprid 2.5% + Pyridaben 15%	Usatabon 17.5WP	rệp bông xơ/ mía, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
555	Imidacloprid 150 g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 200 g/kg (500g/kg)	Tvpymeda 350WP, 650WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ
556	Imidacloprid 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Cherray 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
557	Imidacloprid 15g/kg + Thiamethoxam 285g/kg	Wofara 300WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
558	Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Leader 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập Đoàn Điện Bàn
559	Imidacloprid 100g/l (400g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (350g/kg)	NOSOT Super 300SC, 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
560	Imidacloprid 200g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Aicpyricyp 250WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
561	Imidaclorpid 10g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 340g/kg	Actadan 350WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
562	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 85%	Zobin 90WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP

563	Imidacloprid 2% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 58%	Midanix 60WP	sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá; bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex
564	Imidacloprid 4g/kg (20g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 36/kg (930g/kg)	Vk.Dan 40GR, 950WP	**40GR:** Sâu đục thân/ lúa **950WP:** Bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
565	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 70%	Rep play 75WP	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
566	Indoxacarb (min 90%)	Actatin 150SC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Aficap 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
		Agfan 15SC	Sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít lưới/ hồ tiêu, sâu khoang/lạc	Rotam Asia Pacific Limited
		Amateusamy 150SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Amater 150SC	Sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Lion Agrevo
		Avio 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ hà/ khoai lang	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Ammate® 30WG, 150EC	**30WG:** sâu cuốn lá/ lúa **150EC:** sâu khoang/ lạc, sâu xanh/ thuốc lá, sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Anhvatơ 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Anmaten 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Atone 14.5SC	Sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
		Betakill 150SC	Sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty CP Kỹ nghệ HGA
		Blog 8SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clever 150SC, 300WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Doxagan 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Indocar 150SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Indogold 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Indony 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Indosuper 150SC, 300WG	**150SC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, nhện gié/ lúa; rệp muội, sâu đục quả, sâu đục hoa, sâu xanh/ đậu tương **300WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Inrole 30WG	Sâu khoang/ lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Master Indo 150SC	Sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Master AG
		Newamate 200SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Đồng Vàng
		Opulent 150SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Minh Long
		Samxacarb 145SC	Sâu khoang/ lạc	Công ty CP SAM
		Sparring 30WG	Sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
		Supermate 150SC	sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ thuốc lá, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH An Nông
		Sunset 100EC, 100ME, 100WP, 150SC, 300WG	**100EC, 100ME, 100WP, 150SC**: Sâu keo mùa thu/ngô **300WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Thamaten 150SC	sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Zazz 150SC	sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Nam Bắc
		Wavesuper 15SC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bộ
567	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Divine 180SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
568	Indoxacarb 150 g/l + Lambda-cyhalothrin 50 g/l	Casino 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
569	Indoxacarb 345 g/kg + Matrine 5g/kg	August 350WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
570	Indoxacarb 100 g/l + Methoxyfenozide 150 g/l	Carno 250SC	Sâu keo mùa thu/ ngô, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Global Farm
571	Indoxacarb 15% + Methoxyfenozide 20%	Superplus 35SC	Sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH A2T Việt Nam
572	Indoxacarb 240 g/l + Novaluron 80 g/l	Plemax 320SC	Sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam

573	Indoxacarb 55g/kg (0.2g/l), (160g/l) + Profenofos 0.5g/kg (84.8g/l), (40g/l)	Goldkte 55.5WG, 85EW, 200SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
574	Indoxacarb 50g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Pymin 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
575	Indoxacarb 150g/l + Tebufenozide 200g/l	Captain 350SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
576	Isocycloseram (min 96%)	Incipio 200SC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá /lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
577	Isoprocarb (min 95%)	Mipcide 50WP	rầy xanh/ bông vải, rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Micinjapane 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tigicarb 20EC, 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vimipc 20EC, 25WP	rầy/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
578	Isoprocarb 400g/kg + Thiamethoxam 25g/kg	Cynite 425 WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
579	Isoprocarb 400g/kg + Thiacloprid 50g/kg	Zorket 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
580	Isoprocarb 200g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Silwet 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
581	Isoprocarb 600g/kg + Pymetrozine 80g/kg	Pentax 680WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
582	Karanjin	Takare 2EC	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa chuột, nho, dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn, vải; nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
		TT-umax 2EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Delta Cropcare
583	Lambda-cyhalothrin (min 81%)	Cyhella 250CS	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Karate® 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, sâu phao, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá, sâu ăn lá/ lạc; sâu ăn lá/ đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Katedapha 25EC	bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát

		Katera 50EC	Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		K-T annong 25EC, 25EW	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH An Nông
		K-Tee Super 50EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Fast Kill 2.5 EC	rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Iprolamcy 5EC	Sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Perdana 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Racket 2.5EC	sâu ăn lá/ lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sumo 2.5 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
		Vovinam 2.5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu róm/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
584	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Methylamine avermectin 38g/l	Manytoc 88EC	sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH CEC Việt Nam
585	Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Paichongding (min 95%) 250g/kg	Kingcheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
586	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Profenofos 335g/l	Wofatac 350 EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
587	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Profenofos 375g/l	Gammalin super 425EC	rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
588	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Quinalphos 235g/l	Cydansuper 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tê Hòa Bình
		Repdor 250 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
589	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Quinalphos 230g/l	Supitoc 250EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
590	Lambda-cyhalothrin 106g/l + Thiamethoxam 141g/l	Fortaras top 247SC	rầy nâu, bọ xít hôi, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
591	Lambda-cyhalothrin 110g/l + Thiamethoxam 140g/l	Valudant 250SC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành

		Yapoko 250SC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
592	Lambda-cyhalothrin 10.6% + Thiamethoxam 14.1%	Uni-tegula 24.7SC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
593	Lambda-cyhalothrin 2g/l (50g/l) + Phoxim 283g/l (19.99g/l) + Profenofos 120g/l (30g/l)	Boxing 405EC, 99.99EW	**405EC:** Rầy nâu, sâu đục thân/ lúa **99.99EW:** Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
594	Lambda-cyhalothrin 20g/l (10g/kg) (110g/l) + Thiacloprid 36.66g/l (100g/kg) (10g/l), + Thiamethoxam 10g/l (10g/kg), (150g/l)	Arafat 66.66EW, 120WP, 270SC	**66.66EW:** Sâu cuốn lá/lúa **120WP, 270SC:** Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
595	Lufenuron (min 96%)	Cedar 100EC	Bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Lino pesti 80EC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Liên nông Việt Nam
		Lockin 100EC	Sâu keo mùa thu/ngô, sâu khoang/cải bắp	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Lockone 115EC	Sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Lufenmax 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Lufenron 050EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh, thuốc lá; sâu đục quả/ đậu tương, sâu vẽ bùa/cam; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty CP Đồng Xanh
		Martadu 100SC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Match® 050 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ đậu xanh, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/cà chua; sâu keo mùa thu/ ngô; sâu khoang/ khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Sukibe 50EC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Tplufenron 100EC	Sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
		VT-Fenuron 10SC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái

		Ω-Luron 50SC	Sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
596	Lufenuron 50g/l + Metaflumizone 200 g/l	Truemax 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
597	Liuyangmycin	ANB52 Super 100EC	Nnhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Map Loto 10EC	Nhện đỏ/ xoài, cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ phấn/ đậu côve; rệp muội/ quýt	Map Pacific Pte Ltd
598	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm)	Agri-one 1SL	sâu khoang/ lạc, đậu côve; dòi đục lá/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Long
		Ajisuper 0.5SL, 1EC, 1WP	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Asin 0.5SL	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Đầu trâu Jolie 1.1SP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dotrine 0.6 SL	Sâu tơ/ bắp cải, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Ema 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Faini 0.288EC, 0.3 SL	**0.288EC**: rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè **0.3SL**: sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa	Công ty CP Nicotex

		Kobisuper 1SL	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa cúc, cam; ruồi hại lá/ đậu tương; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; nhện đỏ/ nho; sâu đục quả, dòi đục lá/ đậu đũa; ruồi hại lá/ cây bó xôi; sâu khoang/ lạc; sâu xanh/ thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ly 0.26SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Marigold 0.36SL	rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê; rầy xanh/ xoài; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ vải; bọ xít/ điều; sâu đục quả/ chôm chôm; sâu tơ/ bắp cải; thối quả/ xoài; mốc xám/ nho; sương mai/ dưa hấu, cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Plasma 3EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam
		Sakumec 0.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sokonec 0.36 SL	sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ đậu côve; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Sokupi 0.5SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội / cải bẹ; sâu khoang/ lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/ thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Wotac 16EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
599	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6 SL	sâu ăn hoa/ xoài, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH An Nông
600	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
601	Metaflumizone (min 96%)	Ataflu 240SC	Nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ

		DN Methaomizol 260SC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Lumizon 240SC	Sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
		Like-HP 240SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP NN HP
		Verismo 240SC	sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
602	Metaflumizone 10% + Methoxyfenozide 10%	Margo 20SC	Sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
603	Metaflumizone 150 g/l + Methoxyfenozide 150 g/l	Metadi 300SC	sâu xanh da láng/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Global Farm
604	Metaflumizone 200 g/l + Methoxyfenozide 200 g/l	MDMetometa 400SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
605	*Metarhizium anisopliae*	Naxa 800DP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Ometar 1.2 x 10^9 bào tử/g	rầy, bọ xít/ lúa; bọ cánh cứng/ dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
606	Methoxyfenozide (min 95%)	Gold Wing 24SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Masterole 24SC	Sâu xanh da láng/cải bắp	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Newrice 230SC	Sâu xanh da láng/cải bắp	Công ty CP S New Rice
		Prodigy® 240SC	sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu xanh da láng/ cải bắp; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Profendi 240SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Gap Agro
		Swin 24SC	Sâu khoang/cải bắp	Công ty CP Thuốc BVTV Tiên Tiến
		Zylo 240SC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH UPL Việt Nam
607	Methoxyfenozide 150 g/l + Pyridalyl 90 g/l	Mepyda 240SC	Sâu keo mùa thu/ ngô, sâu xanh da láng/cải bắp, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
608	Methoxyfenozide 300g/l + Spinetoram 60g/l	Pixy® 360SC	Sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
609	Methylamine avermectin	Aicmectin 75WG	rầy xanh/ chè, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Hagold 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Lutex 1.9EC, 5.5WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá/lúa **5.5WG:** sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
610	Methyl butyrate	Map rigo 3.2 SL	Sâu xanh da láng/ hành, nhện đỏ/ cam	Map Pacific Pte. Ltd

611	Milbemectin (min 92%)	Cazotil 1EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
612	Naled (Bromchlophos) (min 93%)	Dibrom 50EC	bọ xít hôi/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		TĐK Epoxyco 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
613	Natural rubber	Map Laba 10EC	Rệp sáp/ ổi, nhện đỏ/ cam	Map Pacific Pte. Ltd
614	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Charge 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Dyman 500WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP NN HP
		Elsin 10EC, 500SL, 600WP	**10EC:** Rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; rệp/ đậu tương **500SL:** Rầy nâu/lúa **600WP:** Rầy nâu/lúa, rệp muội/đậu tương	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fonica 600WP	Rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Luckyram 600WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Nitensuper 220SL, 500WP	**220SL:** Bọ trĩ/ điều, rầy nâu/ lúa **500WP**: Bọ xít muỗi/ điều; rầy nâu, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Soso 500WG	Rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Super King 500SL, 600WP	Bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH Việt Đức
		TVG28 650SP	Bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH HC và TM Trần Vũ
		Ω-ram 600WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
615	Nitenpyram 150g/kg (15%) + Pymetrozine 200g/kg (20%)	Asa Ray 350OD	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Nitop 35OD	Rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/ đậu tương, Bọ phấn trắng/ sắn	Công ty CP Global Farm
616	Nitenpyram 20% (200g/kg) + Pymetrozine 60% (600g/kg)	Maxram 800WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Phú Nông
		Meniten 800WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Global Farm
		Nitendo 80WG	Rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI

		Osago 80WG	Bọ phấn/sắn, rầy nâu/ lúa, rầy chổng cánh/ phật thủ	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Phoppaway 80WG	Rệp muội/mía	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Samurai 800WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Vuachest 800WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TAT Hà Nội
617	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG	rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa; mọt đục quả, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
618	Nitenpyram 30% (300g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Laroma 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Nisangold 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Ramsing 700WP, 700WG	**700WP:** Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê **700WG:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
619	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	**70WG:** rầy nâu/ lúa **75WP:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
620	Nitenpyram 50% + Pymetrozin 25%	Nypydo 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
621	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
622	Nitenpyram 150 g/kg + Pymetrozine 450 g/kg	Titan 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
623	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	Rầy nâu nhỏ/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
624	Nitenpyram 20% + Pymetrozine 50%	Pytenram 70WG	Bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Kona Crop Science
625	Nitenpyram 500g/kg + Pyriproxyfen (min 97%) 220g/kg	Supercheck 720WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
626	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
627	Nitenpyram 500 g/kg + Spiromesifen 200g/kg	Ang-Sachray 700WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
628	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		True 100EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông

		Uniron 100EC	Sâu khoang/ớt	Công ty TNHH UPL Việt Nam
629	Oxymatrine	Vimatrine 0.6 SL	bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ rau cải ngọt; ruồi hại lá/ cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/ cà chua; bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
630	Permethrin (min 92%)	Army 10EC	sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
		Asitrin 50EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clatinusa 500EC	Sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Crymerin 50EC	Mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; sâu róm/ điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fullkill 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Forward International Ltd
		Galaxy 50EC	sâu xanh/ lạc, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kilsect 10EC	Sâu khoang/lạc; bọ trĩ, sâu phao/ lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Map-Permethrin 50EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu đục qủa/ đậu tương, sâu xanh da láng/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Megarin 50 EC	sâu xanh/ đậu tương, rầy thánh giá/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Patriot 50EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu đục thân, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Peran 50 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/ đậu tương; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Lion Agrevo
		PER annong 100EW, 500EC	**100EW:** rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa **500EC**: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục hoa/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Perkill 50 EC	sâu xanh/ đậu xanh; rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Permecide 50 EC	sâu khoang/ lạc, bọ xít muỗi/ điều, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Pernovi 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông Việt
		Perthrin 50EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu ăn tạp/ bông vải; rệp sáp/ cà phê; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Đồng Xanh

		Pounce 50EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Terin 50EC	Bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, bọ xít, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tigifast 10 EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungperin 50 EC	sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; dòi đục lá/ đậu tương; sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân/ mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
631	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
632	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	Sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
633	Petroleum spray oil	Citrole 96.3EC	rệp sáp, nhện đỏ/cam; sâu vẽ bùa, rệp muội/quýt	Total Fluides. (France)
		Dầu khoáng DS 98.8 EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh
		DK-Annong Super 909EC	Rầy xanh/ chè; rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH An Nông
		Medopaz 80EC	bọ trĩ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam	Kital Ltd.
		SK Enspray 99 EC	nhện đỏ/ chè, cam; nhện lông nhung/nhãn, sâu hồng đục quả/ bưởi	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vicol 80 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
634	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92%)	Elsan 50 EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/ thuốc lá; rệp/ bông vải; sâu đục thân/ mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Forsan 60 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Forward International Ltd
		Phetho 50 EC	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Pyenthoate 50 EC	sâu đục thân/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Vifel 50 EC	sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
635	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
		Saliphos 35 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu keo/ ngô, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
636	Pirimicarb (min 95%)	Altis 50WP	rệp muội/ thuốc lá	Công ty CP Nicotex
		Ahoado 50WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TCT Hà Nội

637	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Piripro 550EC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
638	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết (*Gleditschia australis)*, Hy thiêm (*Siegesbeckia orientalis)*, Đơn buốt (*Bidens pilosa)*, Cúc liên chi dại (*Parthenium hystherophorus)*	Anisaf SH-01 2SL	rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/ dưa chuột; sâu khoang, muội đen, rệp đào/ thuốc lá, sâu đục cuống quả/ vải, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
639	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50 EC	bọ trĩ/ lúa; rệp, sâu khoang/ bông vải; rệp/ ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Callous 500EC	sâu khoang/ đậu xanh, sâu đục thân/ ngô, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Carina 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/ cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Cleaver 45EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Naviphos 500EC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Nongiaphat 500EC	Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Ronado 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Selecron® 500 EC	sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/ bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
640	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
641	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
642	Profenofos 100 g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
643	Propargite (min 85%)	Atamite 73EC	nhện đỏ/ hoa hồng, cam; nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bigmite 73EC	Nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		BN-Mite 570EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Bảo Nông Việt

		Comite® 73 EC, 570EW	**73EC:** nhện đỏ/ chè, cải bẹ xanh, lạc, cam, sắn; nhện gié/ lúa **570EW:** Nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ chè, cam, lạc, sắn	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Daisy 57EC	nhện đỏ/ chè, cam	Công ty CP Nicotex
		Kamai 730 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Saromite 57EC	nhện đỏ/ chè; nhện gié, bọ phấn /lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Superrex 73 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Topspider 570EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
644	Propargite 150g/l + Pyridaben 50g/l	Muteki 200EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
645	Propargite 300g/l + Pyridaben 200g/l	Proben super 500EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
646	Prothiofos (min 95%)	Sheba 50EW	Rệp sáp/cà phê, sâu keo mùa thu/ ngô	Sinon Corporation, Taiwan
647	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	Rầy nâu, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Checknp 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Chelsi 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Chess® 50WG	rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ phấn/lúa; bọ trĩ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Cheesapc 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
		Cheestar 50WG	rầy nâu/lúa, rầy bông/ xoài, rầy xanh/ chè	Công ty CP Nicotex
		Chersieu 50WG	Rầy nâu, bọ xít dài/lúa, rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Chits 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
		Gepa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		F35 25WP	Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Hichespro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hits 50WG	Rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cà phê; rệp muội, bọ phấn/cải xanh	Công ty CP SX TM Bio Vina

		Jette 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Longanchess 70WP, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Map sun 500WP	Rầy nâu/lúa	Map Pacific PTE Ltd
		Matoko 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		NBChestop 50WG	Bọ trĩ/ hoa cúc	Công ty TNHH Nam Bắc
		Newchestusa 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oscare 100WP, 600WG	**600WG:** rầy nâu, bọ trĩ /lúa **100WP:** Rệp bông xơ/mía, rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Pylon 50WG	Rầy bông/xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Sagometro 50WG	Rầu nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Schezgold 500WG	rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Scheccjapane super 750WG	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-osa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
648	Pymetrozine 40% + Spirotetramat 25%	Pimero 65WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Sunwa
649	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH-TM Nông Phát
650	Pymetrozine 400g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Tvusa 600WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
651	Pymetrozine 300g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Topchets 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
652	Pyrethrins	Bopy 14EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Mativex 1.5EW	rệp/ bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
		Nixatop 3.0CS	rệp muội, sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex
653	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhảy/ rau cải; bọ phấn/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh

654	Pyridaben (min 95%)	Alfamite 150EC, 200WP	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bipimai 150EC	Nhện đỏ/ hoa hồng	Côngty TNHH TM Bình Phương
		Coven 200EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Dandy 15EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietnhen 150EC	nhện gié/ lúa, nhện đỏ /hoa huệ	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
		Koben 15EC	bọ xít muỗi/ điều; rệp/ bông vải; nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Massy 200EC	Sâu cuốn lá đầu đen/lạc	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Ongtrum 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tifany 150EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
655	Pyridaben 200 g/l + Quinalphos 300 g/l	Pyphos-HB 500EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
656	Pyridaben 150g/kg (150g/l) + Sulfur 250g/kg (350g/l)	Pyramite 400WP, 500SC	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
657	Pyridalyl (min 91%)	Sumipleo 10EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu keo mùa thu/ ngô, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Ω-Dalyn 100SC	Sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ cà chua	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
658	Pyridaphenthion (min 95%)	Difitox 200EC	Rệp bông xơ/mía	Công ty CP BVTV I TW
659	Pyriproxyfen (min 95%)	Permit 100EC	rệp sáp/ cà phê, tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sunlar 110EC	Sâu vẽ bùa/ cam	Sundat (S) PTe Ltd
660	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	nhện gié, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng/ lúa; sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
661	Pyriproxyfen 170g/l (350g/kg) + Tolfenpyrad 130g/l (250g/kg)	Bigsun 300EC, 600WP	**300EC:** Rầy nâu/ lúa **600WP**: Rệp sáp/ cà phê, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
662	Quinalphos (min 70%)	Aquinphos 40EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam

		Faifos 5GR, 25EC	**5GR:** sâu đục thân/ ngô, lúa **25EC:** rệp muội/ thuốc lá, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ bông vải, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kinalux 25EC	sâu khoang/ lạc; sâu ăn tạp/ đậu tương; rệp/ cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Methink 25 EC	sâu phao, nhện gié/lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Obamax 25EC	sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Peryphos 25 EC	sâu phao/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Quiafos 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; vòi voi đục nõn/ điều; sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Quilux 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Quintox 25EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
663	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
664	Rotenone	Bin 25EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/ đậu xanh, rệp muội/hồ tiêu	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
		Dibaroten 5 WP, 5SL, 5GR	**5WP:** sâu xanh/ cải bẹ, dưa chuột **5WP, 5SL, 5GR**: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/ nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fortenone 5 WP	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ đậu tương	Forward International Ltd
		Limater 7.5 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ ớt; rệp sáp/ bí xanh; nhện đỏ/ bí đỏ, hoa hồng; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông

			chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/ cam; bọ xít/ nhãn; rệp/ xoài; sâu đục quả/ vải; rệp sáp/ na; sâu ăn lá/ cây hồng; sâu róm/ ổi	
		Newfatoc 75WP, 75SL	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Rinup 50 EC, 50WP	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/ cà chua; dòi đục lá/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu ăn hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông
		Trusach 2.5EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vironone 2 EC	sâu tơ/ cải thảo	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
665	Rotenone 5% (5 g/l) (5g/l) + Saponin 14.5% (145g/l) (145 g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC, 15SL	**15BR:** tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía, ốc bươu vàng/ lúa **15EC:** tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía **15SL:** ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
666	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** bọ nhảy, sâu xanh/ cải xanh **5WP, 5SL, 5GR**: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/ nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
667	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
668	Saponin	Map lisa 230SL	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh bướm trắng/rau cải, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Map Pacific Pte. Ltd.
669	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP-Thần Điền 78SL	rệp sáp, rệp vảy xanh, rệp nâu/ cà phê, xoài; rệp muội/ nhãn, vải; rệp/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Thành Phương

670	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nicotex
671	Spinetoram (min 86.4%)	Radiant® 60SC	sâu xanh da láng/ hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục quả, bọ trĩ/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ ớt; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Pineram 60SC	Sâu cuốn lá đầu đen/ lạc, bọ xít lưới/ hồ tiêu, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Thor 60SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/ cà chua	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
672	Spinetoram 120 g/kg + Triflumezopyrim 100 g/kg	Hibifen® 220WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
673	Spinosad (min 85%)	Akasa 25SC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; dòi đục quả/ ổi; sâu đục quả/ xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Automex 100EC, 250SC, 250WP	**100EC, 250WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **250SC**: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Daiwansin 25SC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Futai
		Efphê 25EC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH ADC
		Spicess 28SC	sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông
		Spincer 480SC	Sâu tơ/cải bắp, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Spinki 25SC	bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/ cà chua; sâu xanh, rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/ xoài; rệp sáp/thanh long, sầu riêng; bọ trĩ/ớt	Công ty TNHH Phú Nông
		Success 25SC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; ruồi đục quả/ ổi, xoài	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Sucsad 25SC	Sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Nam Bắc
		Suhamcon 25SC, 25WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muội, bọ nhảy sọc cong vỏ lạc/ bắp cải; rệp muội, bọ nhảy, sâu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao

			xanh da láng/ hành; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu đục quả, rệp muội/ đậu đũa; sâu xanh da láng/ lạc	
		Wish 25SC	sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ hành	Công ty CP Đồng Xanh
674	Spirodiclofen (min 98%)	Brinka 240SC	Nhện đỏ/ hoa cúc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Goldmite 240SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		MDSpifendor 340SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Omega-Spidermite 24SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Palman 150EC, 240SC	**150EC:** Nhện đỏ/hoa hồng, cam **240SC:** Nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Long Hiệp
		Setis 34SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Spiro 240SC	Nhện đỏ/quýt	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Tvramite 34SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Yonlock 240SC	nhện đỏ/ cam, sanh	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Wilson 240SC	Nhện đỏ/ cam	Công ty CP NN HP
675	Spiromesifen (min 97%)	Oberon 240SC	Nhện đỏ/cam, ớt	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
676	Spirotetramat (min 96%)	Armata 22.4SC	Rệp sáp/cà phê	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
		Aspiro 150OD	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Dotramat 150 OD	Bọ trĩ/xoài	Công ty CP Đồng Xanh
		Faster 150 OD	Bọ phấn/khoai tây	Công ty TNHH TM và PT Phú Thịnh
		Mario 22.4SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Movento 150OD	Rệp muội/ bắp cải, vải, dưa hấu; bọ trĩ/chè; rệp sáp/ thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu, xoài, sầu riêng; sâu đục quả/cà chua; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả, rệp sáp/bưởi; bọ trĩ, bọ phấn/ khoai tây; sâu đục cuống quả/nhãn	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Ramat 120SC	Rệp sáp/cam	Công ty CP Global Farm
		Sentinet 22.4SC	Rệp sáp/bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

		Seroto 224SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóa nông AMC
		Speramet 150OD	Rầy chổng cánh/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
677	Spirotetramat 150 g/l + Thiamethoxam 150 g/l	Tiramat 300SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro
678	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer® 500WG	Rầy nâu/lúa, rệp/ bông vải; rệp muội/đậu tương; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/ bông vải; bọ phấn trắng/ lúa; rệp muội/ ngô; bọ phấn/ khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
679	Sulfur	Bacca 80WG	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa chất NN I
		Sul-elong 80WG	Nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Sulfex 80WG	Nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Excel Crop Care Ltd.
		Tramuluxjapane 80WG	Nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
680	Tebufenozide (min 98%)	Adu-feno 200SC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Mimic® 20 SC	sâu xanh da láng/ thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Racy 20SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Tezimax 200SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH US Agro
		VT-Nozide 200SC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Xerox 20SC	sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
681	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	rầy nâu, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/hoa cúc; bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Tân Thành
682	Tetraniliprole (min 90%)	Vayego 200SC	sâu tơ/ bắp cải; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu keo mùa thu/ ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
683	Tolfenpyrad (min 95%)	Aoba 15EC	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
684	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240 SC	bọ trĩ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Fentinat 48 SC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Hostox 480SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

		Koto 240 SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương;	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Zukop 480SC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
685	Thiamethoxam (min 95%)	Actara® 25WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ mía; bọ trĩ/ điều; rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amira 25WG	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Anfaza 250WG, 350SC	**250WG:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê **350SC:** bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Apfara 25 WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Asarasuper 500SC, 250WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dop 25WG	Bọ trĩ/ hoa cúc	Công ty TNHH Master AG
		Falcon 25WG	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Hercule 25WG	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fortaras 25WG	rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp, sâu đục cành/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Furacol 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Impalasuper 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Jiathi 25WP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Nofara 35WG, 350SC	**35WG:** bọ trĩ, rầy nâu/ lúa **350SC:** rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Ranaxa 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Tata 25WG, 355SC	**25WG:** rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê **355SC:** rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thiamax 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Thionova 25WG	rầy nâu/ lúa; rệp muội, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vithoxam 350SC	rầy nâu/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
686	Thiodicarb (min 96%)	Click 75WP	bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông

		Ondosol 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Pontiac 800WG	rệp sáp/ cà phê	Rotam Asia Pacific Limited
		Supepugin 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Thio.dx 75WP	Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
687	Triflumezopyrim (min 94%)	Pexena® 106SC, 20WG	**106SC:** rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ/ lúa **20WG**: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
688	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (Monosultap) (min 95%)	Acemo 180SL	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Apashuang 10GR, 18SL, 95 WP	**10GR:** sâu đục thân/ lúa, mía, ngô **18SL, 95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/ lúa, mía, ngô **18SL:** rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/ lúa; sâu đục thân, rệp/ ngô; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục thân, rệp/ mía; rệp sáp/ cà phê **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/ lúa; sâu xanh/ đậu tương; rầy/ bông vải; sâu đục thân/ ngô, mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Catodan 18SL, 90WP	**18SL:** sâu cuốn lá/ lúa **90WP:** sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Colt 95 WP, 150 SL	**95WP**: sâu phao/ lúa **150SL**: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Dibadan 18 SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp bông xơ mía; rầy/ bông vải; rệp/ ngô **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ ngô; rầy/ bông vải; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xơ/ mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Neretox 18 SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; châu chấu tre lưng vàng/ ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
		Netoxin 90 WP	sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Sát trùng đơn (Sát trùng đan) 5 GR, 18 SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/ lúa **18SL:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh/ đậu tương **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh/ đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Sadavi 18 SL, 95WP	**18SL**: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa **95WP**: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/ lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Sanedan 95 WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Shaling Shuang 180SL, 950WP	**180SL:** sâu đục thân/ lúa **950WP**: sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sha Chong Jing 95WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Sha Chong Shuang 18 SL, 50SP, 95WP	**18SL, 95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa **50SP:** sâu đục thân lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Taginon 18 SL, 95 WP	**18SL:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa **95WP:** rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Tiginon 5GR, 18SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/ mía, lúa **18SL:** sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê **95WP:** sâu xanh/ đậu xanh, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungsong 18SL, 95WP	**18SL**: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa **95WP**: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tvpyrafos 750WP	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH HC và TM Trần Vũ
		Vietdan 3.6GR, 29SL, 95WP	**3.6GR:** sâu đục thân/ lúa **29SL:** bọ trĩ/ lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	**5GR, 18SL:** sâu đục thân/ lúa **95SP:** rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vi Tha Dan 18 SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, sâu đục thân lúa **95WP**: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
689	*Verticillium chlamydosporium* ZK7	Nematodie GR	Tuyến trùng/ cà chua, hồ tiêu	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh:				

1	Ascorbic acid 2.5% + Citric acid 3.0% + Lactic acid 4.0%	Agrilife 100 SL	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; thối nhũn vi khuẩn/bắp cải; thán thư/ớt; thán thư/thanh long; lúa von/lúa (xử lý hạt giống); đốm mắt cua/ ớt, đốm lá/ cà tím; héo xanh/ mướp, cà tím	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
2	Acrylic acid 4% + Carvacrol 1%	Som 5 SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; giả sương mai, mốc xám/ dưa chuột, rau, cà; thán thư/ ớt	Công ty TNHH Nam Bắc
3	Acrylic acid 40g/l + Carvacrol 10g/l	Stargolg 5SL	Khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; thán thư/ớt	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
4	Acibenzolar-S-methyl (min 96%)	Bion 50 WG	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
5	Albendazole (min 98.8%)	Abenix 10SC	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá vi khuẩn/ lúa; vàng lá, thán thư/hồ tiêu	Công ty CP Nicotex
6	Albendazole 100g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Masterapc 600WG	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
7	Amisulbrom (min 96.5%)	Gekko 20SC	Sương mai/cà chua, ớt; giả sương mai/dưa chuột; sưng rễ/ bắp cải; xì mủ/ sầu riêng, cam	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
8	Anacardic acid	Amtech 100EW	Thối nhũn/ cải thảo, cải bắp; đốm vòng/ cà tím, giả sương mai/ dưa chuột; thán thư/ thanh long, vải, xoài; loét/cam; sương mai/ cà chua, hành; thối búp/chè; mốc xám/dâu tây; héo xanh/ớt; mốc sương/nho	Công ty CP NN HP
9	Azoxystrobin (min 93%)	Amistar® 250 SC	Đốm vòng/ cà chua; mốc sương, lở cổ rễ/khoai tây; thối quả/ca cao; sương mai, thán thư/ dưa hấu; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt; đốm nâu/ thanh long; thán thư/cam, xoài, vải; đốm lá Sigatoka/chuối	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Astro 250SC	Thán thư/ớt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Azo-elong 350SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Azony 25SC	Khô vằn, đạo ôn/ lúa; sẹo (ghẻ nhám)/ cam, thán thư/xoài	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Envio 250SC	Lem lép hạt/ lúa, đốm nâu/thanh long, thán thư/ xoài, sương mai/ dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Hiache 23SC	Thán thư/xoài, nho	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Majestic 250SC	Thán thư hoa/ xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng

		Mission 250SC	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Overamis 300SC	Thán thư/ xoài; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Sam Robin 250SC	Thán thư/ xoài	Công ty CP SAM
		Sinstar 250SC	Đạo ôn/lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Sixoastrobin 25SC	Đốm lá/ lạc	Công ty TNHH Sixon
		Solani 250SC	Thán thư/ớt, xoài	Công ty TNHH Gap Agro
		Star.dx 250SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Trobin 250SC	Đạo ôn, khô vằn/ lúa; thán thư/ xoài; ghẻ nhám/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
		XinAzo 250SC	Thán thư/xoài	Anhui Guangxin Agrochemical Co. Ltd.
10	Azoxystrobin 60g/l + Chlorothalonil 500g/l	Ameed Plus 560SC	Rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ ớt, giả suong mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Mighty 560SC	Sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Nowa 560SC	Đốm vòng/ cà chua	Công ty TNHH Danken Việt Nam
11	Azoxystrobin 60 g/l + Chlorothalonil 600 g/l	Avial 660SC	Thán thư/xoài	Agria S.A
12	Azoxystrobin 100g/l + Chlorothalonil 500g/l	Azoxygold 600SC	Lem lép hạt/ lúa; đốm nâu/ thanh long; sẹo/ cam; thán thư/ xoài	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Kata-top 600SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Ortiva® 600SC	Thán thư/ xoài; thán thư, đốm vòng/ ớt; giả sương mai/ dưa chuột; nấm hồng/ cà phê; thán thư, sương mai/ dưa hấu; thán thư, rỉ sắt/ cà phê; thán thư, đốm vòng, sương mai/ cà chua; đốm lá/ cà chua; vàng rụng lá, nứt vỏ khô mủ/ cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
13	Azoxystrobin 90g/l + Chlorothalonil 700g/l	Kempo 790SC	Sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH Trường Thịnh
14	Azoxystrobin 200g/kg + Cyproconazole 75g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Cyat 525WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
15	Azoxystrobin 200 g/l + Cyazofamid 100 g/l	Runmun 300SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc

16	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 120g/l	Vitrobin 320SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
17	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l	Adiconstar 325SC	Thán thư/ cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Afenzole 325SC	Thán thư/cà phê	Shandong Sino - Agri United Biotechnology Co., Ltd.
		Amistar Top® 325SC	khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; chết cây con/ lạc, phấn trắng/ hoa hồng, phấn trắng, vàng lá/cao su; khô nứt vỏ/cao su; đốm lá lớn, gỉ sắt/ngô; thán thư/cà phê, hồ tiêu; khô vằn/ ngô, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amylatop 325SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; chết cây con/lạc, phấn trắng/cao su; vàng rụng lá/ cao su, phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Artivar Helmer 325SC	Nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH B.Helmer
		Asmaitop 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azofenco 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Kital
		Keviar 325SC	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Mastertop 325SC	lem lép hạt/lúa; thán thư/cà phê, hồ tiêu; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Moneys 325SC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Ohho 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Phaybuc 325SC	Chết ẻo cây con/ lạc	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Star.top 325SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Supreme 325 SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Topmystar 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		TT-Over 325SC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; thán thư/cà phê; vàng lá/ khoai lang	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Trobin top 325SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; đốm nâu, lở cổ rễ/ lạc; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt, thán thư/ cà phê; thối gốc/ lạc; đốm vòng/khoai tây	Công ty TNHH Phú Nông

		X-Glider 350SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Agrimatco Việt Nam
18	Azoxystrobin 255g/l + Difenoconazole 160g/l	Citeengold 415SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lan Anh
19	Azoxystrobin (250g/l), (250g/kg) + Difenoconazole (250g/l), (250g/kg)	Amity top 500SC, 500SG	**500SC:** Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; phấn trắng/cao su; rỉ sắt/cà phê **500SG:** Đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
20	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg) + Difenoconazole 125g/l (250g/kg)	Myfatop 325SC, 650WP	**325SC:** đạo ôn, lem lép hạt/ lúa **650WP:** lem lép hạt/ lúa; nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH An Nông
21	Azoxystrobin 10g/kg, (50g/kg), (200g/l) + Difenoconazole 200g/kg, (200g/kg), (125g/l)	Audione 210WP, 250WG, 325SC	**210WP, 250WG:** Lem lép hạt/ lúa **325SC:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
22	Azoxystrobin 200 g/l + Difenoconazole 150g/l	Amass TSC 350SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Ara-super 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm lá/đậu tương; chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/khoai tây	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Aviso 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn/ lúa, phấn trắng/ cao su, thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
		Maxtatopgol 350SC	phấn trắng/cao su	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Mi stop 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
23	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 150g/l	Anmisdotop 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Asmiltatop Super 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Azotop 400SC	đạo ôn, lem lép hạt /lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Azosaic 400SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Bi-a 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Dovatop 400SC	Thán thư/ điều, khoai môn; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; khô quả/cà phê; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

		Help 400SC, 400OD	**400SC:** lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn, đốm nâu/ lúa; thán thư/ hồ tiêu, hoa hồng, cà phê **400OD**: Thán thư/ hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH ADC
		Paramax 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ngô; đốm lá/ ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Upper 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa, vàng rụng lá/ cao su; thán thư/ cà phê; nứt thân xì mủ/ cao su; chết nhanh/hồ tiêu; lở cổ rễ/thuốc lá	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
24	Azoxystrobin 25% + Difenoconazole 15%	Uni-rich 40SC	Rỉ sắt/ lạc, cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
25	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 220g/l	Majetictop 420SC	Rỉ sắt/cà phê; lem lép hạt, đốm nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
26	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 175g/l	Vk.Lasstop 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
27	Azoxystrobin 325g/l + Difenoconazole 125g/l	Neoamistagold 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
28	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 200g/l	A zol 450SC	Đạo ôn/ lúa, sương mai/ khoai tây, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Toplusa 450SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
29	Azoxystrobin 300g/l + Difenoconazole 150g/l	Jiadeporo 450SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Miligo 450SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
30	Azoxystrobin 270g/l + Difenoconazole 180g/l	Tilgent 450SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
31	Azoxystrobin 60g/kg + Difenoconazole 200g/kg + Dimethomorph 100g/kg	Novistar 360WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nông Việt
32	Azoxystrobin 210 g/l + Difenoconazole 130 g/l + Hexaconazole 50g/l	Mitop one 390SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
33	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 50g/l	Curegold 375SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; khô cành khô quả/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

34	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 100g/l	Starvil 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
35	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Osaka-Top 500SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
36	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 80 g/l + Tricyclazole 200g/l	Athuoctop 480SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
37	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Tricyclazole 200g/l	Mix Perfect 525SC	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
38	Azoxystrobin 50g/l + Difenoconazole 250g/l + Tricyclazole 255g/l	Tilgermany super 555SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
39	Azoxystrobin 20.1g/l (50g/kg) + Difenoconazole 12.6g/l (150g/kg) + Sulfur 294.3g/l (560g/kg)	Titanicone 327SC, 760WP	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
40	Azoxystrobin 5% + Dimethomorph 20%	Yezak 25SC	Loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển KT và chuyển giao công nghệ
41	Azoxystrobin 200 g/kg (20%) + Dimethomorph 100g/kg (10%)	Azomor 300WG	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Diabin 30WG	Sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
42	Azoxystrobin 20% + Dimethomorph 40%	Avatop 60WG	Sương mai/ dưa hấu	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
43	Azoxystrobin 60g/kg + Dimethomorph 250g/kg + Fosetyl-aluminium 30g/kg	Map hero 340WP	thán thư/cà chua; giả sương mai/ dưa gang; mốc sương/ nho; đốm vòng/ bắp cải; thán thư, sương mai/ dưa hấu; thối thân, đốm nâu/ thanh long; sương mai/ cà chua; nứt thân chảy nhựa/ dưa hấu	Map Pacific Pte Ltd
44	Azoxystrobin 250 g/l (250g/kg) + Fenoxanil 200g/l (500g/kg)	Lk-Vill @ 450SC, 750WG	**450SC:** lem lép hạt/ lúa **750WG:** đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu

45	Azoxystrobin 200g/kg (250g/l) + Fenoxanil 125g/kg (150g/l)	Omega 325WP, 400SC	**325WP:** đạo ôn/lúa; đốm vòng/ hành, sẹo/ cam **400SC:** đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đốm vòng/ hành; ghẻ nhám/ cam; sương mai/bắp cải	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
46	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l	Trobin plus 400SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
47	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l + Hexaconazole 100g/l	Aha 500SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
48	Azoxystrobin 30g/l (60g/kg) + Fenoxanil 200g/l (350g/kg) + Kasugamycin 30g/l (40g/kg)	Surijapane 260SC, 450WP	**260SC:** Đạo ôn/lúa **450WP**: Lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
49	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 210g/l + Ningnanmycin 40g/l	Lazerusa 450SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
50	Azoxystrobin 10g/l + Fenoxanil 200g/l + Tebuconazole 150g/l	Chilliusa 360SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
51	Azoxystrobin 200 g/l + Fluazinam 300 g/l	Balstop 500SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
52	Azoxystrobin 15% + Fludioxonil 15%	Chamnuri 30SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
53	Azoxystrobin 150g/l (200g/l) + Flusilazole 150g/l (150g/l)	Willsuper 300EC, 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
54	Azoxystrobin 12% + Flusilazole 8%	Fifatop 20SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
55	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Camilo 150SC	Lem lép hạt, khô vằn, đốm nâu/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/ cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; thán thư/xoài, phấn trắng/cao su	Công ty TNHH ADC
		Hextop 150SC	lem lép hạt, khô vằn /lúa; vàng rụng lá/cao su; thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Ori 150SC	Vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
56	Azoxystrobin 8% + Hexaconazole 16%	Acaben Gold 24SC	Đốm lá/hoa cúc	Công ty CP BVTV ATC

57	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 101g/l	Super cup 151SC	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
58	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Calox 250SC	Vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
59	Azoxystrobin 10g/l (200g/kg) + Hexaconazole 60g/l (565g/kg)	Anforli 70SC, 765WG	**70SC:** Khô vằn/lúa **765WG:** Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
60	Azoxystrobin 250g/l + Hexaconazole 70g/l	Acatop 320SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
61	Azoxystrobin 270g/l + Hexaconazole 90g/l	Fujivil 360SC	Sẹo/cam	Công ty CP Nông dược Việt Nam
62	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 40g/l + Tricyclazole 220g/l	King-cide Japan 460SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
63	Azoxystrobin 10g/l + Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Avas Zin 260SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
64	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 100g/l + Tebuconazole 50g/l	Acdino 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
65	Azoxystrobin 200 g/l + Isopyrazam 125 g/l	Reflect® Xtra 325 SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
66	Azoxystrobin 200 g/l + Kasugamycin 50 g/l	Trobinsuper 250SC	Chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
67	Azoxystrobin 50 g/kg + Mancozeb 700 g/kg	Fineluck 750WG	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
68	Azoxystrobin 7% + Mancozeb 40%	Helan 47OS	Thán thư/xoài	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
69	Azoxystrobin 56g/l + Prochloraz 200g/l + Tebuconazole 100g/l	Almagor 356EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
70	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 12%	Omega-Vil 32SC	Chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/ đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
71	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 15%	Bn-azopro 35SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su	Công ty CP Bảo Nông Việt
72	Azoxystrobin 75g/l + Propiconazole 125g/l	Apropo 200SE	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam

		Quilt 200SE	đốm lá lớn/ ngô; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
73	Azoxystrobin 7% + Propiconazole 11.7%	Propazomix 18.7SC	Rỉ sắt/cà phê	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
74	Azoxystrobin 1g/l (130g/l), (100g/kg) (200g/kg) + Propineb 10g/l (10g/l), (300g/kg) (10g/kg) + Tebuconazole 260g/l (200g/l), (100g/kg) (550g/kg)	Amisupertop 271EW, 340SC, 500WP, 760WG	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
75	Azoxystrobin 1g/l (260g/l), (50g/kg) + Sulfur 20g/l (10g/l), (460g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (250g/kg)	Topnati 281EW, 330SC, 760WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
76	Azoxystrobin 80 g/l + Tebuconazole 160 g/l	Buxyzole 240SC	Thán thư/cà phê	Rotam Asia Pacific Co. Ltd.
77	Azoxystrobin 20% + Tebuconazole 30%	Omega-mytop 50SC	Đốm lá đậu tương, rỉ sắt/ cà phê, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
78	Azoxystrobin 120g/l + Tebuconazole 200g/l	Custodia 320SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
79	Azoxystrobin 200g/l (450g/kg) + Tebuconazole 200g/l (350g/kg)	Lotususa 400SC, 800WG	**400SC:** lem lép hạt/ lúa **800WG:** Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
80	Azoxystrobin 200 g/l + Tebuconazole 200 g/l	Tebaz 400SC	Rỉ sắt/cà phê	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
81	Azoxystrobin 400g/kg + Tebuconazole 100g/kg	Maxxa 500WG	Đạo ôn; lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
82	Azoxystrobin 300g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Natiduc 800WG	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; gỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
83	Azoxystrobin 260g/l (100g/kg) + Tebuconazole 60g/l (350g/kg)	Natigold 320SC, 450WG	**320SC:** lem lép hạt, đạo ôn /lúa **450WG:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
84	Azoxystrobin 250g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Ameed top 750WG	Lem lép hạt, khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc, phấn trắng/ hoa hồng	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.

85	Azoxystrobin 11% + Tebuconazole 18.3%	Tebazo 29.3SC	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
86	Azoxystrobin 100 g/l + Tetraconazole 80 g/l	Eminent excell 180SC	Rỉ sắt/hoa cúc	Isagro S.p.A
87	Azoxystrobin 0.2g/kg (100g/l), (10g/kg) + Tricyclazole 79.8g/kg (225g/l), (750g/kg)	Verygold 80WP, 325SC, 760WG	**80WP, 760WG:** Đạo ôn/ lúa **325SC:** Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
88	Azoxystrobin 100g/l + Tricyclazole 225 g/l	Staragro 325SC	Khô vằn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
89	Azoxystrobin 30 g/l (50g/kg) + Tricyclazole 370g/l (750g/kg)	Azobem 400SC, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Chất và Thương Mại Trần Vũ
90	Azoxystrobin 20g/l + Tricyclazole 400g/l	Top-care 420SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
91	Azoxystrobin 60g/l + Tricyclazole 400g/l	Roshow 460SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
92	Azoxystrobin 15g/kg + Tricyclazole 745g/kg	Bemjapane 760WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
93	Azoxystrobin 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Be-amusa 810WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
94	Azoxystrobin 200g/l + Tricyclazole 300g/l	Altista top 500SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
95	Azoxystrobin 20% + Thifluzamide 5%	Tvazomide 25WP	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
96	Azoxystrobin 20% + Thifluzamide 10%	Azotide 30SC	Khô vằn/ngô	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
97	Bạc Nano 1g/l + Chitosan 25g/l	Nano Kito 2.6SL	Nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
98	*Bacillus subtilis*	Ace Bacis 111WP	Đạo ôn/ lúa, mốc xám/ cà chua, phấn trắng/ dưa chuột	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Balus 111WP	Đạo ôn/lúa, phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Biobac WP	héo xanh/ cà chua; phấn trắng/ dâu tây; thối rễ/ súp lơ, sưng rễ/ bắp cải; vàng lá thối rễ/ cam; héo xanh vi khuẩn/ ớt, hoa cúc	Bion Tech Inc.,

		Bionite WP	đốm phấn vàng, phấn trắng/ dưa chuột, bí xanh; sương mai/ nho; mốc sương/ cà chua; biến màu quả/ vải; héo vàng, chết cây con/ lạc; đen thân/ thuốc lá; đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; bệnh còng, chết cây con/ hành tây	Công ty TNHH Nông Sinh
		Mostika 10^9 cfu/ml SL	Chết nhanh/hồ tiêu; thối nhũn/bắp cải	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Moti-V 100WP	Mốc xám/cà chua	Công ty TNHH TM Hải Thụy
		Rebaci 100WP	vàng lá thối rễ/ cam, quýt	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Subtial 100WP	Khô vằn/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
99	*Bacillus amyloliquefaciens (Bacillus subtilis*) QST 713	Serenade SC	Thối đen/bắp cải; loét/ cam; đạo ôn/lúa; sương mai/ hành; đốm vòng/ cà chua; phấn trắng/ dưa chuột; đốm lá/chuối; loét vi khuẩn/bưởi	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
	Bacillus amyloliquefaciens AT-332	Miyabi WG	Phấn trắng/ ớt chuông, dưa lưới	Công ty TNHH Việt Thắng
	Bacillus amyloliquefaciens CL3	Sinsmart SC	Mốc xám/dâu tây	Sinon Corporation
100	Bemystrobin (min 98%)	Bemy 100SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
101	Benalaxyl (min 94%)	Dobexyl 50WP	Giả sương mai/ dưa hấu, đốm lá/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
102	Benthiavalicarb-isopropyl (min 91%)	Hida 15WG	Mốc sương/ dưa chuột, sương mai/ khoai tây, giả sương mai/dưa hấu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
103	Benthiavalicarb 1.75% + Mancozeb 70.0%	Valbon 71.75WG	Sương mai/ cà chua, chết nhanh/ hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
104	Berberine	Antiba 4SL	Đốm góc cạnh vi khuẩn/ cà chua, dưa chuột	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
105	Bismerthiazol (Sai ku zuo) (min 90%)	Agpicol 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Anti-xo 200WP	Bạc lá, thối gốc vi khuẩn/lúa, loét vi khuẩn/ cam; thối đen vi khuẩn/bắp cải; đốm lá vi khuẩn/cà chua, đậu tương; héo xanh vi khuẩn/ớt; đốm đen vi khuẩn/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Asusu 20 WP	Bạc lá/ lúa, loét/ cam	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Benita 250 WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP

		Diebiala 20SC	Bạc lá/ lúa, xì mủ/ xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Kadatil 300WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Sasa 25 WP	Bạc lá/lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Sansai 200 WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		TT-atanil 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		TT Basu 250WP	Bạc lá/lúa; thối nhũn/bắp cải; héo rũ/ khoai lang; đốm lá vi khuẩn/ hành	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		VK. Sakucin 25WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Xanthomix 20 WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Xiexie 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Zeppelin 200WP	Bạc lá/lúa, phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và PT Ngọc Lâm
106	Bismerthiazol 15% + Copper hydroxide 60%	TT-Tafin 75WP	Bạc lá/lúa; sương mai/khoai tây	Công ty TNHH TM Tân Thành
107	Bismerthiazol 350 g/kg + Fenoxanil 450 g/kg	Broken 800WP	Nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
108	Bismerthiazol 250g/kg + Fenoxanil 400g/kg + Sulfur 100g/kg	Bikin 750WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
109	Bismerthiazol 150g/kg + Gentamicin sulfate 15g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	ARC-clench 215WP	Bạc lá, lép vàng vi khuẩn/lúa; héo rũ/hồ tiêu; đốm đen xì mủ/xoài	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Riazor 215WP	Bạc lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
110	Bismerthiazol 150g/l + Hexaconazole 450g/l	TT-bemdex 600SC	Khô vằn, bạc lá/ lúa; thán thư, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
111	Bismerthiazol 190 g/kg + Kasugamycin 10g/kg	Probicol 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

112	Bismerthiazol 290g/kg (475g/l) + Kasugamycin 10g/kg (25g/l)	Nanowall 300WP, 500SC	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
113	Bismerthiazol 200g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 20g/kg	Tokyo-Nhật 220WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
114	Bismerthiazol 200g/kg + Oxolinic acid 200g/kg	Captivan 400WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Longantivo 400WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
115	Bismerthiazol 200 g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Probencarb 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
116	Bismerthiazol 150g/kg + Tecloftalam 100g/kg	Kasagen 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sieu sieu 250WP	Bạc lá/ lúa; đốm sọc vi khuẩn/ lúa, ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
117	Bismerthiazol 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bitric 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
118	Bismerthiazol 400g/kg, + Tricyclazole 375g/kg	Antigold 775WP	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
119	Bismerthiazol 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Bimplus 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Tigondiamond 800WP	Bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty CP NN HP
120	Bismerthiazol 200g/kg + Tricyclazole 400g/kg + Sulfur 200g/kg	Antimer-so 800WP	Bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
121	Bordeaux mixture (min 83.05%)	BM Bordeaux M 25WP	Sương mai/ cà chua, rỉ sắt/ cà phê, sẹo/cam, tảo đỏ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su, thán thư/ điều	Công ty TNHH Ngân Anh
		IC-Top 28.1SC	Loét vi khuẩn/ cam; sương mai/ nho	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát
122	Boscalid (min 96%)	Ac-Bosca 300SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Bonito 50WG	Mốc xám/nho	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Bosstar 25SC	Phấn trắng/ nho	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Entry 500 WG	Thối quả/ xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)

		Gap-boss 300SC	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Gap Agro
		Kimono.apc 50WG	Sương mai/đậu tương	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		MDBosdan 500WG	Thán thư/hồ tiêu; mốc xám/ớt	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Wasaki 250SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TCT Hà Nội
123	Boscalid 240 g/l + Fludioxonil 60 g/l	Bolini 300SC	Giả sương mai/dưa chuột; thán thư/xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
124	Boscalid 20% + Kresoxim-methyl 10%	Phonrx 30SC	Phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
125	Boscalid 25% + Pyraclostrobin 10%	Mustang 35SC	Thán thư/ hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
126	Boscalid 25.2% (252 g/l) + Pyraclostrobin 12.8% (128g/l)	Bibos 380SC	Sẹo/ cam, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Boss-B 380SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Bostrobin 380SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Lessick 38WG	Thán thư/ ớt	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Migu 38WG	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bộ
127	Boscalid 20% + Pyraclostrobin 10%	Roteva 30SC	Sương mai/ cà chua	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
128	Boscalid 420 g/l + Trifloxystrobin 140 g/l	Tribo 560SC	Thán thư/xoài	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
129	Bromothalonil (min 95%) 370 g/kg + Myclobutanil 130 g/kg	Ang-Sachbenh 500WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
130	Bronopol (min 99%)	Totan 200WP	Bạc lá, lép vàng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xantocin 40WP	Bạc lá, thối gốc do vi khuẩn/lúa; chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		TT-biomycin 40.5WP	Bạc lá, lem lép hạt do vi khuẩn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
131	Bronopol 450g/kg + Salicylic acid 250g/kg	Sapol 700WP	Bạc lá, thối bẹ/lúa; héo xanh vi khuẩn/ lạc	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Sieukhuan 700WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
132	Bupirimate (min 98%)	Ω-Buri 25ME	Đạo ôn/ lúa, giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
133	Calcium Polysulfide	Lime Sulfur	Phấn trắng/ nho, sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH ADC
134	Carpropamid (min 95%)	Newcado 300SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
135	Carvacrol 0.1% + Eugenol 2%	Senly 2.1SL	Bạc lá, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt	Công ty TNHH Trường Thịnh
136	*Chaetomium cupreum*	Ketomium 1.5 x 10^6 Cfu/g bột	thối rễ, thối thân/ cà phê, hồ tiêu; đạo ôn/ lúa; héo rũ/ cà chua; đốm lá, phấn trắng/ cây hồng	Viện Di truyền nông nghiệp
137	*Chaetomium* sp. 1.5 x 10^6 cfu/ml + *Trichoderma* sp 1.2 x 10^4 cfu/ml	Mocabi SL	Sưng rễ, héo vàng/ bắp cải; héo vàng/ cà chua; thối gốc, thối lá/ hành tây; lem lép hạt/ lúa; thối gốc/ hồ tiêu; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
138	Chitosan	Fusai 50 SL	Đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Jolle 1SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ vải, xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Kaido 50SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ xoài, vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Stop 5 SL, 15WP	**5SL:** tuyến trùng/ cà rốt, cà chua, thanh long, hoa huệ, xà lách; héo dây, cháy lá, thối rễ, thối gốc/ dưa hấu; đạo ôn, khô vằn/ lúa **15WP:** tuyến trùng/ cà rốt; sương mai/ dưa chuột; đốm nâu, đốm xám, thối búp, thối rễ, tuyến trùng/ chè	Công ty TNHH Ngân Anh
		Thumb 0.5SL	bạc lá, khô vằn, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt; tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Nam Bắc
		Tramy 2 SL	tuyến trùng/ cải xanh, xà lách, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, bệnh héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; tuyến trùng, mốc sương/ dưa hấu; héo rũ/ lạc; đạo ôn, tuyến trùng/ lúa; đốm lá/ngô; thối quả/ vải, xoài; mốc xám/ xà lách	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Vacxilplant 8 SL	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM – SX Phước Hưng

		Yukio 50SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
139	Oligo-Chitosan	Rizasa 3SL	đạo ôn, lem lép hạt, kích thích sinh trưởng/ lúa; thối ngọn, kích thích sinh trưởng/ mía; kích thích sinh trưởng/ chè; mốc xám, kích thích sinh trưởng/ dâu tây; phấn trắng, rỉ sắt, kích thích sinh trưởng/ đậu Hà lan; mốc sương, kích thích sinh trưởng/ cà chua	Công ty TNHH Ngân Anh
140	Chitosan 5g/l + Kasugamycin 20g/l	Premi 25SL	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
141	Chitosan tan 0.5% + Nano Ag 0.1%	Mifum 0.6SL	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
142	Chitosan 10g/l (10g/kg)+ Ningnanmycin 10g/l (17g/kg)	Hope 20SL, 27WP	Bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
143	Chitosan 20g/kg + Nucleotide 5g/kg	Daone 25WP	Thán thư quả/vải; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
144	Chitosan 2% + Oligo-Alginate 10%	2S Sea & See 12WP, 12SL	**12WP:** đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ súp lơ xanh; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/ cải xanh, chè; đốm nâu, đốm xám/ chè **12SL**: đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ bắp cải; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/cải xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
145	Chitosan 19g/kg + Polyoxin 1g/kg	Starone 20WP	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải, thối búp/chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
146	Chitosan 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 20g/l (21g/kg)	Stonegold 21SL, 22WP	**21SL:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa **22WP:** Đạo ôn, bạc lá/ lúa; thán thư/ vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
147	Chlorobromo isocyanuric acid (min 85%)	Hoả tiễn 50 SP	bạc lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
148	Chlorothalonil (min 98%)	Agronil 75WP	khô vằn/ lúa, sương mai/ dưa hấu	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Anhet 75WP	Giả sương mai/dưa hấu, đốm lá/hành	Công ty CP Futai
		Arygreen 75 WP, 500SC	**75WP:** đốm vòng/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, vải thiều; đốm lá/ hành; thán thư/ xoài, điều **500SC:** thán thư/ điều, xoài; đốm lá/ hành, lạc; giả sương mai/ dưa hấu; sương mai/ cà chua, vải; chết rạp cây con/ ớt, ghẻ sẹo/cam	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Binhconil 75 WP	đốm lá/ lạc; đốm nâu/ thuốc lá; khô vằn/ lúa; thán thư/ cao su	Bailing Agrochemical Co., Ltd

		Chionil 750WP	Thán thư/xoài; đốm lá/ hành; đốm vòng/ cà chua; giả sương mai/ dưa chuột; chết cây con/ ớt	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Clearner 75WP	Sương mai/ dưa hấu; thán thư/ớt, xoài	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Cornil 75WP, 500SC	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Daconil 75WP, 500SC	**75WP:** phấn trắng/ cà chua, hoa hồng, dưa chuột; đốm lá/ hành, chè; bệnh đổ ngã cây con/ bắp cải, thuốc lá; đạo ôn, khô vằn/ lúa; thán thư/ vải, ớt, xoài; sẹo, Melanos/ cam; mốc sương/ khoai tây; thán thư/chanh leo, thanh long; giả sương mai/dưa hấu; mốc sương/ cà chua, sương mai/khoai tây **500SC:** đốm lá/ lạc; thán thư/ xoài, chè dưa hấu, nhãn; sương mai/ cà chua; giả sương mai/ dưa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/ nho, vải; sẹo, Melanos/ cam; mốc sương/ khoai tây; thán thư/chanh leo; sương mai/ súp lơ; sương mai, thán thư/ đậu côve; đốm lá/ cà tím; đốm mắt cua/ mồng tơi, ớt; lở cổ rễ/ rau cải, su hào; mốc xám/ rau cải; phấn trắng/ ớt; rỉ sắt/ đậu đũa; sương mai/ đậu đũa, mướp, rau cải; thán thư/đậu đũa; thối cổ rễ/ mồng tơi; rỉ trắng/rau muống, rỉ sắt/đậu cô ve	Công ty TNHH Việt Thắng
		Damssi 720SC	Giả sương mai/ dưa chuột; đốm nâu/thanh long; sẹo/cam; thán thư/xoài	Công ty CP Cửu Long
		Duruda 75WP	Sương mai/ dưa hấu	FarmHannong Co., Ltd.
		Forwanil 50SC, 75WP	**50SC:** khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê **75WP**: đốm vòng/ cà chua, đốm nâu/ lạc, sương mai/ bắp cải	Forward International Ltd
		Fungonil 75WP	Thán thư/cam	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Rothanil 75 WP	Rỉ sắt/ lạc	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Samconil 500SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP SAM
		Sinlonil 75WP	Sương mai/dưa hấu	Sinon Corporation

		Sulonil 720SC, 750WP	**720SC**: Sương mai/ dưa chuột, cà chua; đốm lá/ lạc; giả sương mai/ dưa chuột **750WP**: Đốm lá/ lạc, mốc sương/ cà chua	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Top Line 75WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
		Thalonil 75 WP	Sương mai/ dưa hấu, đốm vòng/ cà chua	Longfat Global Co., Ltd.
149	Chlorothalonil 60% (600g/kg) + Cymoxanil 15% (150g/kg)	Cythala 75 WP	Khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
		Dipcy 750WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
150	Chlorothalonil 600g/l + Fluoxastrobin (min 94%) 60g/l	Evito-C 660SC	Đốm nâu/thanh long	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
151	Chlorothalonil 30% + Fosetyl-aluminium 50%	Calaeti 800WP	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
152	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 50g/l	Tisabe 550 SC	Rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/lúa; thán thư/dưa hấu, điều, xoài; đốm vòng/hành; vàng rụng lá/ cao su; ghẻ nhám/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
153	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 55g/l	Rubygold 555SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
154	Chlorothalonil 80g/kg + Mancozeb 560 g/kg	Mdancozeb 640WP	Giả sương mai/dưa chuột; thán thư/vải	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
155	Chlorothalonil 125g/kg + Mancozeb 625g/kg	Elixir 750WG	Thán thư/dưa hấu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
156	Chlorothalonil 400g/l + Metalaxyl 40g/l	Mechlorad 440SC	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Bình Điền MeKong
157	Chlorothalonil 600g/kg + Metalaxyl 50g/kg	Dobins 650WP	Rỉ sắt/ đậu tương, thán thư/ hồ tiêu, sương mai/ khoai tây	Công ty CP Nông dược Việt Thành
158	Chlorothalonil 40% + Metalaxyl-M 4%	Kevlar 44SC	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
159	Chlorothalonil 200g/kg + Propineb 600g/kg	Dr.Green 800WP	Thán thư/ xoài, sươngmai/dưa hấu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
160	Chlorothalonil 400g/l + Mandipropamid (min 93%) 40g/l	Revus Opti® 440SC	Sương mai/ cà chua, mốc sương/ dưa chuột, nứt dây/ dưa hấu, thán thư/ xoài, đốm vòng, mốc sương/khoai tây, thán thư, thối rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

161	Chlorothalonil 400 g/l + Oxathiapiprolin 6g/l	Orondis® Opti 406 SC	Giả sương mai/dưa chuột, dưa hấu; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
162	Chlorothalonil 15% + Sulfur 35%	Suflonil 50SC	Rỉ sắt/ hoa hồng	Công ty TNHH A2T Việt Nam
163	Chlorothalonil 35% (530g/l) + Tricyclazole 45% (25g/l)	Vanglany 80WP, 555SC	**80WP:** khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn, thối bẹ/ lúa **555SC:** Thán thư/ cao su; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
164	Chlorothalonil 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Kimone 750WP	Rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt, đạo ôn/lúa, thán thư/cao su, thối củ/gừng	Công ty CP Nông dược Agriking
165	Citrus oil	MAP Green 6SL	thối búp/ chè; thán thư/ ớt; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nho; phấn trắng/ bầu bí; bọ phấn/ cà chua; bọ nhảy/ cải; sâu tơ/ bắp cải; bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè; nhện đỏ/ dưa chuột; mốc sương/ nho; thán thư/ xoài; nhện lông nhung/nhãn; Hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều, chết ẻo cây con/lạc, xì mủ/cam, thán thư/điều; vàng rụng lá/ cao su; thán thư/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
166	Cnidiadin	Wifi 1.0EW	Sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
167	Copper abietate (min 90%)	Abi copper 230EC	Đốm lá/ lạc	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Cocan 23EC	Bạc lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Tiên Tiến
168	Copper acetate (min 98%) 4% + Moroxydine hydrochloride 16%	Hobyo 200WP	Xoăn lá/thuốc lá	Công ty TNHH Được Mùa
169	Copper citrate (min 95%)	Ải vân 6.4SL	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Heroga 64SL	lở cổ rễ/ đậu tương, lạc; tuyến trùng/ hồ tiêu; bạc lá, đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
170	Copper Hydroxide (min Cu 57.3%)	Ajily 77WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Champion 37.5SC, 57.6 DP, 77WP	**37.5SC:** Đốm rong, chết chậm/hồ tiêu; tảo đỏ/cà phê, hồ tiêu **57.6DP:** Rụng quả, tảo đỏ/cà phê **77WP:** Nấm hồng/ cà phê	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Chapaon 770WP	Sương mai/khoai tây	Côngty TNHH TM

				Bình Phương
		Copperion 77WP	Mốc sương/ khoai tây	Công ty CP VT NN Việt Nông
		Kocide® 46.1 WG	Thán thư/ điều; bạc lá/ lúa; sương mai/khoai tây; chết nhanh, thán thư/ hồ tiêu; thán thư, thối rễ/cà phê	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
		Funguran-OH 50WP	Bạc lá/ lúa	Agspec Asia Pte Ltd
		Hidrocop 77WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Map-Jaho 77 WP	Rỉ sắt/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Omega-copperide 77WP	Đốm lá/đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Zisento 77WP	Khô cành khô quả/cà phê	Công ty CP Nicotex
171	Copper Hydroxide 22.9% + Copper Oxychloride 24.6%	Oticin 47.5WP	Bạc lá/lúa; rỉ sắt/ hoa cúc	Công ty TNHH TM Tân Thành
172	Copper Oxychloride (min Cu 55%)	Bacba 85WP	Đốm đen/hoa hồng	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		BM super COC 85WP	Thán thư/điều	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		Cocadama 85 WP	Chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Curenox oc 85WP, 85WG	**85WP:** chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/ điều; nấm hồng/ cao su **85WG:** tảo đỏ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su, thán thư/điều	Công ty TNHH Ngân Anh
		Đồng Cloruloxi 30 WP	Sương mại/ khoai tây	Công ty TNHH Việt Thắng
		Epolists 85WP	bạc lá/lúa, rỉ sắt/cà phê, thán thư/ điều	Công ty CP Thanh Điền
		Incopper 85WP	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Isacop 65.2WG	thán thư/cà phê	Isagro S.p.A
		PN-Coppercide 50WP	đốm lá, thối thân/ lạc; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
		Romio 300WP	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Supercook 85WP	đốm lá/lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Vidoc 30 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

173	Copper Oxychloride 29% + Cymoxanil 4% + Zineb 12%	Dosay 45 WP	sương mai/ khoai tây; vàng rụng lá/cao su	Agria S.A, Bulgaria
174	Copper Oxychloride 16% + Kasugamycin 0.6%	New Kasuran 16.6WP	bạc lá/lúa, nấm hồng/cà phê, thán thư/điều; phấn trắng/ cao su; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
175	Copper Oxychloride 45% + Kasugamycin 2%	Copper gold 47WP	Nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
		Kargate 470WP	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH B.Helmer
176	Copper Oxychloride 45% + Kasugamycin 5%	BL. Kanamin 50WP	phấn trắng/ khoai tây, thán thư/ hoa hồng	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Kasuran 50WP	Cháy lá do vi khuẩn *Pseudomonas* spp/ cà phê, bệnh thối do vi khuẩn/ đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
177	Copper Oxychloride 755g/kg + Kasugamycin 20g/kg	Reward 775WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
178	Copper Oxychloride 39% + Mancozeb 30%	CocMan 69 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
179	Copper Oxychloride 43% + Mancozeb 37%	Cupenix 80 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
180	Copper Oxychloride 47% + Metalaxyl 8%	Coup 55WP	Chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/khoai tây	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
181	Copper Oxychloride 50% + Metalaxyl 8%	Viroxyl 58 WP	sương mai/ khoai tây, chết vàng cây con/ lạc, chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
182	Copper Oxychloride 60% + Oxolinic acid 10%	Sasumi 70WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
183	Copper Oxychloride 6.6% + Streptomycin 5.4%	Batocide 12 WP	bạc lá/ lúa, giác ban/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
184	Copper Oxychloride 45% + Streptomycin sulfate 5%	K.Susai 50WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
185	Copper Oxychloride 17% + Streptomycin sulfate (Streptomycin) 5% + Zinc sulfate 10%	PN-balacide 32WP	bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, đen lép hạt/ lúa; bệnh thối lá/ cây hoa huệ; bệnh thối hoa/ cây hoa hồng; héo xanh/ khoai tây	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
		Vicilin 32WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
186	Copper Oxychloride 175g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg + Zinc sulfate 100g/kg	Parosa 325WP	Bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa; mốc xám/ hoa hồng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản

187	Copper Oxychloride 300g/kg + Zineb 200g/kg	Zincopper 50WP	rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ cao su, đốm lá/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vizincop 50WP	rỉ sắt, nấm hồng/cà phê, phấn trắng/cao su; thán thư/ điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
188	Copper Oxychloride 17% + Zineb 34%	Copforce Blue 51WP	rỉ sắt/ cà phê, mốc sương/khoai tây, thán thư/ hồ tiêu, đốm đen/ hoa hồng,	Agria SA, Bulgaria
189	Copper sulfate pentahydrate (min 98%)	Super mastercop 21SL	bạc lá/lúa, rụng lóng chết dây/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Phyton 240SC	Thán thư/ cà phê	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
190	Copper sulfate (Tribasic) (min 98%)	Bordocop super 25WP	Xì mủ/cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Cuproxat 345SC	rỉ sắt/ cà phê, bạc lá/ lúa	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Dia Thuong Vuong 27.12SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Đồng Hóc Môn 24.5SG	đốm mắt cua/ thuốc lá	Công ty CP Hóc Môn
		Omega-coppersul 70WG	Đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
191	Copper sulfate (Tribasic) 78.520% + Oxytetracycline 0.235% + Streptomycin 2.194%	Cuprimicin 500 81 WP	bạc lá/ lúa, chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
192	Copper sulfate (Tribasic) 345 g/l + Cymoxanil 35 g/l	Moltovin 380SC	Bạc lá/ lúa	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
193	Cucuminoid 5% + Gingerol 0.5%	Stifano 5.5SL	thối nhũn, sương mai/ rau họ thập tự; bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa; thối gốc, chết cây con/ lạc, đậu đũa; héo xanh, mốc sương, héo vàng, xoăn lá/ cà chua, khoai tây; héo xanh, giả sương mai/ dưa chuột, bầu bí; đốm lá, thối gốc, bệnh còng/ hành; chảy gôm, thối nâu quả/ cam, quýt; khô hoa rụng quả/ vải; phồng lá, chấm xám/ chè; đốm đen, sương mai/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
194	Cuprous Oxide (min 97%)	Norshield 58WP, 86.2WG	**58WP**: vàng lá thối rễ/ cà phê **86.2WG**: thán thư/ điều, bạc lá/ lúa, gỉ sắt/ cà phê, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Onrush 86.2WG	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

		Redpoint 86WP	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
195	Cuprous Oxide 60% + Dimethomorph 12%	Eddy 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu, thối quả/ ca cao; mốc sương/khoai tây; vàng lá thối rễ/ cà phê, chết ẻo/ đậu xanh	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
196	Cyazofamid (min 93.5%)	Ranman 10 SC	sương mai/ cà chua, nho, dưa hấu, khoai môn; giả sương mai/ dưa chuột.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Camaro 100SC	Giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH Được Mùa
		Foxpro 100SC	Giả sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Hafamid 100SC	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Lan
		NewFami 100SC	Sương mai/ cà chua	Công ty CP S New Rice
		Rancher 100 SC	Sương mai/ vải	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Shield-fast 200SC	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH SX và TM RVAC
197	Cyazofamid 85 g/l + Cymoxanil 170 g/l	Pilarzox 255SC	Sương mai/ khoai tây	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd
198	Cyazofamid 8% + Dimethomorph 32%	Akita-Konho 40SC	Sương mai/vải	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
199	Cyazofamid 5% + Fluazinam 25%	Pickup 30SC	Đốm đen/hoa hồng	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
200	Cyazofamid 100 g/l + Flumorph (min 96%) 200g/l	Cyfamo 300SC	Giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
201	Cyazofamid 10% + Pyraclostrobin 25%	Globole Master 35SC	Phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH A2T Việt Nam
202	Cyflufenamid (min 97%)	Cyflamid 5EW	Phấn trắng/dưa chuột	Sumitomo Corporation Vietnam LLC
203	Cymoxanil 25% + Famoxadone 25%	TT-Taget 50WG	đạo ôn/ lúa, sương mai/ khoai tây, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
204	Cymoxanil 30% (300g/kg) + Famoxadone 22.5% (225g/kg)	Equation® 52.5WG	khô vằn, bạc lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Cyfa 525WG	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh

		Teamwork 525WG	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
205	Cymoxanil 8% + Fosetyl-aluminium 64%	Foscy 72 WP	chết cây con/ thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Đồng Xanh
206	Cymoxanil 8% (80g/kg) + Mancozeb 64% (640g/kg)	Bigzeb 720WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Bigfive VN
		Cajet-M10 72WP	chết dây/ hồ tiêu; sương mai/ khoai tây; đốm lá/lạc, rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Carozate 72WP	Chết nhanh, chết chậm/hồ tiêu; rỉ sắt/cà phê; sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Curzate®-M8 72 WP	chết héo dây/ hồ tiêu, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Cycozeb 720WP	Sương mai/khoai tây	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Cymanil 720WP	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP NN CMP
		Cymoplus 720WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Dolphin 720WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Iprocyman 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Jack M9 72 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Kanras 72WP	sương mai/ hoa hồng, loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
		Manconil 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Global Farm
		Navi-M8 72WP	Sương mai/khoai tây	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Niko 72WP	sương mai/ hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Razocide 720WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Simolex 720WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Victozat 72WP	Phấn trắng/ hoa hồng, rỉ sắt/ cà phê, sương mai/ khoai tây	Công ty CP Long Hiệp
		Xanized 72 WP	loét sọc mặt cạo/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
207	Cymoxanil 8% + Mancozeb 67%	Cyzate 75WP	chết nhanh/ hồ tiêu, rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
208	Cymoxanil 8% (8%) + Macozeb 60% (64%)	Kin-kin Bul 68WG, 72WP	**72WP:** vàng rụng lá/cao su, sương mai/ khoai tây **68WG:** Chết cây con/thuốc lá; sương mai/khoai tây; loét sọc mặt cạo/cao su	Agria SA

209	Cymoxanil 5% + Mancozeb 68%	Nautile 73WG	Chết chậm/ hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
210	Cymoxanil 40g/kg + Mancozeb 720g/kg + Metalaxyl 40g/kg	Ridoxanil 800WP	loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Cali Agritech USA
211	Cymoxanil 60g/kg + Propineb 640g/kg	Antramix 700WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
212	Cymoxanil 60 g/kg + Propineb 700g/kg	Tracomix 760WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		Vival 760WP	Đốm lá/ lạc; phấn trắng/cao su	Công ty CP Nông dược HAI
213	Cymoxanil 8% + Propineb 70%	Rudy 78WP	Sương mai/ khoai tây, thán thư/ điều	Công ty CP Cửu Long
214	Cyproconazole 50g/l + Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Thecyp 350SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông tín AG
215	Cyproconazole 75 g/kg + Mancozeb 700 g/kg	Zenlovo 775WP	Rỉ sắt/ đậu tương, đốm đen/hoa cúc	Công ty CP NN HP
216	Cyproconazole 80 g/l + Picoxystrobin 200 g/l	Acapela System® 280SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Picosuper 280SC	Gỉ sắt/đậu tương, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
217	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 250g/l	Forlita Gold 330EC	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Neutrino 330EC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
		Nevo® 330EC	Khô vằn, lem lép hạt, thối thân/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Newyo 330EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Sopha 330EC	Lem lép hạt/ lúa, thán thư/ cà phê	Công ty CP NN HP
		Tigh super 330EC	Lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
218	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 260g/l	Protocol 340 EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
219	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 270g/l	Cy-pro 350EC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
220	Cyproconazole 10g/kg (80g/l) + Propiconazole 250g/kg (250g/l)	Newsuper 260WG, 330EC	**260WG:** lem lép hạt/lúa **330EC:** khô vằn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

221	Cyprodinil 500 g/kg + Myclobutanil 50 g/kg	Mydinil 550WP	Đốm lá/ đậu tương, đốm đen/ hoa hồng, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH An Nông
222	Cytokinin (Zeatin) (min 99%)	Etobon 0.56SL	tuyến trùng/ lạc, cà rốt; lở cổ rễ/ bắp cải, cải củ; tuyến trùng, thối rễ/ chè; thối rễ/ hoa hồng	Công ty TNHH Được Mùa
		Geno 2005 2 SL	tuyến trùng/ dưa hấu, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, khô vằn/ lúa; tuyến trùng, mốc xám/ xà lách, cải xanh; héo rũ, tuyến trùng, mốc sương/ cà chua; héo rũ/ lạc; đốm lá/ ngô; thối quả/ vải, nho, nhãn, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sincocin 0.56 SL	tuyến trùng, nấm Fusarium sp. gây bệnh thối rễ/ trong đất trồng bắp cải, lạc, lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
223	Cytosinpeptidemycin	Sat 4 SL	bạc lá/ lúa; khảm, héo xanh/ thuốc lá; sương mai, héo xanh, xoăn lá/ cà chua; héo xanh/ bí đao, hồ tiêu; thối nõn/ dứa; đốm lá/ hành; loét, chảy gôm/ cam; thán thư, thối cuống/ nho; thối vi khuẩn/ gừng; thán thư/ xoài, ớt; nứt thân chảy gôm/ dưa hấu; sương mai, phấn trắng, giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
224	Dazomet (min 98%)	Basamid Granular 97MG	Xử lý đất trừ bệnh héo rũ do nấm *Fusarium* sp/ hoa cúc	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
225	Dầu bắp 30% + dầu hạt bông 30% + dầu tỏi 23%	GC-3 83SL	phấn trắng/ hoa hồng, đậu que, dưa chuột	Công ty TNHH Ngân Anh
226	Dẫn xuất Salicylic Acid (Ginkgoic acid 425g/l + Corilagin 25g/l + m-pentadecadienyl resorcinol 50g/l)	Sông Lam 333 50EC	khô vằn, đạo ôn/ lúa; chảy mủ do Phytophthora/ cây có múi, lở cổ rễ/hồ tiêu, lở cổ rễ, thân do nấm/ cà phê	Công ty TNHH NN Phát triển Kim Long
227	Didecyldimethylammonium chloride (min 76.6%)	Sporekill 120SL	Lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
228	Difenoconazole (min 94%)	Amber 250EC	Thán thư/ hồ tiêu	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Divino 250EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Goldnil 250EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Kacie 250EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm lá/ lạc	Công ty CP Nông dược

				Việt Nam
		Nemo 250EC	Đốm đen/ hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Scogold 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Score® 250EC	mốc sương/ khoai tây; phấn trắng/ cây xanh, thuốc lá; thán thư/ điều; muội đen, đốm nâu/ thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
229	Difenoconazole 12% + Fenoxanil 20%	Feronil 32EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
230	Difenoconazole 170g/l + Fenoxanil 200g/l	Lotuscide 370EC	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
231	Difenoconazole 150g/l + Flusilazole 150g/l	Tecnoto 300EC	đốm lá/ ngô, thán thư/ điều, cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng.
232	Difenoconazole 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Longanvingold 150SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
233	Difenoconazole 250g/l + Hexaconazole 83g/l	Koromin 333EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
234	Difenoconazole 150g/l + Hexaconazole 33 g/l + Propiconazole 150g/l	Center super 333EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
235	Difenoconazole 133g/l + Hexaconazole 50g/l + Propiconazole 150g/l	Sieuvil 333EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
236	Difenoconazole 150g/l + Hexaconazole 100g/l + Propiconazole 150g/l	Prohed 400EC	Khô vằn/ lúa	Công ty CP Nông Tín AG
237	Difenoconazole 37g/l + Hexaconazole 63g/l + Tricyclazole 300g/l	Ensino 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Enasa Việt Nam
238	Difenoconazole 100g/kg + Hexaconazole 100g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Super tank 650WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa, thán thư/cà phê, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
239	Difenoconazole 150g/kg + Isoprothiolane 400g/kg + Propiconazole 150g/kg	Alfavin 700WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

240	Difenoconazole 7.5% + Isoprothiolane 12.5% + Tricyclazole 20%	Babalu 40WP	đạo ôn, lem lép hạt /lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
241	Difenoconazole 100g/kg + Isoprothiolane 150g/kg + Tricyclazole 350g/kg	Bankan 600WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
242	Difenoconazole 75g/l (75g/kg) + Isoprothiolane 125g/l (125g/kg) + Tricyclazole 200g/l (200g/kg)	Bump gold 40SE, 40WP	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
243	Difenoconazole 15% + Isoprothiolane 25% + Tricyclazole 40%	Edivil 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Sapful 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
244	Difenoconazole 5g/kg + Isoprothiolane 295g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bimstar 850WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
245	Difenoconazole 125g/l + Kasugamycin 50g/l	Sconew 175SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
246	Difenoconazole 150 g/l + Picoxystrobin 250 g/l	Teacher 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
247	Difenoconazole 120g/l + Picoxystrobin 200g/l	Sagoperfect 320SC	Thán thư/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
248	Difenoconazole 7.5%+ Prochloraz 17.5%	Coperatv 25SC	Đốm đen/ hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
249	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Acsupertil 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ điều	Công ty TNHH MTV Lucky
		Arytop 300 EC	lem lép hạt/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Autozole 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
		Boom 300EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bretil Super 300EC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát

Cure supe 300 EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt, đốm mắt cua/ cà phê; phấn trắng/ điều, thán thư/ điều	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Daiwanper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai
Famertil 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Hotisco 300EC	lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
Iso tin 300EC	khô vằn /lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
Jasmine 300SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
Jettilesuper 300EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Lan Anh
Jiasupper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kanavil 300EC	lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ lạc	Công ty TNHH Kiên Nam
Kimsuper 300EC	thán thư/điều	Công ty CP Nông dược Agriking
Map super 300 EC	lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều, cà phê; phấn trắng/hoa hồng, hoa cúc; vàng rụng lá/cao su	Map Pacific Pte Ltd
Nbctilfsuper 300EC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
Ni-tin 300EC	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/lúa; thán thư/ điều, khô quả/ cà phê	Công ty CP Nicotex
Prodifad 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
Sagograin 300EC	lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Scooter 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, ngô; đốm vòng/ khoai lang	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Still liver 300ME	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
Super-kostin 300 EC	lem lép hạt/ lúa, gỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH OCI Việt Nam
Supertim 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Superten 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
Sunzole 30EC	Lem lép hạt/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
Tien super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
Tilbest super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức

		Tilcalisuper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
		Tileuro super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Tilfugi 300 EC	lem lép hạt, khô vằn, đốm nâu/ lúa; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Tinitaly surper 300EC, 300SE	**300EC:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa **300SE:** lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Tilt Super® 300EC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; nấm hồng, vàng lá/cao su; khô vằn/ngô; thán thư/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Tinmynew Super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Tittus super 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Tstil super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Uni-dipro 300EC	khô vằn, lem lép hạt/lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
250	Difenoconazole 150g/l (150g/kg) + Propiconazole 150g/l (150g/kg)	Superone 300EC, 300WP	**300EC:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê **300WP:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
251	Difenoconazole 260g/l + Propiconazole 190g/l	Tilindia super 450EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
252	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 250g/l	Tiptop gold 400EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
253	Difenoconazole 15% + Propiconazole 15%	Happyend 30EC	khô vằn/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
254	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 160g/l	Nôngiabảo 310EC	Rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH - TM Thái Phong
255	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 170g/l	Canazole super 320EC	lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
256	Difenoconazole 155g/l (150g/l) + Propiconazole 150g/l (200g/l)	Tiljapanesuper 305SC, 350EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
257	Difenoconazole 200g/l + Propiconazole 200g/l	Atintin 400EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê; đốm lá/lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông

258	Difenoconazole 20g/l (50.5g/kg) + Propiconazole 150g/l (0.5g/kg) + Prochloraz 150g/l (504g/kg)	Tilobama 320EC, 555WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
259	Difenoconazole 100g/l + Propiconazole 200g/l + Tebuconazole 50g/l	Tilcrown super 350EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP VT BVTV Hà Nội
260	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	T-supernew 350EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ cà phê, lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Kobesuper 350EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
261	Difenoconazole 100g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	Goltil super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
		Tilplus super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
262	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tebuconazole 50 g/l	Tilbluesuper 300EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
263	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 50g/l + Tebuconazole 150g/l	Gone super 350EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
264	Difenoconazole 155g/l + Propiconazole 155g/l + Tebuconazole 50g/l	Amicol 360EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
265	Difenoconazole 140g/l + Propiconazole 120g/l + Tebuconazole 140g/l	Tilasiasuper 400EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
266	Difenoconazole 5g/l + Propiconazole 165g/l Tricyclazole 430g/l	Fiate 600SE	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
267	Difenoconazole 10% + Pyraclostrobin 15%	Ditrobin 25SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
268	Difenoconazole 10% + Pyraclostrobin 20%	Ω-Bingo 30WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh

269	Difenoconazole 15% (150g/l) + Tebuconazole 15% (150g/l)	Dasuwang 30EC	đốm lá/ lạc	FarmHannong Co., Ltd.
		Tilvilusa 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
270	Difenoconazole 20% + Tebuconazole 20%	Tintin Super 40SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
271	Difenoconazole 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (250g/kg)	Latimo super 500WP, 780WG	**500WP:** lúa von/ lúa (xử lý hạt giống), khô vằn, lem lép hạt/ lúa **780WG:** lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
272	Difenoconazole 150g/l + Tricyclazole 350g/l	Gold-chicken 500SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
273	Difenoconazole 265.5g/l (30g/kg), (25g/l) + Tricyclazole 0.5g/l (270g/kg), (400g/l)	Supergold 266ME, 300WP, 425SC	**266ME, 300WP:** lem lép hạt/ lúa **425SC:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
274	Difenoconazole 150g/kg (150 g/l)+ Tricyclazole 450g/kg (450g/l)	Cowboy 600WP, 600SE	**600SE**: đạo ôn/ lúa **600WP**: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
275	Difenoconazole 150g/l (150g/kg) + Tricyclazole 450g/l (650g/kg)	Dovabeam 600SC, 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
276	Difenoconazole 150g/kg + Tricyclazole 460g/kg	Imperial 610WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
277	Difenoconazole 150g/kg + Tricyclazole 450 g/kg + Cytokinin 2g/kg	Salame 602WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
278	Dimethomorph (min 98%)	Carlotta 80WG	Thán thư/xoài	Công ty TNHH Radiant AG
		Cylen 500WP	Mốc sương/ cà chua	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Insuran 50WG	mốc sương/ cà chua, giả sương mai/dưa chuột; sọc lá/ngô (xử lý hạt giống); sọc lá/ngô (phun); phấn trắng/ nho; chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai /vải, loét sọc mặt cạo/ cao su; xì mủ/ sầu riêng, bưởi, ca cao;	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

			sương mai/ dưa hấu; thối quả/ ca cao, sầu riêng, dâu tây; sương mai/khoai tây	
		Metho fen 50SC	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Morphelmer 500WP	Giả sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH B.Helmer
		Newsuran 500WG	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Phytocide 50WP	giả sương mai/ dưa hấu, loét sọc mặt cạo/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ vải, cà chua; bạch tạng/ngô	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Rotamorph 500SC	Rỉ sắt/cà phê	Rotam Asia Pacific Limited
		Thomor-TAT 100SC	Giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH TAT Hà Nội
		Vtsuzan 500WP	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
279	Dimethomorph 200 g/l + Fluazinam 200 g/l	Banjo Forte 400SC	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
280	Dimethomorph 9% (90g/kg) + Mancozeb 60% (600g/kg)	Acrobat MZ 90/600 WP	sương mai/ dưa hấu, cà chua; chảy gôm/ cam; chết nhanh/ hồ tiêu; thối thân xì mủ/ sầu riêng; loét sọc mặt cạo/ cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Hoda 690WP	Thán thư/ xoài	Công ty CP BVTV ATC
		Nekko 69WP	Sương mai/hoa hồng	Công ty TNHH Giải pháp Nông nghiệp Việt Nam
		Omega-downy 69WP	Thán thư/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
281	Dimethomorph 10% (100g/kg) + Mancozeb 60% (600g/kg)	Andibat 700WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Diman bul 70WP	chết nhanh/hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/cao su, mốc sương/khoai tây, sương mai/dưa hấu, xì mủ/sầu riêng	Agria SA.
282	Dimethomorph 12% + Mancozeb 48%	TV Morph 60WP	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
283	Dimethomorph 12% + Pyraclostrobin 6.7%	Bavimin gold 18.7WG	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
		Travost 18.7WG	Giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền

284	Dimethomorph 380g/kg (38%) + Pyraclostrobin 100g/kg (10%)	Newtrobin 480WG	Sương mai/cà chua	Công ty CP S New Rice
		Omega-downy rust 48WG	rỉ sắt/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
285	Dimethomorph 140 g/l + Pyraclostrobin 80 g/l	Dimebin 220SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV Lucky
286	Dimethomorph 200g/kg + Ziram 600g/kg	Libero 800WP	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
287	Diniconazole (min 94%)	Dana-Win 12.5 WP	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Danico 12.5WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Nicotex
		Nicozol 12.5WP, 25SC	**25SC:** lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ lạc **12.5WP:** lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm đen/hoa hồng, đốm lá/lạc	Công ty CP Thanh Điền
		Sumi-Eight 12.5 WP	rỉ sắt/ cà phê, hoa cúc; lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
288	Dithianon (min 95%)	Nakano 50WP	Đốm lá/ lạc, sương mai/ khoai tây	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Phuc dao 42.2SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
289	Edifenphos (min 94%)	Vihino 40 EC	Đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
290	Edifenphos 200g/l + Isoprothiolane 200g/l	Difusan 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
291	Epoxiconazole (min 92%)	Cazyper 125 SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Expostar 125SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH DV và TM Tân Xuân
		Opus 75EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa, đốm lá/ lạc, rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ ngô; đốm đồng tiền/ khoai lang	BASF Vietnam Co., Ltd.
292	Epoxiconazole 50g/l + Pyraclostrobin 133g/l	Pirastar 183SE	Rỉ sắt/ cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
293	Erythromycin 200g/kg + Oxytetracycline 250g/kg	Hope Life 450WP	Đốm sọc vi khuẩn, bạc lá/ lúa; thối đen/bắp cải, sương mai/cà chua, héo cây con/ dưa hấu; thối củ/gừng, thối nhũn/ hành; thối quả/ xoài	Công ty TNHH An Nông

294	Erythromycin (min 98%) 10g/kg + Streptomycin sulfate 20g/kg	Apolits 30WP	Bạc lá/lúa, thán thư/lạc, thối nhũn/bắp cải, nấm hồng/cam	Công ty CP Trường Sơn
295	Ethaboxam (min 99.6%)	Danjiri 10 SC	mốc sương/ nho; sương mai/cà chua, dưa chuột, hoa hồng, dưa hấu; cháy lá/ khoai môn; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mủ/ sầu riêng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
296	Ethylicin (min 90%)	Galoa 80EC	Bạc lá/ lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
297	Etridiazole (min 96%)	Terrazole 35WP	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
298	Eugenol (min 99%)	Genol 1.2SL	giả sương mai/ dưa chuột, dưa hấu, cà chua, nhãn, hoa hồng; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; khô vằn/ ngô; đốm lá/ thuốc lá, thuốc lào; thối búp/ chè; sẹo/ cam; thán thư/ nho, vải, điều, hồ tiêu; nấm hồng/ cao su, cà phê	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Lilacter 0.3 SL	khô vằn, bạc lá, tiêm lửa, đạo ôn, thối hạt vi khuẩn/ lúa; héo xanh, mốc xám, giả sương mai/ dưa chuột; mốc xám/ cà pháo, đậu tương, hoa lyly; thán thư/ ớt; thán thư, sương mai/ vải; đốm lá/ na; phấn trắng, thán thư/ xoài, hoa hồng; sẹo/ cam; thối quả/ hồng; thối nõn/ dứa; thối búp/ chè	Công ty TNHH VT NN Phương Đông
		Piano 18EW	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài; phấn trắng/ nho; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Công ty TNHH An Nông
		PN-Linhcide 1.2 EW	khô vằn/ lúa; mốc sương/ cà chua; phấn trắng/ dưa chuột;đốm nâu,đốm xám/chè;phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
299	Famoxadone 450g/kg + Hexaconazole 250g/kg	Famozol 700WP	Sương mai/ khoai tây, thán thư/ hồ tiêu	Công ty TNHH An Nông
300	Famoxadone 300 g/l + Oxathiapiprolin 30 g/l	Zorvec® Encantia® 330SE	Sương mai/ cà chua, khoai tây, dưa chuột	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
301	Fenaminstrobin (min 98%) 2.5% + Tricyclazole 22.5%	Aiker Top 25SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Phát An
302	Fenbuconazole (min 98.7%)	Indar 240 SC	Khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài	Dow AgroSciences B.V
303	Fenoxanil (min 95%)	BN-Fepro 20SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Fendy 25WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng

		Fenogold 250EC, 300WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Fenoxa 200SC	Đạo ôn/lúa	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Fenoxa super 200SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Fexanil 200SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Headway 200SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Katana 20SC	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Kasoto 200SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Naxanil 20SC	Đạo ôn/ lúa	Nanjing Agrochemical Co., Ltd
		Nero 400SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Redrice 200SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sako 25WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Taiyou 20SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		TT Goldleaf 20SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
304	Fenoxanil 200 g/l + Hexaconazole 50 g/l	Fortuna 250SC	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
305	Fenoxanil 200 g/l + Hexaconazole 100 g/l	TT Keep 300SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
306	Fenoxanil 250g/l + Hexaconazole 50g/l	Hutajapane 300SC	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
307	Fenoxanil 300g/l + Hexaconazole 200g/l	Xanilzol 500SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
308	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 300g/l	Ninja 35EC	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
309	Fenoxanil 100g/l + Isoprothiolane 400g/l	Fenolan 500EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Isoxanil 50EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

310	Fenoxanil 60g/l + Isoprothiolane 300g/l	Feliso 360EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
311	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 400g/l	Credit 450EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
312	Fenoxanil 250g/kg + Kasugamycin 18g/kg	Feno super 268WP	đạo ôn, đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Fenoba 268WP	Thối nhũn/ cải bắp	Công ty TNHH Phú Nông
		Newfeno 268WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP S New Rice
313	Fenoxanil 20% (200g/l) + Kresoxim-methyl 6% (60g/l)	Masterone 26SC	Thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Master AG
		Okasa one 260SC	Thán thư/ dưa hấu	Công ty CP NN HP
314	Fenoxanil 220g/l + Ningnanmycin 30g/l	Victoryusa 250SC	Lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
315	Fenoxanil 200g/l + Oxolinic acid 200g/l	Farmer 400SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
316	Fenoxanil 100g/l + Oxolinic acid 100g/l + Tricyclazole 300g/l	Fob 500SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
317	Fenoxanil 100g/l (200g/kg) + Sulfur 300g/l (350g/kg) + Tricyclazole 50g/l (200g/kg)	Kitini super 450SC, 750WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
318	Fenoxanil 100g/l (200g/kg) + Tricyclazole 250g/l (500g/kg)	Map Famy 35SC, 700WP	đạo ôn/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
319	Fenoxanil 150g/l + Tricyclazole 350g/l	Bixanil 500SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
320	Ferimzone (min 95%)	Sumiferi 30WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
321	Florfenicol (min 99%) 5g/kg + Kanamycin sulfate 15g/kg	Usaflotil 20WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Trường Sơn
322	Fluazinam (min 96%)	Lk-Chacha 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Porsche 50SC	Sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

		Preguard 500SC	Giả sương mai/ dưa hấu	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		TT-amit 500SC	đạo ôn, khô vằn/lúa; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH TM Tân Thành
323	Fluazinam 400 g/l (500g/kg) + Metalaxyl-M 80 g/l (180g/kg)	Furama 480SC, 680WP	**480SC**: Đốm lá/ ngô, mốc sương/ khoai tây, lem lép hạt/lúa; loét sọc mặt cạo/ cao su **680WP:** Đốm lá/ ngô, héo rũ gốc mốc trắng/ lạc; chết nhanh, chết chậm/ hồ tiêu; mốc sương/ khoai tây; đốm vòng/ khoai môn; loét sọc miệng cạo/ cao su; lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
324	Fludioxonil (min 96.8%)	Thaxonil 500WP	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
325	Flumorph (min 96%) 10% + Metalaxyl-M 5%	Ω-Metano 15WP	Rỉ sắt/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Agrohao Việt Nam
326	Fluopicolide (min 97%) 44.4 g/kg + Fosetyl-alumilium 666.7 g/kg	Profiler 711.1WG	Sương mai/bắp cải, cà chua, nho; xì mủ/ bưởi; chảy nhựa, xì mủ/cam; sương mai/vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
327	Fluopicolide 62.5g/l + Propamocarb hydrochloride 625g/l	Infinito 687.5SC	Mốc sương/ cà chua, sương mai/ dưa hấu, dưa chuột, bắp cải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Paloride 687.5SC	Giả sương mai/ dưa hấu	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
328	Fluopyram (min 96%)	Velum Prime 400SC	Tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê, bắp cải, chuối, bưởi, cà chua	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
329	Fluopyram 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Luna Experience 400SC	Lem lép hạt/ lúa; đốm vòng/ khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
330	Fluopyram 250g/l + Trifloxystrobin 250g/l	Luna Sensation 500SC	Đốm vòng/ khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
331	Flusilazole (min 92.5%)	anRUTA 400EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà	Công ty TNHH An Nông
		Avastar 40EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Hatsang 40 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Isonuta 40EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Nôngiaphúc 400EC	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Nuzole 40EC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông

332	Flusilazole 10 g/l + Hexaconazole 30 g/l + Tricyclazole 220 g/l	Avas New 260SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
333	Flusilazole 100g/l + Propiconazole 300g/l	Novotsc 400EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
334	Flusilazole 50g/kg (25g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)	Newthivo 500WP, 525SE, 780WG	**500WP:** khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa**,** xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa **525SE:** đạo ôn/lúa **780WG:** lem lép hạt, khô vằn/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH An Nông
335	Flusulfamide (min 98%)	Nebijin 0.3DP	Bệnh ghẻ/ khoai tây (Xử lý đất)	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
336	Flutriafol (min 95%)	Blockan 25SC	đạo ôn, lem lép hạt /lúa; đốm đen, phấn trắng/ hoa hồng; thán thư/cà phê; phấn trắng, héo đen đầu lá/cao su; đốm lá/lạc; thán thư/ hồ tiêu, ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Impact 12.5 SC	rỉ sắt/ cà phê; đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		T-Control 25SC	Thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
337	Flutriafol 30% + Tricyclazole 40%	Victodo 70WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Long Hiệp
338	Flutriafol 300 g/kg + Tricyclazole 400 g/kg	Fiwin 700WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Minh Long
339	Fluxapyroxad (min 98%) 167g/l + Pyraclostrobin 333g/l	Priaxor 500SC	Thán thư/cà phê, hồ tiêu	BASF Vietnam Co., Ltd.
340	Folpet (min 90%)	Folcal 50 WP	xì mủ/ cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Folpan 50 WP, 50 SC	**50WP:** khô vằn, đạo ôn/ lúa**,** giả sương mai/dưa hấu **50SC:** khô vằn, đạo ôn/ lúa; thán thư/ xoài; mốc sương/ nho; đốm lá/ hành	Công ty TNHH Adama Việt Nam
341	Fosetyl-aluminium (min 95%)	Acaete 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Agofast 80 WP	chết nhanh/ hồ tiêu, đốm lá/ thuốc lá, mốc sương/dưa hấu, xì mủ/cao su, thối quả, xì mủ/ sầu riêng	Công ty CP Đồng Xanh
		Aliette 80 WP, 800 WG	**80WP:** Sương mai/ hồ tiêu **800WG:** lở cổ rễ, chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

		dưa hấu, cà chua, khoai tây; thối quả, xì mủ/ sầu riêng,ca cao; bạc lá/lúa; sương mai/ dưa chuột, bắp cải; thối gốc chảy nhựa/ bưởi, cam, quýt	
		Alle 800WG	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Alimet 80WP, 80WG, 90SP	**80WP:** sương mai/ điều, khoai tây, xoài; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mủ/ sầu riêng, cam; mốc sương/ nho, dưa hấu; thối nõn/ dứa; chết cây con/ thuốc lá **80WG:** mốc sương/ nho, xì mủ/sầu riêng, thối nõn/dứa, chết cây con/thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu, chết cây con/dưa hấu **90SP:** mốc sương/ nho, dưa hấu; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mủ/ sầu riêng; đốm lá/ thuốc lá	Công ty CP Kiên Nam
		Alonil 80WP, 800WG	**80WP:** chết nhanh/ hồ tiêu **800WG:** Bạc lá/lúa, chết nhanh/ hồ tiêu, phấn trắng /dưa hấu, thối nõn/dứa	Công ty CP Nicotex
		Alpine 80 WP, 80WG	**80WP:** sương mai/ hoa hồng; chết nhanh/ hồ tiêu **80WG**: thối rễ/ dưa hấu, chết nhanh/ hồ tiêu, xì mủ/ cam, bạc lá/ lúa, mốc sương/ nho; thối thân xì mủ/ cao su; thối đen/phong lan	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Aluminy 800WG	Bạc lá/lúa, xì mủ/cao su, thối rễ, cam	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		ANLIEN-annong 400SC, 800WP, 800WG	**400SC, 800WG:** chết nhanh/ hồ tiêu **800WP:** thối thân/ hồ tiêu, sương mai/ khoai tây, thối nõn/dứa	Công ty TNHH An Nông
		Dafostyl 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai / nho, dưa hấu; xì mủ/ cam	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Dibajet 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Forliet 80WP	sương mai/ dưa hấu, chết nhanh/ hồ tiêu, xì mủ/ cam, thối quả/ nhãn, cháy lá do vi khuẩn/lúa, nứt thân chảy nhựa/dưa hấu; sọc lá/ngô; loét sọc mặt cạo/ cao su; thối nhũn/gừng; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Juliet 80 WP	giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sakin-zai 800WG	Chảy gôm/ cam	Công ty CP Nông dược Việt Nam

		Vialphos 80 SP	chết nhanh, thối thân/ hồ tiêu; chảy gôm/ cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
342	Fosetyl-aluminium 25% + Mancozeb 45%	Binyvil 70WP	lem lép hạt/ lúa, chết cây con/ dưa hấu, xì mủ/ sầu riêng; đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến.
343	Fosetyl-aluminium 30% + Mancozeb 40%	Tvzebjapane 70WP	Đốm nâu/ thanh long	Công ty CP Newfarm Việt Nam
344	Fosetyl-aluminium 400g/kg + Mancozeb 200g/kg	Anlia 600WG	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
345	Fthalide 15% (20%) + Kasugamycin 1.2% (1.2%)	Kasai 16.2SC, 21.2WP	**16.2SC**: đạo ôn/ lúa **21.2WP**: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
346	Fthalide 200 g/kg + Kasugamycin 20 g/kg	Saicado 220WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Vagritex
347	Fungous Proteoglycans	Elcarin 0.5SL	héo xanh/ cà chua, ớt, thuốc lá; thối nhũn/ bắp cải; bạc lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		ET-Funpro 20SL	Thối nhũn/cải bắp; héo xanh/ớt; bạc lá/lúa	Shanghai E-Tong Chemical Co., Ltd.
		Fugoba 1SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Leti Star 1SL	Héo xanh vi khuẩn/ cà chua, ớt	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Navita 1SL	Thối nhũn/cải bắp; héo xanh/cà chua	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
348	Garlic oil 20g/l + Ningnanmycin 30g/l	Lusatex 5SL	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; héo rũ, sương mai/ cà chua; xoăn lá/ ớt; phấn trắng/ nho; chết nhanh/ hồ tiêu; hoa lá/ thuốc lá; chết khô/ dưa chuột	Công ty TNHH VT NN Phương Đông
349	Gentamicin sulfate 15g/kg + Ningnanmycin 45g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Riazor gold 110WP	Bạc lá do vi khuẩn/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
350	Gentamicin sulfate 2% (20g/kg) + Oxytetracycline hydrochloride 6% (60g/kg)	Antisuper 80WP	bạc lá/ lúa, loét/cam	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Avalon 8WP	bạc lá/ lúa, đốm cành/ thanh long, đốm đen xì mủ/ xoài, héo xanh vi khuẩn/ cà chua, loét/ cam; thối quả/thanh long, đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH - TM ACP

		Lobo 8WP	Bạc lá, lem lép hạt/ lúa; héo xanh/cà chua; héo xanh vi khuẩn/ dưa hấu; thối đen gân lá, thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Oxysunfate 80WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
351	Gentamicin sulfate 20g/kg + Streptomycin sulfate 46.6g/kg	Panta 66.6WP	Bạc lá/ lúa, thối nhũn/ hành	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
352	Hexaconazole (min 85%)	Acanvinsuper 55SC	lem lép hạt/ lúa, nấm hồng/ cao su, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV Lucky
		Aicavil 100SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Anvilando 5SC	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ánh
		Angoldvin 50SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Anhvinh 50 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Annongvin 50SC, 800WG	**50SC:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê **800WG:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Amwilusa 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Anvil® 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt, nấm hồng, đốm vòng/ cà phê; đốm lá/ lạc; khô vằn/ ngô; phấn trắng, đốm đen, rỉ sắt/ hoa hồng; lở cổ rễ/ thuốc lá; phấn trắng, vàng lá, nấm hồng/cao su, ghẻ sẹo/cam; đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Anwinnong 100SC	rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ xoài, vải; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV Us Agro
		Atulvil 5SC, 10EC	**5SC:** rỉ sắt/ cà phê; nấm hồng/ cao su; đốm lá/ lạc; khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/ nho **10EC:** lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Aviando 50SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Kiên Giang
		Avil-cali 100SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
		A-V-T Vil 5SC	Lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/ lúa; đốm lá/lạc; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
		Awin 100SC	Khô vằn, lem lép hạt/ lúa; vàng rụng lá/cao su, rỉ sắt, nấm hồng/ cà phê; thán thư/ điều; đốm lá/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Best-Harvest 15SC	Rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/lúa	Sundat (S) Pte Ltd

Bioride 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
Callihex 5SC	khô vằn/lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Centervin 50SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng/ cao su; đốm lá/ lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Chevin 5SC, 40WG	**5SC:** Vàng rụng lá, nấm hồng/ cao su; khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; thán thư, phấn trắng/xoài; ghẻ sẹo/cam **40WG:** Khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/dưa hấu	Công ty CP Nicotex
Convil 100EC, 100SC	**100EC:** Thán thư/ điều, khô vằn/ lúa **100SC:** Rỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa, thán thư/xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Dibazole 5SC, 10SL	**5SC:** khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ ngô; đốm lá/ lạc, lở cổ rễ/ bầu bí, vàng rụng lá/cao su **10SL:** lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt, đốm vòng/ cà phê; rỉ sắt/ hoa hồng; lở cổ rễ/ bầu bí; đốm lá/ lạc, đốm mắt cua/ cà phê, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Doctor 5ME, 5SC	**5ME:** khô vằn/ lúa **5SC:** Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Dovil 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
Endico 5SC	Nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
Evitin 50SC	Lem lép hạt/ lúa; nứt vỏ, phấn trắng/cao su, vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; đốm lá/lạc; đốm đen, phấn trắng, rỉ sắt/hoa hồng; nấm hồng, rỉ sắt/cà phê; khô vằn/ngô; thán thư/ điều	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Forwavil 5SC	khô vằn/ lúa	Forward International Ltd
Fulvin 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ điều, dưa hấu; phấn trắng, vàng rụng lá/ cao su; rỉ sắt/ hoa hồng, rỉ sắt, khô cành, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
Goldvil 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Hakivil 5SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn

		Hanovil 10SC	thán thư/ điều; nấm hồng/ cao su; lem lép hạt/ lúa; khô vằn/ ngô; rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Haruko 5SC	Nấm hồng/ cao su; phấn trắng/ hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Hecona 10SC	Phấn trắng/ cao su	Shandong Sino - Agri United Biotechnology Co., Ltd.
		Hecwin 5SC, 550WP	**5SC:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng, phấn trắng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê **550WP:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Hexathai 100SC	Gỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Hexaindia 5SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH A2T Việt Nam
		Hexin 5SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Hexavil 6SC	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/cà phê, vàng rụng lá/cao su, đốm lá/lạc	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Hoanganhvil 50SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hosavil 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ lạc, thán thư/ điều, rỉ sắt/ cà phê, vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Hóc Môn
		Huivil 5SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; nấm hồng/cao su, gỉ sắt/cà phê	Huikwang Corporation
		Indiavil 5SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; thán thư/ điều, xoài; rỉ sắt/ cà phê, nấm hồng/ cao su, đốm lá/ lạc; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Đồng Xanh
		Japa vil 110SC	lem lép hạt	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
		JAVI Vil 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jiavin 5 SC	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ điều, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Joara 5SC	khô vằn/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Lervil 100SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Longanvin 5SC	Khô vằn / lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Mainex 50SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; nấm hồng/ cà phê; phấn trắng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Mekongvil 5SC	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH P - H

		Namotor 100SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Saizole 5SC	phấn trắng/ nho; nấm hồng/ cao su, cà phê; đốm lá/ lạc; lem lép hạt, khô vằn/ lúa; chết cây con/cà rốt; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		TB-hexa 5SC	Phấn trắng/cao su; lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
		Tecvil 50SC	Lem lép hạt/lúa, gỉ sắt/cà phê, phấn trắng/ chôm chôm	Công ty TNHH Kiên Nam
		Thonvil 100SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Topvil 111SC	lem lép hạt/ lúa, nấm hồng/cao su, thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tungvil 5SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt, nấm hồng, thán thư/ cà phê; lở cổ rễ/ thuốc lá; nấm hồng/ cao su; đốm đen/ hoa hồng; thán thư/ điều	Công ty CP SX -TM & DV Ngọc Tùng
		Tvil TSC 50SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Uni-hexma 5SC	Khô văn/lúa, nấm hồng/ cao su, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Vilmax 50SC	Vàng rụng lá/cao su, lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Vivil 5SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; vàng rụng lá/ cao su; rỉ sắt, thối quả/ cà phê; thán thư/ điều; rỉ sắt/nho; đốm lá/lạc, phấn trắng/xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
353	Hexaconazole 100 g/l + Iprodione 250 g/l	Saipora super 350SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
354	Hexaconazole 75g/l + Isoprothiolane 75g/l	Thontrangvil 150SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
355	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 40%	Starmonas 45WP	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
356	Hexaconazole 30g/l (20g/kg) + Isoprothiolane (270g/l), (320g/kg) + Tricyclazole (250g/l), (460g/kg)	Bibiusamy 550SC, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
357	Hexaconazole 32 g/kg + Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 440g/kg	Nofada 822WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

358	Hexaconazole 30g/kg + Isoprothiolane 420g/kg + Tricyclazole 410g/kg	Camel 860WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
359	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 35% + Tricyclazole 40%	Beansuperusa 80WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
360	Hexaconazole 3% + Isoprothiolane 43% + Tricyclazole 40%	Citymyusa 86WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV DV TM Đăng Vũ
361	Hexaconazole 5% (50g/l) + Kasugamycin 3% (30g/l) + Tricyclazole 72% (360g/l)	Lany super 80WP, 440SC	**80WP:** đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa **440SC:** lem lép hạt, thối thân lúa, bạc lá, đạo ôn/ lúa; loét sọc mặt cạo/cao su, rỉ sắt/lạc; thán thư/ cà phê	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
362	Hexaconazole 40g/l + Metconazole 60g/l	Workplay 100SL	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
363	Hexaconazole 320g/kg + Myclobutanil 380g/kg	Centerbig 700WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
364	Hexaconazole 4% + Propineb 56%	Helpro 60WG	Nấm hồng/ cao su	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
365	Hexaconazole 55 g/l + Prochloraz 10 g/l	Nevis 65SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
366	Hexaconazole 62 g/kg + Propineb 615 g/kg	Shut 677WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; phấn trắng, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; đốm nâu/ thanh long; thán thư/ điều	Công ty TNHH ADC
367	Hexaconazole 75g/kg + Propineb 630g/kg	Passcan 705WP	vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
368	Hexaconazole 50g/kg + Propiconazole 150g/kg + Tricyclazole 355g/kg	Sieubem super 555WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
369	Hexaconazole 50g/l (50g/kg) + Sulfur 49.9g/l (49.9g/kg)	Galirex 99.9SC, 99.9WP	**99.9WP:** Khô vằn/ lúa **99.9SC:** Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Thành
370	Hexaconazole 50g/l (10g/kg) + Sulfur 20g/l (450g/kg) + Tricyclazole 10g/l (50g/kg)	Grandgold 80SC, 510WP	**80SC**: Khô vằn/ lúa **510WP:** Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

371	Hexaconazole 56g/l + Tebuconazole 10g/l	Ferssy 66SC	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
372	Hexaconazole 50g/l + Tebuconazole 250g/l	Tezole super 300SC	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
373	Hexaconazole 50g/kg (25g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)	Vatino super 500WP, 525SE, 780WG	**500WP:** Khô vằn, đạo ôn/lúa **525SE:** Lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa **780WG:** lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH An Nông
374	Hexaconazole 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Natoyo 750WG	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH An Nông
375	Hexaconazole 56 g/l + Tricyclazole 10 g/l	Leener 66SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
376	Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Bimvin 250SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Dohazol 250SC	khô vằn/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
		Forvilnew 250 SC	đạo ôn, đốm vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê; đốm lá/ lạc, đậu tương; thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Hextric 250SC	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Sun-hex-tric 25SC	đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ lạc, thán thư/ điều	Sundat (S) Pte Ltd
		Westminster 250SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
377	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 200g/l	Beamvil-super 250SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH XNK Gold Star Thụy Điển
		Lashsuper 250SC	đạo ôn, khô vằn/ lúa; héo đen đầu lá/ cao su; rỉ sắt, thán thư /cà phê, thán thư /điều; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH - TM Tân Thành
378	Hexaconazole 40g/l (35g/kg) + Tricyclazole 239g/l (770g/kg)	King-cide 279SC, 805WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
379	Hexaconazole 30g/l (100g/l), (57g/kg) + Tricyclazole 220g/l (425g/l), (700g/kg)	Siukalin 250SC, 525SE, 757WP	**250SC:** khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa **525SE, 757WP:** đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
380	Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 250g/l	Co-trihex 280SC	Đạo ôn/lúa, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Baconco

		Donomyl 280SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
381	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Amilan 300SC	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng, rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều; đốm lá/lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		HD-pingo 300SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		Hexalazole 300SC	Khô vằn, đạo ôn/lúa; rỉ sắt, thán thư/ cà phê; héo đen đầu lá/ cao su; thán thư/điều, đốm lá/lạc; phấn trắng/ cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Newtec® 300SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt /lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Trivin 300SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
382	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 450g/l	Gold-duck 500SC	Rỉ sắt/cà phê, thán thư/ điều, nấm hồng/ cao su	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
383	Hexaconazole 100g/l + Tricyclazole 300g/l	Avinduc 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
384	Hexaconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Marx 525SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện bàn
385	Hexaconazole 100g/l (150g/kg) + Tricyclazole 425g/l (600g/kg)	Natofull 525SE, 750WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Mê Kông
386	Hexaconazole 30g/l (30g/kg) + Tricyclazole 270g/l (770g/kg)	Perevil 300SC, 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
387	Hexaconazole 30g/kg + Tricyclazole 670g/kg	Trihexad 700WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
388	Hexaconazole 25g/l + Validamycin 75g/l	Zilla 100SC	Nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
389	Hymexazol (min 98%)	Hariwon 30SL	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
390	Imibenconazole (min 98.3%)	Manage 5WP	Phồng lá/ chè; rỉ sắt/ đậu tương; thán thư/ vải, xoài, ớt; đốm đen/ hoa hồng; phấn trắng/ dưa chuột, dưa hấu, hoa hồng, nho; vàng lá/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
391	Iminoctadine (min 93%)	Bellkute 40WP	phấn trắng/ hoa hồng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
392	Iprobenfos (min 94%)	Kisaigon 10GR, 50EC	**10GR:** đạo ôn, thối thân/ lúa **50EC:** khô vằn, đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Kitatigi 10GR, 50EC	**10GR:** đạo ôn/ lúa **50EC:** đạo ôn, thối thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tipozin 10GR, 50EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vikita 10GR, 50EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
393	Iprobenfos 20% + Isoprothiolane 20%	Vifuki 40EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
394	Iprobenfos 30% (10g/kg) + Isoprothiolane 15% (390g/kg)	Afumin 45EC, 400WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
395	Iprobenfos 10% + Tricyclazole 10%	Dacbi 20WP	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
396	Iprobenfos 14% + Tricyclazole 6%	Lúa vàng 20WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
397	Iprobenfos 100g/kg+ Tricyclazole 750g/kg	Superbem 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
398	Iprodione (min 96%)	Citione 350SC, 500WP, 700WG	**350SC, 500WP:** lem lép hạt/ lúa **700WG:** khô vằn/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Doroval 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Givral 500WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Hạt chắc 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Hạt vàng 50 WP, 250SC	**50WP:** lem lép hạt/ lúa **250SC:** lem lép hạt/ lúa, đốm quả/ nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Matador 750WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
		Niforan 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Prota 50WP, 750WG	**50WP**: lem lép hạt, khô vằn/ lúa; héo vàng/ đậu tương **750WG**: lem lép hạt, khô vằn/ lúa; thối gốc/ dưa hấu	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Prozalthai 500SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam

		Rora 750WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; thán thư/ điều, hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Rorang 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Rovannong 50WP, 250SC, 750WG	**50WP**: khô vằn/ lúa **250SC, 750WG**: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Royal 350SC, 350WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa.	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rovral 50WP	lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ cà chua, dưa hấu, bắp cải, lạc; thán thư/ cà phê	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Tilral 500WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Viroval 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zoralmy 50WP, 250SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
399	Iprodione 200g/l (50g/kg) + Sulfur 300g/l (500g/kg)	Rollone 500SC, 550WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
400	Iprodione 50g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Bemgold 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
401	Iprodione 350g/kg + Zineb 250g/kg	Bigrorpran 600WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
402	Isoprothiolane (min 96%)	Aco one 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Anfuan 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Dojione 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fuan 40EC	đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Fuannong 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Fu-army 30WP, 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Fujiduc 450EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Fuji-One 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Fujy New 40EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Fuel-One 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Funhat 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

		Futrangone 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fuzin 400EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Iso one 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Jia-Jione 40EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kara-one 400EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
		Lumix 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		One-Over 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH XNK QT SARA
		One-Super 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vifusi 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
403	Isoprothiolane 40% + Kasugamycin 2%	Fukasu 42WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
404	Isoprothiolane 235g/kg (230g/kg) + Kasugamycin 15g/kg (20g/kg) + Tricyclazole 400g/kg (550g/kg)	Topzole 650WP, 800WG	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
405	Isoprothiolane 50g/l + Propiconazole 250g/l	Tung super 300EC	lem lép hạt/ lúa; đốm lá, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
406	Isoprothiolane 200g/l + Propiconazole 150g/l	Tilred Super 350EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
407	Isoprothiolane 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tricyclazole 350g/l	Tinanosuper 600SE	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
408	Isoprothiolane 10.5g/l (421g/l) (10g/kg) + Propineb 4.5g/l (5g/l) (150g/kg) + Tricyclazole 400g/l (5g/l), (55g/kg)	Eifelgold 415SC, 431EC, 215WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

409	Isoprothiolane 40% + Sulfur 3%	Tung One 430 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
410	Isoprothiolane 400g/l (250g/kg) + Sulfur 50g/l (400g/kg)	Puvertin 450EC, 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
411	Isoprothiolane 250g/kg + Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 200.8g/kg	Bimmy 800.8WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
412	Isoprothiolane 0.5g/l (405g/l) (10g/kg) + Sulfur 20g/l (19.5g/l) (55g/kg) + Tricyclazole 400.5g/l (0.5g/l) (755g/kg)	Ricegold 421SC, 425EC, 820WP	**421SC:** Đạo ôn/ lúa **425EC, 820WP:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
413	Isoprothiolane 400g/l + Tebuconazole 150g/l	Gold-buffalo 550EC	Khô vằn, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
414	Isoprothiolane 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Citiusa 810WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Lan Anh
415	Isoprothiolane 400g/kg + Tricyclazole 250 g/kg	Trizim 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH vật tư BVTV Phương Mai
416	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Bump 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Downy 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Ka-bum 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Stazole top 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
417	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Bulny 700WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
418	Isoprothiolane 30% (300g/kg) + Tricyclazole 40% (400g/kg)	Tripro-HB 700WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Triosuper 70WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
419	Isoprothiolane 18g/kg (460g/kg) + Tricyclazole 30g/kg (400g/kg)	NP G6 4.8GR, 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

420	Isoprothionale 200g/l (400g/kg) + Tricyclazole 325g/l (250g/kg)	Bom-annong 525SE, 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
421	Isoprothiolane 375g/kg + Tricyclazole 375g/kg	Bimson 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Tùng Dương
422	Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Bim-fu 750WG	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
423	Isoprothiolane 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Newtinano super 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
424	Isoprothiolane 400g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Acfubim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Bim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Fireman 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Trifuaic 800WP	Đạo ôn/Lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
425	Isopyrazam (min 92%)	Reflect® 125EC	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
426	Iprovalicarb (min 95%) 55g/kg + Propineb 612.5g/kg	Interest 667.5WP	Thán thư/xoài; giả sương mai/ dưa chuột; mốc sương/ nho	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Melody duo 66.75WP	mốc sương/ nho, dưa hấu, cà chua, dâu tây; sương mai/ hành, hoa hồng, rau cải; thán thư/ ớt; sương mai, thán thư/ vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Mix-pro 667.5WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
427	Kanamycin sulfate (min 98%)	Marolyn 10WP	khô vằn/lúa, rỉ sắt, thán thư/lạc, thối nhũn/bắp cải	Công ty CP Trường Sơn
428	Kasugamycin (min 70%)	Asana 2SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; thỗi nhũn/ bắp cải, cải xanh; héo xanh/ cà chua; sẹo/ cam; thối quả/ nhãn, xoài, sầu riêng, vải	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		AD-Carp 2SL	Bạc lá/lúa, thán thư/ ớt	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Bactecide 20SL, 60WP	bạc lá, đạo ôn/ lúa; thán thư/ ớt; phấn trắng/ bầu bí	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

		Bisomin 2SL, 6WP	**2SL:** đạo ôn, bạc lá/ lúa; thán thư, sẹo/ cam, quýt; thán thư, thối quả/ vải, nhãn, xoài; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua, bắp cải; thối quả, phấn trắng/ nho **6WP:** đạo ôn, bạc lá/ lúa; phấn trắng/ nho	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Calistar 20SC, 25WP	**20SC:** đạo ôn/ lúa **25WP:** lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Chay bia la 2SL	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Citimycin 20SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
		Fujimin 20SL, 50WP	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Fukmin 20SL	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Golcol 20SL, 50WP	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột.	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Goldkamin 20SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư /xoài	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Grahitech 2SL, 4WP	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn/ bắp cải, hành; lở cổ rễ/ thuốc lá, dưa chuột, dưa hấu, cà chua; bệnh sẹo/ cam; thán thư/ vải, xoài	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		JAVI Min 20SL, 60WP	**20SL:** lem lép hạt/ lúa **60WP:** đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Kagomi 3SL	Đạo ôn, bạc lá vi khuẩn/lúa; thối nhũn vi khuẩn/ bắp cải; loét/cam	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Kamycinjapane 20SL, 80WP	**20SL:** khô vằn/ lúa **80WP:** đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
		Kamsu 2SL, 8WP	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn do vi khuẩn/ hành, bắp cải; lở cổ rễ/ cà chua, dưa chuột, dưa hấu, thuốc lá, thuốc lào; sẹo/ cam; thán thư/ vải, nhãn, xoài, nho, điều, hồ tiêu.	Công ty TNHH Việt Thắng
		Karide 3SL, 6WP	đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư /xoài; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH An Nông
		Kasuduc 3SL, 100WP	**3SL**: bạc lá/lúa **100WP:** đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Kasugacin 3SL	Khô vằn, đạo ôn/ lúa, sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam

		Kasumin 2SL	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá, đen lép hạt do vi khuẩn/ lúa; thối vi khuẩn/ hành, bắp cải; loét vi khuẩn/ cam; đốm lá/ lạc	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Kasuga 60WP	Thối nhũn/ cải bắp, phấn trắng/bí xanh	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Kasustar 62WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Vagritex
		Kata 2SL	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn/ bắp cải; đốm lá/ lạc; bệnh loét/ cam	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Katamin 3SL	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Kminstar 20SL, 60WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; sẹo/ cam; thối vi khuẩn/ bắp cải; thối quả/ vải, xoài	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Fortamin 3SL, 6WP	đạo ôn, đốm nâu, bạc lá/ lúa; đốm lá/ dưa chuột; thối nhũn/ bắp cải; thán thư/ xoài, dưa hấu; sẹo/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
		Laba 20WP	Thối quả vi khuẩn/thanh long; phấn trắng/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Newkaride 3SL, 6WP	**3SL:** đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư/ xoài; phấn trắng/ nho, đốm đen vi khuẩn/ xoài, bệnh sẹo/ cam **6WP**: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư/ xoài; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH US.Chemical
		Tabla 20 SL	bạc lá, đạo ôn/ lúa; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Trasuminjapane 2SL, 8WP	đạo ôn, bạc lá, khô vằn, đốm nâu/ lúa; thối nhũn/ bắp cải; đốm lá/ dưa chuột; thán thư/ dưa hấu, xoài; loét sẹo vi khuẩn/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tutin 40SL	Đạo ôn/lúa, đốm lá/ hoa lan, thán thư/ ớt, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
		Saipan 2 SL	đạo ôn, bạc lá/lúa, thối nhũn/bắp cải, loét/cam	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Usakacin 6WP, 30SL	Bạc lá, đạo ôn/ lúa; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
429	Kasugamycin 20g/kg + Isoprothiolane 180g/kg + Tricyclazole 650g/kg	Tranbemusa 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
430	Kasugamycin 2g/l + Ningnanmycin 40g/l	Kamilaic 42SL	Đốm lá/ hành	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC

431	Kasugamycin 20 g/kg + Ningnanmycin 48g/kg	No-vaba 68WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
432	Kasugamycin 2g/l (2g/kg) + Ningnanmycin 38g/l (48g/kg)	Linacin 40SL, 50WP	Bạc lá/ lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
433	Kasugamycin 25g/l (50g/kg) + Ningnanmycin 25g/l (60g/kg)	Chobits 50SL, 110WP	**50SL:** lem lép hạt/ lúa **110WP:** Lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
434	Kasugamycin 20g/l + Ningnanmycin 20g/l	Parisa 40SL	Thối nhũn/ bắp cải	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
435	Kasugamycin 10g/l (16g/kg) + Ningnanmycin 65g/l (60g/kg)	Kamycinusa 75SL, 76WP	**75SL**: khô vằn/lúa; nấm hồng/cao su **76WP:** Đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
436	Kasugamycin 2g/kg + Ningnanmycin 98g/kg	Nikasu 100WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
437	Kasugamycin 5g/l, (20g/kg) + Ningnanmycin 41.9g/l (50.9g/kg) + Polyoxin B 0.1g/l, (0.1g/kg)	Gallegold 47SL, 71WP	Thán thư/ vải, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
438	Kasugamycin 10g/kg (10g/l) + Ningnanmycin 40g/kg (40g/l) + Streptomycin sulfate 50g/kg (100g/l)	Famycinusa 100WP, 150SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
439	Kasugamycin 3.5% (35g/kg) + Oxine copper 40% (400g/kg)	Kasuno 43.5WP	Cháy bìa lá/gừng, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Summit Agro Vietnam
		Osaku 435WP	Thán thư/hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
440	Kasugamycin 9g/l (1g/kg), (1g/l) + Polyoxin 1g/l (19g/kg), (20g/l)	Starsuper 10SC, 20WP, 21SL	**10SC, 21SL:** đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sẹo/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua **20WP:** phồng lá/chè, héo xanh/dưa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sẹo/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
441	Kasugamycin 15g/l (20g/kg) + Polyoxin 2g/l (2g/kg)	Kaminone 17SL, 22WP	Thán thư quả/vải	Công ty CP Vagritex

442	Kasugamycin 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 21g/l (22g/kg)	Yomisuper 22SC, 23WP	**22SC:** Lem lép hạt, đạo ôn/lúa **23WP:** thán thư/ vải, phồng lá/ chè, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
443	Kasugamycin 2g/kg + Streptomycin 38g/kg	Sunner 40WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
444	Kasugamycin 10g/kg + Streptomycin sulfate 40g/kg	Navara 50WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
445	Kasugamycin 20g/kg + Streptomycin sulfate 80g/kg	Amigol-lux 100WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
446	Kasugamycin 50g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Teptop 100WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
447	Kasugamycin 5g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Novinano 55WP	Bạc lá/lúa, héo xanh/cà chua	Công ty CP Nông Việt
448	Kasugamycin 1g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Teamgold 101WP	bạc lá/ lúa; lở cổ rễ/bắp cải; héo xanh vi khuẩn/cà chua, thán thư/ớt, thối nhũn/hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
449	Kasugamycin (10g/l) 15g/kg + Streptomycin sulfate (140g/l) 170g/kg	Gamycinusa 150SL, 185WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
450	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 300 g/kg	Bingle 320WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
451	Kasugamycin 77g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Javizole 777WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
452	Kasugamycin 12g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Bemsai 262WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
453	Kasugamycin 1.2% + Tricyclazole 20%	Kansui 21.2WP	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
454	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 28%	Kabim 30WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
455	Kasugamycin 19 g/l (10g/kg) + Tricyclazole 11g/l (240g/kg)	Ankamycin 30SL, 250WP	**30SL**: bạc lá/ lúa **250WP**: đạo ôn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
456	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 29%	Hibim 31WP	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
457	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 30%	Unitil 32WP, 32WG	**32WP**: đạo ôn, bạc lá/ lúa **32WG**: đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
458	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 48%	Daiwantocin 50WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Futai

459	Kasugamycin 10g/kg + Tricyclazole 790g/kg	Bibojapane 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
460	Kasugamycin 15g/l (30g/kg) +Tricyclazole 285g/l (770g/kg)	Beammy-kasu 300SC, 800WG	Đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
461	Kasugamycin 5% + Tricyclazole 75%	Binbinmy 80WP	Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
462	Kasugamycin 15g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Stardoba 715WP	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Agro Việt
463	Kasugamycin 12g/l + Tricyclazole 80g/l	Kasai-S 92SC	Đạo ôn/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
464	Kasugamycin 40g/kg + Tricyclazole 768g/kg	Nano Diamond 808WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
465	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Fujitil 820WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
466	Kasugamycin 0.5% + Tricyclazole 74.5%	Haragold 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
467	Kasugamycin 35g/kg + Tricyclazole 692g/kg + Validamycin 50g/kg	Tilmec 777WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
468	Kresoxim-methyl (min 95%)	Bolivar 500WG	Thán thư/xoài	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Inari 300SC	Thán thư/ thanh long, ớt, nhãn; giả sương mai/dưa hấu	Công ty CP NN HP
		Kexim 30WP, 50WG	Đốm mắt cua/ớt	Công ty TNHH Gap Agro
		MAP Rota 50WP	thán thư/ xoài, phấn trắng/nho, giả sương mai/dưa hấu, đốm vòng/cà chua, thán thư/ớt; chết nhanh/hồ tiêu; đốm đen/dâu tây; sương mai/cà chua, sẹo/ cam; phấn trắng/ hoa hồng	Map Pacific PTE Ltd
		Newkoxim 500WP	Thán thư/ ớt	Công ty CP S New Rice
		Sosim 300SC	đạo ôn/ lúa; sương mai/ bầu, rau cải, bí xanh, mướp, đậu côve, đậu đũa; mốc xám/ rau cải ; đốm mắt cua/ mồng tơi; rỉ trắng/ rau dền; thán thư/ đậu côve, đậu đũa; sương mai/súp lơ, hành; thán thư, phấn trắng, đốm mắt cua/ớt; rỉ sắt/đậu đũa, rỉ trắng/rau muống	Công ty TNHH Việt Thắng

469	Kresoxim-methyl 15% + Metalaxyl 50%	BC-Phytopkill 65WP	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Biocrop
470	Kresoxim-methyl 10% + Propineb 50%	Omega-downy rot 60WG	Rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
471	Kresoxim-methyl 300 g/kg + Tebuconazole 150 g/kg	Trido 450WP	Thán thư/ cà phê	Công ty CP BVTV ATC
472	Kresoxim-methyl 20% + Triflumizole 15%	Dream heart 35SC	Thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
473	Laminarin (min 86%)	Vacciplant 45SL	Thán thư/ dưa hấu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
474	Mancozeb (min 85%)	Aikosen 80WP	Thán thư/xoài, thanh long, ớt, đốm lá/ bắp cải, xì mủ/ sầu riêng	Công ty TNHH World Vision (VN)
		An-K-Zeb 800WP	thối quả/ vải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Annong Manco 80WP, 300SC	**80WP:** sương mai/ khoai tây, cà chua; thán thư/hoa hồng, xoài; phấn trắng/ nho; lem léo hạt/ lúa **300SC:** lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; sương mai/ cà chua, phấn trắng/ nho	Công ty TNHH An Nông
		Bavizeb 75WP	phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Byphan 800WP	thán thư/ vải	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Cadilac 75WG, 80 WP	**75WG:** đốm đen/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê, thán thư/vải, mốc sương/ khoai tây **80WP:** Mốc sương/khoai tây, rỉ sắt/cà phê, giả sương mai/dưa hấu; lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ hoa cây cảnh	Agria S.A, Bulgaria
		Caliber 750WG, 800WP	**750WG:** Rỉ sắt/ cà phê, sương mai/khoai tây, đốm đen/ hoa hồng **800WP:** Đốm đen/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê, thán thư/ xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Đaiman 800WP	Lem lép hạt/lúa; mốc sương/ cà chua; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Dipomate 80 WP, 430SC	**80WP:** sương mai/ cà chua, rỉ sắt/ hoa cúc, lem lép hạt/ lúa **430SC:** lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Dithane M-45 80WP, 600OS	**80WP:** mốc sương/ cà chua, khoai tây; lem lép hạt, đạo ôn/lúa; mốc sương/nho, vải; thán thư/cà phê, xoài, điều; rỉ sắt cà phê. **600OS:** nấm hồng, thán thư/cao su; thán thư/điều, xoài, cà phê; rỉ sắt/ cà phê; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Dizeb-M 45 80 WP	đốm lá/ lạc, ngô; đạo ôn, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; đốm nâu/ thuốc lá; sương mai/ khoai tây	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Dofazeb 800WP	sương mai/ khoai tây, rỉ sắt/cà phê, thối quả/sầu riêng	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Dove 80WP	thán thư/ xoài	Công ty TNHH Nông nghiệp Mặt Trời Vàng
		Forthane 43 SC, 80WP	**80WP:** thán thư/ bắp cải, đạo ôn/ lúa. **43SC:** đạo ôn/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Fovathane 80WP	sương mai/ khoai tây, đốm lá/ lạc; vàng rụng lá, nấm hồng/ cao su; đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Lanozeb 800WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Hóa nông Lâm Ngọc
		Man 80 WP	thối nhũn/ bắp cải, rỉ sắt/ cà phê	DNTN TM - DV và Vật tư Nông nghiệp Tiến Nông
		Manando 80WP	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ánh
		Manco TD 80WP	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Mancobaca 80WP	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH NN Bà Cả
		Mancobgo 80WP	Thán thư/vải	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Makozeb-RBC 80WP	Thối quả/cam	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Manozeb 80 WP	phấn trắng/dưa chuột, đốm lá/ lạc, chết nhanh/ hồ tiêu, thán thư/ cà phê; sương mai/dưa hấu	Công ty CP Nông dược HAI
		Manthane M 46 37 SC, 80 WP	**37SC:** sương mai/ cà chua **80WP**: sương mai/ cà chua, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Penncozeb 75WG, 80 WP	**75WG**: thán thư/ xoài, đốm lá/ cà chua **80WP:** thán thư/ xoài, ớt; đốm lá/ cà chua; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Baconco
		Sancozeb 80 WP	thối quả/ cam, phấn trắng/ dưa chuột	Forward International Ltd

		Tenem 80 WP	mốc sương/ dưa chuột, đốm lá/ cây có múi	Công ty TNHH TM Trang Nông
		Timan 80 WP	thối nhũn/ bắp cải, ghẻ/ cam, thán thư/thanh long, dưa hấu	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tipozeb 80 WP	đạo ôn/ lúa, thán thư/ xoài, rỉ sắt/ cà phê, sẹo/quýt	Công ty TNHH – TM Thái Phong
		Tungmanzeb 800WP	lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc, ngô; rỉ sắt/ lạc, cà phê, ngô; thán thư/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tvzeb 800WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Unizebando 800WP	Sương mai/cà chua	Công ty CP SAM
		Unizeb M-45 75WG, 80 WP	**75WG:** đốm vòng/ cà chua **80WP:** thán thư/ dưa hấu, xoài, thanh long, ớt; rỉ sắt/ lạc; vàng lá/ lúa; sương mai/ cà chua.	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vimancoz 80WP	đốm lá/ rau cải, thối gốc, chảy mủ/ sầu riêng; sương mai/ khoai tây; chết cây con/ lạc, chết chậm/hồ tiêu, thán thư/xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vosong 800WP	sương mai/ dưa hấu, ghẻ nhám/cam, sương mai/cà chua, đốm lá/hồ tiêu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
		ZebindiaX 80WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH MTV Hóa Sinh Cửu Long
475	Mancozeb 0.24% (64%) + Metalaxyl 0.01% (8%)	Biorosamil 0.25PA, 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
476	Mancozeb 640g/kg + Metalaxyl 40g/kg	Rinhmyn 680WP	sương mai/ khoai tây, rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ hồ tiêu, điều	Công ty TNHH An Nông
477	Mancozeb 64% + Metalaxyl 8%	Agrimyl 72WP	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Sinh học NN Hai Lúa Vàng
		BP Dimilgold 720WP	Loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty TNHH MTV Nam Thịnh Hòa Bình
		Favaret 72WP	Loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty CP Nicotex
		Fortazeb 72 WP	loét sọc mặt cạo/ cao su	Forward International Ltd
		Hoanganhbul 72WP	phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Mancolaxyl 72WP	loét miệng cạo/ cao su; lem lép hạt/ lúa; thối rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Met-Helmer 72WP	Thán thư/ cà phê, đốm đen/ hoa hồng. xì mủ/ cao su	Công ty TNHH B.Helmer

		Meman 72WP	Thán thư/điều, loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
		Mexyl MZ 72WP	chết nhanh/ hồ tiêu; loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Phesolmanco-M 72WP	Loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Ricide 72 WP	loét sọc mặt cạo/ cao su, đốm lá/ thuốc lào	Công ty CP BVTV I TW
		Ridozeb 72WP	Lở cổ rễ/ cây vừng, xì mủ thân/ mắc ca, loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Rithonmin 72WP	đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Romil 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Rotam Agrochemical Co., Ltd
		T-Promy MZ 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su; chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/điều	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Tungsin-M 72WP	loét miệng cạo/ cao su; thán thư/ điều; lem lép hạt/ lúa; chết héo/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vimonyl 72 WP	loét sọc mặt cạo/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu, sương mai/khoai tây, chết ẻo/lạc, thán thư/ điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
478	Mancozeb 640g/kg + Metalaxyl 80g/kg	Ridoman 720WP	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Zimvil 720WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
479	Mancozeb 600 g/kg (640g/kg) + Metalaxyl 80g/kg (80g/kg)	Rorigold 680WG, 720WP	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
480	Mancozeb 60% (64%) + Metalaxyl 8% (8%)	Metman bul 68WG, 72WP	**68WG:** Loét sọc mặt cạo/cao su, sương mai/ khoai tây **72WP:** Sương mai/ khoai tây, loét sọc mặt cạo/cao su	Agria S.A
481	Mancozeb 480g/kg (48%) + Metalaxyl 100g/kg (10%)	Domigold 580WP	Đốm đen/hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Manmetpul 58WP	Thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ridokin 58WP	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
482	Mancozeb 48% + Metalaxyl-M 5%	Ω-Mancom 53WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
483	Mancozeb 64% (640g/kg) + Metalaxyl-M 4% (40g/kg)	Copezin 680WP	rỉ sắt/cà phê, loét sọc mặt cạo/ cao su, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		DN Man 68WG	Đốm lá/ngô	Công ty TNHH Thảo Điền

		Lanomyl 680WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Mekomil gold 680WG, 680WP	**680WG:** rỉ sắt/ cà phê, thán thư/điều, sương mai/ khoai tây **680WP:** đạo ôn/ lúa, thán thư/điều, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Ridomil Gold® 68WG	thán thư/ điều; sương mai/ ca cao; loét sọc mặt cạo/ cao su; chết cây con/ thuốc lá, lạc; chết nhanh/ hồ tiêu; đốm lá/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Rildzomigol super 68WG	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Suncolex 68WP	loét sọc mặt cạo/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu	Sundat (S) PTe Ltd
484	Mancozeb 660g/kg + Metalaxyl-M 60g/kg	Rubbercare 720WP	Loét sọc mặt cạo/cao su; chết nhanh/ hồ tiêu, đốm lá/ ngô, thán thư/điều	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
485	Mancozeb 680g/kg + Metalaxyl-M 40g/kg	Shikoku 720WG	nấm hồng/ cà phê, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM SX GNC
486	Mancozeb 44% + Polyoxin B 2%	Polyman 46WP	Thán thư/ thanh long	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
487	Mancozeb 301.6g/l + Propamocarb.HCl 248g/l	Propman bul 550SC	sương mai/cà chua, dưa hấu	Agria SA
488	Mancozeb 620 g/kg + Tricyclazole 180g/kg	Triman gold 800WP	Đốm đen/ hoa hồng	Công ty CP SAM
489	Mancozeb 280 g/kg + Sulfur 420 g/kg	Sufer man 700WP	Rỉ sắt/Cà phê	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
490	Mefentrifluconazole (min 97%)	Cevya 400SC	lem lép hạt/ lúa, phấn trắng/dưa chuột, đốm vòng/cà chua	BASF Vietnam Co., Ltd.
491	Metalaxyl (min 95%)	Acodyl 25EC, 35WP	**25EC:** sương mai/khoai tây, thối rễ/hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/ cao su **35WP:** thối rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Alfamil 350WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Binhtaxyl 25 EC	mốc sương/ khoai tây; đốm lá/ lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Foraxyl 35WP	rỉ sắt/ đậu tương	Forward International Ltd
		Karoke 350WP	Chết nhanh/tiêu, phấn trắng/hoa hồng, sọc lá/ngô	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
		Mataxyl 500WG, 500WP	**500WG:** chết nhanh/ hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/ cao su; sương mai/ khoai tây	Map Pacific PTE Ltd

			500WP: chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ khoai tây; chết ẻo/ lạc; loét sọc mặt cạo, vàng rụng lá/cao su; thối quả, thối thân/ca cao; vàng lá/sắn; phấn trắng/ đậu tương	
		Meta-M-CMP 35WP	Chết nhanh/ hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty CP Nông nghiệp CMP
		No mildew 25WP	thối/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Trang Nông
		Rampart 35SD	Chết ẻo cây con/ thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Salegold 250EC	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tân qui Talaxyl 25WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Ngân Anh
		Tatsu 25WP	Sương mai/ hoa hồng, khoai tây	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Vilaxyl 35 WP	mốc sương/ khoai tây, chết nhanh/ hồ tiêu, héo rũ trắng gốc/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
492	Metalaxyl-M (min 91%)	Voces 25WP	Loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
493	Metalaxyl-M 80 g/kg + Propineb 420 g/kg	Bavacol 500WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
494	Metconazole (min 94%)	Anti-fusa 90SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Ozzova 90SL	lem lép hạt, lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty TNHH MTV Lucky
		Workup 9 SL	lem lép hạt/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
495	Metiram Complex (min 85%)	Polyram 80WG	chạy dây/ dưa chuột; đốm vòng/ cà chua; sương mai/ vải thiều, dưa hấu; thán thư/ hồ tiêu, xoài; thối quả/ nhãn; lúa von/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
496	Metiram complex 550 g/kg + Pyraclostrobin 50 g/kg	Haohao 600WG	thán thư/vải, đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Verityz 600WG	Thán thư/xoài, thanh long; ghẻ sẹo/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
497	Metiram 55% (550g/kg) + Pyraclostrobin 5% (50g/kg)	Ballad 60WG	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
		Cabrio Top 600WG	sương mai/ cà chua, đạo ôn/ lúa, sương mai/ dưa hấu, thán thư/ xoài, bệnh sẹo/ cam; giả sương mai/ dưa chuột, sương mai/khoai tây, rỉ sắt/đậu tương; thán thư/ớt; thán thư/ hồ tiêu	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Carlos 60WG	Phấn trắng/ hoa hồng, sương mai/ khoai tây, sẹo/ cam	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong

		Casino Top 600WG	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty CP Liên doanh Quốc tế Fujimoto
		Combo 600WG	Thán thư/ ớt	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Metrobin 600WG	Thán thư/ ớt	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
498	Metominostrobin (min 97%)	Ringo-L 20SC	Gỉ sắt/đậu tương, thán thư/ gừng, thán thư/ cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
499	Myclobutanil (min 98%)	Kanaka 50SC, 405WP	**50SC:** lem lép hạt/ lúa **405WP:** lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Micelo 125WP	chết nhanh/ hồ tiêu, đốm lá/ khoai môn	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Myclo 400WP	Đạo ôn/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Hóc Môn
500	Myclobutanil 130 g/kg + Pyraclostrobin 250 g/kg	Tokayo 380WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
501	Myclobutanil 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (250g/kg)	Sieutino 500WP, 780WG	**500WP:** lúa von/ lúa (xử lý hạt giống); khô vằn, lem lép hạt/lúa **780WG:** khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
502	Myclobutanil 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Rusem super 750WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
503	Myclobutanil 100g/kg + Thifluzamide 500g/kg	Wonderful 600WP	Mốc sương/ khoai tây	Công ty TNHH An Nông
504	Myclobutanil 50g/l (200g/kg) + Thiodiazole Zinc 200g/l (500g/kg)	Usagvil 250SC, 700WP	**250SC:** Bạc lá/lúa **700WP:** Bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/ cà phê, điều; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH An Nông
505	Ningnanmycin	Ace green 8SL	Đốm sọc vi khuẩn/ lúa	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Annongmycin 80SL, 100SP	**80SL:** bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài; phấn trắng/ nho **100SP**: thối nhũn/hành	Công ty TNHH An Nông
		Bonny 4SL	chết cây con/ lạc, bạc lá/ lúa, thối nhũn/ bắp cải, héo rũ/ cà chua, chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/dưa chuột; chạy dây/dưa hấu; chết chậm/hồ tiêu; thối thân vi khuẩn/lúa	Công ty CP Nông dược HAI

		Cosmos 2SL	bạc lá, khô vằn/ lúa; hoa lá, xoăn lá, thán thư/ ớt; phấn trắng, thối rễ, khô dây/ bí xanh; phấn trắng, giả sương mai/ dưa chuột; hoa lá/ thuốc lá; sương mai, xoăn lá/ cà chua	Công ty TNHH Nam Bắc
		Diboxylin 2 SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối mạ, hoa cúc, lúa von/ lúa; mốc xám, đốm lá/ bắp cải, cải xanh; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, bầu bí; héo rũ/ đậu tương, lạc, cà phê; thán thư/ cam, chanh; thối quả/ xoài, vải, nhãn, nho; vàng lá/ hoa cúc; thán thư, phấn trắng, thối nhũn/ nho; thán thư, phấn trắng/ xoài; thối nhũn/ tỏi, hành; khô bông, thán thư/ điều; rụng quả, rỉ sắt/ cà phê; chết chậm, chết nhanh/ hồ tiêu, đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Ditacin 8 SL, 10 WP	**8SL:** héo rũ, bệnh khảm, bệnh sáng gân/ thuốc lá; sương mai/ cà chua; bạc lá/ lúa; thối nõn/ dứa; héo xanh/ lạc, cà chua, dưa chuột, bí xanh **10WP:** khảm/ thuốc lá; héo rũ/ lạc	Công ty TNHH Nông Sinh
		Evanton 40SL	Thối nhũn/bắp cải, bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Fukuda 3SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Jonde 3SL	Cháy bìa lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Kanicin 100WP	Thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Kozuma 5WP, 3SL	khô vằn, đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt lúa / lúa; vàng lá/ hoa cúc; xoăn lá/ ớt; sương mai/ dưa hấu; loét/ cam; héo khô/ bí xanh; khảm, héo rũ/ thuốc lá; héo rũ/ cà phê, đậu tương, lạc; thối quả/ xoài, nho, nhãn, vải; lở cổ rễ, héo rũ/ cà chua	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Kufic 80SL	héo xanh/ cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Lincolnusa 15WP, 81SL	**15WP:** Bạc lá/ lúa **81SL:** Bạc lá/ lúa, thối nhũn/ hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Molbeng 2SL	bạc lá/ lúa, héo rũ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu; thối quả/ xoài, vải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Naga 80SL	Bạc lá/lúa; thối nhũn/cải bắp, chết chậm/hồ tiêu, héo xanh/cà chua	Công ty CP Hóc Môn

		Niclosat 4SL	khô vằn, bạc lá/ lúa; lở cổ rễ/ lạc, đậu đỗ, cải bắp; khô cành/ cà phê; lở cổ rễ, sương mai/ cà chua; khô vằn/ ngô; thối gốc/ khoai tây, bí xanh; xoăn lá/ ớt; hoa lá/ thuốc lá; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Ningnastar 50WP, 50SL	**50WP:** đạo ôn, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ dưa chuột **50SL:** phấn trắng/dưa chuột	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Pyramos 40SL	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Romexusa 2SL, 20WP	**2SL:** phấn trắng/ đậu tương **20WP:** bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Somec 2 SL	bệnh hoa lá/ thuốc lá; bệnh hoa lá, xoăn lá/ ớt; bạc lá/ lúa; thối rễ, khô dây/ bí xanh; phấn trắng/ dưa chuột; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH Nông dược Miền Nam
		Sucker 4SL, 90WP	**4SL**: đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối mạ, lúa von/ lúa; thán thư /cam; mốc xám, đốm lá/ bắp cải; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; thối quả, phấn trắng/ xoài; rỉ sắt/ cà phê; thối nhũn/ hành, tỏi; khô bông/ điều **90WP:** Đốm sọc vi khuẩn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Supercin 50WP, 80SL	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; giả sương mai/ cà chua, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn/ bắp cải.	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Supermil 50WP, 40SL	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, dưa chuột, đậu trạch, bí xanh; thối nhũn/ bắp cải.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Thaiponbao 40SL	phấn trắng/ nho, bạc lá/lúa, thối nhũn/ bắp cải; sương mai, chết cây con/ cà chua; thối quả/ cà phê	Công ty TNHH - TM Thái Phong
506	Ningnanmycin 17g/l, (10g/kg) + Polyoxin B 10g/l, (22g/kg)	Polysuper 27SL, 32WP	**27SL**: thán thư/ vải **32WP:** Lem lép hạt/ lúa, thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
507	Ningnanmycin 5g/kg + Polyoxin B 11g/kg + Streptomycin sulfate 5g/kg	Rorai 21WP	Lem lép hạt, bạc lá/lúa; thán thư/ vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Sunshi 21WP	thán thư/ vải, lem lép hạt, bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
508	Ningnanmycin 10g/kg (20g/l) + Streptomycin sulfate 68g/kg (60g/l)	Mycinusa 78WP, 80SL	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ

509	Ningnanmycin 60g/l (60g/kg) + Streptomycin 240g/l (490g/kg)	Liveshow 300SL, 550WP	**300SL:** Đốm sọc vi khuẩn/ lúa **550WP:** Thán thư/xoài; đạo ôn, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, bạc lá /lúa; phấn trắng/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
510	Ningnanmycin 30g/kg + Tricyclazole 770g/kg	Avazole 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ
511	Ningnanmycin 25g/l (10g/kg) + Tricyclazole 425g/l (790g/kg)	Vitaminusa 450SC, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
512	Ningnanmycin 27g/kg + Tricyclazole 700g/kg + Validamycin 50g/kg	Goldbem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
513	Oligo-alginate	M.A Maral 10SL, 10WP	**10SL:** đốm vòng/ cà rốt; kích thích sinh trưởng/ chè **10WP**: kích thích sinh trưởng/ bắp cải, cà rốt, cây hoa cúc	Công ty TNHH Ngân Anh
514	Oligo-sacarit	Olicide 9SL	rỉ sắt/ chè, sương mai/ bắp cải, chết nhanh (héo rũ)/ hồ tiêu, đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
515	Oligosaccharins	Acoustic 5SL	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
		KT-Oligosa 0.5SL	Thán thư/ớt	Công ty TNHH TM DV NN Kiên Thịnh
		Tutola 2.0SL	sương mai/ cà chua; chấm xám/ chè; rỉ sắt/ hoa cúc; đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
516	Oxathiapiprolin (min 95%)	Zorvec® Enicade® 10 OD	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
517	Oxine Copper (min 99%)	Cadatil 33.5SC	cháy bìa lá/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Batista 33.5SC	bạc lá/lúa	Sinon Corporation
		Funsave 33.5SC	bạc lá/ lúa	Công ty CP Global Farm
518	Oxolinic acid (min 93%)	G-start 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Oka 20WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Oxalin 200WP	Bạc lá/ lúa, héo dây thối củ/ khoai lang	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Oxo 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Sieu tar 20WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Starner 20WP	lem lép hạt, bạc lá/ lúa; héo xanh/ hoa cúc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Starwiner 20WP	Bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
519	Oxolinic acid 600g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Dorter 750WP	Thán thư/ hoa hồng, bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
520	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 25g/kg	Map lotus 125WP	Bạc lá, thối bẹ, thối hạt/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
521	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Lino oxto 200WP	bạc lá/lúa, phấn trắng/ cao su	Công ty CP Liên Nông Việt Nam
522	Oxolinic acid 200g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Tryxo 750WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
523	Oxytetracycline	Usastano 500WP	bạc lá/ lúa, đốm vòng/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông
524	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50g/kg	Miksabe 100WP	bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, lem lép hạt/ lúa; héo xanh/ cà chua; loét, sẹo/ cam; héo rũ cây con/ thuốc lá; đốm lá/ dưa chuột; héo cây con/ dưa hấu; héo rũ cây con, phấn trắng/ cà phê; thối hoa/ hoa hồng; thối gốc/ hoa ly; héo rũ/ hoa cúc; thối nhũn, thối đen gân lá/ bắp cải; thối quả/ cà chua	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Oxycin 100WP	Thối nhũn /bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
525	Oxytetracycline hydrochloride 55% (550g/kg) + Streptomycin sulfate 35% (350g/kg)	Marthian 90SP	héo xanh/ cà chua	Công ty TNHH Hạt giống HANA
		Ychatot 900SP	Héo xanh/cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
526	Oxytetracycline 400 g/kg + Streptomycin 100 g/kg	Centertaner 500WP	Bạc lá/lúa, đốm đen/ cải xanh	Công ty TNHH An Nông
527	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50g/kg + Gentamicin 10g/kg	Banking 110WP	Bạc lá/lúa, thán thư/thanh long; chết nhanh/hồ tiêu, héo xanh/ cà chua	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

528	Oxytetracycline hydrochloride 2g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Avikhuan 102SP	Bạc lá/lúa	Công ty CP XNK nông dược Hoàng Ân
529	Oxytetracycline 300g/kg + Tetramycin 200g/kg	Goldfull 500WP	thối nhũn/hành; cháy bìa lá, thối củ /gừng; thán thư/ớt; bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
530	*Paecilomyces lilacinus*	Bionema 80WP	Tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu, dưa lưới	Trung tâm công nghệ sinh học TP. Hồ Chí Minh
		Manecer 200WP	Tuyến trùng/thanh long, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
		Nemaces 10^8 cfu/g WP	Tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu, thanh long, cam, chuối, cà rốt	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Palila 500WP (5 x 10^9cfu/g)	tuyến trùng/cà rốt, cà chua, hồ tiêu, lạc, thuốc lá, cà phê	Công ty TNHH Nông Sinh
531	Papain	MAP Oni 2 SL	Loét/cam, bạc lá/lúa, thối nhũn/ bắp cải	Map Pacific Pte. Ltd
532	Penconazole (min 95%)	Penazon 100EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
		Toshiro 10EC	phấn trắng/ hoa hồng, đốm mắt cua/ hoa cúc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Ω-Penco 20EW	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
533	Pencycuron (min 98%)	Alfaron 250 WP	khô vằn/ lúa, chết rạp cây con/ đậu tương	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Forwaceren 25 WP	khô vằn/ lúa, đổ ngã cây con/ khoai tây	Forward International Ltd
		Luster 250 SC	khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Monceren 250 SC	khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ bông vải, chết ẻo/ lạc	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Moren 25 WP	khô vằn/ lúa, chết ẻo cây con/ dưa chuột, lở cổ rễ/ lạc, khô vằn/ ngô	Công ty CP BVTV I TW
		Vicuron 250 SC	khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
534	Pencycuron 150g/kg + Tebuconazole 120g/kg	Arakawa 270WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Teb 270WP	Lem lép hạt/lúa, lở cổ rễ/ hoa cúc	Sundat (S) PTe Ltd
535	Penthiopyrad (min 98.8%)	Kabina 200SC	Đốm nâu/ thanh long	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
536	Picarbutrazox (min 94.5%)	Quintect 10SC	Giả sương mai/ dưa hấu, sương mai/ cà chua	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

537	Physcion	Dofine 0.5SL	Phấn trắng/ bí đao, đốm nâu/ thanh long, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
538	Picoxystrobin (min 98.5%)	Aproach® 250SC	khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; thán thư/ xoài	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Master Plus 225SC	Đốm lá/ngô	Công ty TNHH Master AG
		Picobin 250SC	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa, đốm vòng/ cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
		Picothaobin 250SC	Đốm vòng/ cà chua	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Ω-Pico 225SC	Thán thư/ thanh long	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
539	Picoxystrobin 10% + Propiconazole 20%	Ace pypro 30SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
540	Picoxystrobin 70g/l + Propiconazole 120g/l	Suntioo 190SC	Rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP NN HP
541	Picoxystrobin 250g/l + Prothioconazole 50g/l	Picoros 300SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
542	Phosphorous acid	Agri-Fos 400SL	bệnh do nấm Phythophthora/ sầu riêng; chết nhanh, vàng lá thối rễ/ hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su; đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá, khô vằn/ lúa; đốm nâu/ thanh long; xử lý hạt giống trừ bệnh đạo ôn/ lúa; Chết nhanh/ hồ tiêu; đốm nâu/ thanh long	Công ty CP Phát triển CN sinh học (DONA- Techno)
		Herofos 400 SL	mốc sương/ nho, tuyến trùng/ hồ tiêu, cà phê; cỏ sân golf, cải bắp; chết nhanh/ hồ tiêu; đốm nâu/ thanh long	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Hortiphos 600SL	Xì mủ/ sầu riêng	Hợp tác xã Dịch vụ Chăn nuôi Xuân Phú
		Phytofos 600SL	Nứt thân xì mủ/sầu riêng, sương mai/khoai tây	Công ty TNHH TM Vĩnh Thạnh
		Sprayphos 620SL	Sương mai/cà chua; xì mủ/ cam, quýt, sầu riêng; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
543	Polyoxin complex (min 31%)	Polyoxin AL 10WP	đốm lá/ hành, chảy gôm/dưa hấu, thán thư/thanh long, ớt	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
544	Polyoxin B	5 Lua 3SL, 20WP	Phấn trắng/ bầu bí; sương mai/ cà chua; đạo ôn, bạc lá, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bio Top 30WP	Đốm lá/ hành, sưng rễ/ cải bắp	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan

		Caligold 20WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Ellestar 3SL, 20WP, 30SC	**3SL:** phấn trắng/ bầu bí **20WP**: đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải; sương mai/ cà chua **30SC:** Sẹo/ cam	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
545	Polyphenol chiết xuất từ cây núc nác (*Oroxylum indicum)* và lá, vỏ cây liễu (*Salix babylonica)*	Chubeca 1.8SL	thán thư, héo rũ/ ớt; thối nhũn/ cải xanh; lở cổ rễ/ bắp cải; khô vằn, lem lép hạt, bạc lá, đạo ôn/lúa; nhện lông nhung/nhãn; thán thư/ xoài, thanh long; đốm nâu/ thanh long; thán thư/hành, ghẻ nhám/cam, đốm lá/ngô	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
546	Prochloraz (min 97%)	Agrivil 250EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Atilora 48EC	lem lép hạt/ lúa	Asiagro Pacific Ltd
		Azopro Top 450EW	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Dailora 25EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai
		Mirage 50WP, 450EC	**50WP:** thán thư/ hồ tiêu **450EC:** lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Talent 500WP	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
547	Prochloraz-Manganese complex	Trinong 50WP	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, thối thân/ lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
548	Prochloraz 400 g/l + Propiconazole 90 g/l	Picoraz 490 EC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; đốm lá/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
549	Prochloraz 255g/l, (309.9g/l), (10g/kg), 250g/kg + Propineb 10g/l, (0.1g/l), (705g/kg), 500g/kg	Forlione 265EW, 310EC, 715WP, 750WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
550	Prochloraz 267 g/l + Tebuconazole 133 g/l	Sun Coloraz 400EW	Đốm lá/lạc	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
551	Prochloraz 250g/l + Tebuconazole 160g/l	Tilrice 410EC	Đốm lá/ lạc	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
552	Prochloraz 420g/l (10g/kg), + Tricyclazole 10g/l (65g/kg)	Anizol 430SC, 75WP	**75WP:** Đạo ôn/ lúa **430SC:** Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Vagritex

553	Prochloraz 400g/l (10g/kg) + Sulfur 20g/l (450g/kg), (300g/kg) + Tricyclazole 10g/l (55g/kg)	Rexcide 430SC, 515WP	**515WP:** đạo ôn/lúa **430SC:** lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
554	Propamocarb.HCl (min 92%)	Hussa 722SL	Sương mai/dưa hấu, chết cây con/ lạc	Công ty CP BVTV ATC
		Probull 722SL	Tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Proplant 722 SL	nấm trong đất/ hồ tiêu, nứt thân chảy nhựa/ dưa hấu, chết ẻo cây con/lạc, xì mủ/ cam	Công ty TNHH Kiên Nam
		Treppach Bul 607SL	chết nhanh/ hồ tiêu, sương mai/dưa chuột, xì mủ/sầu riêng; loét sọc mặt cạo/cao su; mốc sương/ cà chua	Agria S.A, Bulgaria
		Zamil 722SL	Mốc sương/ nho	Công ty CP Nicotex
555	Propamocarb 530 g/l + Fosetyl-aluminium 310g/l	Previcur Energy 840 SL	Chết rạp/ cà chua (sử dụng trong vườm ươm)	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
556	Propamocarb hydrochloride 500g/l + Kasugamycin 25g/l	Vaba super 525SL	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
557	Propiconazole (min 90%)	Agrozo 250 EC	thối thân, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bumper 250 EC	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Canazole 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Catcat 250EC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Fordo 250 EC	khô vằn/ lúa	Forward International Ltd
		Fungimaster 250EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
		Lunasa 25 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Propytil 250EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Starsai 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Tien sa 250 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Tilusa super 300EC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tinmynew 250 EC, 250EW	**250EC:** khô vằn/ lúa **250EW**: lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH US.Chemical

		Tinix 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Tiptop 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Vitin New 250EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
558	Propiconazole 125g/l + Tebuconazole 100g/l	Farader 225EW	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
559	Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 150g/l	Folitasuper 300EC	lem lép hạt, đốm nâu, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương, lạc; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		TEPRO - Super 300EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; thán thư/ điều; khô vằn/ ngô, đốm lá/ lạc, thán thư/cà phê	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Tilgol super 300EC	lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
560	Propiconazole 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Gtop 400EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
561	Propiconazole 150 g/l + Tebuconazole 50 g/l + Tricyclazole 350 g/l	Bembo 550SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX TM DV Ngọc Tùng
562	Propiconazole 30g/kg + Tebuconazole 500g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Bismer 780WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
563	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Dotalia 525 SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Fao-gold 525 SE	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Filia® 525 SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Filyannong super 525SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Newlia Super 525SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Tillage-super 525SE	Lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
564	Propiconazole 55g/l + Tricyclazole 500g/l	Nano Gold 555SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
565	Propiconazole 125g/l (30g/kg) + Tricyclazole 400g/l (720 g/kg)	Novazole 525SE, 750WG	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Agrohao VN

566	Propiconazole 55 g/l (100g/kg) + Tricyclazole 500g/l (550g/kg)	Bumrosai 555SE, 650WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
567	Propiconazole 25g/kg (125g/l) + Tricyclazole 400g/kg (400g/l)	Rocksai super 425WP, 525SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
568	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 450 g/l	Finali 575 SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
569	Propiconazole 150g/l + Tricyclazole 400g/l	Bimtil 550 SE	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		TilBem Super 550SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
		Tilbis super 550SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Tilmil super 550SE	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
570	Propineb (min 80%)	A-chacô 70WP	Thán thư/xoài	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Aconeb 70 WP	thán thư/ xoài; mốc sương/ nho; lem lép hạt/ lúa; sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Đồng Xanh
		Afico 70WP	thán thư/ xoài; lở cổ rễ/hành; sương mai/dưa hấu	Công ty CP Nicotex
		Alphacol 700 WP	thán thư/ xoài, phấn trắng/ nho	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Antracol 70 WP, 70WG	**70WP:** đốm lá/ bắp cải, đậu tương, lạc, hồ tiêu; mốc xám/ thuốc lá; thối cổ rễ/ hành; thán thư/ xoài, cà phê, điều, chè, thanh long, chôm chôm; sương mai/ nho, dưa chuột; cháy sớm/ cà chua; đốm vòng khoai tây; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đốm quả/ cam; đốm lá, rỉ sắt, khô vằn/ ngô; sương mai/ vải; sương mai/hành, mốc xám/rau cải, đốm mắt cua/mồng tơi; đốm đen, thán thư/ bưởi **70WG:** thán thư/ xoài, sương mai/ nho	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Bach 70WP	lem lép hạt/lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Donacol super 700WP	thán thư/xoài	Công ty CP Smart Farm
		Doremon 70WP	sương mai/ khoai tây; lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài	Công ty TNHH An Nông
		Dovatracol 72WP	thán thư/sầu riêng, xoài, cà phê, hồ tiêu; ghẻ nhám/ cam; lem lép hạt /lúa; sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

		Ekawa 800WP	Đốm lá/thuốc lá	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
		Newtracon 70 WP	thán thư/ xoài, cà phê, điều, vải; đạo ôn/ lúa; sương mai/ dưa hấu; đốm lá/ bắp cải, xoài; mốc sương/ nho; thán thư, thối rễ chết nhanh / hồ tiêu; đốm lá/ lạc, hành; sương mai/ cà chua; lở cổ rễ/ hành; ghẻ sẹo/ cam; vàng lá/ khoai lang	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Nofacol 70WP	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ xoài, ớt; đốm vòng/cà chua, thán thư/thanh long	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Nova 70WP	thán thư/đậu cô ve, cà chua, cà phê, xoài	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pylacol 700WP	đốm lá/ cần tây; đạo ôn, đốm nâu/lúa; thán thư/ xoài, ớt	Rotam Asia Pacific Limited
		Sienna 70WP	sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bộ
		Startracon 70WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Strancolusa 70WP	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tadashi 700WP	sương mai/ hành, dưa hấu; thán thư/ xoài, cà phê	Công ty CP NN HP
		Tamnong Propin 70WG	Thán thư/ ớt	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Tobacol 70WP	mốc sương/ nho, thán thư/ xoài, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Yoshino 70WP	Chết nhanh/ hồ tiêu, nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH TM SX GNC
		Zintracol 70WP	thán thư/ xoài, cà phê; đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; sương mai/ dưa chuột; đốm lá/ bắp cải; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH Phú Nông
571	Propineb 65% + Tebuconazole 5%	Capjapane 70WP	Rỉ sắt/ hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
572	Propineb 10g/l (10g/l), (10g/kg), (500g/kg) + Tebuconazole 260g/l (445g/l), (705g/kg), (250g/kg)	Natisuper 270EW, 455SC, 715WP, 750WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

573	Propineb 10g/l (10g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 260g/l (10g/l), (10g/kg) + Tricyclazole 10g/l (400g/l), (760g/kg)	Natitop 280EW, 420SC, 800WP	**280EW, 800WP:** lem lép hạt/lúa **420SC:** đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
574	Propineb 70% + Triadimefon 5%	ARC-carder 75WP	lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm vòng/ khoai tây	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
575	Propineb 542g/kg + Tricyclazole 150g/kg	Felling 692WP	Đốm lá/ lạc	Công ty CP Nông dược HAI
576	Propineb 613g/kg + Trifloxystrobin 35g/kg	Activo super 648WP	thán thư/ xoài, vải, cà phê; sương mai/ hành, phấn trắng/ nho	Công ty CP NN HP
		Flint pro 648WG	Đạo ôn/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa chuột, dưa hấu, nhãn; đốm lá/ bắp cải, cà chua; mốc xám/ rau cải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
577	Protein amylose	Vikny 0.5 SL	thối nhũn/ bắp cải; thán thư/ ớt, dưa hấu; bạc lá/ lúa; xử lý hạt giống bệnh lúa von/lúa, thối nhũn/hành, loét vi khuẩn/cam, lép vàng vi khuẩn, thối gốc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
578	Prothioconazole (min 95%)	Midas 30OD	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH ĐT và PT Ngọc Lâm
		Navypro 300SC	Đốm nâu/ thanh long, thán thư/ xoài, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		TT Tadol 480SC	Thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM Tân Thành
579	Prothioconazole 200 g/l + Tebuconazole 200 g/l	Mdanzole 400SC	Rỉ sắt/ đậu tương	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
580	Prothioconazole 175 g/l + Trifloxystrobin 150 g/l	Trithizole 325SC	Thán thư/hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
581	*Pseudomonas fluorescens*	B Cure 1.75WP	đốm nâu, đốm gạch, lúa von, khô đầu lá, thối bẹ, đạo ôn, khô vằn/ lúa; đốm lá, giả sương mai, lở cổ rễ/ đậu tương; lở cổ rễ/ cà chua, ớt; mốc xám/ nho	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		TKS-Anti Phytop WP	chết nhanh/ hồ tiêu, thán thư/ chanh	Công ty TNHH Thủy Kim Sinh
		Topfast 311WP	Héo xanh vi khuẩn/ cà chua	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
582	Pydiflumetofen (min 98%)	Miravis® 200SC	Phấn trắng/ ớt, đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
583	Pyraclostrobin (min 95%)	Coranto 250SC	Sương mai/khoai tây	Công ty CP ĐT Hợp Trí

		Eva 250SC	Rỉ sắt/ đậu tương	Công ty TNHH MTV Long An
		Hi-top 250SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Global Farm
		Highline 150SC	Đốm lá/lạc	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Kaiser 250EC	Ghẻ sẹo/cam	Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương
		Koko 25SC	Sương mai/ cà chua	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Kanto 250SC	Sương mai/khoai tây	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Kratos 250SC	Thán thư/điều	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Mdbin 250SC	Thán thư/ xoài	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Smart Pro 250SC	Thán thư/ ớt	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Mastery 25SC	Mốc sương/ khoai tây	Công ty TNHH Agro Việt
		Mdbin 250SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Pilino 250SC	Đốm lá nhỏ/ ngô, thối cành/ thanh long	Công ty CP Hóc Môn
		Tanzent 20WG	Thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
		Trilosan 300SC	Nứt thân xì mủ/dưa hấu	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Youtup 250EC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
584	Pyraclostrobin 7% + Tebuconazole 28%	Goruden 350SC	Rỉ săt/ ngô, lạc; phấn trắng/ hoa hồng	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
585	Pyraclostrobin 10% + Tebuconazole 2%	Tebeauty 30SC	Rỉ sắt/cà phê	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
586	Pyraclostrobin 115 g/l + Tebuconazole 230 g/l	Pilartep 345SC	Rỉ sắt/Cà phê	Pilarquim (Shanghai) Co. Ltd.
587	Pyraclostrobin 8% + Tebuconazole 37%	BN-Tepy 45WP	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
588	Pyraclostrobin 10% + Thifluzamide 10%	Gongfu 20SC	Thán thư/ hồ tiêu, điều	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
589	Pyrimethanil (min 95%)	Rovia 420SC	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Được Mùa

		Tilsom 400SC	Thối nhũn/hành	Công ty TNHH Trường Thịnh
590	Pyrimidine Nucleotide Antibiotic	Mai 007 5SL	Giả sương mai/dưa chuột, đạo ôn/lúa, thán thư/xoài	Công ty CP ĐT Hợp Trí
591	Quaternary Ammonium Salts	Physan 20SL	thối thân, thối hạt vi khuẩn, bạc lá, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; lúa von/ lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su, thối nhũn/phong lan	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
592	*Rhodopseudomonas palustri* PSB-S	Sunfly SC	Sương mai/cà chua, đốm lá/ hành	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
593	*Rhodovulum sulfidophilum* HNI-1	Uprise SC	Sương mai/cà chua, đốm lá vi khuẩn/ớt, đốm nâu/thanh long	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
594	Saisentong (min 95%)	Visen 20SC	bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
595	Salicylic Acid	Bacla 50SC	bạc lá, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Exin 4.5SC	**4.5SC:** (Exin R) đạo ôn, bạc lá/ lúa, chết nhanh/ hồ tiêu **4.5SC**: (Phytoxin VS): héo tươi/ cà chua	Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Sinh học
596	*Streptomyces lydicus*	Actinovate 1 SP	thối thân, lem lép hạt/ lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/ nho, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chảy nhựa/ dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/ phong lan; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/ khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mủ thân, vàng lá, thối rễ/ cam, sầu riêng, xoài, nhãn, vải; tuyến trùng/ hồ tiêu; thối nhũn/bắp cải, đốm vòng/hành, thối búp/chè	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
597	*Streptomyces lydicus* 1.3% + Fe 21.9% + Humic acid 47%	Actino-Iron 1.3 SP	thối thân, lem lép hạt/ lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/ nho, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chảy nhựa/ dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/ phong lan; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/ khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mủ thân, vàng lá, thối rễ/ cam, sầu riêng, xoài, nhãn, vải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

598	*Streptomycin sulfate*	Acstreptocinsuper 40TB	thối nhũn/ bắp cải; thán thư/thanh long, sẹo/ cam	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Goldnova 200WP	bạc lá/lúa; thối nhũn/xà lách	Công ty TNHH An Nông
		Kaisin 100WP	Thối nhũn/ bắp cải, bạc lá, lem lép hạt/ lúa, sẹo/cam, giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Việt Thắng
		Liberty 100WP	Thối nhũn/ bắp cải, bạc lá/lúa, loét/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Poner 40TB, 40SP	thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
		Stepguard 100SP, 150TB	**100SP:** thối nhũn/ bắp cải; bạc lá/ lúa **150TB:** bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Strepgold 100WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Supervery 50WP	đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sẹo/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua	Công ty CP Thuôc BVTV Việt Trung
		Yomistar 105WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
599	Sulfur	Kumulus 80WG	sẹo/ cam, phấn trắng/ xoài, nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ cà phê, phấn trắng/ cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Fulac 80WG, 80WP, 500SC	**80WG:** Nhện gié/lúa **80WP:** nhện đỏ/cam **500SC:** phấn trắng/cao su	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Lipman 80WG	Phấn trắng/xoài; nhện gié/ lúa; sẹo/cam; phấn trắng/cao su, chôm chôm	Công ty CP Nông dược HAI
		Microthiol Special 80WG, 80WP	**80WG:** phấn trắng/ nho, chôm chôm; nhện/ cam **80WP:** phấn trắng/ rau cải, đốm lá/ ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		OK-Sulfolac 80WG, 80WP, 85SC	**80WG**: phấn trắng/ xoài, chôm chôm **80WP**: phấn trắng/ nho **85SC:** sẹo, nhện đỏ/ cam; lem lép hạt/ lúa; nhện lông nhung/nhãn, nhện gié/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNNH Ngân Anh
		Sulfurluxthai 80WG	thán thư/vải	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Sulox 80 WP	phấn trắng/ xoài, cao su; đốm lá/ lạc; nhện gié/ lúa; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
600	Sulfur 100g/kg + Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Novitop 850WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Việt

601	Sulfur 2% (2%), (7%)+ Tricyclazole 40% (75%), (75%)	Vieteam 42SC, 77WG, 82WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
602	Sulfur 50g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Bibim 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
603	Sulfur 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	StarBem Super 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
604	Sulfur 450g/l (655g/kg)+ Tricyclazole 200g/l (200g/kg)	Bimsuper 650SC, 855WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
605	Sulfur 35% + Tricyclazole 50%	Labem 85WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
606	Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 225g/kg	Lionsul 575WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
607	Tebuconazole (min 95%)	Conaxel 150SC	thán thư/ hồ tiêu, thối cổ rễ/cà phê	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hoá Nông
		Folicur 250EW, 250WG, 430SC	**250EW:** đốm lá/ lạc; khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; thán thư/ điều; chết chậm/ hồ tiêu **250WG:** khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa **430SC:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; đốm lá/ lạc, chết chậm/ hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Forlita 250EW, 430SC	**250EW:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa; chết cây con, đốm lá/ lạc; đốm lá/ đậu tương **430SC:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa, đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Fortil 25 SC	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Fozeni 250EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Huibomb 25EW	khô vằn/lúa	Huikwang Corporation
		Jiacure 25EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Milazole 250 EW	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Poly annong 250EW, 250EC, 450SC	**250EW, 250EC:** lem lép hạt/ lúa **450SC:** Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông

		Poticua 250EW	lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; chết cây con/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Provil 30EW, 450SC	**30EW:** lem lép hạt, đạo ôn/ lúa **450SC:** lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/hoa hồng; chết chậm/ hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Sforlicuajapane 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Sieu tin 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		T.B.Zol 250EW	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Tebuzole 250 SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Thianzole 12.5EW	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Tien 250 EW	Khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		T-zole super 250EW, 250SC	**250EW:** đốm lá/ đậu tương, đốm nâu/ lạc, đốm vòng/ khoai môn **250SC:** lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Vitebu 250SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
608	Tebuconazole 160 g/l + Tricyclazole 200 g/l	Beam™ Plus 360SC	Đạo ôn/ lúa	Dow AgroSciences B.V
609	Tebuconazole 125g/l (130g/l) + Tricyclazole 400g/l (450g/l)	Dolalya 525SC, 580EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
610	Tebuconazole 250 g/l + Tricyclazole 275 g/l	Gold-dog 525SC	Rỉ sắt/cà phê, thán thư/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
611	Tebuconazole 500g/kg + Tricyclazole 200g/kg	Tivaho 700WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
612	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Map Unique 750WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/lạc, thán thư, rỉ sắt/cà phê, xử lý hạt giống trừ lúa von/lúa	Map Pacific PTE Ltd
613	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Novigold 800WP	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
614	Tebuconazole 32% + Trifloxystrobin 16%	Huge 48SC	Phấn trắng/ hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
615	Tebuconazole 250g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	TT-Bastigold 500SC	Thán thư/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành

616	Tebuconazole 500g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Activo 750 WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Atrozole 750WG	Thán thư/hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		BC-Latino 750WP	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Biocrop
		Conabin 750WG	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Navigator 750WG	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Nativo 750WG	lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, lạc, đậu tương; thán thư/ hoa hồng, điều, cà phê; đốm lá/ hoa cúc, hồ tiêu; phấn trắng/ hoa hồng; thán thư, bệnh sọc đen/ ca cao; đốm vòng/ khoai tây; khô vằn, đốm lá/ ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Tanimax 750WG	Đốm lá/ hồ tiêu	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Triflo-top 750WG	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Twinstar 75WG	Rỉ sắt/ cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
617	Tebuconazole 180 g/l + Thifluzamide 90 g/l	Nafluz 270SC	Lở cổ rễ/ lạc	Nanjing Agrochemical Co., Ltd
618	Tetraconazole (min 94%)	Domark 40 ME	Rỉ sắt/ cà phê, hoa cúc	Isagro S.p.A
619	Tetramycin	Mikcide 1.5SL	Bạc lá, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn, thối đen gân lá/ bắp cải; chết xanh/ dưa hấu; héo rũ/ thuốc lá, cà phê, cà chua; loét/ cam; thối thân/ nho; phấn trắng/ hoa hồng; vàng rụng lá/cao su; đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH Được Mùa
620	Thảo mộc (Bã quả trẩu, bã thanh hao hoa vàng, bã vỏ hạt điều) 70% + *Trichoderma harzianum* 10^6 cfu/g + *Bacillus subtilis* 10^6 cfu/g + *Metarhizium anisopliae* 10^6 cfu/g + *Azotobacter beijerinckii* 10^6 cfu/g + *Bacillus gisengihumi* 10^6 cfu/g +	SH-Lifu (SH-BV1)	Chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng/ hồ tiêu	Viện Bảo vệ thực vật

	Streptomyces owasiensis 10^6 cfu/g			
621	Tinh dầu quế	Tiêu tuyến trùng 18EC	Tuyến trùng/cà rốt, hồ tiêu, cà phê	Công ty CP VT NN Việt Nông
622	Thiabendazole (min 98.5%)	Bestar 505SC	Lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
623	Thifluzamide (min 96%)	BC-thizamide 240SC	Khô vằn/ngô	Công ty TNHH Biocrop
		Filix 240SC	Rỉ sắt/Cà phê	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Pulsor 23SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Shiral 240SC	Khô vằn/ngô	Công ty TNHH ADU Việt Nam
624	Thiodiazole copper (min 95%)	Longbay 20SC	bạc lá/ lúa, xì mủ, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Trường Thịnh
625	Thiodiazole zinc (min 95%)	Anti-one 200SC	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Lk-one 50SC	Bạc lá/lúa, sẹo/ cam	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
626	Thiram (TMTD) (min 96%)	Newthiram 800WP	Thán thư/ cà phê	Công ty CP S New Rice
		Pro-Thiram 80 WP, 80 WG	**80WP**: đốm lá/ phong lan **80WG**: khô vằn/lúa, thán thư/ cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
		Scortlan 80WP, 80WG	**80WP:** đốm lá/ đậu tương, lạc **80WG**: cháy lá/ hoa mai	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
627	Thiram 30% + Ziram 50%	Zipra 80WP	Thán thư điều, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
628	Triadimefon (min 96%)	Encoleton 250 WP	Thối gốc/ khoai tây, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Omega-mefon 15WP	Đốm lá/ đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
629	Triadimenol (min 97%)	Bayfidan 250 EC	Rỉ sắt/ cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Samet 25EC	Phấn trắng/ cao su, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
630	*Trichoderma* spp	Bio-Pro Tricho 1 x 10^9 bào tử/g FG	Chết rạp cây con/ cà rốt, cà chua, cải bắp	Công ty TNHH Dalat Hasfarm

		Promot Plus WP (*Trichoderma spp* 5.10^7 bào tử/g); Promot Plus SL (*Trichoderma koningii* 3.10^7 bào tử/g + *Trichoderma harzianum* 2.10^7 bào tử/g)	**WP:** thối gốc, thối hạch/ bắp cải; chết cây con/ cải thảo **SL:** đốm nâu, đốm xám/ chè; thối hạch, thối gốc/ bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
		TRICÔ-ĐHCT 10^8 bào tử/g	Vàng lá thối rễ do *Fusarium solani*/cây có múi; chết cây con/dưa hấu, bí đỏ, lạc, điều; thối rễ/cà phê; tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu; chết cây con/ cải bẹ; thối rễ/ hồ tiêu; tuyến trùng/cà rốt, sưng rễ/bắp cải	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Vi - ĐK 10^9 bào tử/g AP	Thối rễ/ sầu riêng; lở cổ rễ/ cà chua; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
631	*Trichoderma harzianum* 4% + *Trichoderma konigii* 1%	Tiên tiến 5 WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
632	*Trichoderma harzianum*	Podesta 200WP	Lở cổ rễ/cà chua	Công ty CP Nông dược HAI
		Zianum 1.00WP	Chết rạp cây con/cải cúc, lở cổ rễ/cà chua, thối rễ/hồ tiêu, thán thư/ hành, thanh long; tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
633	*Trichoderma asperellum* 80% (8 x 10^7 bào tử/g) + *Trichoderma atroviride* 20% (2 x 10^7 bào tử/g)	TricôĐHCT-Lúa von 10^8 bào tử/g WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; khô vằn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
634	*Trichoderma virens* 80% (8 x 10^7 bào tử/g) + *Trichoderma hamatum* 20% (2 x 10^7 bào tử/g)	TricôĐHCT-Phytoph 10^8 bào tử/g WP	Loét sọc miệng cạo/ cao su; xì mủ/ bưởi, sầu riêng, chết nhanh/ hồ tiêu; thối quả/ vải; thối quả /nhãn; đốm nâu /thanh long; sương mai/cà chua, khoai tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
635	*Trichoderma viride* 75% (7.5 x 10^7 bào tử/g) + *Trichoderma harzianum* 25% (2.5 x 10^7 bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Nấm hồng 10^8 bào tử/g WP	Nấm hồng/ cao su, cà phê, sầu riêng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
636	*Trichoderma sperellum* 80% (8 x 10^7 bào tử/g) + *Trichoderma harzianum* 20% (2 x 10^7 bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Khóm 10^8 bào tử/g WP	Thối nõn/ dứa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

637	*Trichoderma konigii* M8; M32; M35 1x10^9 CFU/g	Tricô hạt nhân C833 1x10^9 CFU/g WP	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH Tam Nông
638	*Trichoderma virens* (T.41).10^9 cfu/g	NLU-Tri	Chết rạp cây con/ cải ngọt, dưa chuột; héo rũ trắng gốc/ cà chua	Trường ĐH Nông lâm TP Hồ Chí Minh
639	*Trichoderma viride*	Ace tricov 19WP	Thối rễ/ ớt	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Biobus 1.00WP	thối gốc, thối hạch, lở cổ rễ/ bắp cải; héo vàng, lở cổ rễ, mốc sương/ cà chua, khoai tây; thối nhũn, đốm lá/ hành; thán thư/ xoài; xì mủ/ sầu riêng; rỉ sắt, nấm hồng, thối gốc rễ, lở cổ rễ/ cà phê; chấm xám, thối búp/ chè; chết nhanh, thối gốc rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH Nam Bắc
640	Tricyclazole (min 95%)	Acdowbimusa 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Andozol 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Angate 75WP, 350SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Avako 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Bamy 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Beam® 75 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Belazole 75 WP	đạo ôn/ lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Bemgreen 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Bemsuper 500SC, 750WG, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Bidizole 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SAM
		Bim-annong 45SC, 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Bimdowmy 375SC, 750WG, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Bimusa 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

			Binlazonethai 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
			Binhtryzol 75 WP	đạo ôn/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Blastogan 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Bn-salatop 80WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
			Bpbyms 200WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
			Bsimsu 75WG, 555SC, 880WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
			Cittizen 75WP, 333SC	đạo ôn/ lúa	Eastchem Co., Ltd
			Colraf 20 WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Danabin 75WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
			Dolazole 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
			Forbine 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
			Flash 75WP, 800WG	đạo ôn/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
			Frog 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH ADC
			Fullcide 50SC, 760WG, 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
			Goldone 420SC, 760WG, 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Gremusamy 80WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Hagro.Blast 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Hobine 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
			Jiabean 75 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Kennedy 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
			Koszon-New 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam
			Lany 75 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

		Lazole TSC 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Lim 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Newbem 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH SX TM & DV Nông Tiến
		Newzobim 45SC, 75WG, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Pim.pim 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH P - H
		Pin ấn độ 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
		Sieubymsa 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Superzole 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Long Hiệp
		Tanbim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tri 75WG	đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Tricom 75WG, 75WP	**75WG:** đạo ôn/ lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa **75WP:** đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Tridozole 45 SC, 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Trione 750WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Trizole 75WP, 75WG, 400SC	**75WP, 75WG**: đạo ôn lá, cổ bông/ lúa **400SC**: đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Uni-trico 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Usabim 75WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
		Vace 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông Việt
		Vdbimduc 820WG	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Vibimzol 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Window 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Zoletigi 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

641	Tricyclazole 200 g/kg + Sulfur 650 g/kg	Centerdorter 850WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Liên minh Nông nghiệp bền vững
642	Tricyclazole 720 g/kg + Sulfur 140g/kg	Grinusa 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
643	Tridemorph (min 95%)	Musaclean 860OL	Phấn trắng/ cao su	Rotam Asia Pacific Limited
644	Trifloxystrobin (min 96%)	Bao ngu coc 500WG	Thán thư/ ca cao, thanh long	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Bina 30SC	Thán thư/ớt	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Kora 250SC	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Triforce 500WG	Đốm vòng/ cà chua	Công ty TNHH Danken Việt Nam
645	Triflumizole (min 99.38%)	TT-Akazole 480SC	Đạo ôn/ lúa, lở cổ rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
646	Triforine (min 97%)	Saprol 190DC	phấn trắng/ hoa hồng, đạo ôn/lúa, thán thư/ xoài, đốm nâu/ thanh long	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
647	Tổ hợp dầu thực vật (dầu màng tang, dầu sả, dầu hồng, dầu hương nhu, dầu chanh)	TP-Zep 18EC	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, khô vằn/ lúa; mốc sương/ cà chua; đốm nâu, đốm xám, thối búp/ chè; phấn trắng, đốm đen/ hoa hồng; nấm muội đen (Capnodium sp)/ nhãn	Công ty TNHH Thành Phương
648	Validamycin (Validamycin A) (min 40%)	Anlicin 5WP, 5SL	**5WP**: khô vằn/ lúa **5SL**: khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cà phê, cao su	Công ty TNHH An Nông
		Asiamycin super 100SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Avalin 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Biovacare 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Damycine 5 WP, 5SL	khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ rau cải; thối rễ/ cà chua, khoai tây, bông vải, ngô; héo rũ/ cà chua, khoai tây, lạc, dưa chuột; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Duo Xiao Meisu 3SL, 5WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Fubarin 20WP	khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ đậu tương, lạc; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Nông Sinh

		Haifangmeisu 5WP, 10WG, 10SL	**5WP:** khô vằn/ lúa **10WG**: khô vằn/ lúa, chết cây con/dưa hấu **10SL:** Chết cây con/dưa hấu	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Javidacin 5SL, 5WP	**5SL:** khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cao su **5WP**: khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ cà chua	Công ty TNHH Việt Đức
		Jinggangmeisu 5SL, 10WP	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Nicotex
		Limycin 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		Natistar 51WG, 100SC	khô vằn/ lúa	Công ty CP Vagritex
		Navalilusa 5SL, 5WP	khô vằn/ lúa; chết ẻo cây con/ ớt, bắp cải, thuốc lá, dưa hấu.	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Pinkvali 5SL, 50WP	**5SL:** nấm hồng/ cao su, đốm vằn/ lúa **50WP:** lở cổ rễ/cà chua, khô vằn/lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Qian Jiang Meisu 5WP, 5SL	**5WP:** khô vằn/ lúa **5SL:** lở cổ rễ/đậu tương; nấm hồng/cà phê, cao su; khô vằn/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Romycin 5SL	nấm hồng/ cao su	Công ty CP TST Cần Thơ
		Tidacin 3SC, 5SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Top-vali 5SL	mốc hồng/ cà phê, cao su; khô vằn/ lúa	Công ty TNHH SX ND vi sinh Viguato
		Tung vali 5SL, 5WP	**5SL:** khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su, lở cổ rễ/ rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/ cà phê **5WP:** khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vacin 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH ADC
		Vacinmeisu 50WP, 50SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Vacony 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Vacocin 3SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW

		Vali 5 SL	khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ đậu, nấm hồng/ cà phê, cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Valicare 5WP, 8SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Validad 100SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Vali TSC 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP Lion Agrevo
		Vali-navi 5SL	Nấm hồng/cao su, khô văn/ lúa	Công ty CP Khử Trùng Nam Việt
		Validacin 5SL	khô vằn/ lúa, đổ ngã cây con/ ớt, mốc hồng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Validan 3SL, 5WP	**3SL:** khô vằn/ lúa, ngô **5WP:** khô vằn/ lúa, ngô; chết cây con/ dưa hấu, bầu bí, lạc, rau cải, đậu côve	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Valijapane 5SL, 5SP	nấm hồng/ cao su; khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ lạc, đậu tương, cà phê, bông vải	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Valitigi 3SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Valigreen 50SL, 100WP	khô vằn/ lúa, ngô; nấm hồng/ cao su; khô cành/ cà phê; thối gốc/ khoai tây; lở cổ rễ/ bắp cải, bí xanh, đậu đũa, lạc, cà chua	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Valivithaco 3SL, 5SC, 5WP	**3SL:** khô vằn/ lúa, ngô; nấm hồng/ cao su, cà phê; thán thư/ nhãn, vải; lở cổ rễ/ thuốc lá, thuốc lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải **5WP:** khô vằn/ ngô, lúa; thán thư/ nhãn, vải; lở cổ rễ/ thuốc lá, thuốc lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải **5SC**: khô vằn/ lúa, bệnh chết ẻo/ rau cải	Công ty TNHH Việt Thắng
		Valinhut 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Vallistar 5SL, 10WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Valygold 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
		Vamylicin 5 SL, 5 WP	**5WP:** khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ bắp cải **5SL:** nấm hồng/ cao su, khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam

		Villa-fuji 100SL	Lở cổ rễ/ lạc, nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Vanicide 5SL, 5WP	**5SL:** khô vằn/ lúa, thối gốc/ khoai tây, nấm hồng/ cao su, lở cổ rễ/ cà chua **5WP:** khô vằn/ lúa, ngô; lở cổ rễ/ cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Varison 5 WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Sơn Thành
		Vida(R) 3 SC, 5WP	**3SC:** khô vằn/ lúa, thối (gốc, rễ)/ rau cải **5WP:** khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
		V-cin 5 SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Sundat (S) PTe Ltd
		Vivadamy 5SL, 5SP	**5SP:** khô vằn/ lúa, mốc hồng/ cao su **5SL:** khô vằn/ lúa, mốc hồng/ cao su, nấm hồng/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Voalyđacyn-nhật 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Yomivil 108SC, 115WG	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
649	Zineb (min 86%)	Bp-nhepbun 800WP	thán thư/ dưa hấu	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Guinness 72 WP	phấn trắng/ nho, cà chua	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Tigineb 80 WP	mốc sương/cà chua, thối quả/ cam, quýt; thán thư/cà phê; đốm lá/ xà lách xoong, ghẻ sẹo/ quýt	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Zinebusa 800WP	Đốm vòng/cà chua	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Zin 80 WP	mốc sương/ khoai tây, mốc xanh/ thuốc lá, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Zineb Bul 80WP	mốc sương/ khoai tây, đốm vòng/ cà chua, lem lép hạt/ lúa, sẹo/ cam, phấn trắng/ nho	Agria SA, Bulgaria
		Zinacol 80WP	rụng lá/ cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Zinforce 80WP	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ dưa hấu	Forward International Ltd
		Zithane Z 80WP	thối quả/ nho, sương mai/ cà chua	Công ty CP BVTV I TW
		Zodiac 80WP	đốm nâu/ lúa, mốc sương/ cà chua	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

650	Ziram (min 95%)	Ziflo 76WG	thán thư/ cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
651	Zhongshengmycin (min 95%)	Map strong 3WP	Bạc lá/ lúa; héo xanh/ cà chua, loét vi khuẩn/ cam	Map Pacific PTE Ltd
3. Thuốc trừ cỏ:				
1	1.8-Cineole	Nosiquat 0.2SL	Cỏ/cà phê, cam	Công ty TNHH Nông Sinh
2	Acetochlor (min 93.3%)	Acepro 50EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Futai
		Acetad 900EC	cỏ/ ngô	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Acvipas 50EC	cỏ/ ngô, mía	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Alibom 500EC	cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Antaco 500EC	cỏ/ lạc, sắn, ngô, mía, hành	Công ty TNHH Việt Thắng
		Antacogold 500EC	cỏ/ ngô, sắn, lạc	Công ty TNHH TM – DV Ánh Dương
		Atabar 800EC	Cỏ/ ngô, lạc, mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Atas 500EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Atasco 500EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
		Bpsaco 500EC	Có/ lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Capeco 500EC	Cỏ/sắn, lạc, ngô, mía	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Cochet 200WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Dibstar 50EC	cỏ/ đậu tương, ngô, bông vải, lạc, sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		DN Tocoi 50EC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Gorop 500EC	Cỏ/ngô, đậu tương, khoai lang, mía	Công ty CP Nông dược HAI
		Herbest 50EC	Cỏ/lạc, bông vải	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
		Iaco 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Kỹ thuật Dohaledusa

		Jia-anco 50EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kamaras 50EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP VTNN Việt Nông
		Nistar 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Missusa 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Peso 480EC	cỏ/ lạc, mía, sắn, ngô	Công ty CP Hóc Môn
		Pestcetor 900EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Xây dựng An Phú
		Safe-co 500EC	cỏ/ ngô	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Saicoba 500EC	cỏ/sắn, mía, lạc, ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Starco 500EC	cỏ/ lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tropica 900EC	cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Valux 500EC	cỏ/ sắn, lạc	Công ty CP Nông nghiệp HP
3	Acetochlor 12% + Bensulfuron-methyl 2%	Beto 14WP	cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
4	Acetochlor 145g/kg + Bensulfuron-methyl 25g/kg	Afadax 170WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
5	Acetochlor 14.6% (146g/kg) + Bensulfuron-methyl 2.4% (24g/kg)	Acenidax 17WP	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Arorax 17WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bpanidat 170WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH TM Bình Phương
6	Acetochlor 42g/kg (210g/kg) + Bensulfuron-methyl 8g/kg (40g/kg)	Aloha 5GR, 25WP	**5GR**: cỏ/lúa gieo thẳng **25WP:** cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
7	Acetochlor 14.0% + Bensulfuron-methyl 0.8% + Metsulfuron-methyl 0.2%	Natos 15WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nicotex
8	Acetochlor 200 g/kg + Bensulfuron-methyl 45g/kg + Metsulfuron-methyl 5g/kg	Alphadax 250WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American

9	Acetochlor 16% (500g/l) + Bensulfuron-methyl 1.6% (0.3g/l) + Metsulfuron-methyl 0.4% (0.2g/l)	Sarudo 18WP, 500.5EC	**18WP:** cỏ/ lúa cấy **500.5EC:** cỏ/ sắn, lạc, đậu tương	Công ty TNHH An Nông
10	Acetochlor 160g/kg + Bensulfuron-methyl 16g/kg + Metsulfuron-methyl 4g/kg	Sun-like 18WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
11	Acetochlor 470g/l + Butachlor 30g/l	Rontatap 500EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
12	Acetochlor 180g/kg (10g/l) + Metolachlor 15g/kg (725g/l)	Duaone 195WP, 735EC	**195WP:** cỏ/ lúa cấy **735EC:** cỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
13	Acetochlor 30% + Oxadiazon 5%	Tvatozone 35EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
14	Acetochlor 410g/l + Oxyfluorfen 40g/l	Catholis 450EC	cỏ/ lạc	Công ty CP BVTV I TW
15	Acetochlor 15 g/l + Pretilachlor 285 g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Nomefit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
16	Acetochlor 160g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 40g/kg	Blurius 200WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
17	Ametryn (min 96%)	Amesip 80 WP	cỏ/ mía, ngô	Forward International Ltd
		Ametrex 80 WP, 80WG	cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Amet annong 500FW, 800WP	**500FW:** cỏ/ mía, cà phê **800WP:** cỏ/ mía	Công ty TNHH An Nông
		Ametsuper 80WP	cỏ/ mía, ngô	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Aptramax 800 WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Asarin 800WP	Cỏ/ mía	Công ty TNHH Việt Thắng
		Atryl 80WP	Cỏ/ ngô, mía	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Dkmetryn 80WG	Cỏ/mía	Công ty TNHH Danken Việt Nam

		Slimgold 510SC, 810WP	Cỏ/mía	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
18	Ametryn 40% (400g/kg) + Atrazine 40% (400g/kg)	Atramet Combi 80WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Animex 800WP	cỏ/ ngô, mía	Công ty CP Nicotex
		Aviator combi 800WP	Cỏ/mía	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Metrimex 80WP	Cỏ/mía	Forward International Ltd
		Wamrincombi 800WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH Việt Thắng
19	Ametryn 40% + MCPA-Sodium 8%	Solid 48WP	Cỏ/mía	Công ty CP Nicotex
20	Ametryn 30% + Simazine 50%	T-P.Metsi 80WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH TM Thái Phong
21	Amicarbazone (min 96.5%)	Dinamic 700WG	Cỏ/mía	Công ty TNHH UPL Việt Nam
22	Amidosulfuron (min 98%) 10.4% + Florasulam 1.6%	Ω-Flora 12WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
23	Atrazine (min 96%)	Agmaxzime 500SC, 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Amex gold 800WP	Cỏ/mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atamex 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Atra 500 SC	cỏ/ mía, ngô	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Atra annong 500 FW, 800WP	**500FW:** cỏ/ mía, ngô **800WP:** cỏ/ ngô	Công ty TNHH An Nông
		Atraco 500SC	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Atranex 80 WP	cỏ/ mía, ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		A-zet 80WP	cỏ/ ngô	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Catrazin 800WP	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH Phú Nông
		Destruc 800WP	Cỏ/ ngô, mía, quế	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Hagumex 800WP	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Many 800WP	Cỏ/ ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Maizine 80 WP	cỏ/ ngô, mía	Forward International Ltd

		Mizin 80WP, 500SC	**80WP**: cỏ/ mía, ngô **500SC**: cỏ/ ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Nitrazin 800WP	cỏ/ ngô	Công ty CP Nicotex
		Sanazine 500 SC	cỏ/ mía, ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Wamrin 500SL, 800WP	**500SL:** Cỏ/ngô, mía **800WP:** Cỏ/ ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Zimizin 800WP	Cỏ/ ngô	Công ty CP Nông dược Việt Thành
24	Atrazine 29% + Butachlor 19%	Omega-Manchester 48SE	Cỏ/mía, ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
25	Atrazine 34% + Mesotrione 6%	Ω-Ameso 400SC	Cỏ/ ngô, mía	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
26	Atrazine 250g/l + Mesotrione 25g/l	Calaris Xtra® 275SC	Cỏ/ ngô, mía	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
27	Atrazine 35% + Mesotrione 10%	Azin rio 45SC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
28	Atrazine 40% + Mesotrione 6%	Valora 46SC	Cỏ/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
29	Atrazine 50% (500g/l) + Mesotrione 5% (50g/l)	Logichu 55SC	Cỏ/ngô	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Metrazin 550SC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
30	Atrazine 76% + Mesotrione 12%	Armaize Xtra 88WG	Cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
31	Atrazine 20% + Mesotrione 6%	Zinzin 26SC	Cỏ/ngô	Công ty CP CCD Việt Nam
32	Atrazine 40% + Mesotrione 10%	New Warmrin 500WP	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
33	Atrazine 120g/l + Mesotrione 32g/l + S-metolachlor 320g/l	Lumax 472SE	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
34	Atrazine 500g/kg + Nicosulfuron 10g/kg	Map hope 510WP	cỏ/ ngô, mía	Map Pacific PTe Ltd
35	Atrazine 48% + Nicosulfuron 4%	Bigzin 52WP	Cỏ/ngô, quế	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Tgold 52WP	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Việt Nhật

36	Atrazine 200 g/l + Nicosulfuron 40 g/l	Anico 240OD	Cỏ/mía, sắn	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
37	Atrazine 72% + Nicosulfuron 8%	Nicomaize 80WG	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH TM-DV VAD
38	Atrazine 14% + Propisochlor 26%	Ω-APISO 40SE	Cỏ/ ngô, mía	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
39	Atrazine 300g/l + Sulcotrione (min 95%) 125g/l	Topical 425SC	Cỏ/ ngô	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
40	Bensulfuron-methyl (min 96%)	Beron 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bensurus 10WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Furore 10WP, 10WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Loadstar 10WP, 60WG	**10WP:** cỏ/ lúa gieo thẳng **60WG:** cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mullai 100WP, 100WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Rorax 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sharon 100 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sulzai 10WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai
41	Bensulfuron-methyl 12% + Bispyribac-sodium 18%	Honixon 30WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
42	Bensulfuron-methyl 0.16g/kg + Butachlor 3.04g/kg	Apoger 3.2GR	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Chuyển giao tiến bộ KTNN Nicotex
		Apogy 3.2GR	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		One-tri 3.2GR	cỏ/lúa cấy	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
43	Bensulfuron-methyl 1.5% + Butachlor 28.5% + Chất an toàn Fenclorim 10%	Bé bụ 30WP, 30SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn

44	Bensulfuron-methyl 100g/kg + Cyhalofop butyl 50g/kg + Quinclorac 300g/kg	Haly super 450WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
45	Bensulfuron-methyl 63g/kg (1g/l) + Cyhalofop Butyl 1g/kg (1g/l) + Quinclorac 343g/kg (255g/l)	Topsuper 407WP, 257SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
46	Bensulfuron-methyl 20g/kg + Mefenacet 660 g/kg	Danox 68WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
47	Bensulfuron-methyl 30g/kg + Mefenacet 500g/kg	Acocet 53WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Nông
48	Bensulfuron-methyl 4% + Mefenacet 46%	Wenson 50WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
49	Bensulfuron-methyl 4% + Pretilachlor 36%	Queen soft 40WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
50	Bensulfuron-methyl 0.7% + Pyrazosulfuron-ethyl 9.3%	Cetrius 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
51	Bensulfuron-methyl 5g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 95g/kg	Sirafb 100WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
52	Bensulfuron-methyl 10g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 100g/kg	Rus-Sunri 110WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
53	Bensulfuron-methyl 0.25g/kg (40g/kg) + Pretilachlor 1.75g/kg (360g/kg)	Droper 2GR, 400WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
54	Bensulfuron-methyl 5.5% + Pretilachlor 49.5%	Masaro 55OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV ATC
55	Bensulfuron-methyl 3.5% + Propisochlor (min 95%) 15%	Fenrim 18.5WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
		Fitri 18.5 WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Pisorim 18.5WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Vitarai 18.5WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
56	Bensulfuron-methyl 40g/kg + Propisochlor 160g/kg	Gradf 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
57	Bensulfuron-methyl 4% + Quinclorac 28%	Quinix 32 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
58	Bensulfuron-methyl 3% (30g/kg) + Quinclorac 33% (330g/kg)	Cow 36WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sifata 36WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Subrai 36WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tempest 36 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
59	Bensulfuron-methyl 50g/kg + Quinclorac 350g/kg	Flaset 400WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
60	Bensulfuron-methyl 7% + Quinclorac 33%	Laphasi 40WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
61	Bensulfuron-methyl 6% (60g/l) + Quinclorac 34% (340g/l)	Ankill A 40WP, 40SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
62	Bensulfuron-methyl 90g/l + Quinclorac 450g/l	Newnee 540SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Omofit 540WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Nông Phát
63	Bensulfuron-methyl 95g/kg (7g/kg) + Quinclorac 5g/kg (243g/kg)	Rocet 100WP, 250SC	**100WP:** cỏ/ lúa cấy **250SC**: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
64	Bensulfuron-methyl 40g/kg + Quinclorac 560g/kg	Mizujapane 600WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
65	Bentazone (min 96%)	Basagran 480SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Benta 480SL	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Benzema 480SL	Cỏ/lạc	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto

		Betazol 480SL	Cỏ/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng VN
		DB-Roma 480SL	Cỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, thuốc BVTV Dubai
		Dktazole 480SL	Cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Khong lo 480SL	Cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Mdbenzone 480SL	Cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Rider 480SL	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ĐT và PT Ngọc Lâm
66	Bentazone 400 g/l + MCPA 60 g/l	Raingran 460SL	Cỏ/ ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
67	Bentazone 10% + Quinclorac 20%	Zoset 30 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
68	Bentazone 200g/l + Cyhalofop butyl 50g/l + Quinclorac 200g/l	Startup 450SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
69	Bentazone 400g/l + MCPA 60g/l	Cambio Pro 460SL	cỏ/ lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
70	Benazolin-ethyl (min 95%) 300g/l + Quizalofop-P-ethyl 50g/l	Shootbis 350EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
71	Benzobicyclon (min 97%)	Ang.tieuco 300SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Kabuto 500SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
72	Bispyribac-sodium (min 93%)	Danphos 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Domino 20WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Faxai 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Horse 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Jianee 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Lanina 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

		Maxima 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Newmilce 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixon 20WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nofami 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Nomeler 100 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Nominee 10SC, 100OF	**10SC:** cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng **100OF**: cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nonee-cali 10WP, 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học CNC American
		Nonider 10SC, 130WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sipyri 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Somini 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sunbishi 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
		Superminee 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
73	Bispyribac-sodium 100g/l + Cyhalofop butyl 200 g/l	TTBye 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
74	Bispyribac-sodium 4% + Cyhalofop-butyl 12%	Nograss 16OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV ATC
75	Bispyribac-sodium 100g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 50g/l	Morclean 150SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
76	Bispyriba-sodium 130g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 70g/kg	Nomirius super 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
77	Bispyribac-sodium 70g/l + Quinclorac 180g/l	Supecet 250SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
78	Bispyribac-sodium 20g/l + Quinclorac 250g/l	Newday 270SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ hoá chất Nhật Bản Kasuta
79	Bispyribac-sodium 70g/kg + Quinclorac 430 g/kg	Supernee 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
80	Bispyribac-sodium 15g/l + Thiobencarb 900 g/l	Bisben 915 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

81	Bispyribac-sodium 20g/l + Thiobencarb 600g/l	Bêlêr 620 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
82	Butachlor 27% + Chất an toàn Fenclorim 0.2%	B.L.Tachlor 27 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
83	Butachlor (min 93%)	B.L.Tachlor 27 WP, 60 EC	**27WP:** cỏ/ lạc**,** lúa cấy **60EC**: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Butaco 600EC	Cỏ/ lúa	Công ty CP Đông Nam Đức Thành
		Buta gold 600EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Hóa nông AMC
		Butalo 60EC	Cỏ/ lạc	Công ty TNHH Master AG
		Butan 60 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Butanix 60 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng; cỏ/ lạc	Công ty CP Nicotex
		Butavi 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy, mạ	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Butoxim 5GR, 60EC	cỏ/ lúa**,** cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dibuta 60 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietcomam 65EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Echo 60EC, 60EW	**60EC:** cỏ/ lúa **60EW:** cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH TM Phát An
		Forwabuta 5GR, 60EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
		Heco 600 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng, lạc, mía, đậu tương	Công ty CP BVTV I TW
		Kocin 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Lambast 5GR, 60EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Machete 5GR, 60EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Meco 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Michelle 5GR, 62EC	cỏ/ lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Misen 620EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Saco 600 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Super-Bu 5GR, 60EC	**5GR:** cỏ/ lúa cấy **60EC:** cỏ/lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Taco 600 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tico 60 EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vibuta 5 GR, 62EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
84	Butachlor 600g/l + chất an toàn Fenclorim 60g/l	Savik 60EC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
85	Butachlor 600 g/l + chất an toàn Fenclorim 90 g/l	Colua 600EC	cỏ/lạc	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
86	Butachlor 600g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Burn-co 60EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Sabuta 600EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Trabuta 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
87	Butachlor 620g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Miceo 620EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
88	Butachlor 320g/l + chất an toàn Fenclorim 50g/l	Butafit 320EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
89	Butachlor 30g/l + Cyhalofop butyl 315g/l	Beeco 345EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
90	Butachlor 400g/l + Penoxsulam 10g/l	Rainbow® 410SE	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
91	Butachlor 30g/l + Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Newfit 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
92	Butachlor 50 g/l + Pretilachlor 300 g/l + chất an toàn Fenclorim 100 g/l	Newrofit 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Omegafit 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Topfit one 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Xofisasia 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Cali Agritech USA

93	Butachlor 20g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Sofigold 320EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
	Butachlor 270g/kg + Pretilachlor 1g/kg	Sofigold 271WP	cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
94	Butachlor 90g/l + Pretilachlor 280g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	NewYorkFit-Usa 370EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
95	Butachlor 100g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Tacogold 400EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
96	Butachlor 270g/kg (1g/l), (241g/l) + Pretilachlor 1g/kg (1g/l), (10g/l) + Propanil 1g/kg (506g/l), (350g/l)	Tecogold 272WP, 508SC, 601EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
97	Butachlor 275g/l + Propanil 275g/l	Butanil 55 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH TM Phát An
		Cantanil 550 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Danator 55EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mototsc 550EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Pataxim 55 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Platin 55 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Probuta 550EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
98	Butachlor 275g/l + Propanil 275g/l + chất an toàn Fenclorim 25 g/l	Butapro 550EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
99	Butachlor 250g/l + Propanil 350g/l	Topbuta 600EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
100	Butachlor 350g/l + Propanil 350g/l	Soon 700EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
101	Butachlor 40% + Propanil 20%	Vitanil 60EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

102	Butachlor 600 g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 35g/l	Trisacousamy 635EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
103	Carfentrazone-ethyl (min 90%)	Chushin 40WG	cỏ/ cam, ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
104	Cinosulfuron (min 92%)	Cinorice 25WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
105	Clethodim (min 91.2%)	Cledimsuper 250EC	cỏ/sắn, vừng, đậu tương, lạc	Công ty TNHH An Nông
		Codasuper 240EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Grasidim 240EC	Cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Select 240EC	cỏ/ lạc, đậu tương, sắn, vừng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Tachac 120EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Xeletsupe 24 EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH - TM ACP
		Wisdom 12EC	cỏ/ lạc, đậu tương, cỏ/sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
106	Clomazone (min 88%)	Akina 48EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Asiagro Pacific Ltd
		Command 36 ME, 48EC	**36ME:** cỏ/ lúa **48EC:** cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH FMC Việt Nam
107	Clomazone 120 g/l + Propanil 270 g/l	Fitter 39EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
108	Clopyralid (min 95%)	TĐK_clopy 350SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV Lucky
109	Cyhalofop-butyl (min 97%)	Anlicher 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong 10 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Bangbang 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
		Bonzer 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Clear Chor 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Clincher® 200EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Cybu 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Hoá Nông

		Cyhany 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
		Elano 20EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Farra 100EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
		Figo 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Incher 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Goldenfields 35EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Gracie 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công tyTNHH TM và PT Phú Thịnh
		Koler 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Liana 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Linchor 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Linhtrơ 100EC, 200EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixcher 100ME, 200EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Pullman 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Liên doanh QT Fujimoto
		Riceguard 40 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH DV TM ĐT Kim Cương
		Slincesusamy 200EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tacher 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Topcyha 110EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Topco 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Venza 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
110	Cyhalofop-butyl 10g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Motin.tsc 25EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
111	Cyhalofop-butyl 315g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Super soil 345WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
112	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Linchor's 115EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông

113	Cyhalofop-butyl 100g/l, (330g/l), (330g/kg) + Ethoxysulfuron 15g/l (3g/l), (3g/kg)	Mortif 115EC, 333OD, 333WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
114	Cyhalofop-butyl 300g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Laroot 330WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
115	Cyhalofop-butyl 300g/l + Ethoxysulfuron 30g/l	Bushusa 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Coach 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Push 330EC, 330OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Supershot 330OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
116	Cyhalofop-butyl 100g/l (170g/kg) + Ethoxysulfuron 10g/l (30g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (100g/kg) + Quinclorac 190g/l (500g/kg)	Sieuco 350SC, 800WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
117	Cyhalofop-butyl 90g/l + Ethoxysulfuron 20g/l + Quinclorac 190g/l	SupertopJapane 300OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
118	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5g/l + Quinclorac 50g/l	Topone 155SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
119	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5 g/l + Quinclorac 55 g/l	Fasta 160SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
120	Cyhalofop-butyl 50g/l + Penoxsulam 10g/l	Andoshop 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong plus 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Calita 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Cleanshot 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Clinclip 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Long Hiệp
		Clinton 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông tín AG

		Comprise 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
		Compass 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Cypen 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Linchor top 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Mundo-Super 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Điền Thạnh
		Pymeny 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
		Ricedoctor 60OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Stopusamy 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Topgold 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Topmost 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Topmy 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Rotam Asia Pacific Limited
		Topnhat 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Topshot® 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
121	Cyhalofop-butyl 100 g/l + Florpyrauxifen-benzyl 20g/l	Xevelo® 120 EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
122	Cyhalofop-butyl 150g/l + Oxaziclomefone (min 96.5%) 150 g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 100g/l	Nosotco 400SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
123	Cyhalofop-butyl 100g/l + Penoxsulam 10g/l	Topvip 110 OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
124	Cyhalofop-butyl 8% + Penoxsulam 2%	Grass super 10 OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TAT Hà Nội
125	Cyhalofop-butyl 150 g/l + Penoxsulam 30 g/l	Oxy 180 OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP KT NN I.F.I
126	Cyhalofop-butyl 65g/l + Penoxsulam 10g/l	Het-shots 75 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Cali Agritech USA
127	Cyhalofop-butyl 60g/l + Penoxsulam 10 g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 20g/l	Topfull 90SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông

128	Cyhalofop-butyl 120g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg	Econogold 170WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
129	Cyhalofop-butyl 60g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 30g/l (150g/kg)	Tossup 90SC, 750WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
130	Cyhalofop-butyl 50g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 10g/l	Đại tướng quân 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
131	Cyhalofop-butyl 75g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l	Shotplus 125SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
132	Cyhalofop-butyl 20% + Pyrazosulfuron-ethyl 5% + Quinclorac 30%	Map fanta 550WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
133	Cyhalofop-butyl 200g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg+Quinclorac 350g/kg	Dietcosuper 600WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
134	Cyhalofop-butyl 6.0% + Pyribenzoxim 2.5%	Pyanchor gold 8.5EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
135	Cyhalofop-butyl 60 g/l + Pyribenzoxim 30 g/l	Aman 90EC	cỏ/ lúa	Công ty CP NN HP
136	Cyhalofop-butyl 70g/l + Pyribenzoxim 30g/l	ANG-sachco 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
137	Cyhalofop-butyl 200g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Super rim 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
138	Cyhalofop-butyl 90 g/kg + Quinclorac 510 g/kg	TAT Super Plus 600WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH A2T Việt Nam
139	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 500g/kg	CO- 2X 650WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
140	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 400g/kg	Pitagor 550WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
141	Dalapon (min 85%)	Dipoxim 80WP	cỏ/ mía, xoài, vùng đất chưa canh tác	Công ty CP BVTV Sài Gòn
142	Dicamba (min 97%)	Rainvel 480SL	cỏ/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
143	Diquat (min 95%)	Agro-quat 200SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Asia Agro
		Aquat235 20SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Kỹ nghệ HGA

Asaquat 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
BC-Weedburn 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Biocrop
Cochay 200SL	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Us Agro
Diamond 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Liên doanh QT Fujimoto
Difast 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Hóa nông AMC
Dimaxonevb 20SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
Diraquat 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Diup 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Dkquat 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Danken Việt Nam
Falcao 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
Faquatrio 20SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
Gama 20SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Gap quat 250SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Gap Agro
Glyximgold 200SL	Cỏ/Cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
Halaquat 20SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất NN Hà Lan
Hamoxone 200SL	cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP TM Hải Ánh
Itaquat 20SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Itagro Việt Nam
Mdiquat 200SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
Niquat 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Nicotex
Pesle super 374SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Pgapaxone 200SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH TCT Hà Nội
Porto 200SL	Cỏ/Cao su	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
Quatdi 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
Sundiquat 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Sunseaco Việt Nam

		T Flast 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Takao 250SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Vietquat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM DV Vietcropchem
		Yonfire 200SL	cỏ/cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd
		Zizu gold 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH ADC
144	Diuron (min 97%)	Ansaron 80WP, 500SC	**80WP:** cỏ/ mía, cà phê, sắn **500SC:** cỏ/ mía	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		BM Diuron 80 WP	cỏ/ mía, vùng đất chưa trồng trọt	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		Deco Duron 80WP	cỏ/ mía	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
		D-ron 80 WP	cỏ/ mía, thanh long	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Karmex® 80 WP	cỏ/ mía, chè, sắn	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Go 80WP	cỏ/ mía	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Misaron 80 WP	cỏ/ mía, dứa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sanuron 800WP, 800SC	**800WP:** cỏ/ mía, cà phê **800SC:** cỏ/ bông vải, chè	Forward International Ltd
		Suron 80 WP	cỏ/ mía, bông vải	Công ty CP Nông dược HAI
		Trilla plus 80WG	cỏ/ mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Xinron 800WG	cỏ/ mía	Anhui Guangxin Agrochemical Co. Ltd.
		Vidiu 80 WP	cỏ/ mía, chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
145	Diuron 46.8% (468 g/kg) + Hexazinone (min 95%) 13.2% (132g/kg)	Guang Diu 600WG	cỏ/mía	Anhui Guangxin Agrochemical Co. Ltd.
		Topcane 60WG	cỏ/ mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd

146	Diuron 160 g/kg + Glufosinate ammonium 108g/kg	Diusinate 268SC	cỏ/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
147	Ethoxysulfuron (min 94%)	Canoda 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Map salvo 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Moonrice 15WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Kiên Nam
		Run life 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Sun-raise nongphat 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Sunrice 15WG	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
148	Ethoxysulfuron 20g/l (20g/kg) + Fenoxaprop-P-Ethyl 69g/l (69g/kg)	Turbo 89 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		T-ptubos 89WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thái Phong
149	Ethoxysulfuron 35 g/l (35g/kg) + MCPA 100g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 15g/l (15g/kg)	Kiss 150EC, 150WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
150	Ethoxysulfuron 23g/kg + Quinclorac 230 g/kg	Map Top-up 253WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
151	Fenoxaprop-P-Ethyl (min 88%)	anRUMA 6.9 EC, 75SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Challenger 6.9EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) PTe Ltd
		Golvips 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Quip-s 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Web Super 7.5 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Wipnix 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Whip'S 6.9 EC, 7.5EW	**6.9EC:** cỏ/ lúa gieo thẳng **7.5EW:** cỏ/ lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

152	Fenoxaprop-P-Ethyl 75g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (150g/kg) + Quinclorac 250g/l (225g/kg) + chất an toàn Fenclorim 50g/l (25g/kg)	Runtop 375SC, 775WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
153	Fenoxaprop-P-Ethyl 130g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 70g/kg + Quinclorac 500g/kg	Topgun 700WG, 700WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.
154	Fenoxaprop-P-Ethyl 8g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Pyan-Plus 5.8EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
155	Fenoxaprop-P-Ethyl 1% + Pyribenzoxim 5%	TT-Runny 6EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
156	Flazasulfuron (min 95%)	Voi đỏ 750WP	cỏ/ mía	Công ty TNHH An Nông
157	Florpyrauxifen-benzyl (min 92%)	Loyant® 25EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
158	Florpyrauxifen-benzyl 12.5g/l + Penoxsulam 20g/l	Novixid® 32.5OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
159	Fluazifop-P-Butyl (min 90%)	Bellow 15EC	cỏ/ sắn	Công ty CP Hóc Môn
		Fuquy 150EC	cỏ/ sắn	Công ty CP BVTV I TW
		Onecide 15EC	cỏ/ lạc, đậu tương, sắn, bông vải, dưa hấu, cam, vừng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Oneness 150EC	cỏ/ lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Sai-one 15EC	cỏ/ lạc, vừng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sinonvictor 15EC	cỏ/lạc	Sinon Corporation
		Uni-Weedout 15EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
160	Flufenacet (min 95%)	Tiara 60 WP	cỏ/ lúa cấy	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
161	Flumetsulam (min 97%)	Omega-Vando 800WG	cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

162	Flumioxazin (min 96%)	Sumimax 50WP	Cỏ/ lạc, sắn	Công ty TNHH HC Sumitomo Việt Nam
163	Fluoroglycofen (min 95%) 10 g/l + Glufosinate ammonium 190g/l	Conifa 200ME	cỏ/ cà phê	Công ty CP NN HP
164	Fluoroglycofen-ethyl 15 g/l + Glufosinate ammonium 225 g/l	Glurio 240 OD	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
165	Fomesafen (min 95%)	Gorich 250SL	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Hetsure 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Metit top 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Midori 25SL	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
		Nisafen 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP Nicotex
166	Glufosinate ammonium (min 95%)	Ace gluffit 30SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
		AF-Fulsta 200SL	Cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Agrifuture
		Andofonat 200SL	cỏ/ hồ tiêu	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Amegro 150SL	Cỏ/cao su	Agria S.A.
		Asupergras 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
		AT-Sinat 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Avansta 150 SL	cỏ/ cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Bamboo 200SL	Cỏ/ cà phê	Công ty CP Liên doanh Quốc tế Fujimoto
		Basta 15SL	cỏ/ ca cao, hồ tiêu, mía, ngô, điều, cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Bastnate 200SL	cỏ/ cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Batot 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		BC-Weedkill 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Biocrop
		BM Hector 200SL	cỏ/ cà phê	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		BN-Gluxon 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Cháy rụi 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông

Daitai 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Nam Bộ
Ebalstar 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Bigfive Việt Nam
Erase 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH SX và TM HAI Long An
Fasfix 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Fosina 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro
Gamasate-Pro 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Kỹ nghệ HGA
Glogger 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Glu dragon 200SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Rồng Đại Dương
Glu-elong 15SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Glufast 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương
Glufo 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
Glufo super 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP KHNN Vinacoop
Glufoca 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
Glufocide 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
Glufonate 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
Glufosat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Glufosam 200SL	Cỏ/ cà phê	Công ty TNHH SX TM Greenstar
Glufosan 200SL	Cỏ/điều, cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Glumore 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
Glunate 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Glunat PD 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH VT NN Phương Đông
Gluphadex 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Baconco
Gluriver 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH DV và TM Tân Xuân

			Glusat 200SL	cỏ/ đất không canh tác	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
			Glusina 20SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Glux 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
			Gluvbusa 30SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
			Gluxim super 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa sinh Takashi Nhật Bản
			Gluxone Ultra 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
			Goodsin 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
			Goldcao 100SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
			Ground up 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Master AG
			Gussi Bastar 200SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty CP BMC Việt Nam
			Halanglufo 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất NN Hà Lan
			Hallmark 150SL	cỏ/ cao su, cà phê, điều, hồ tiêu	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
			Haydn 150SL	cỏ/cà phê	Sinon Corporation, Taiwan
			Helmer Brarita 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH B.Helmer
			Herstop 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
			Huracan 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Jetstar 18SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
			Jiafosina 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
			Kamup 150SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
			Kaza 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Danken Việt Nam
			Kenbast 15SL	cỏ/cà phê	Kenso Corporation (M) Sdn Bhd
			Lưỡi cày 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI

		Mazda 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Metxi 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
		Mobai new 100SL	cỏ/cà phê, hồ tiêu, cao su	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Newfosinate 150SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Nimasinat 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Nicotex.
		Novi-grass 18.02SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất Nông Việt
		Nutar 15SL	Cỏ/cà phê	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd
		Nuximsuper 20SL	cỏ/ ngô, cao su	Công ty TNHH Phú Nông
		Paricide gold 200SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH Việt Đức
		Pass root 200SL	cỏ/ cà phê, hồ tiêu, cao su	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Phalosat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Phát Lộc
		Proof 150SL	cỏ/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Q Star 18SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Renato 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Cửu Long
		Rojing 30SL	cỏ/ cà phê, cao su	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Ronglua 100SL	Cỏ/mắc ca	Công ty CP BVTV ATC
		Rồng đỏ 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Simatop 200SL	Cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Agrofarm
		Samsinate 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP SAM
		Samstar 18SL	cỏ/ cao su, cà phê	Công ty CP SX TM và DV Ngọc Tùng
		Sanat 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
		Shina 18SL	cỏ/ cao su, cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Sinasin 200SL	cỏ /cà phê	Sinamyang Group Pte Ltd
		Sinate 150SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
		Sunfosinat 200SL	cỏ / cà phê	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Tarang 280SL	cỏ/cà phê, điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Tiguan 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP

		Tough Role 150SL	cỏ/ hồ tiêu, cà phê, cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
		T-p glophosi 15SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Upland Premium 13.5SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		US-sinate 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		VT sate 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Woncar 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Wyncafos 10SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH DV TV ĐT Kim Cương
		Xglufa 200SL	Cỏ/cà phê	Hubei Xingfa Chemicals Group Co., Ltd.
		Yostar 200SL	cỏ/ cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
167	Glufosinate ammonium 100g/l + MCPA 36g/l	Fast Fire 136SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
168	Glufosinate ammonium 15% + MCPA acid 7%	Quick Star 22SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
169	Glufosinate ammonium 200g/l + Imazapyr 50g/l	Obaxim 250SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
170	Glufosinate-P (min 91%)	Yosky 10SL	cỏ/cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd
171	Halosulfuron methyl (min 95%)	Halosuper 250WP	cỏ/lúa gieo thẳng, mía, ngô	Công ty TNHH An Nông
172	Haloxyfop-R-Methyl (min 94%)	Gallant® Super 108EC	cỏ/ lạc, sắn	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Uni-Kickdown 10EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
173	Haloxyfop-p-methyl (min 94%)	Laoton 108EC	cỏ/ sắn, lạc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Picaroon 108EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Vonta 108 EC	Cỏ/ sắn	Công ty CP Bigfive Việt Nam
174	Hexazinone 50g/l + Imazapyr 150g/l	Noloco 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Nông nghiệp HP

175	Imazapic (min 96.9%)	Cadre 240 SL	cỏ/ mía, lạc, lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Imark 70WG	cỏ/ lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
176	Imazapic 175 g/kg + Imazapyr 525 g/kg	Kifix 70WG	cỏ/ mía	BASF Vietnam Co., Ltd
177	Imazapic 262.5 g/l + Imazapyr 87.5 g/l	Mayoral 350SL	cỏ/ mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
178	Imazethapyr (min 97%)	Dzo Super 10SL	cỏ/ lạc, đậu tương, đậu xanh	Map Pacific PTE Ltd
		Rutilan 10SL	cỏ/lạc	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Vezir 240SL	cỏ/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
179	Imazosulfuron (min 97%)	Quissa 10 SC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
180	Indanofan (min 97%)	Infansuper 150EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
181	Indaziflam (min 93%)	Becano 500SC	cỏ/cao su, cam, cà phê, chè, thanh long, mía, sầu riêng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
182	Isoxaflutole (min 95%)	Merlin 750 WG	cỏ/ ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Sunward 75WG	cỏ/ ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
183	Isoxaflutole 225g/l + Thiencarbazone-methyl 90g/l + chất an toàn Cyprosulfamide 150 g/l	Adengo 315SC	cỏ/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
184	Lactofen (min 97%)	Combrase 24EC	cỏ/ lạc, sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
185	MCPA (min 85%)	Newco 500SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH US Agro
		Tot 80WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
186	Mefenacet (min 95%)	Mecet 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX TM Bio Vina
187	Mefenacet 39% + Pyrazosulfuron-ethyl 1%	Fezocet 40WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh

188	Mefenacet 5g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 95g/kg	Pylet 100WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học CNC American
189	Metamifop (min 96%)	Coannong 200EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
		Obatop 100EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH Liên Minh Nông Nghiệp Bền Vững
190	Metazosulfuron (min 88%)	Ginga 33WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
191	Metolachlor (min 96%)	Aqual 960EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Dana - Hope 720EC	cỏ/ lạc, ngô, bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Hasaron 720 EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Maestro 960EC	cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
192	Metolachlor 32% + Napropamide 3%	Long run 35EC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
193	Metolachlor 620g/l + Trifluralin 130g/l	Hypeclean 750EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
194	S-Metolachlor (min 98.3%)	Barracuda 960EC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Dual Gold ® 960 EC	cỏ/ lạc, ngô, đậu tương, bông vải, mía, rau cải, rau mùi, rau muống	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Robust 960EC	cỏ/ ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		S-Maestro 960EC	cỏ/ ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
195	Metribuzin (min 95%)	Sencor 70 WP	cỏ/ mía, khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
196	Metsulfuron-methyl (min 93%)	Alliance 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Alyando 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Alyalyaic 200WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Alygold 200WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

		Alyrice 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Alyrate 200WG	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Alyrius 200WG	cỏ/ lúa cấy, đất không trồng trọt	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Anly Gold 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Dany 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Ally® 20 WG	cỏ/ lúa, cao su	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Metsy 20WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Nolaron 20 WG	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Long Hiệp
		Soly 20WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Long Hưng
		Super-Al 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
197	Metsulfuron-methyl 7g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 148g/kg	Newrius 155WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
198	Mesotrione (min 97%)	ADU-Meso One 150SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Kunzin 150SC	cỏ/ngô	Công ty CP CCD Việt Nam
		Mesoforce 48SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		NDMN-trione 400SC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Tik grass 15SC	cỏ/ ngô, mía	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Tgrass 15SC	cỏ/ ngô	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Zamoca® 150SC	cỏ/ngô	Công ty CP Nicotex
199	Mesotrione 13.5% + Nicosulfuron 4.5%	Cornweed 18OD	cỏ/ngô	Công ty TNHH A2T Việt Nam
200	Mesotrione 75 g/l + Nicosulfuron 30 g/l	Gavan plus 105OD	Cỏ/Ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
201	Molinate 327g/l + Propanil 327g/l	Prolinate 65.4 EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd

202	Nicosulfuron (min 94%)	Duce 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Farich 40SC	cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Luxdan 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Minarin 500WP	cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Nifuron 40OD	Cỏ/ngô	Công ty TNHH US Agro
		Samson 6 OD	cỏ/ngô	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		WelkinGold 40SC, 40OD, 750WG, 800WP	**40SC, 40OD, 750WG**: cỏ/ngô **800WP**: cỏ/ngô, mía	Công ty TNHH An Nông
203	Orthosulfamuron (min 98%)	Kelion 50WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
204	Oxadiargyl (min 96%)	A Safe-super 80WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH BVTV Đại Dương
		DN Oxabaxa 80WP	cỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Raft® 800WP	cỏ/ lúa, đậu tương, lạc, hành tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
205	Oxadiazon (min 94%)	Antaxa 250 EC	cỏ/ lạc	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Ari 25 EC	cỏ/ ngô, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Binhoxa 25 EC	cỏ/ lúa, lạc, đậu tương	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Canstar 25 EC	cỏ/ lạc, lúa sạ khô, hành	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ronata 25EC	cỏ/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		RonGold 250 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lạc, đậu tương	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ronstar 25 EC	cỏ/ lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
206	Oxadiazon 100g/l + Propanil 304g/l	Calnil 404EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
207	Oxaziclomefone (min 96.5%)	Full house 30SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

208	Oxyfluorfen (min 97%)	Goal™ 240EC	cỏ/ đậu xanh	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
209	Oxyfluorfen 140 g/l + Pendimethalin 200 g/l	Penuron 340EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH ADU Việt Nam
210	Pendimethalin (min 90%)	Accotab 330 EC	cỏ/ lạc, lúa gieo thẳng; diệt chồi/ thuốc lá	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Caojin 34EC	cỏ/ đậu tương	Sinon Corporation
		Fist super 38.7CS	cỏ/lạc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Halosun 450CS	cỏ/ lạc	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Pendi 330 EC	cỏ/ lạc, diệt chồi nách/thuốc lá	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Pendipax 500EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Vigor 33 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, đậu tương, ngô, lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
211	Pentoxazone (min 97%) 250g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (100g/kg)	Kimpton 300SC, 700WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
212	Penoxsulam (min 98.5%)	Clipper® 25OD, 240SC	**25OD**: cỏ/ lúa gieo thẳng **240SC**: cỏ/ lúa gieo thẳng, cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
213	Pretilachlor	Agrofit super 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
		Difit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
214	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Dibarim 100 g/l	Sonic 300 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
215	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Acofit 300 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ansiphit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Bigson-fit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ceo 300EC	cỏ, lúa cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Chani 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex

		Chesaco 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Denofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Dodofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Elipza 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		ET-Polorim 300EC	cỏ/ lạc	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
		Fenpre 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Jiafit 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Ladofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Legacy 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
		Map-Famix 30EC, 30EW	**30EC:** lúa cỏ/ lúa gieo thẳng **30EW:** cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Nôngia-an 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Nichiral 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Rice up 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Sotrafix 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Starfit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Super-kosphit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Supperfit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Global Farm
		Tophiz 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
		Trihamex 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Tung rice 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sofit® 300 EC	cỏ, lúa cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

		Venus 300 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vithafit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vifiso 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Xophicusa 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Xophicloinong 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH US.Chemical
		Xophicannong 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Weeder 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
216	Pretilachlor 310g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Robin 310EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
217	Pretilachor 350 g/l (350g/l) + chất an toàn Fenclorim 100 g/l (120g/l)	Eurofit 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Sonata 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
218	Pretilachlor 300g/l (342g/kg) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (114g/kg)	Prefit 300EC, 342WP	**300EC:** cỏ/ lúa **342WP**: cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
219	Pretilachlor 360g/l + chất an toàn Fenclorim 120 g/l	Buffalo 360EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
220	Pretilachlor 360 g/l + chất an toàn Fenclorim 150g/l	Dietmam 360EC	cỏ, lúa cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Tanfit 360EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tomtit 360EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
221	Pretilachlor 400g/l (400g/l) + Chất an toàn Fenclorim 120g/l (100g/l)	Accord 400EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Nanoxofit Super 400EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
222	Pretilachlor 500g/l + Chất an toàn Fenclorim 150g/l	Cleanco 500EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Delta Cropcare

		Wind-up 500EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Tân Thành
223	Pretilachlor 330g/kg + Bensulfuron-methyl 40g/kg + chất an toàn Fenclorim 110g/kg	Premium 370WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
224	Pretilachlor 40 % + Pyrazosulfuron-ethyl 1.4%	Trident 41.4 EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
225	Pretilachlor 300 g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 15g/l	Novi mars 315EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
226	Pretilachlor 287g/l + Pyribenzoxim 19g/l	Saly 306EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP NN HP
227	Pretilachlor 300g/l + Pyribenzoxim 20g/l	Eonino 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		Hiltonusa 320EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Solito® 320 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
228	Propanil (DCPA) (min 95%)	Map-Prop 50 SC	cỏ/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Propatox 360 EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
		Bm Weedclean 80WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
229	Propanil 200g/l + Thiobencarb 400g/l	Satunil 60 EC	cỏ/ lúa, cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
230	Profoxydim (min 99.6%)	Tetris 75 EC	cỏ/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
231	Propaquizafop (min 92%)	Agil 100EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
232	Propyrisulfuron (min 94%)	Zeta one 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
233	Propisochlor 200g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg	V-T Rai 250WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
234	Pyrazosulfuron-ethyl (min 97%)	Aicerus 100WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC

		Amigo 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Ansius 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Buzanon 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	FarmHannong Co., Ltd.
		Herrice 10 WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Pyrasus 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Rossiitalia 100WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thôn Trang
		Rus-annong 10WP, 200SC, 700WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Russi 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Saathi 10 WP	cỏ/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Silk 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sirius 10WP, 70WG	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Sontra 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Star 10WP	cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Surio 10WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sunriver 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sunrus 100WP, 150SC	**100WP:** cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy **150SC:** cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tungrius 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Virisi 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vu gia 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
235	Pyrazosulfuron-ethyl 0.6% + Pretilachlor 34.4%	Parany 35WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
	Pyrazosulfuron-ethyl 5g/l + Pretilachlor 295g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Parany 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến

236	Pyrazosulfuron-ethyl 2.0 % + Quinclorac 32.5 %	Accura 34.5WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
237	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/kg + Quinclorac 220g/kg	Genius 25WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
238	Pyrazosulfuron-ethyl 3% + Quinclorac 47%	Nasip 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Sifa 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Siricet 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
239	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/l + Quinclorac 470g/l	Sunquin 50SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
240	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/kg (15g/l) + Quinclorac 470g/kg (235g/l)	Fasi 50WP, 250OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.
241	Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (30g/kg) + Quinclorac 200g/l (470g/kg)	Ozawa 250SC, 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
242	Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l + Quinclorac 250g/l	Viricet 300 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Rbcfacetplus 300SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
243	Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg + Quinclorac 450g/kg	Bomber TSC 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Grassdie 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Quinpyrad 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Quipyra 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
		Sitafan 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Siftus 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
		Tanrius 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Vinarius 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
244	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/kg + Quinclorac 470g/kg	Andophasi 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

245	Pyrazosulfuron-ethyl 40g/kg + Quinclorac 565g/kg	Famirus 605WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
246	Pyribenzoxim (min 95%)	Decoechino 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Kato 51EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Kenji 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Vỹ Tâm
		Pyanchor 5EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Pysaco 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Ω-Riben 5ME	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Omega
247	Quinclorac (min 96%)	Adore 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược HAI
		Angel 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Dancet 25SC, 50WP, 75WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Denton 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ekill 25 SC, 37WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Facet® 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Farus 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Fasetusa 250SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fony 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Forwacet 50WP, 250SC	**50WP**: cỏ/ lúa **250SC**: cỏ/ lúa gieo thẳng	Forward International Ltd
		Naset 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nomicet 250SC, 500 WP	**250SC**: cỏ/ lúa gieo thẳng **500WP**: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Paxen - annong 25SC, 500WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Tancet 250SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

		Vicet 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
248	Quizalofop-P-Ethyl (min 98%)	Broadsafe 200EC	cỏ/ đậu tương	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Cariza 5 EC	cỏ/ đậu tương, sắn	Công ty CP Nicotex
		Fagor 50EC	cỏ/ sắn	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Future 50EC	cỏ/sắn	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
		Greensun 50EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Hetcocan 5EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Itani 5EC	cỏ/ sắn, đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
		Maruka 5EC	cỏ/sắn, lạc, vừng, đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Quizalo 50EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Quizamaxx 15.8EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Quiza super 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Tar Zang 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Targa Super 5 EC	cỏ/ lạc, sắn, bông vải, đậu tương, vừng, khoai mỡ	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		TT-Jump 5EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Vua cỏ 50EC	cỏ/ sắn	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
249	Quizalofop-P-tefuryl	Nuxim gold 40EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
250	Sethoxydim (min 94%)	Nabu S 12.5EC	cỏ/ lúa, đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
251	Simazine (min 97%)	Sipazine 80WP	cỏ/ mía, ngô	Forward International Ltd
		Visimaz 80 WP	cỏ/ ngô, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
252	Tefuryltrione (min 97%) 200g/l + Triafamone 100g/l	Council Complete 300SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

253	Topramezone (min 96%)	Clio 336SC	cỏ/ ngô	BASF Vietnam Co., Ltd
		Topzone 4 OD	cỏ/ ngô	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
254	Triafamone (min 93%)	Council prime 200SC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
255	Triclopyr butoxyethyl	Garlon 308.5 EC	cỏ/ cao su, lúa gieo thẳng, mía	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
256	Trifluralin (min 94%)	Triflurex 48 EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		VT Rallin 480EC	cỏ/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
4. Thuốc trừ chuột:				
1	Barium sulfate (min 99%) 20% + Difennuozhi (min 95%) 0.02%	Rat-ba 20.02RB	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
2	Brodifacoum (min 91%)	Bachuot TAT 0.005%DR	Chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TAT Hà Nội
		Diof 0.006AB, 5DP	Chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fadirat 0.005RB	Chuột/ đồng ruộng	Công ty CP ĐT Hợp Trí
		Gaulois 0.005% RB	Chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Klerat® 0.005% wax block bait, 0.005 pellete	**0.005 %Wax block bait:** chuột/ nhà, kho tàng, chuồng trại, đồng ruộng, nơi công cộng **0.005 pellete:** chuột trong quần cư, nhà kho	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Forwarat 0.005% wax block	chuột/ đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Newfago 5DP	Chuột/ đồng ruộng	Công ty CP S New Rice
		Vifarat 0.005% AB	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Bromadiolone (min 97%)	Antimice 0.006GB, 3DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Bellus 0.005AB	chuột/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

		Broma 0.005AB	chuột/ lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Diroma 0.005 RB	Chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH B.Helmer
		Cat 0.25 WP	Chuột/ đồng ruộng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Hicate 0.25WP, 0.08AB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH SP Công nghệ cao
		Killrat 0.005 Wax block	chuột/ đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Kingcat 0.05RB	Chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Hóa nông AMC
		Lanirat 0.005 GR	chuột/ trang trại, kho tàng, quần cư	Elanco Animal Health
		Pesmos 0.25WP	Chuột/ đồng ruộng	Agria S.A.
4	Coumatetralyl (min 98%)	DN Rakumax 0.0375RB	Chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Racumin 0.0375 PA, 0.75TP	**0.0375PA:** chuột/ ruộng lúa, nhà kho, trang trại **0.75TP**: chuột/ đồng ruộng, kho, trang trại	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Ratmiu 0.0375DR, 0.75TP	Chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
5	Diphacinone (min 95%)	Gimlet 800SP, 0.2GB	Chuột/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Kaletox 200WP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Linh miêu 0.5WP, 0.2GB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		QT 92 800WP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
6	Flocoumafen (min 97.8%)	Coumafen 0.005% wax block	chuột/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Krats 0.005% pellet	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Phú Nông
		Smithian 0.005% Block	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH US Agro
		Storm 0.005% block bait	chuột/ đồng ruộng, quần cư	BASF Vietnam Co., Ltd.
7	Sulfur 33% + Carbon	Woolf cygar 33%	chuột trong hang	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
8	Warfarin	Killmou 2.5DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam

		Ran part 2%DS, 0.6AB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Rat K 2%DP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rasger 20DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
		Rat-kill 2%DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Rodent 2DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
5. Thuốc điều hoà sinh trưởng:				
1	α-Naphthyl acetic acid	Acroots 10SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		HQ-301 Fructonic 1% SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, ngô, cà phê, nho	Cơ sở Nông dược sinh nông
2	ANA, 1- NAA + β-Naphtoxy Acetic Acid (β-N.A.A) + Gibberellic acid - GA3	Kích phát tố hoa - trái Thiên Nông	kích thích sinh trưởng/ cà phê, lúa, vải, nhãn, đậu, lạc, cà chua, ớt, dưa, bầu bí, cây có múi, bông vải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
3	ATCA 5.0% + Folic acid 0.1%	Samino 5.1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
4	Auxins 11mg/l + Cytokinins 0.031mg/l + Gibberellic 6.0mg/l	Kelpak SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, bắp cải, chè, dưa hấu, cam, nho, cà phê	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
5	Brassinolide (min 98%)	Dibenro 0.15WP, 0.15EC	kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu tương, ngô, dưa chuột, hoa cúc, cải xanh, xoài.	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Cozoni 0.1 SP, 0.0075 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè	Công ty CP Nicotex
		Nyro 0.01 SL, 0.1SP	**0.01SL**: Kích thích sinh trưởng/ cam, lúa, cải xanh, ớt, xoài, cà chua, khoai lang **0.1SP:** Kích thích sinh trưởng/ lúa, bưởi, cải xanh	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Rasino 0.018WP	Kích thích sinh trưởng/ cam	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rice Holder 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, hồ tiêu, cà phê, xoài	Chengdu Newsun Crop Science Co., Ltd.
		TT-biobeca 0.1SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cà chua, thanh long, hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành

6	Brassinolide 2g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Bracylic 152WP	kích thích sinh trưởng/ cải xanh, lúa, đậu tương, xoài	Công ty TNHH An Nông
7	28-Homobrassinolide	Brassica 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/cải bắp	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
8	24-Epibrassinolide	Brano 0.01SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Catsuper 0.015SP, 0.01SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa, cam	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Newbra 0.01SL	kích thích sinh trưởng/thanh long	Công ty CP S New Rice
		Thalybas 0.01SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, cam, xoài	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
9	24-Epibrassinolide 0.002% + Gibberellic acid A4, A7 0.398%	VTL Super 0.4SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
10	Cytokinin (Zeatin)	3G Giá giòn giòn 1.5WP	kích thích sinh trưởng/ giá đậu xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
		Acjapanic 1.6WP	Kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, rau muống, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Agsmix 5.6 SL	kích thích sinh trưởng/ bắp cải, chè	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Agrispon 0.56 SL	kích thích sinh trưởng/ bắp cải, lạc, lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
11	Cytokinin 0.1% + Gibberellic 0.05%	Sieutonic 15WG	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
12	Daminozide (min 99%)	B-Nine 85SG	Điều hòa sinh trưởng/ hoa cúc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
13	Dịch chiết từ cây *Lychnis viscaria*	Comcat 150 WP	kích thích sinh trưởng/ chè, nho, lúa, nhãn, sắn, cam, dâu tây, vải thiều, xoài, thanh long, dưa hấu, cải bó xôi, bắp cải, cà chua, dưa chuột, bí đao, hành, hẹ, cà rốt, lúa, ngô, đậu tương, phong lan; ức chế bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, giúp lúa phục hồi, tăng trưởng; xử lý hạt giống để điều hoà sinh trưởng/lúa, ngô	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
14	Diethyl aminoethyl hexanoate (min 98%) 7.99% + 14-Hydroxylated brassinosteroid (min 90%) 0.01%	Frusome 8SL	kích thích sinh trưởng/cà chua	Brightmart Cropscience Co., Ltd.

15	Ethephon (min 91%)	Adephone 25 PA, 480SL	**25PA:** kích thích mủ/ cao su **480SL:** kích thích ra hoa/ dứa, kích thích mủ/ cao su	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Callel 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dibgreen 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Effort 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Elephant 5 PA	Kích thích mủ/ cao su	Công ty CP Đồng Xanh
		Ethrel 10PA, 480SL	kích thích mủ/ cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Etfon 480SL	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Forgrow 5 PA	kích thích mủ/ cao su	Forward International Ltd
		Kinafon 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Kiên Nam
		Latexing 2.5 PC	kích thích mủ/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Lephon 40SL	Kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH MTV SNY
		Mamut 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Revenue 25PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sagolatex 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieuramu 50PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH An Nông
		Sun thephone 400SL	Kích thích mủ/cao su	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		TB-phon 2.5LS	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH SX – TM Tô Ba
		Telephon 2.5 LS	kích thích/ mủ cao su; kích thích ra hoa/ hoa mai	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
16	Forchlorfenuron (min 97%)	Acura 10SC, 10WG	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Birantin 0.1SL	kích thích sinh trưởng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
17	Fugavic acid	Siêu to hạt 25 SP	kích thích sinh trưởng lúa, ngô, lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
18	Fulvic acid	Siêu Việt 250SP, 300SL	**250SP:** kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, cải bó xôi, chè **300SL:** kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu xanh, cà phê, cải xanh	Công ty TNHH An Nông

		Supernova 300SL, 700SP	**300SL:** kích thích sinh trưởng/ cà phê, đậu xanh, cải ngọt, lúa **700SP:** kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, chè	Công ty TNHH US.Chemical
19	Gibberellic acid (min 90%)	Ac Gabacyto 50TB, 100SP, 200WP	**50TB, 200WP**: kích thích sinh trưởng/ lúa **100SP**: kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, xoài, cam	Công ty TNHH MTV Lucky
		Agrohigh 2SL, 3.8EC, 20TB, 40SP	**2SL:** kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, hoa cúc **3.8EC:** kích thích sinh trưởng/ chôm chôm **40SP:** kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải **20TB:** kích thích sinh trưởng/ lúa, cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ankhang 20WT	kích thích sinh trưởng/ lúa, cà chua, đậu tương, chè, cải bẹ, ngô, dưa chuột	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Arogib 100SP, 200TB	**100SP:** kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, đậu côve **200TB:** kích thích sinh trưởng/ cam, đậu côve	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		A-V-Tonic 10WP, 18SL, 50TB	**10WP:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, hoa hồng, lúa **18SL:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, lúa, cam **50TB:** kích thích sinh trưởng/ cải xanh, dưa chuột, hoa hồng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azoxim 20SP	kích thích sinh trưởng/ chè, lúa	Công ty CP Nicotex
		Bebahop 40WP	kích thích sinh trưởng/ cà chua, bắp cải, dưa chuột, hoa hồng, chè, lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
		Colyna 200TB	điều hoà sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, cà chua, hồ tiêu, vải, chè	Công ty CP Nông dược HAI
		Đầu Trâu KT Supper 100 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dogoc 5TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Dolping 40EC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Dovagib 20TB	Kích thích sinh trưởng/sầu riêng, xoài, dưa hấu, nhãn	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Gibbone 200WP, 40EC, 50TB	Kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Gold gibb 20ST	Kích thích sinh trưởng/cà phê	Công ty TNHH Tam Ngọ

		Egibo 80SG	Kích thích sinh trưởng/ bắp cải, thanh long	Công ty TNHH SX và TM RVAC
		Falgro 10SP, 18.4TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/ lúa, nho, thanh long, dưa hấu, cam, bắp cải, chè **18.4TB**: kích thích sinh trưởng/ thanh long, bắp cải, chè, cam, lúa, dưa hấu, nho	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		G3Top 3.33SL, 20TB, 40SG	kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, dưa hấu, đậu tương, xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		GA_3 Super 100SP, 200TB, 200 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Gibbeny 10WP, 20TB	**10WP**: kích thích sinh trưởng/ dưa chuột **20TB**: kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, rau cải xanh, dâu tây, thanh long	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Gib-CA 800SG	kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Gib-Asia 40TB, 100WP, 400WG, 800SG	**40TB:** kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa, cải bắp **100WP:** kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa **400WG, 800SG**: kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Asia Agro
		Gib ber 2SP, 2SL, 20TB, 40WG	**2SP:** kích thích sinh trưởng/ rau cần, xoài, cam, dưa hấu, rau muống, thanh long **2SL:** kích thích sinh trưởng/ rau cần, rau cải, cà chua, chè, rau muống, thanh long **20TB:** kích thích sinh trưởng/ rau cải, thanh long **40WG:** kích thích sinh trưởng/ cam, thanh long, rau muống, rau cải, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Gib-gap 40SP	Kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, cam	Công ty TNHH Gap Agro
		Gibgro 10SP, 20TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/ lúa **20TB:** kích thích sinh trưởng/ rau cải, bắp cải, thanh long	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Gibline 10SP, 20TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/ lúa **20TB:** kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Gibta 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Gippo 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH ADC

		Gibow 200WP, 200TB	**200WP**: Kích thích sinh trưởng/lúa **200TB:** Điều hoà sinh trưởng/ thanh long	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Goliath 1SL, 10SP, 20TB, 20WP	**1SL:** kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu **10SP:** kích thích sinh trưởng/ lúa **20TB, 20WP:** kích thích sinh trưởng/ nho, thanh long, cà phê, hồ tiêu.	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Greenstar 20EC, 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Highplant 10 WP	điều hoà sinh trưởng/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Kích phát tố lá, hạt Thiên Nông GA-3	kích thích sinh trưởng/ dâu nuôi tằm, thuốc lá, artiso, cỏ chăn nuôi, rau gia vị, đay, nho, làm giá đậu	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
		Megafarm 50TB, 200WP	**50TB:** kích thích sinh trưởng/ lúa, vải, chè, cà phê, dưa hấu **200WP:** kích thích sinh trưởng/ lúa, rau cải, hoa hồng, xoài, cam	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Map-Combo 10WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
		NanoGA3 50TB, 100WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		ProGibb 10 SP, 40%SG	**10SP:** kích thích sinh trưởng/ chè, lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, cà phê, hồ tiêu **40%SG:** kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu, xoài, cam	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Proger 20 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Sitto Mosharp 15 SL	kích thích sinh trưởng/ sắn, cà rốt	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Starga3 20TB	Kích thích sinh trưởng /lúa, chè	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Stinut 5 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, đậu đũa, cà chua, dưa chuột, bắp cải, chè, cam, quýt, hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Super GA_3 50TB, 100SP, 200WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông

		Tony 920 40EC	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, dưa hấu	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tungaba 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu côve, cà chua, bắp cải, chè	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vertusuper 1SL, 1WP, 100SP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Vagritex
		Vigibb 1SL, 16 TB, 100SP, 200WP	**16TB:** kích thích sinh trưởng/ lúa **1SL, 100SP, 200WP:** kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, dưa chuột, rau cải	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
		Vimogreen 1.34 SL, 1.34 WP, 10SG, 10TB	**1.34SL:** kích thích sinh trưởng/ cải xanh, nho, lúa **1.34WP:** kích thích sinh trưởng/ cải xanh, cây cảnh, hoa mai **10SG:** Kích thích sinh trưởng/ dưa hấu, lúa, nho, cải xanh, xoài, cà phê, nhãn, quýt **10TB:** Kích thích sinh trưởng/ dưa hấu, nho, nhãn, quýt, cải xanh, xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zhigip 4TB	kích thích sinh trưởng/ rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
20	Gibberellic acid (1.8% GA4 + 1.8% GA7)	TT A7 3.6EC	Kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
21	Gibberellic acid (A4, A7)	Gib-47 2% PA	Kích thích sinh trưởng/thanh long, cam, bưởi	Công ty TNHH Gap Agro
22	Gibberellic 0.3g/kg (0.5g/l), (0.5g/kg) + [N 10.7g/kg (10.5g/l), (10.5g/kg) + P_2O_5 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + K_2O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng]	Yomione 31GR, 51SL, 51WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
23	Gibberellic acid 0.3g/kg (0.4g/l), (0.4g/kg) + N 10.7g/kg (10.6g/l), (10.6g/kg) + P_2O_5 10g/kg (10g/l), (10g/kg) + K_2O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng	Lucasone 31GR, 41SL, 41WP	kích thích sinh trưởng/vải	Công ty CP Vagritex
24	Gibberellin 10% + Calciumglucoheptonate 6% + Boric acid 2%	Napgibb 18SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, bưởi	Công ty TNHH Đồng Bằng Xanh

25	Gibberellic acid 20g/l + Cu 50g/l + Zn 50g/l + Fe 40g/l + Mg 30g/l + Mn 10g/l	Sitto Keelate rice 20SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
26	Gibberellic acid 20g/l + Cu 36g/l + Zn 50g/l + Mg 16g/l + Mn 16g/l + B 1g/l + Mo 1g/l + Glysine amino acid 40g/l	Sitto Give-but 18 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
27	Gibberellic acid 1g/l + NPK 9 g/l + Vi lượng	Lục diệp tố 1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu tương, chè	Viện Bảo vệ thực vật
28	Gibberellic acid 1% + 5% N+ 5% P_2O_5 + 5% K_2O	Super sieu 16 SP, 16 SL	**16SP:** kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, cà chua, đậu côve, bắp cải, chè **16SL**: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có múi, nhãn, xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
29	Hymexazol (min 98%)	Higro 30WP	Kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Tachigaren 30 SL	điều hoà sinh trưởng/ lúa, hoa cúc; héo vàng/dưa hấu, chết cây con do nấm/lạc	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
30	Mepiquat chloride (min 98%)	Animat 40SL	kích thích sinh trưởng/ lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Mapix 40SL	kích thích sinh trưởng/ bông vải; điều hoà sinh trưởng lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
31	Nucleotide (Adenylic acid, guanylic acid, cytidylic acid, Uridylic acid)	Anikgold 0.5SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Sunsuper 0.5SL	kích thích sinh trưởng/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
32	Nucleotide 0.4 g/kg (0.5g/l) + Humic acid 3.4 g/kg (4g/l)	Subaygold 3.8GR, 4.5SL	**3.8GR:** Kích thích sinh trưởng/ chè, dưa chuột, lúa **4.5SL**: Kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
33	1-Naphthylacetic acid (NAA)	RIC 10WP	kích thích sinh trưởng/ cà phê; điều hoà sinh trưởng/chanh leo, cà chua, lúa, quýt, hồ tiêu, hoa hồng, nho	Công ty TNHH DV KH KT Khoa Đăng
34	α-Naphthyl Acetic Acid 0.5% (α-N.A.A) + β-	Vipac 88SP	dùng để xử lý hạt (ngâm) và dùng để phun cho lúa; kích thích sinh trưởng/ ngô, cà phê, hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

	Naphthoxy Acetic Acid 0.5% (β-N.A.A)			
35	α-Naphthyl Acetic Acid (α-N.A.A) 2.5% + β-Naphthoxy Acetic Acid (β-N.A.A) 2.5%	Viprom 5SP	dùng để chiết cành hồ tiêu, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
36	α-Naphthyl Acetic Acid 0.3% (α-N.A.A) + β-Naphthoxy Acetic Acid 0.3% (β-N.A.A)	Vikipi 0.6SP	kích thích sinh trưởng ra hoa, đậu quả/ xoài**,** cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
37	β-Naphthoxy Acetic Acid	ViTĐQ 40SL	kích thích sinh trưởng**,** tăng đậu quả/ cà chua, nhãn, kích thích tăng đậu quả/ điều; kích thích sinh trưởng/ ngô, cà phê, hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
38	α-Naphthalene Acetic Acid (α-N.A.A)	Flower-95 0.3 SL	kích thích sinh trưởng/ xoài, sầu riêng, nhãn, lúa	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		HD 207 1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Hợp chất ra rễ 0.1 SL	kích thích ra rễ, giâm cành, chiết cành/ cam, hoa hồng	Công ty CP Lion Agrevo
39	Oligoglucan	Enerplant 0.01 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa, cà chua, đậu Hà Lan, dâu tây, chè, mía	Công ty TNHH Ngân Anh
40	Paclobutrazol (min 95%)	Atomin 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lạc, lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Baba-X 15WP	điều hòa sinh trưởng/ khoai lang	Công ty TNHH SX và TM RVAC
		Baclolac 250SC	kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Bidamin 15WP, 250SC	**15WP**: kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc **250SC:** kích thích sinh trưởng/ lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bonsai 10 WP, 25SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
		BrightStar 25 SC	điều hoà sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Dopaczol 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Farm-paclo 250SC	kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty CP Global Farm
		Horizon 15WP	Điều hòa sinh trưởng/lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Hypac 250SC	Điều hòa sinh trưởng/lúa	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.

		Kihora 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Nguyên liêu NN Mekong
		Lunar 150WP	kích thích sinh tưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Newbosa 150WP, 250SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Paclo 15WP, 15SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Palove gold 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Parlo 20WP, 25SC	**20WP**: Điều hòa sinh trưởng/ lúa, vừng **25SC:** Kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Paxlomex 15WP, 15SC	**15WP:** kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc **15SC**: kích thích sinh trưởng/ lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Propac 20WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
		Sài gòn P1 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Stopgrowth 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Super Cultar Mix 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Ngân Anh
		Toba-Jum 20WP	kích thích sinh trưởng/ lạc	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Zuron 150WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
41	Phthalanilic acid (min 97%)	Phthalax 20SL	kích thích sinh trưởng/đậu tương	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
42	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá cây vải *(Litchi chinesis sonn)*	Chocaso 0.11 SL	kích thích sinh trưởng/ chè, lúa	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
43	Polyphenol chiết xuất từ cây hoa hoè (*Sophora japonica* L. Schott)	Lacasoto 4SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, sắn, đậu tương, khoai lang, khoai tây, ngô, lạc	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
44	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá, vỏ thân cây xoài *(Mangifera indica L)*	Plastimula 1SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, dưa chuột, bắp cải, cà chua, cải xanh, đậu tương, ớt, cà rốt, đậu xanh; xử lý hạt giống để tăng sức đề kháng của cây lúa đối với bệnh vàng lùn do virus	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
45	Prohexadione calcium (min 95%)	Biolight 100WP	Điều hoà sinh trưởng/lạc	Công ty CP BVTV ATC

46	Pyraclostrobin (min 95%)	Headline 100CS, 200FS, 250EC	**100CS:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm vòng/ cà chua, phấn trắng/dưa chuột **200FS:** Xử lý hạt giống điều hoà sinh trưởng/ ngô **250EC:** kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, đậu tương, lạc	BASF Vietnam Co., Ltd
		Pyrolax 250EC	kích thích sinh trưởng/ lạc, thán thư/ cà phê, hồ tiêu	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Toga 250EC	kích thích sinh trưởng/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Throne 250EC	kích thích sinh trưởng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
47	Pyraclostrobin 133g/l + Epoxiconazole 50g/l	Opera 183SE	Kích thích sinh trưởng/ lạc, cà phê, khô vằn/ ngô, thán thư/ hồ tiêu	BASF Vietnam Co., Ltd.
48	Sodium-5-Nitroguaiacolate 3g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 6g/l + Sodium-P- Nitrophenolate 9g/l	Atonik 1.8SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, hoa, cây cảnh	Công ty TNHH ADC
49	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.9%	ACXONICannong 1.8SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ausin 1.8 EC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
		Gonik 1.8 SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Katonic-TSC 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
50	Sodium-5-Nitroguaiacolate 6g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 12g/l + Sodium-P-Nitrophenolate 18g/l	Better 3.6SL	kích thích sinh trưởng/ lạc, hoa hồng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
51	Sodium-O-Nitrophenolate 0.71% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.46% + Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.23%	Alsti 1.4 SL	kích thích sinh trưởng/ hoa hồng, lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao

52	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.7%	Kithita 1.4 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
53	Sodium-P-nitrophenolate 9g/l + Sodium-O-nitrophenolate 6g/l + Sodium-5-nitroguaiacolate 3g/l + Salicylic acid 0.5g/l	AGN-Tonic 18.5SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
54	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.3% + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.9% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.15%	Daiwanron 1.95SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Futai
		Dotonic 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Jiadonix 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
55	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.085% (3g/l) + Sodium-O-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.185% (6g/l) + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.285% (9g/l) + Sodium-2,4 Dinitrophenol 0.035% (1.5g/l)	Litosen 0.59 GR, 1.95EC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
56	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 3.45g/l + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 6.9g/l + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 10.35g/l + Sodium-2,4 Dinitrophenol 1.73g/l	Ademon super 22.43SL	Xử lý hạt giống để kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Dekamon 22.43 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	P.T.Harina Chemicals Industry

57	1-Triacontanol (min 90%)	Tora 1.1SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, ngô, ớt, xoài, hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
58	Uniconazole (min 90%)	Sarke 5WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Stoplant 5WP	điều hoà sinh trưởng/ lúa, lạc	Công ty CP Đồng Xanh
6. Chất dẫn dụ côn trùng :				
1	Methyl Eugenol	Jianet 50EC	ruồi đục quả/ roi, dưa hấu	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
2	Methyl Eugenol 75% + Dibrom 25%	Vizubon D AL	ruồi đục quả/ bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Methyl Eugenol 85% + Imidacloprid 5%.	Acdruoivang 900 OL	ruồi đục quả/ cây có múi	Công ty TNHH MTV Lucky
4	Methyl Eugenol 75% + Naled 25%	Dacusfly 100SL	ruồi đục quả/thanh long	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
5	Methyl Eugenol 90% + Naled 5%	Flykil 95EC	ruồi đục quả/ ổi	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
6	Methyl Eugenol 900g/l + Naled 50g/l	T-P Nongfeng 950SL	ruồi đục quả/ nhãn	Công ty TNHH TM Thái Phong
7	Methyl Eugenol 700g/l + Propoxur 100 g/l	Dr.Jean 800EC	ruồi đục quả/ cam	Công ty TNHH US.Chemical
8	Protein thuỷ phân	Ento-Pro 150SL	ruồi hại quả/ cây có múi, mận, đào, ổi, vải, doi, hồng, thanh long, táo, lê, đu đủ, khế, na, quất hồng bì, mướp, mướp đắng, hồng xiêm, gấc, bí đỏ, trứng gà, bí xanh, cà, ớt	Viện Bảo vệ thực vật
7. Thuốc trừ ốc:				
1	Cafein 1.5% + Nicotine Sulfate 0.3% + Azadirachtin 0.08%	Tob 1.88GR	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cải bó xôi	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
2	Metaldehyde (min 98.5%)	Andolis 120AB, 190BB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anhead 12GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Assail 12.5GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		BN-Meta 18GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Bolis 12GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC

		Bombay-ấn độ 13BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
		Bosago 12AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Boxer 15GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Corona 6GR, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Cửu Châu 15GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Duba 155GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Helix 15GB, 500WP	**15GB:** ốc bươu vàng/ lúa **500WP**: ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cây cảnh	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Honeycin 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Kill snail 10GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex
		MAP Passion 10GR	ốc bươu vàng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
		Metalix 180AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Milax 100GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Moioc 6GR, 12AB	**6GR:** ốc bươu vàng/ lúa **12AB:** ốc sên/phong lan	Công ty CP Đồng Xanh
		Molucide 6GB, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Notralis 18GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Octigi 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Oxout 60AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Kim Điền Mekong
		Osbuvang 15GR, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Passport 6AB, 300GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Pilot 15AB, 500WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Snail Killer 12RB, 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

		Sneo-lix 120AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Tatoo 150AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Tomahawk 4GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Toxbait 120AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		T-P odix 120GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		TRIOC annong 12WG, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Trumso 222AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tulip 15AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Yellow-K 12GB, 250SC	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
3	Metaldehyde 145 g/kg + Abamectin 5 g/kg	Capover 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
4	Metaldehyde 4.5% + Carbaryl 1.5%	Superdan 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
5	Metaldehyde 7% + Carbaryl 3%	Mecaba 10GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
6	Metaldehyde 10% + Carbaryl 20%	Omega-Snail 30GR	Ốc sên/ phong lan	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
7	Metaldehyde 40% + Carbaryl 20%	Kiloc 60WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
8	Metaldehyde 10% + Niclosamide 20%	MAP Pro 30WP	ốc bươu vàng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
9	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 690g/kg	Capgold 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
10	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 740g/kg	Pizza 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
11	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide 700g/kg	Radaz 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Delta Cropcare

12	Metaldehyde 6g/kg (1g/kg), (152g/kg), (1g/l) + Niclosamide 6g/kg (704g/kg), (1g/kg), (255g/l)	Vịt Đỏ 12BR, 705WP, 153GR, 256EW	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
13	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	TT-occa 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
14	Metaldehyde 400g/kg + Niclosamide-olamine 175g/kg	Goldcup 575WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
15	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide 500g/kg	Starpumper 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
16	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide-olamine 500g/kg	Npiodan 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
17	Metaldehyde 100g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	E-bus 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
18	Metaldehyde 8g/kg + Niclosamide-olamine 880g/kg	Robert 888WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
19	Metaldehyde 140g/kg + Pyridaben 10g/kg	Octhailane 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
20	Niclosamide (min 96%)	Ac-snailkill 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội
		Aladin 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Anpuma 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Apple 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Awar 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Baycide 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Bayluscide 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Bayoc 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông

		BenRide 250 EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Blackcarp 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Boing 250EC, 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Catfish 70 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Daicosa 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Futai
		Dioto 250 EC	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Duckling 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Hn-Samole 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Honor 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Jia-oc 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kit - super 700WP	ốc bươu vàng/ lúa, rau cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Laobv 75WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Miramaxx 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
		Molluska 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Morgan star 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Mossade 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Niclosa 850WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
		No-ocbuuvang 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Notrasit-neo 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		NP snailicide 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Ốc usa 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
		OBV-α 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Oc clear 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SAM

		Oosaka 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Ockill 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Ốc-ôm 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đông Nam Đức Thành
		Ossal 500SC, 700WP, 700WG	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Pazol 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Pisana 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Prize 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sieu naii 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Snail 250EC, 500SC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Sun-fasti 25EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Sundat (S) Pte Ltd
		Topsami 871WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Transit 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-snailtagold 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tung sai 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vdcsnail new 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Viniclo 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		VT-dax 10GR, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Znel 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
21	Niclosamide 700g/kg + Abamectin 20g/kg	OBV gold 720WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
22	Niclosamide 720g/kg + Abamectin 30g/kg	Lino sachoc 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Liên nông Việt Nam
23	Niclosamide 745g/kg + Abamectin 5g/kg	Caport 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
24	Niclosamide 757 g/kg + Abamectin 20g/kg	Antioc 777WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam

25	Niclosamide 500g/kg + Carbaryl 200 g/kg	Brengun 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
26	Niclosamide 680g/kg + Carbaryl 22g/kg	Oxdie 702WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
27	Niclosamide 700g/kg + Pyridaben 50g/kg	Ocindia 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
28	Niclosamide-olamine (min 98%)	Amani 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		BN-Nisa 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Chopper 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP TM Hải Ánh
		Clodansuper 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dioto 830WG	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dobay 810WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Morningusa 870WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Ocny 555SC, 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Queenly 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Kiên Nam
		Sachoc TSC 850WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Startac 250 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Tanthanh-oc 250SC, 760WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Truocaic 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
29	Niclosamide-olamine 500g/l + Abamectin 20g/l	Cửu Châu Nghệ 520SC	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
30	Niclosamide-olamine 780g/kg + Abamectin 20g/kg	Bayermunich-đức 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
31	Saponin	Abuna 15GR	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cải xanh; ốc nhớt, ốc sên /cải củ, súp lơ	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Anponin 150SB, 150WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

			Asanin 15WP, 15GR, 35SL	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
			Bai yuan 15SB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH SX TM DV Hải Bình
			Dibonin super 15WP	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên, ốc nhớt/ cải xanh	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Espace 15WP, 21.5BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
			Golfatoc 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
			Maruzen Vith 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thăng
			Morgan 200BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
			Nomain 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Occa 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
			O.C annong 150 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Ốc tiêu 15 GR	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên, ốc nhớt/ cải xanh	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			Parsa 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
			Pamidor 50 WP, 150BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV SX TM XNK Hung Xiang (Việt Nam)
			Phenocid 20 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Được Mùa
			Raxful 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Rumba 15BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
			Sabonil 15GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hoá nông An Giang
			Safusu 20AP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Long Sinh
			Sapo 150WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Sapoderiss 70%BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Phước Hưng
			Saponolusa 150BR, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
			Saponular 15 GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam

		Soliti 15 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Super Fatoc 150WP, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Teapowder 150 BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Thiocis 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hoá nông Mỹ Việt Đức
		Tranin super 18WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
8. Chất hỗ trợ (chất trải):				
1	Azadirachtin	Dầu Nim Xoan Xanh Xanh 0.15EC	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu tơ/ cải bắp; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ mốc sương/ khoai tây	Công ty TNHH Ngân Anh
2	Chất căng bề mặt 340g/l + dầu khoáng 190g/l + Ammonium sulphate 140g/l	Hot up 67SL	làm phụ trợ cho nhóm thuốc trừ cỏ sau nảy mầm không chọn lọc; làm tăng hiệu quả diệt cỏ	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
3	Esterified vegetable oil	Hasten® 70.4SL	tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ cỏ chọn lọc sau nảy mầm/ lúa thuộc nhóm sulfonyl urea, cyclohexanedion, bipyridilium; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ sâu thuộc nhóm pyrethroid, carbamate; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ bệnh/ cây trồng thuộc nhóm triazole.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Rocten 748SL	tăng hiệu quả của thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên cây lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
4	Esters of botanical oil	Subain 99SL	hỗ trợ thuốc trừ sâu nhóm: Carbamate (rầy nâu/ lúa), Lân hữu cơ (sâu cuốn lá/ lúa), Pyrethroid (sâu xanh/ rau cải); hỗ trợ thuốc trừ bệnh nhóm: Triazole (khô vằn/ lúa); hỗ trợ thuốc trừ cỏ nhóm: Sulfonyl urea (cỏ/lúa)	Công ty CP Multiagro
5	Trisiloxane ethoxylate	Enomil 30SL	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ	Công ty CP Enasa Việt Nam
II. THUỐC TRỪ MỐI:				
1	Beta-naphthol 1% + Fenvalerate 0.2%	Dầu trừ mối M-4 1.2SL	trừ mối trong bảo quản gỗ	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

2	Bistrifluron (min 95%)	Xterm 1%	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hoá chất Sumitomo Việt Nam
3	Chlorantraniliprole (min 93%)	Altriset® 200SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
4	Chlorfenapyr (min 94%)	Mythic 240SC	mối/ công trình xây dựng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Pekamoi 250SC	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Ozaki 240SC	mối/công trình xây dựng, đê điều	Công ty TNHH Đầu tư và PT Ngọc Lâm
5	Chlorfluazuron (min 94%)	Requiem 1 RB	mối/công trình xây dựng	Ensystex Australasia Pty Ltd.
6	Disodium Octoborate Tetrahydrate	Bora-Care 40SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH TM DV Toàn Diện
7	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	$Wopro_2$ 10FG	mối/ công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
8	Fenvalerate (min 93%)	Wazary 10SC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hoá chất Sumitomo Việt Nam
9	Hexaflumuron (min 95%)	Mobahex 7.5 RB	mối/ công trình xây dựng	Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình
		Sentricon® HD 0.5RB	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
10	Imidacloprid (min 96%)	Hunter 50SC	mối/công trình xây dựng, đê điều	Công ty TNHH ĐT và PT Ngọc Lâm
		Imi.moi 250SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Mantra TC 30.5SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa sinh Vinchem
		Premise 200SC	mối/công trình xây dựng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Termize 200SC	mối/ công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
11	*Metarhizium anisopliae* var. *anisopliae (*M2 & M5 10^8 - 10^9 bào tử/g), (M1 & M7 10^8 - 10^9 bào tử/ml)	Metavina 10DP, 80LS	**10DP:** mối/ đê, đập, công trình kiến trúc, công trình xây dựng, nhà cửa, kho tàng **80LS:** mối/ đê, đập	Công ty CP Công nghệ Sinh Thái Việt
12	Permethrin (min 92%)	Map boxer 30EC	mối/ công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd

13	Na_2SiF_6 50% + H_3BO_3 10% + $CuSO_4$ 30%	PMC 90 DP	mối hại cây lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
14	Na_2SiF_6 80% + $ZnCl_2$ 20%	PMs 100 CP	mối hại nền móng, hàng rào quanh công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN:				
1	Cypermethrin (min 90%)	KAntiborer 10EC	mọt/ gỗ	Behn Meyer Specialty Chemical Sdn Bhd.
2	Deltamethrin (min 98%)	Cease 25EC	mọt/ gỗ	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Cislin 2.5EC	mọt/ gỗ	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
3	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	$Wopro_1$ 9AL	mối/ gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
4	$CuSO_4$ 16% + CuO 2% + $K_2Cr_2O_7$ 2%	M_1 20LA	con hà hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
5	$CuSO_4$ 80% + $K_2Cr_2O_7$ 18% + CrO_3 2%	CH_G 100SP	con hà, nấm mục hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
6	$CuSO_4$ 50 % + $K_2Cr_2O_7$ 50 %	XM_5 100 SP	nấm, mục, côn trùng hại tre, gỗ, song, mây	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
7	$ZnSO_4 .7H_2O$ 60% + NaF 30%	LN_5 90 SP	nấm, mục, côn trùng hại gỗ sau chế biến, song, mây, tre	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
IV . THUỐC KHỬ TRÙNG KHO:				
1	Aluminium Phosphide (min 83%)	Alumifos 56% tablet	khử trùng kho	Asiagro Pacific Ltd
		Celphos 56% tablets	sâu mọt hại kho tàng	Excel Crop Care Limited
		Mephos 56TB	Côn trùng/ nông sản	Mebrom Ltd
		Phostoxin 56% viên tròn, viên dẹt	côn trùng, chuột hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Quickphos 56% TB	sâu mọt hại kho tàng, nông sản	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Sanphos 56TB	Mọt gạo/kho	Công ty CP Trừ mối khử trùng
2	Magnesium phosphide (min 88%)	Magtoxin 66 tablets, pellet	sâu mọt hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Magnophos 56% Plate	Mọt/ kho thuốc lá	Công ty TNHH UPL Việt Nam
3	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Actellic® 50EC	sâu mọt hại kho tàng, mọt kho bảo quản/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

V. THUỐC SỬ DỤNG CHO SÂN GOLF.				
1. Thuốc trừ bệnh:				
1	Metalaxyl-M (min 91%)	Subdue Maxx® 240SL	héo rũ tàn lụi/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Propiconazole (min 90%)	Banner Maxx® 156EC	đốm nâu/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ cỏ:				
1	Trifloxysulfuron-sodium (min 89%)	Monument® 100OD	cỏ/ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3. Thuốc điều hoà sinh trưởng:				
1	Trinexapac-Ethyl (min 94%)	Primo Maxx® 120SL	điều hoà sinh trưởng/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
VI. THUỐC XỬ LÝ HẠT GIỐNG				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Cyantraniliprole 240g/l + Thiamethoxam 240g/l	Fortenza® Duo 480FS	Xử lý hạt giống trừ sâu keo mùa thu, sâu xám/ ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Dinotefuran 25% + Hymexazol (min 98%) 15%	Sakura 40WP	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
3	Imidacloprid (min 96%)	Barooco 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Dimida 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Gaucho 70 WS, 600FS	**70WS:** Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ, ruồi/ lúa; Xử lý hạt giống trừ sâu chích hút bông vải; Xử lý hạt giống trừ sâu trong đất/ ngô **600FS:** Xử lý hạt giống trừ rệp/ bông vải, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; xử lý hạt giống trừ rệp muội/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Gaotra 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
4	Imidacloprid 300g/kg + Metconazole 360g/kg	Kola gold 660WP	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Obawin 660WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

5	Imidacloprid 370g/l + Metconazole 300g/l	London-anh quốc 670FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
6	Imidacloprid 233 g/l + Tebuconazole 13 g/l	Hektor 246FS	Xử lý hạt giống trừ sâu xám/ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
7	Thiamethoxam (min 95%)	Cruiser® 350FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy xanh, rệp/ bông vải; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ ngô; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		DN Affara 25WG	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Reno 350FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
8	Thiamethoxam 300g/l + Azoxystrobin 50g/l + Prochloraz 62.5g/l	Pre-pat 412.5FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông Tín AG
9	Thiamethoxam 250g/l + Difenoconazole 75g/l	Anrusher 325FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
10	Thiamethoxam 262.5g/l + Difenoconazole 25g/l + Fludioxonil 25g/l	Cruiser Plus® 312.5FS	Xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, rầy nâu, rầy lưng trắng, lúa von/ lúa; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ ngô; xử lý hạt giống trừ bệnh lở cổ rễ cây con/đậu tương; xử lý hạt giống trừ bệnh chết ẻo cây con/ lạc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Fludioxonil (min 96.8%)	Celest 025FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Fludioxonil 25g/l + Metalaxyl-M 10 g/l	Maxim XL 035 FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh chết cây con/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3	Ipconazole (min 95%)	Jivon 6WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
4	Isotianil (min 96%)	Routine 200SC	Đạo ôn/lúa (xử lý hạt giống), bạc lá/ lúa, héo xanh/ cà chua	Bayer Vietnam Ltd
5	Isotianil 200g/l + Trifloxystrobin 80g/l	Routine start 280FS	Xử lý hạt giống trừ đạo ôn/lúa	Bayer Vietnam Ltd
6	Metconazole (min 94%)	Provil super 10SL	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
7	Metalaxyl-M (min 91%)	Apron® XL 350ES	Xử lý hạt giống trừ bệnh mốc sương (bạch tạng)/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
8	Metalaxyl (min 95%)	Neutral 317 FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh bạch tạng/ ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam

9	Metiram complex 650g/kg + Thiamethoxam 150g/kg	Biwonusa 800WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
10	Oxathiapiprolin (min 95%)	Lumisena^{TM} 200FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh sọc lá/ ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
11	Pefurazoate (min 94%)	Fortissimo 20WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
12	Tebuconazole (min 95%)	Foniduc 450SC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Sforlicuajapane 450SC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
13	Triflumizole (min 99.38%)	Trifmine 15EC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
V. THUỐC BẢO QUẢN NÔNG SẢN SAU THU HOẠCH.				
1	Chlorpropham (min 98%)	Oorja 50HN	Bảo quản/khoai tây	Công ty TNHH UPL Việt Nam

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản.		
1	Aldrin	Aldrex, Aldrite…
2	BHC, Lindane	Beta - BHC, Gamma - HCH, Gamatox 15EC, 20EC, Lindafor, Carbadan 4/4G, Sevidol 4/4G
3	Cadmium compound (Cd)	Cadmium compound (Cd)
4	Carbofuran	Kosfuran 3GR, Vifuran 3GR, Sugadan 30GR, Furadan 3GR
5	Chlordane	Chlorotox, Octachlor, Pentichlor...
6	Chlordimeform	Các loại thuốc BVTV có chứa Chlordimeform
7	DDT	Neocid, Pentachlorin , Chlorophenothane...
8	Dieldrin	Dieldrex, Dieldrite, Octalox ...
9	Endosulfan	Cyclodan 35EC, Endosol 35EC, Tigiodan 35ND, Thasodant 35EC, Thiodol 35ND
10	Endrin	Hexadrin...
11	Heptachlor	Drimex, Heptamul, Heptox…
12	Isobenzen	Các loại thuốc BVTV có chứa Isobenzen
13	Isodrin	Các loại thuốc BVTV có chứa Isodrin
14	Lead (Pb)	Các loại thuốc BVTV có chứa Lead (Pb)
15	Methamidophos	Dynamite 50 SC, Filitox 70 SC, Master 50 EC, 70 SC, Monitor 50EC, 60SC, Isometha 50 DD, 60 DD, Isosuper 70 DD, Tamaron 50 EC...
16	Methyl Parathion	Danacap M 25, M 40; Folidol - M 50 EC; Isomethyl 50 ND; Metaphos 40 EC, 50EC; (Methyl Parathion) 20 EC, 40 EC, 50 EC; Milion 50 EC; Proteon 50 EC; Romethyl 50ND; Wofatox 50 EC ...
17	Monocrotophos	Apadrin 50SL, Magic 50SL, Nuvacron 40 SCW/DD, 50 SCW/DD, Thunder 515DD...
18	Parathion Ethyl	Alkexon , Orthophos , Thiopphos ...
19	Sodium Pentachlorophenate monohydrate	Copas NAP 90 G, PMD_4 90 bột, PBB 100 bột
20	Pentachlorophenol	CMM 7 dầu lỏng
21	Phosphamidon	Dimecron 50 SCW/ DD...
22	Polychlorocamphene	Toxaphene, Camphechlor,
		Strobane

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
23	Trichlorfon (Chlorophos)	Biminy 40EC, 90SP; Địch Bách Trùng 90SP; Dilexson 90WP; Dip 80SP; Diptecide 90WP; Terex 50EC, 90SP; Medophos 50EC, 750EC; Ofatox 400EC, 400WP; Batcasa 700EC; Cylux 500EC; Cobitox 5GR
Thuốc trừ bệnh.		
1	Arsenic (As)	Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng lỏng)
		Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng khác)
2	Captan	Captane 75WP, Merpan 75WP...
3	Captafol	Difolatal 80WP, Folcid 80WP... (dạng bình xịt)
		Difolatal 80WP, Folcid 80WP... (dạng khác)
4	Hexachlorobenzene	Anticaric, HCB... (dạng bình xịt)
		Anticaric, HCB... (dạng khác)
5	Mercury (Hg)	Các hợp chất của thủy ngân (dạng bình xịt)
		Các hợp chất của thủy ngân (dạng khác)
6	Selenium (Se)	Các hợp chất của Selen
Thuốc trừ chuột.		
1		Hợp chất của Tali (Talium compond (Tl))
Thuốc trừ cỏ.		
1	2.4.5 T	Brochtox, Decamine, Veon … (dạng bình xịt)
		Brochtox, Decamine, Veon… (dạng khác)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh